

## MỤC LỤC

CHĂN TRÂU CẮT CỎ.....	2
CÚN.....	11
GIỌT MÁU.....	19
HẠC VỪA BAY VỪA KÊU THẮNG THỐT.....	45
KHÔNG CÓ VUA.....	54
KHÔNG KHÓC Ở CALIFORNIA .....	70
KIẾM SẮC .....	81
MƯA .....	89
MƯA NHÃ NAM .....	98
MUỐI CỦA RỪNG.....	110
NGƯỜI CON GÁI THỦY THẦN.....	118
NHỮNG NGƯỜI THỢ XẼ.....	144
TIỆC XOÈ VUI NHẤT .....	165
TRÁI TIM HỔ .....	169
CHƯƠNG CHI .....	172
TRUYỆN TÌNH KỂ TRONG ĐÊM MƯA.....	182

## CHÂN TRÂU CẮT CỎ

Chùa Kiên Lao làng Hiền Lương là chùa nhỏ. Sư Tịnh ở chùa một mình. Năng hay đến chơi. Mẹ Năng bảo: Năng, mày có duyên với nhà Phật đấy. Năng cười, không nói gì.

Một hôm sư Tịnh bảo:

- Nay Năng, con ở gần ta sáu năm. Nghe ta đọc kinh Phật có hiểu không?

Năng bảo:

- Có chỗ hiểu, có chỗ không hiểu.

Sư Tịnh bảo:

- Ừ!

Sư Tịnh bảo:

- Ngày xưa, Lục tổ nghe kinh Kim Cương, chỉ nghe câu: ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm liền khai ngộ. Câu ấy có nghĩa là: Đừng bám vào cái gì mà để lòng vào. Con có hiểu không?

Năng bảo:

- Con đang nghĩ.

Nói thế nhưng không nghĩ gì. Sư Tịnh bảo:

- Nghĩ đi.

Hôm ấy có sư Diệu Thủy ở chùa Sùng Khánh đến nghe giảng. Sư Diệu Thủy hơn Năng vài tuổi, quê ở Thái Bình, đã học hết phổ thông trung học. Hỏi vì sao đi tu? Sư Diệu Thủy bảo:

- Hồi ấy, trường học tổ chức đi du lịch ở Côn Sơn Kiếp Bạc. Ta đến, thấy các ni cô đang ngồi đóng oản. Không khí trong lành, cảnh chùa đẹp dễ Lòng ta tự dưng rung động. Ta ước ao có ngày cũng được như những người kia. Thế là về nhà, ta lạy chào cha mẹ rồi đi. Năm ấy 17 tuổi.

Sư Tịnh bảo:

- Bằng tuổi Năng bây giờ.

Năng nghĩ:

- 17 tuổi là tuổi gốc ghéch.

Sư Tịnh đọc được ý nghĩ của Năng. Sư Tịnh bảo:

- Không gốc đâu.

Năng đỏ mặt. Năng đã coi thường sư Diệu Thủy chăng?

Sư Tịnh bảo:

- Hôm nay ta kể chuyện này. Lần ấy Lục Tổ đến chùa kia. Mọi người đang nghe giảng kinh, bỗng có ngọn gió thổi đến làm lay động lá phướn. Một thầy tăng nói: Gió động. Một thầy tăng khác nói: Phướn động. Thế là mọi người đua nhau tranh cãi.. Lục tổ bấy giờ mới bước lên nói rằng. Không phải gió động, cũng không phải phướn động. Chỉ có cái tâm của chư vị động mà thôi. Mọi người bấy giờ hết sức ngạc nhiên, tất cả sụp lạy Lục tổ.

Sư Diệu Thủy về, Năng cũng về.

Năng đi qua cánh đồng. Lúa sắp lên đồng nên có mùi thơm ngào ngạt. Trời nắng, thứ nắng đầu mùa hạ, không khô mà dịu.

Thoạt nhiên bỗng mưa bóng mây. Mưa rất nhanh, ào ạt, chỉ khoảng độ năm mười phút. Giữa đồng không mông quạnh, chẳng biết trốn vào đâu, Năng ngồi thụp xuống bờ cỏ, thè mà ướt đầu, ướt áo. Năng nhìn ra xung quanh, màu lúa như sẫm xanh hơn..

Năng đi đến bờ mương ngồi nghỉ. Không nghĩ gì, chỉ nhìn những gợn sóng lăn tăn đều đặn ở trong lòng mương. Nước như đứng lại, không biết chảy ngược hay xuôi. Từ phía phố Huyện có ba người đi đến.

Năng nghĩ:

- Không phải người làng.

Ba người ngồi dưới gốc cây phi lao. Một người béo chừng năm mươi tuổi trải một tờ báo xuống đất, lấy thức ăn trong túi xách đặt lên. Một người gầy cũng lấy trong túi ra mấy hộp bia và hộp nước ngọt. Còn người thứ ba, thấp lùn thì đứng bên cạnh, cầu nhàu:

- Sao không vào quán mà ăn?

Người béo cười:

- Đánh chén ở đây khỏi phiền người ta.

Họ cùng ngồi xuống ăn uống, nói chuyện.

Người gầy nói:

- Ông Trọng tháng mười một này nghỉ hưu.

- Đáng lẽ về từ mấy năm trước nhưng ông ấy khai gian lý lịch để kéo thêm vài năm, ông ấy tuổi Sửu bằng tuổi chú Vượng tôi. Thế mà chú Vượng tôi đã chết được sáu năm rồi.

Người béo nói:

- Ông Trọng về là phải rồi. Cũng đã xây được nhà, con trai con gái đều đã lấy vợ lấy chồng. Thế là vinh thân phì gia, có của ăn của để.

Người thấp lùn nói:

- Con gái bà chị tôi là con dâu ông Trọng, lấy thằng Diễm. Hai vợ chồng nó đều dạy học ở thị xã, lại có cửa hàng ở chợ, thuê người bán hàng. Sống sung túc lắm.

Người gầy nói:

- Ông Trọng về nghỉ hưu thì ai lên thay chức ông ấy?

Người thấp lùn nói:

- Chắc lại ông Trung vẫy cánh của ông ấy thôi.

Người béo nói:

- Tôi đâm ra nghiện cái nước giải khát Coca Cola.

Câu chuyện kéo dài, mỗi người nói một câu rồi họ đứng lên đi về phía Năng.

Năng về nhà. Cơm nước xong thì mẹ Năng bảo:

- Năm nay con có định thi vào Đại học không?

Năng bảo:

- Thôi mẹ ạ, con ngại học lắm. Con cũng không muốn xa mẹ.

Mẹ Năng cười:

- Anh tưởng anh còn bé à. Đi ra đời mà học khôn chứ!

Bố Năng bảo:

- Khôn dại làm quái gì! Cứ làm anh nông dân là tốt! Kệ nó! Nó lớn rồi nó biết nghĩ.

Năng lên giường nằm... Giấc ngủ kéo đến dịu êm và nhẹ nhàng. Trong giấc ngủ, Năng cảm thấy mình đang phiêu du ở đâu ở đâu..

Buổi sáng, Năng dậy đi cắt cỏ trâu. Mang theo cái liềm với đôi quang gánh. Dọc theo bờ sông là bãi ngô với bãi mía. Năng cũng không biết cảnh vật ở đây đẹp hay không đẹp. Bây giờ ở Hà Nội người ta làm gì, ở New York người ta làm gì, ở Tôkyô người ta làm gì? Năng cảm thấy mình đã ở những nơi ấy, thậm chí thuộc lòng từng khu phố một. Cắt cỏ chỉ hơn tiếng đồng hồ. Cỏ mọc rất thơm nhưng trâu không ăn. Sao trâu lại chỉ ăn cỏ gừng cay mà khô, chỉ ăn cỏ cật rập và ngựa, cỏ hằm là thứ cỏ dai ngoách?.

Năng rẽ vào chùa. Sư Tịnh đang ngồi một mình, tựa như đang ngủ. Năng đặt nhẹ gánh cỏ xuống dưới gốc nhãn rồi nhẹ bước đi vào mà sư vẫn biết.

Sư Tịnh bảo:

- Năng đây à?

- Vâng.

Sư Tịnh:

- Đi cắt cỏ à?

- Vâng.

Sư Tịnh:

- Có chuyện gì không?

- Không.

Sư Tịnh:

- Đang nghĩ gì?

Năng giật mình. Nghĩ gì? Có cần phải nghĩ một điều gì không?

Sư Tịnh bảo:

- Mỗi giây nghĩ đều không ngưng trệ. Sống. Biến đổi. Như dòng nước. Như mây bay. Như máu chảy.

Có khách đến. Khách là ông giáo Hội. ông giáo Hội cũng là người làng.

Sư Tịnh hỏi:

- Ông giáo hôm nay không lên lớp à?

Ông giáo Hội cười, lộ chiếc răng khểnh.

Ông giáo Hội bảo:

- Bạch thầy, hôm nay tôi không có giờ. Chẳng là có chai rượu của cậu học trò mang biếu. Nghĩ uống rượu một mình buồn nên mang lên chùa uống với thầy. Có được không ạ?

Sư Tịnh bảo:

- Được.

Uống rượu một lúc, ông giáo Hội bảo:

- Tôi là người phạm phu, trông lên Phật kính nhi viễn chi. Không dám đến gần. Tửu cũng ham, sắc cũng ham, danh lợi cũng ham. Biết là xấu mà không bỏ được. Bằng tuổi này đau đớn ê chề đủ cả. Nếu bằng tuổi thằng Năng bây giờ, tôi không gần đàn bà - đấy là toàn những bộ xương khô. Tôi không đọc sách báo - đấy toàn là thuốc ngủ, tôi không làm bạn bè với ai - đấy toàn là yêu quái.

Sư Tịnh cười:

- Thế ông làm gì?

Ông giáo Hội không trả lời, hỏi vu vơ:

- Thế sống là chạy đuổi theo thói xấu với người xấu à?

Năng chào sư Tịnh và ông giáo Hội về nhà.

Sư Tịnh bảo:

- Tùy duyên, sao lại phân biệt tốt xấu để cho đau lòng?

Năng gánh cỏ. Năng thấy gánh cỏ một bên nặng, một bên nhẹ. Để cân bằng phải lệch đòn gánh một bên. Gánh thế không đi xa được nhưng may từ chùa về nhà chỉ dăm trăm thước. Trâu đang đợi cỏ, thấy Năng về vẩy đuôi rồi rít. Năng đang cho trâu ăn cỏ thì chị Thư đến. Chị Thư là thủ quỹ của xóm chuyên đi thu tiền. Mẹ Năng ra tiếp.

Chị Thư bảo:

- Cháu đến thu tiền điện. Tiền điện tháng này của nhà hết 28 ngàn đồng. Tiền góp cho lễ Thánh mỗi nhà 5 nghìn đồng. Tiền tiêm chó 3 ngàn đồng. Cả thấy 36 ngàn đồng.

Mẹ Năng cười ngượng ngịu:

- Cả nhà còn mỗi 30 ngàn đồng. Hay tao bảo thằng Năng mang con gà ra chợ bán?

Chị Thư bảo:

- Con gà nhà mấy cân?

Mẹ Năng bảo:

- Làm gì mấy cân? Con gà ri trứng đẻ cứ vỡ. Bán giỏi lắm chắc được 15 ngàn đồng.

Chị Thư bảo:

- Thím bắt ra đây cho cháu xem nào. Đăng nào cháu cũng phải đi chợ mua thức ăn đãi khách ủy ban. Nếu thấy được thì cháu duyệt luôn. Nhất cử lưỡng tiện. Khỏi phải ra chợ.

Mẹ Năng đi bắt gà.

Năng bảo:

- Con đánh trâu ra đồng cày. Được không mẹ?

Chị Thư bảo:

- Thằng Năng đảm việc thật. Về sau cô nào lấy được cậu ấy thì sướng cả đời.

Năng đỏ mặt. Nghĩ đến ông giáo Hội bảo đàn bà là đồng xương khô lại bật cười. Người đàn bà nào gắn với số phận của Năng liệu có sướng không?

Năng vác cày, đánh trâu ra đồng. Năng nhìn theo dấu con trâu bước đi chậm rãi.

*Sinh ra là kiếp con trâu*

*Suốt đời tắm tối dãi dầu nắng mưa*

*Thân tôi cổ cày vai bừa*

*Nào từng buộc, nào mỗ khua rộn ràng*

*Xin ông, ông xử nhẹ nhàng*

*Tôi xin nộp đủ thóc vàng cho ông*

*Chú ghé tơ có độ chiếc răng*

*Còn chưa vục được, ông đừng vục roi*

*Tôi biết thân biết phận tôi rồi  
Tôi không hé miệng nửa lời với ai  
Gác sừng, rọ mõm, vênh lai  
Cẩn rơm cẩn cỏ lạy ngài lượng cho  
Đêm năm canh tiết bốn mùa  
Chuông xiêu, mái dột gió lùa vẫn cam  
Ai ơi bưng bát cơm vàng  
Xót thương trâu đứng bên đàng lẻ loi  
Khi nào trâu giết tế Trời  
Miếng thịt bùi ngùi trâu hồi là trâu...*

Năng cày ruộng. Năng biết cày hết thửa ruộng cũng phải quá trưa nhưng Năng không vội. Nước xâm xấp bờ. Con trâu im lặng, lầm lũi như đang nghĩ ngợi, khắc đi khắc đến. Năng cũng im lặng, chăm chú vào việc lái cày cho thẳng. Đất lật sang một bên thành từng hàng như sóng. Năng cố gắng để không nghĩ ngợi, không xét đoán. Chợt nhớ sư Tịnh có lần khuyên rằng không nên xét đoán hay dở, đúng sai, xấu tốt. Ta đã chắc gì mình ở đâu, ở đâu?

Năng cày một mình không nghỉ. Đứng bóng thì xong thửa ruộng, đánh trâu xuống sông tắm mát. Năng lấy cỏ kỳ cọ cho trâu. Con trâu dim mắt lại. Năng bơi một lát, thấy đói cồn cào.

Năng về nhà. ăn cơm xong thấy ông giáo Hội ngật ngưỡng xiêu vẹo đi vào. Ông giáo Hội bảo:

- Cho bác nghỉ nhờ ở đây một lát. Về nhà thấy toàn những khuôn mặt cũ, chán lắm!

Năng bật cười. Nhà ông giáo Hội có tiếng nền nếp: vợ đảm đang, những đứa con rất ngoan, hiền lành, nhà cửa khang trang, ngăn nắp. Ông giáo Hội nằm vông. Ông giáo Hội bảo:

- Lúc nãy ở chùa nói chuyện với sư, giật mình nghĩ lại thấy mấy chục năm nay mình đi dạy học, dạy trẻ con toàn thứ láo khoét. Phen này xuống ngục A-tỳ là chắc. Thôi ngày mai bỏ về cày ruộng.

Ông giáo Hội nói xong thì ngủ.

Năng không nói gì. Năng biết ông giáo Hội chỉ nói thế thôi, ngày mai sẽ lại lên lớp dạy học như thường. Năng đã nghe ông



giáo Hội nói thế không phải một lần. Có lần ông giáo Hội bảo trường học là nơi tu hành theo lối hướng lạc.

Năng ra đồng. Lại phải đi cắt cỏ cho trâu. Mẹ Năng bảo:

- Bố mày ra đình từ sáng. Ngày mai làng tế Thành hoàng.

Sớm hôm sau, mới gà gáy nhà Năng đã dậy. Cả những nhà bên cũng thế. Mẹ Năng thổi xôi, luộc thịt. Năng tắm gội sạch sẽ rồi ra đình làng. Hôm nay hội đình, việc này đã được chuẩn bị từ hơn tháng trước. Các cụ ông, cụ bà ở trong đội tế đã thay áo quần, tề tựu cả. Đám thanh niên gồm mười tám trai tân với mười tám gái tân cùng chuẩn bị nhập hội tế.

Năng cũng ở trong số này.

Năng vào phòng hóa - trang thay quần áo. Hội đình năm nào cũng diễn sự tích của Thành hoàng làng. Chuyện rằng ngày xưa Trời làm hạn hán, ở dưới mặt đất dân tình đói khổ. Dân làng theo một chàng trai bắc thang đánh Trời. Trời sai Thiên Lôi mang sấm sét thiên la địa võng đánh lại. Ba lần chàng trai đều thắng Thiên Lôi. Cuối cùng Trời phải làm mưa, dân tình thoát khỏi tai nạn hạn hán. Chàng trai cùng dân làng vui vẻ cày bừa, trở lại cuộc sống bình thường. Nhưng Thiên Lôi đợi khi chàng trai không đề phòng thì tới đánh lén. Khi chàng trai chết, dân làng đã thờ chàng làm Thành hoàng.

Khoảng 9 giờ sáng bắt đầu hội tế. Người đông nghìn nghịt sân đình. Cờ, hoa, các mâm lễ vật bày la liệt. Không khí náo nhiệt. Năng cùng đám thanh niên vác những cái thang ngắn ra giữa sân đình. Điệu múa thang đã được tập luyện công phu từ mấy tháng trước. Câu chuyện cũ được diễn lại rất tao nhã, đẹp mắt và sôi nổi. Năng cầm thang đứng trong đội múa khi tiến, khi lùi, rẽ ngang, rẽ trái đều theo nhịp trống. Các ông già đóng vai Thiên Lôi và sấm sét cầm đao búa, kiếm kích cũng tiến cũng lùi, rẽ phải trái theo nhịp trống. Trận đánh diễn ra theo những nghi lễ ước lệ. Năng thấy bố mình cũng đóng vai một tướng nhà Trời. Trông ông rất hung dữ, khác hẳn với lúc bình thường.

Năng bị một quả chùy đánh thốc vào ngực. Đòn đánh rất hiểm. Nếu Năng ngã xuống thì thật xấu hổ ê chề. Trông ra thấy sư Tịnh đứng ở góc sân cười tùm tùm. Diễn tích xong thì đến rước kiệu. Năng vịn vào vai kiệu. Kiệu đi vùn vụt như trong mơ. Đám đông la hét điên cuồng. Ai đó kêu to:

- Kiệu bay!

Cuộc vui kéo dài đến hết buổi chiều. Năng về đến nhà thì tối. Năng tắm giặt, ăn cơm rồi xuống thả trâu.

Trăng non bắt đầu mọc. Gió thổi nhẹ. Năng thấy lòng mình trống rỗng. Năng dắt trâu ra bãi cỏ ven đê rồi nằm dài xuống vạt cỏ mềm. Bây giờ mới thấy người đau ê ẩm, cởi áo ra thấy có vết tím ở ngực trái: rõ ràng vết của quả chùy. Năng nhìn lên trời cao, Năng không biết mình đang ở đâu, ở đâu? Con trâu gặm cỏ bên cạnh, nhẩn nại bình thản. Nó đang nghĩ gì. Nó đang ở đâu, ở đâu?

Bóng tối lan tỏa trên cánh đồng. Có gió thổi, rõ ràng là có gió thổi. Nghe rõ cả tiếng phân phát của cờ, của phướn.

## CÚN

### I- GÂY CHUYỆN

Trong số người quen của tôi, tôi rất nể phục nhà nghiên cứu văn học K. Anh am hiểu các vấn đề lý luận văn học ở ta (lĩnh vực mà thú thực tôi không hiểu gì mấy). Những bài viết của K có thời được nhiều người ví như "ngọn roi" quất vào "con ngựa sáng tác văn học" giúp nó phi nhanh hơn và không trật đường.

K đẹp trai, thông minh, đặc biệt nhạy cảm với những cái gì đau đớn, tủi cực. Nhiều lần đi chơi với anh, tôi thấy K thường lảng tránh những nơi có người ăn mày hoặc tàn tật. Trường hợp không lảng tránh được, K rất bối rối, tôi thấy mặt anh tái đi, anh bốc hết túi cho người ăn mày hoặc người tàn tật đó.

Với tôi và các nhà văn trẻ thuộc thế hệ tôi, K rất nghiêm khắc. K đòi hỏi cao điều mà anh gọi là tính người: tinh thần làm việc, đức hy sinh, lòng tận tụy, chữ "tâm"... và dĩ nhiên cả văn phạm nữa. Sự nghiêm khắc ấy làm cho tình bạn của 2 chúng tôi không phải là không sóng gió. Tuy nhiên tôi khâm phục K.

Nhiều khi lẩn thẩn, tôi nghĩ rằng phải có 1 lý do nào thật sâu xa lắm mới rèn nên được một người như K. Có lần tôi gắng hỏi mãi, K tự dừng buột miệng :

- Cha tôi là Cún. Cả một cuộc đời ngắn ngủi của ông chỉ có độc một khát vọng thành người thế mà không được...

Từ câu nói ấy, của K, tôi viết câu chuyện này...

## II- CÂU CHUYỆN

Cún biết cái chết sẽ đến với Cún chỉ vài phút nữa. Chân Cún đã lạnh, cái lạnh từ chân cứ thế ngược lên, bao giờ cái lạnh ngấm đến đỉnh đầu là hết, là vĩnh biệt con người, vĩnh biệt cuộc sống...

Cún há miệng ra. Khát, khát... Cún thấy cổ họng mình se lại. Cảm giác bị dồn, bị đè bao phủ toàn thân. Cún biết lần này Cún không thể thoát nó. Nó đây! Nó thò cái lưỡi vô hình, đen như đêm tối liếm vào đôi mắt Cún rồi...

Hơn chục năm trước, người ta thấy Cún ở một cái cống bên con sông đào ngoại ô thành phố. Con sông đen ngòm nước thải, đầy rác, giấy vụn và những đám bèo Tây lá đầy bụi bặm. Cái cống xi-măng vỡ nằm ngang con đường đất nhỏ, hứng gió cả ở bên phía bờ sông, cả ở bên phía cánh đồng. Cún nằm trong đồng tử rách hơi hám, cả đầu cả chân tím ngắt vì gió. Chẳng hiểu sao Cún không chết ngay khi ấy? Chắc vì lão Hạ. Nếu Cún không gặp lão Hạ, chắc Cún đã chết ngay rồi.

Lão Hạ là lão ăn mày ở chợ. Hôm ấy, không hiểu sao lão Hạ lần ra cống. Đứng trên đường, lão nghe thấy tiếng khóc. Tiếng khóc như từ dưới đất vọng lên, như từ âm phủ vọng lên. Lão rùng mình hãi sợ. Chiều đang xuống, nắng đã tắt, ráng mây mờ gà ở phía chân trời hắt xuống mặt đất 1 vệt ánh sáng lạnh lẽo và kinh dị. Gió bắc đuổi nhau hun hút quanh các lều chợ lụp xụp không bóng người. Lão Hạ run cầm cập. Quang cảnh này hồn ma rất dễ hiện hình. Đây là thời khắc xuất hiện ma quỷ. Gần cả đời người. Lão Hạ sống nhưng không sợ người, người chỉ làm lão yêu hoặc lão ghét, thích hoặc không thích, lão Hạ chỉ sợ cái gì không phải là người.

Lão Hạ sợ quá, bủn rủn hết cả chân tay. Tiếng khóc ngăn ngắt đúng là có thật. Lão giống tai nghe. Đúng là tiếng khóc trẻ con.

Lão Hạ cuống cuống chạy xuống vệ sông. Lão vừa chạy vừa ngã. Tiếng khóc nức nức lại. Lão nhìn lên đường và nhận ra đứa bé nằm ở trong cống.

Lão Hạ dần dần hoàn hồn. Hóa ra chẳng có ma quỷ nào cả! Hú hồn hú vía! Ma quỷ đã bỏ mất một cơ hội để rình chộp lão!

Lão Hạ bò về phía cống, thò tay kéo đứa bé ra. Chân tay nó lạnh buốt.

Lão Hạ ôm đứa bé về lều chợ. Lão đặt tên nó là Cún. Cún là tên chó không phải tên người. Đứa bé này thật cũng chưa phải là người, nó kỳ hình dị dạng, đầu nó to tướng, hai chân hai tay mềm oặt như chẳng có xương, chỉ hơi lệch trọng tâm là người nó ngã kênh ra đất. Điều kỳ lạ là Cún có khuôn mặt đẹp lạ lùng.

Cún ở cùng lão Hạ. Cún không chết bởi nó có hai khả năng kỳ quặc. Một là đôi mắt, đôi mắt của nó làm cho tất cả mọi người chung quanh đều sợ hãi. Họ đi qua Cún mà không bỏ một đồng hào vào cái nón rách thì không an lòng. Ánh mắt Cún ám ảnh họ, hành hạ họ suốt đêm ngày. Khả năng thứ hai của Cún là khả năng chịu đựng tuyệt vời: nó chịu được đói, được rét, nó sống trơ trơ như thân thể nó được tạo bằng thức nguyên liệu siêu phàm.

Lão Hạ đâm quý thằng bé tàn tật. Có nó, lão kiếm tiền được dễ dàng hơn. Lão mang thằng bé đi khắp đó đây kiếm ăn. Chỉ trong một hội Phủ Giày, lão kiếm được bằng mấy năm lão đi ăn xin một mình. Cách làm của lão thật đơn giản. Lão cứ đặt Cún nằm giữa một chỗ với cái nón mê giữa đám đông người. Thế là xong chuyện. Cún sẽ cựa quậy và mắt nó sẽ làm việc, mắt nó sẽ hỏi mọi người:

- Nay ông, nay bà! Ông bà là người, hãy nghĩ đến tôi là kẻ chưa được thành người...

Lão Hạ nấp ở đâu đấy, khi thấy nón đã khá tiền thì ra thu về. Thỉnh thoảng lão đút cho Cún mấy miếng bánh đúc ngô tựa như người ta đút cho những con gà mang bán ở chợ.

Lão Hạ coi Cún như con. Tuy nhiên, lão cũng chẳng quan tâm nhiều lắm đến thằng bé. Lão có bao nhiêu việc phải làm. Con người của nghề nghiệp khác có bao nhiêu việc ở đời thì việc của lão ăn mày cũng nhiều như thế. Ở trong thế giới ăn mày, thân phận một đứa bé con què quặt chẳng đáng kể gì. Lão Hạ chẳng hề áy náy vì những lần để Cún đói lả, run người trong những trận sốt

mê man để đi uống rượu hay đi đánh bạc. Bản thân lão cũng đã bao lần bị đói, bị ốm, bị rét như thế. Trong thế giới ăn mày, người ta có thể xử dụng một đứa bé con trong vài ba tháng để làm cơ xin ăn. Khi đứa bé chết, người ta vứt nó ra ngoài đồng rác như vứt một thứ vật hỏng bình thường, như cái rổ, cái rế... Việc kiếm ra một đứa bé không khó. Chỉ cần vài ba đồng bạc, một sái thuốc phiện, một bộ quần áo cũ là xong. Đói còn đói rét. Đói rét bất chấp tất cả, cả đạo lý, cả tình người.

Cún lớn dần lên, Cún dần ý thức được thân phận mình, buộc phải ý thức về hoàn cảnh mình.

Năm ấy, bấy giờ đang có chiến tranh, nhiều người chết đói. Trời rất lạnh. Cún và lão Hạ nằm cuộn trong hai bao tải ở một hiên nhà cách chợ Mới ở ngoại ô thành phố chừng trăm mét. Lão Hạ ho dồn. Lão ta yếu lắm, đã mấy ngày nay lão không dậy được, thỉnh thoảng lại ho ra máu.

- Cún này, mày đã lớn rồi... Tao sắp chết rồi... Mày sắp mất tao, mất chỗ dựa rồi... - Lão Hạ thều thào bảo Cún - Thực ra tao cũng chẳng phải chỗ dựa của mày. Cả tao và mày cùng sống... Sống như con giun, con dế, như con ong, cái kiến... - Lão ho sù sù rồi khóc - con người sống khác... Trời ơi, sao trời hành hạ chúng con như thế? Chúng con muốn sống như mọi người thôi mà không sống được...

Cún lắng tai nghe. Cún mặc kệ lão Hạ nức nở rên rầm một mình. Cún chẳng nói gì. Cún quen với cái cảnh này rồi. Cún lấy tay co cái bao tải rách che bụng. Cún thở dài... Cún mệt mỏi rã rời. Hơn chục năm nay, Cún đi ăn mày, Cún cũng chẳng lạ gì cuộc sống con người... Ăn mày là ai, ăn mày là ta... Đói cơm rách áo hóa ra ăn mày... Cuộc sống con người đầy bất trắc và vô nghĩa, họ sống cũng như Cún, như Lão Hạ, như con giun con dế, như con ong cái kiến... Cún chỉ đau đớn vì Cún khuyết tật. Cún chưa phải là người, cái gì mọi người làm được thì Cún đều thấy khó quá. Càng lớn, Cún càng thấy việc Cún đứng vững ở trên mặt đất thực chẳng dễ gì. Cún cứ lấy bẫy, cứ đi ba bước là lệch trọng tâm, cứ thế ngã quay ra đất. Hai chân hai tay của Cún không tuân theo được ý mình.

Gần đây, Cún tự dưng lo sợ, lo sợ một cái gì đấy vô hình. Cũng chẳng hiểu sao Cún lại hay nhớ, hay mơ đến Diệu, cô chủ nhà mà Cún và lão Hạ nằm ở hiên này. Cô Diệu bán hàng ở chợ,

người lúc nào cũng thơm nức nước hoa, băng phiến. Cô Diệu có đôi mắt nhỏ và hai cánh mũi mỏng dính phập phồng. Tính cô hay đùa, hay cười. Cô hay gọi Cún là "thằng hình nhân mặt đẹp".

- Này thằng hình nhân mặt đẹp! Cho mày một hào, sáng mai mày ra đón cửa cho tao. Mày như ngôi sao Hóa lộc ở cái nhà này. Hôm nào đi chợ gặp mày là người thiên hạ xô vào mua bán như tranh như cướp...

Cún cười bên lên. Cún cúi xuống nhặt đồng hào nhưng lại chúi người ngã quay ra đất. Đồng hào cách bàn tay Cún ba hàng gạch. Cún nhòe dậy lấy một đầu gối làm trụ để giữ trọng tâm. Cún giơ tay với nhưng không giữ được, lại ngã nghiêng người sang phải. Đồng hào còn cách Cún một hàng gạch nữa. Cô Diệu cười như nắc nẻ trên bậc thềm nhà :

- Cái thằng hình nhân mặt đẹp này ngộ quá chừng...! Cố lên! Cố lên lần nữa xem nào!

Cún thích chí cười. Trời ơi, Cún đã làm cho nàng thích. Cún thấy sung sướng.

Cún nhòe dậy, cố gập hai đầu gối. Được rồi... Thế, thế... Chỉ cố thêm một tí nữa và nghiêng người sang trái là chạm được vào đồng hào rồi. Cún thở hổn hển, mồ hôi toát ra. Cún ước lượng, Cún cười. Đúng lúc Cún bật nghiêng người lên thì Diệu nhảy thụp xuống nhặt đồng hào để nhích sang một hàng gạch bên cạnh. Diệu ré lên cười. Cún bị mất đà ngã xuống nền gạch. Cún đập trán xuống nền gạch, máu trong miệng Cún trào ra nhưng Cún mặc kệ. Cún hít vội vàng cái mùi đàn bà quyến rũ. Chưa bao giờ Diệu lại ở gần Cún như thế.

Cún cười sảng sặc. Nếu Cún biết hát thì Cún đã hát...

Lão Hạ ngồi yên trong góc tường vỡ thương hại nhìn Cún. Lão nhòe dậy chậm chạp đến cái chỗ đồng hào, lão lẳng lặng nhặt đồng hào cho vào túi mình.

- Thằng già khốn nạn! - Diệu bật nụ cười, môi mím lại đánh đá - Đồng hào không phải cho mày đâu đấy! Rồi lại đi nướng vào rượu cho xem.

Lão Hạ đứng im ử rử như người có lỗi, vai lão so lại như chờ người đánh. Diệu đi khuất vào nhà, lão Hạ mới ngồi thụp xuống lau máu cho Cún rồi xóc nách Cún dìu về phía chợ...



Cô Diệu ấy len vào đời Cún từng ngày một.

Cún cứ miên man suy nghĩ. Cún hình dung thấy cô Diệu đi lại, nói cười, Cún chẳng để ý gì đến những tiếng kêu ú ớ nghẹn ngào của lão Hạ nằm bên cạnh Cún. Mãi sau, lão Hạ học lên, những ngón tay sần sùi của lão bầu vào mặt của Cún rất đau Cún mới bừng tỉnh. Cún mở mắt ra. Cún giật mình thấy mặt lão Hạ biến dạng hẳn đi, mặt lão trắng bệch như sáp, nhân trung lệch sang một bên. Từ miệng lão, máu đen tràn ra ồ ạt. Lão cố ú ớ nói gì đó. Bàn tay lão cố ấn vào tay Cún một cái túi con nặng nặng. Cún bò nhồm dầy. Cún đã hiểu ra sự việc: cái chết nó đang hiện ra bằng xương, bằng thịt ở trước mặt Cún. Nó đấy. Nó nấp trong tròng mắt sâu hoắm và không thần sắc của lão Hạ đây. Cún khóc nức nở, thế là Cún đã mất đi một chỗ dựa rồi, chỗ dựa để Cún khỏi lệch trọng tâm ở trên mặt đất mà chính Cún cũng chỉ hiểu rất lơ mờ...

Sau cái chết của lão Hạ, số phận Cún cũng chẳng đổi thay mấy. Vẫn đói và rét. Trong cái mùa đông khủng khiếp năm ấy, Diệu đi lấy chồng. Chồng Diệu là một gã trai đưa hàng. Gã có đôi mắt khô ráo hoảnh. Mắt gã chẳng hề xúc động trước một điều gì. Cún theo dõi từng ngày cuộc sống của người con gái. Cún linh cảm rồi cô sẽ chẳng được sung sướng gì.

Linh cảm không đánh lừa Cún. Ba tháng sau ngày cưới, gã chồng cô Diệu cuôm sạch tài sản của vợ mới cưới trốn đi Nam bộ với cô tình nhân mới.

Cô Diệu như kẻ hóa rồ. Chỉ vì nhẹ dạ cả tin mà cô mất hết. Cô ốm đến hơn tháng trời, có lúc cô định tự vẫn. Ngày cô Diệu khỏi ốm, bắt đầu ăn giả bữa được là một ngày hè nắng dịu dàng. Cô ngồi trong buồng trông ra ngoài phố. Năng rung rinh trên vòm lá bàng, cả vòm lá sấu và vòm lá đinh lăng nữa. Nhà cô đi vắng hết, chỉ có tiếng một gõ gai cả người kêu ở góc chiếc tủ một rỗng không. Cô Diệu nhớ chợ, nhớ cửa hàng xén của mình. Liệu có bao giờ cô mới có được cửa hàng như thế?

Cô Diệu buồn bã trông ra ngoài phố. Cô chợt thấy Cún ngồi ngay thêm cửa nhà mình. Cún đang đưa tay thu thu cái gì trong túi. Cô quỳ xuống ngó ra cửa sổ, Cún đang giở bọc vải lão Hạ cho Cún, cái bọc vải gụ, khâu chỉ đen, bé xíu như cái mề gà. Cô Diệu bỗng giật thót mình vì thấy trong lòng tay Cún lóng lánh mấy chiếc nhẫn vàng. Cô thấy lạnh toát sống lưng. Chân tay cô run bần bật. Một ý nghĩ bất chợt lóe trong óc cô.



Cún sống trong trạng thái bất yên mấy tháng trời trong khi cô Diệu mang thai. Cún ốm nặng, Cún chỉ sợ nhất cái chết ập đến bất ngờ khi Cún chưa biết đưa con thế nào. Cún thỏa thuận với cái chết, Cún cầu xin nó từng ngày. Cái chết đồng ý cho Cún chờ đến cái phút con Cún ra đời. Nó sẽ thay thế Cún chạy tiếp chặng đường dài trên mặt đất.

Đúng đêm cô Diệu đẻ, Cún bò lê từ lều chợ đến cửa sổ nhà cô. Trời mưa phùn, cái lạnh thấm vào người làm Cún tê buốt. Đầu Cún nóng bừng, thỉnh thoảng Cún lại ngất đi mê man. Chỉ hơn trăm mét mà Cún thấy xa xôi quá. Cún cố gắng giành giật từng mét đường đi cùng với cái chết. Nó đẩy. Nó đen như là đêm tối kia rồi. Cún cứ nhích lên là nó lại kéo Cún ngã dúi xuống bùn.

Cún vừa lết đi vừa rên, máu từ trong tai rỉ rả chảy ra. Cún đến được hiên nhà bên cái cửa sổ sáng đèn thì ngất xỉu. Khi tỉnh lại, Cún có cảm giác như bị một vật gì mông mênh đè nặng lên người.

Cún há miệng ra... Khát, khát. Cún thấy khát khô cổ họng. Cả đời ăn mày nhọc nhằn của Cún cũng chưa bao giờ bị khát thế này. Cún cố nín thở để giữ sức lực. Cún chờ tín hiệu của đứa con mình. Cún cứ hết mê lại tỉnh. Mãi đến nửa đêm Cún bỗng giật mình vì những tiếng kêu rối rít trong nhà. Có tiếng oa oa của trẻ sơ sinh... Tiếng khóc con trai. Cún biết nó đấy, đứa con mà Cún chờ đợi nay đã ra đời.

Cún cười sung sướng rồi lịm người đi. Có một làn gió rất chi mơ hồ lướt trên khuôn mặt bất động của Cún.

Cún đã chết. Cuộc đời thật ngắn ngủi, cuộc đời của kẻ chưa được thành người. Đây là mùa đông năm 1944.

### III- KẾT CHUYỆN

Sau khi viết xong chuyện Cún, tôi mang đến đọc cho nhà nghiên cứu văn học, giáo sư tiến sĩ K nghe. Mặt anh tái đi theo diễn biến câu chuyện.

- Không phải thế! - K giằng lấy tập bản thảo ở trên tay tôi - Cậu viết những điều bịa đặt! Cần phải tuân theo chủ nghĩa hiện thực. Hiện thực khác lắm! Cậu biết cha tôi như thế nào không?

K lục lợi đầu đó ở trong tủ sách và anh lấy ra một tấm ảnh màu. Anh khe khẽ cười, hơi ngân nga nữa, bàn tay mềm mại chạm vào giữa huyệt Du chí ở tay tôi:

- Cha tôi là Cún nhưng không phải thế! Hiểu không? Ảnh của ông cụ đây này!

Trong ảnh, một khuôn mặt đàn ông to béo mặc áo the đen, cổ hồ cứng, có hàng ria đen xén gọn nhìn tôi mỉm cười.

## GIỌT MÁU

1.

"Đem truyện trăm năm gỡ lại bàn"

(Trần Tế Xương)

Nửa đầu thế kỷ trước, ở Kẻ Noi, huyện Từ Liêm, có ông Phạm Ngọc Liên là bậc đại phú. Ông Liên xây nhà trên miếng đất đầu làng. Miếng đất này bằng phẳng, rộng ba sào hai thước. Có người đi qua bảo rằng: "Đất này đẹp, hình bút, phát về văn học. Đã phát về văn học thì nước cạn, tàu ráo, hiếm con trai". Ông Liên nghe xong, níu áo người đó bảo: "Tôi bình sinh là dân cày cuốc, mong con cháu sau này có ít chữ nghĩa mở mặt với đời. Hiếm con cháu cũng được, miễn là có đức, thiên hạ nể trọng". Người đó cười: "Chữ nghĩa có ăn được không?". Ông Liên bảo: "Không ăn được". Người đó bảo: "Thế đa mang chữ nghĩa làm gì?". Ông Liên bảo: "Gì thì gì, nó vẫn hơn cày cuốc". Người đó bảo: "Nhiều chữ nghĩa thì có đức à?". Ông Liên bảo: "Phải". Người đó cả cười, hỏi gì cũng không nói nữa rồi phất áo đi. Ông Liên giận, bảo: "Đồ cuồng".

Khánh thành nhà, ông Liên mổ hai lợn, một bò, làm lễ tế trời đất, bày la liệt chín mươi mâm cỗ. Dinh cơ quả đồ sộ, giữa là nhà thờ ba gian, trạm trổ long, ly, quy, phượng. Nhà tiền tế năm gian, cửa bức bàn, cột tròn, gỗ xoan rừng. Hai nhà ngang hai bên, sân gạch Bát Tràng, bình phong, bể nước, lại xây tường cao ba mét xung quanh, trên cắm mảnh sành. mảnh thủy tinh. Vừa là vôi cát trộn mật, đặc quánh.

Ông Liên ngồi giữa sân, bảo cả họ: "Lấy ngày 12 tháng Giêng làm ngày giỗ tổ. Họ Phạm xưa nay trong làng không kém họ Đỗ, họ Phan, họ Hoàng. Chỉ hiếm họ Phạm làm ruộng, buôn bán, chưa có ai học hành đỗ đạt. Thiên hạ coi mình là thô lậu. Tức lắm".

Ông Liên gọi năm con trai đến, bảo: "Con cháu chúng mày thằng nào đỗ Thám Hoa, Bảng Nhãn, tao cho ăn tự cả cơ ngơi này, lại cho tất cả của gia bảo. Cốt làm sao thiên hạ phải học cái đức họ Phạm nhà này".

Ông Liên sống đến 80 tuổi. Ông có ba vợ, năm con trai, sáu con gái. Khi ông bệnh nặng, con trưởng là Phạm Ngọc Gia làm nghề mổ thịt lợn, túc trực bên giường gần một tháng trời, mắt sâu hoắm, râu mọc tua tủa. Bên giường ông Liên lúc nào cũng có chuối, cam, thịt giò, ngón ngón không thiếu thứ gì. Ông Gia hỏi: "Cha thèm ăn gì không?". Ông Liên bảo thèm ăn cơm rau muống chấm tương với cà. Ông Gia nấu cơm gạo tám vào nồi đất, đánh giấm canh bằng lá chua me, bày đĩa rau với chén tương Bần, tự tay bưng lên cho cha. Ông Liên chỉ húp được một thìa canh rồi xua đi. Ông Gia òa khóc. Ông Liên bảo: "Chẳng ra gì. Chữ mới cần". Nói xong tắt thở. Lúc ấy là giờ Tý, ngày 24 tháng Chạp, năm Canh Tý (1840).

Ông Gia bỏ tiền làm ma rất trọng thể. Sau ba ngày làm lễ thành phục, tuần ba mươi nhăm ngày rước linh lên chùa, tuần bốn mươi chín, một trăm ngày thả đèn tươm tất. Dân làng ai cũng khen ngợi là người có hiếu.

Sau đám ma, ông Gia cho sửa lại bàn thờ, xây thêm một gian nữa. Còn toàn bộ cơ ngơi từ đó đến nay vẫn y nguyên. Thời gian có làm cho nó cũ kỹ, mục nát, hư hỏng đi một vài bộ phận nhưng về cơ bản vẫn không thay đổi.

## 2 .

Ông Gia có một đứa cháu đích tôn là Phạm Ngọc Chiêu tuần tú lạp thường. Chiêu từ bé đã sáng dạ. Năm tám tuổi, có lần ông Gia cho cháu ra Kẻ Chợ thăm phố phường. Thành bé về, hí hoáy lấy cát, lấy đất sét xây một khu nhà có tường bao, lại lấy lông gà nhuộm phẩm xanh làm cây, hết như một cái sa bàn. Trên sa bàn nặn những con rùa đội bia rất sinh động. Ông Gia vỗ tay hỏi: "Cháu nặn gì đấy?". Thành Chiêu cười, lộ hàm răng sún: "Đây là Văn Miếu". Ông Gia giật mình nghĩ: "Trời cho họ Phạm phát đường học vấn ở đứa bé này chắc?". Hôm sau ông Gia ra phố thịt nhà mình ở chợ Kẻ Noi lấy cái thủ lợn nặng sáu cân hai, lại bảo con dâu thổi một mâm xôi gác, luộc thủ lợn đặt lên, đội sang nhà Đồ Ngoạn.

Đồ Ngoạn mắt toét, đỗ tú tài năm Mậu Thìn (1868) là người thật thà, nhà nghèo lắm. Thấy ông Gia đội xôi thịt đến, Đồ Ngoạn giật mình, chạy ra vái hai vái. Ông Gia đặt mâm xôi thịt xuống chân, bảo: "Không dám. Tôi sang rước thầy về dạy chữ cho thành

Chiếu đây". Đồ Ngoạn rước khách vào nhà, mời ngồi, vái lấy vái để: "Không giấu gì bác, tôi thiển học lắm. Tôi gõ đầu trẻ cũng là trò bịt mắt thiên hạ kiếm gạo. Thực ra nhà tôi là nhà nhốt trẻ để chúng đừng lêu lổng, ngã xuống ao, bắt ve sâu, khỏi chó cắn thôi. Bác rước tôi về, sợ thất chí của bác". Ông Gia vừa bực mình, vừa buồn cười, bảo: "Ông nói thế, tôi cũng không ép. Thân phụ tôi mất đi chỉ dặn làm sao cho con cháu học thành tài, cướp cái cờ tiến sĩ về dựng ở sân từ đường". Đồ Ngoạn rùng mình: "Bác ơi, chữ nghĩa nó ghê gớm lắm. Nó là ma đấy. Yếu bóng vía là nó ám mình, nó làm đau đớn thê thảm mới thôi". Lại ngồi thừ người không nói năng gì. Vợ Đồ Ngoạn mặc váy đụp, ra lạy ông Gia hai lạy rồi bảo chồng: "Lũ trẻ đói quá, ông xin phép bác Cả đây ra chằm Mả Phường rở ít khoai lang, lấy rễ về luộc cho chúng ăn". Ông Gia hỏi: "Khoai trồng bao giờ mà thím đã rở?". Vợ Đồ Ngoạn bảo: "Em trồng cuối tháng Hai". Ông Gia nhẩm tính: "Mới được năm mươi ngày, ăn thế nào được mà ăn?" Vợ Đồ Ngoạn bảo: "Nhà em hết gạo tám ngày rồi". Ông Gia thở dài: "Thím bỏ xôi thịt ra cho các cháu ăn. Dọn mâm ra cho tôi với ông đồ uống rượu". Nói rồi rút trong cặp quần ra cắt rượu ngâm tắc kè.

Vợ Đồ Ngoạn bưng xôi thịt xuống bếp, dọn hai mâm. Ông Gia và Đồ Ngoạn ngồi trong nhà uống rượu. Ngoài sân, tám đứa con của Đồ Ngoạn ngồi xúm xít xung quanh mẹ, chờ chia phần.

Đồ Ngoạn bảo: "Tôi nghe ở Kẻ Lũ có ông Bình Chi, trước là tri phủ Sơn Nam, bị cách chức, về ngồi dạy học, ông này kiến thức uyên thâm mà cốt cách thanh cao lắm. Học được ông Bình Chi thì cờ tiến sĩ về tay họ Phạm là cái chắc". Ông Gia gật đầu. Ăn uống xong, xách cái mâm đồng về, bụng bảo dạ: "Phải đi Kẻ Lũ".

Ít bữa sau, chọn được ngày tốt, ông Gia dẫn Chiếu tìm đường sang Kẻ Lũ đến nhà ông Bình Chi. Nhà ông Bình Chi ven sông Tô Lịch, cơ ngơi cũng khá. Khi ông Gia đến, ông Bình Chi đang ngồi bình văn với đám học trò. Có khoảng chục đứa con trai ngồi xếp bằng tròn trên chiếu, đều trạc tuổi mười sáu, đứa nào trông cũng thông minh, nhanh nhẹn. Trước mặt mỗi đứa có một quyển văn đóng bằng giấy dó, lại có nghiên mực để ngay bên cạnh.

Ông Bình Chi cho học trò nghỉ, ra sân chơi. Chiếu thích lắm, đứng dựa cột xem. Ông Bình Chi rước ông Gia vào nhà, hỏi nguyên vọng. Ông Gia tự giới thiệu, một điều bẩm, hai điều bẩm, cung kính lắm. Ông Bình Chi hỏi mục đích học hành của Chiếu. Ông Gia chẳng biết trả lời ra sao, chỉ nói: "Tôi thấy văn chương có

cái gì tựa tựa lẽ phải. Muốn cho cháu học thầy vì thế". Ông Bình Chi bảo: "Văn chương có nhiều thứ lắm. Có thứ văn chương hành nghề kiếm sống. Có thứ văn chương sửa mình. Có thứ văn chương trốn đời, trốn việc. Lại có thứ văn chương làm loạn". Ông Gia bảo: "Tôi hiểu rồi. Tôi là nghề đồ tể, tôi biết. Cũng như có thịt mỡ, thịt thú, thịt sấn, thịt dọi, Nhưng cũng là thịt cả thôi". Ông Bình Chi bảo: "Đúng đấy. Thế ông định cho cháu học thứ văn chương nào?". Ông Gia bảo: "Tôi suy rằng thịt dọi là thứ vừa phải, nhiều người mua, chẳng bao giờ ế. Vậy có thứ văn chương nào tương tự như thế không, chỉ vừa phải, nhiều người theo thì cho cháu học". Ông Bình Chi bảo: "Tôi hiểu rồi. Đây là thứ văn chương học để làm quan". Ông Gia vỗ tay reo: "Phải". Nói xong, gọi Chiếu vào, bảo lấy ba lạng, lấy ra một xấp lụa Hà Đông, năm xâu tiền đồng, xin ông Bình Chi thuê nạp học trò.

Ăn cơm xong, ông Gia dặn dò cháu rồi về. Chiếu chạy theo, khóc gọi ông: "Ông ơi, cháu chẳng học đâu. Học phải xa nhà, mất ông, mất cha mẹ thì học làm gì?" Ông Gia gạt nước mắt, bỏ đi như chạy. Ông Bình Chi đỡ Chiếu vào nhà. Thành bé mơ hồ hiểu rằng học đòi văn chương là nó bước vào một cõi mà ở đấy, nó không thể nương tựa vào bất cứ cái gì, ngoài bản thân nó.

### 3.

Hàng tháng, ông Gia sang Kẻ Lũ hai lần vào ngày mùng Một, ngày 16 mang tiền, gạo, nuôi cháu ăn học. Chiếu học rất tấn tới, mười tuổi đọc được Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười hai tuổi giảng được sách, các sách "phá đề", "phá thừa", "khởi giảng", "đề tử", "trung tử" trong kinh nghĩa đều thông thạo. Ông Bình Chi bảo: "Thành này học như thần, tựa như miếng đất khô, đổ nước đến đâu là thấm". Ông Gia thích lắm, bảo: "Họ nhà này mấy đời nay một chữ cần đòi không biết, chỉ biết cày ải, gieo mạ, pha thịt lợn. Thành này rồi mang vinh hạnh cho cả họ đây". Bởi vậy, Chiếu được chiều chuộng không thiếu thứ gì.

Ông Bình Chi có cô con gái tên là Diêu, trạc tuổi Chiếu, hai đứa vẫn chơi thân với nhau, quyến luyến lắm. Chiếu bảo: "Lớn lên, tao lấy mày làm vợ cả". Diêu đỏ bừng mặt, không nói năng gì. Một lần, Chiếu ra đồng chơi, lê la đất cát với trẻ chăn trâu, hạ bộ bị tầm hởi, dương vật sưng to. Đầu tiên chỉ thấy khó chịu, không ngồi học được, ông Bình Chi hỏi thế nào cũng không nói, sau tấy



lên, rất đau. Diêu lấy một cọng rơm, đo bằng chiều dài dương vật của Chiểu, gấp ba lại, xòe ra, lấy dao chặt cọng rơm, rồi bảo rửa sạch bằng nước muối. Thế là khỏi, Chiểu cảm ơn lắm.

Năm Mậu Tý (1888), Chiểu đỗ tú tài. Ông Gia làm cỗ khao cả làng. Cỗ to lắm, bảy bát, bảy đĩa. Bảy bát là một bát măng, một bát miến, một bát khoai sọ, hai bát bóng thả, hai bát đậu nhồi. Bảy đĩa là một đĩa thịt gà, một đĩa ngỗng quay, một đĩa thịt lợn, một đĩa giả hạnh nhân, một đĩa nem chạo, một đĩa nộm, một đĩa dưa ghém. Ông Bình Chi sang dự, cứ nức nở khen cơ ngơi đẹp.

Đến năm sau, ông Gia mất. Khoảng thời gian này trường thi dời xuống Nam Định, nên Chiểu phải xuống đây thi. Ông Gia chết mất mở trường trùng, vượt thế nào cũng không nhắm. Có người bảo: "Cụ chờ tin cậu Chiểu". Sau phải lấy đũa cả hơ nóng, day ở trên mắt một lúc mới sụp mí xuống. Ở nhà không dám báo tin cho Chiểu vì sợ Chiểu hỏng thi. Bấy giờ trời mưa phùn, đường phố nhớp nháp, Chiểu trọ học trong nhà một cô đầu ở phố Hàng Thao Nam Định, suốt ngày vẫn ôn võ luyện. Cô đầu tên là Thắm, dạy Chiểu đủ các ngón chơi. Kỳ thi ấy, Chiểu đỗ thứ ba nhưng bị đổ bệnh tiêm la, dương vật lúc nào cũng cương đỏ, hạ bộ nhức nhối.

Chịu xong tang ông nội, Chiểu được bổ làm tri huyện Tiên Du. Tiên Du là huyện lớn, thóc gạo nhiều, con gái ở Bịu, Lim hát quan họ rất hay, làm quan ở đây thật sướng như trời. Chiểu làm quan, nhớ lời thầy học mình dặn rằng: "Làm quan chỉ là nghề kiếm sống, không kiếm được là đại", vì vậy ra sức đực khoét. Sân công đường để một cái cùm gỗ nghiêng, trên có một cối đá lỗ rất to chặn lên, có người bị cùm nát cả mắt cá chân, về mừng mủ, vết thương có giới, lên cơn uốn ván mười ngày thì chết. Dân sợ lắm. Trong huyện ba năm không xảy ra kiện cáo, trộm cướp, có tiếng là yên bình, công sứ Bắc Ninh mấy lần mời Chiểu lên ăn tiệc.

Chiểu có hai vợ. Bà Diêu thấy chồng mình làm nhiều việc thất đức, lo sợ lắm, lại thấy cả mình, cả bà hai đều chẳng sinh nở được mụn con trai nào, để toàn con gái thì đêm ngày cầu Trời khấn Phật, nhà thờ tổ ở Kẽ Noi không lúc nào ngớt khói hương.

Mang bệnh, Chiểu người khó chịu, tính nết thất thường nên nhà lại rất sợ. Một hôm, có người bạn học tên là Sắc ở Từ Sơn lên chơi, tạ ơn vì một vụ kiện tranh ruộng đất, Chiểu đã xử cho Sắc được kiện. Sắc bê vào hai nồi gạo nếp, hai nồi gạo tẻ, một nồi đỗ xanh, năm cặp vịt bầu. Chiểu liếc mắt nhìn qua lễ vật rồi bảo:

"Bác thật phí tâm". Sắc bảo: "Có gì đâu. Toàn là của nhà lá vườn". Chiểu giữ Sắc ở lại ăn cơm.

Khi ăn cơm, Sắc cứ thấy Chiểu đứng ngồi không yên, mới hỏi: "Bác bị nhọt hạch à?". Chiểu bảo: "Tôi bị bệnh hoa liễu". Sắc bảo: "Tôi quen lang Vòng chữa bệnh thần tình lắm". Chiểu bảo: "Tôi không tin bọn lang vườn, toàn nhảm nhí, nghe họ vừa mất tiền, bệnh lại không khỏi". Sắc bảo: "Lang Vòng kỳ lạ lắm. Có ông Đồ Thống bị cảm gió, người co lại như con tôm, thuốc thang thế nào cũng không khỏi. Người nhà vờng đến lang Vòng. Lang Vòng mời ngồi, không ngồi được, bảo đứng, không đứng được. Lang Vòng đập bàn quát: "Cái lão này, già rồi còn dè dặt, ăn uống vô độ, chơi bời nhiều. Lại cư xử thất đức mới hóa thể này". Đồ Thống tím mặt, nghĩ mình suốt đời tần tui, có biết thế nào là thịt ngon, gái đẹp đâu, bị vu như thế thì uất không nói được. Lang Vòng bất ngờ đứng dậy đập cho một cái. Đồ Thống ngã lăn ra, nghe "cục" một cái giữa sống lưng, thế là khỏi bệnh. Bấy giờ mới biết Lang Vòng chữa mẹo, cứ thế phục xuống lạy như tể sao!". Sắc lại kể: "Ở dưới Phố Nối có một cô cổ ngoạo sang bên. Mang đến Lang Vòng, lang bảo quây cốt lại, bắt cởi truồng ra, rồi nhìn vào cái gương nhỏ để trước mặt. Bất ngờ, lang Vòng xô cốt bước vào. Cô kia hốt hoảng, ngồi thụp ngay xuống, quay cổ lại nhìn. Thế là khỏi bệnh". Chiểu cười: "Các truyện bác kể đều chỉ chữa bệnh gió máy, như tôi là bệnh gió trăng thì chữa thế nào?". Sắc bảo: "Bác đừng lo, lang Vòng chữa được bách bệnh". Chiểu gật đầu, bảo người nhà sắm lễ vật rồi cùng ẩm Sắc đi đến nhà lang Vòng.

Nhà lang Vòng ở Diêm, nghe tri huyện Tiên Du đến, lang Vòng cho trái chiếu hoa từ ngõ vào thềm. Chiểu sai lính lệ đưa lễ vật vào, rất hậu. Lang Vòng pha trà mời. Chiểu liếc mắt thấy lang Vòng còn trẻ nhưng tóc bạc phơ, mắt sáng, tai như tai Phật, biết là người có tướng lạ, trong bụng mừng lắm. Khi kể bệnh, Chiểu không dấu diếm tí gì. Lang Vòng bắt mạch, bảo: "Bệnh này có bốn cấp, cấp một thì quy đầu có khe nứt, nước trắng rỉ ra, rất khảm, tiểu tiện thấy buốt, chữa hai tháng là khỏi. Cấp hai thì quy đầu lở loét, người sốt, gáy nóng, ăn không thấy ngon, buồn chân buồn tay, lúc nào cũng bứt rứt, chữa ba tháng là khỏi. Cấp ba là quy đầu mưng mủ, tiểu tiện ra máu, xuất tinh ngày vài lần, không đi đứng được, chữa ba năm thì khỏi, nhưng chữa được cũng khó. Cấp bốn là tay bắt chuồn chuồn, mắt đờ dại, vết lở loét ăn lên bụng, xuống chân, đến cấp này thì đi đóng ván". Chiểu rùng mình, hỏi:



"Thầy nói vậy, thế như tôi ở cấp nào?". Lang Vòng bảo: "Cấp hai". Chiểu thở phào. Lang Vòng bảo: "Cấp một, cấp hai cũng bình thường thôi, quan lớn đừng lo".

Chữa khỏi bệnh, Chiểu tính tình cũng có dịu đi đôi chút. Năm ấy cho mở hội Lim rất to, mời lang Vòng về làm thượng khách. Sau hôm giã hội, Chiểu thấy trời về chiều rất đẹp mới sai lính bày tiệc ra sân công đường uống rượu. Dân không ai dám đi qua con đường trước cửa huyện lỵ. Chiểu ngồi ngất ngưỡng, sau lưng có hai lính lệ cầm quạt phe phẩy. Chiểu bảo: "Ta là người có học đầu tiên của họ Phạm đây. Chỉ tiếc làm quan xa nhà, chưa làm gì được cho quê cha, đất tổ". Lúc ấy, bỗng nhiên có cái kiệu đi qua trước cổng, Chiểu tức mình, mắng: "Thằng nào lão, qua dinh quan huyện mà không xuống kiệu. Chúng mày ra xem nó là ai lòi cổ vào đây". Lính chạy ra giữ kiệu lại. Hóa ra là cố đạo Tây. Chiểu đang say, sai lính nọc ra đánh ba chục roi. Cố đạo Tây bị đánh, tức lắm. Sau vụ ấy, Chiểu bị thất sủng, cách chức về vườn. Lúc bấy giờ bốn mươi hai tuổi.

#### 4 .

Cố đạo Tây bị Chiểu đánh tên là Jean Puginier rất có thế lực. Đường công danh của Chiểu thế là đứt gánh giữa đường, Chiểu về nhà, bất đắc chí, suốt ngày nằm phục trong ngôi từ đường ở Kẽ Noi. Dân làng kháo Chiểu có chân trong nhóm văn thân chống Pháp, tri huyện Tiên Du là tướng của ông Đề Năm, Đề Thám trên Yên Thế. Lại đồn Chiểu làm quan thanh liêm, không ăn cánh với triều đình bấy giờ đang vọng ngoại tộc, do đó mới bị bãi chức. Một đồn mười, mười đồn trăm, tên tuổi Chiểu trong vùng bỗng thành danh giá. Chiểu không nói năng gì, nghiêm nhiên coi việc đánh cố đạo Tây là cử chỉ nghĩa khí nhất trong đời làm quan. Bấy giờ ở Kẽ Noi người ta đứng ra quyên góp tiền bạc để xây đường gạch, Chiểu nghĩ mình chưa làm được gì cho thôn xóm, bèn trích một số tiền lớn ra sửa đình và xây toàn bộ cổng làng. Bởi thế người ta nói đến Chiểu như nói đến bậc thánh nhân. Bấy giờ cánh văn thân và hào lý trong vùng đều trọng nể Chiểu. Chiểu ngồi buồn, thỉnh thoảng lại giở bộ thẻ ngà ra coi, thở dài mãi.

Bà Diêu thấy mình không có con trai, rủ Chiểu đi chùa Hương cầu tự. Chiểu nghe lời. Nhầm ngày mồng một tháng Hai, hai người dậy từ ga gáy, cơm nước xong, khăn áo ra đi. Qua Hà

Đông, bà Diêu mua năm chục oản, vàng, hương, sớ cầu tự, rồi ra thuê xe ngựa đi. Hôm ấy trời mưa phùn, gió rét lắm. Chủ xe ngựa trạc năm mươi tuổi, trán thấp, tướng mạo bần tiện, mặc cả với bà Diêu hết như một mụ hàng tôm. Qua Vân Đình, thấy nhiều người cũng đi chùa Hương, các bà già mặc áo tứ thân, khoác áo toại, đi thành đoàn, có đoàn đến ba chục vị. Lại có mấy công tử đội khăn xếp, mặc quần ống sớ cũng đi thành nhóm. Lên bờ đê, mưa phùn lất phất, gió thổi mạnh, đoàn người cứ chúi về phía trước hết như những toán linh hồn lang thang trong tích chèo cổ. Qua một quán rượu ven đường, Chiểu bảo dừng xe lại.

Chiểu vào quán, gọi rượu, thịt chó. Bà Diêu ngăn chồng bảo đi chùa Hương đừng ăn tạp. Chiểu cười: "Xưa nay vẫn nói Phật ở tâm, ai nói Phật ở bụng? Thịt chó Vân Đình nổi tiếng, không ăn là đại". Bà Diêu không biết nói sao, giở cơm nắm ra ăn.

Chủ quán bê ra một đĩa thịt chó luộc, một đĩa dồi hấp, một đĩa nhưa mặn, một đĩa chả nướng, một bát xáo xương, một bát tiết canh, một ve rượu trắng. Chiểu ăn uống nhồm nhoàm, hết như một gã trương tuần. Bà Diêu ăn xong, mua một cặp bánh trưng mang cho người đánh xe ngựa rồi ngồi trong xe đợi chồng.

Chiểu đang ăn, thấy một người đội khăn xếp, mặc áo the, cầm ô lục soạn đi vào. Người đó nhìn thấy Chiểu, vội bó ô, chấp tay vái. Chiểu cầm đũa chỉ người đó hỏi: "Ông cần gì tôi?". Người đó bảo: "Quan bác không nhận ra em à? Em là Hàn Soạn, trước ở Tiên Du, quan bác có lần cứu em khỏi tội". Chiểu "à" một tiếng rồi mời ngồi. Hàn Soạn bảo: "Hồi đó có bọn trộm ở Cẩm Sơn bị lính huyện bắt, chúng vu cho em cầm đầu chúng nó. Quan bác khám nhà, thấy có đồ ăn trộm nhưng lờ đi cho". Chiểu bảo: "Phải rồi. Sau ông lễ tạ một chục nôi thóc với bộ đỉnh đồng". Hàn Soạn gật đầu.

Hàn huyên một lúc, Hàn Soạn hỏi: "Quan bác đi chùa Hương cầu gì?". Chiểu bảo: "Cầu tự". Hàn Soạn cười: Em thấy bà chị trong xe ngựa rồi. Bà chị cũng đã luống tuổi, có cầu tự thì Phật cũng cho nhưng mà cho ép. Trong chùa Hương có ni cô Huệ Liên là con gái tuần phủ Ninh Bình, xinh đẹp mà nét na lắm. Chán đời không thấy ai đáng mặt nên mới cắt tóc đi tu được nửa năm nay. Trong nửa năm, phép thiền chưa thấm được đâu. Quan bác nên cầu duyên rồi hãy cầu tự". Chiểu là người mê gái, nghe thấy vậy thích lắm, hỏi rằng: "Thế cầu duyên thì phải thế nào?". Hoàn Soạn

không trả lời, mắt nhìn vào ve rượu. Chiểu biết ý, gọi thêm một suất ăn nữa.

Hàn Soạn ăn uống xong, bảo Chiểu: "Em vốn có quen ni cô Huệ Liên. Nàng cốt cách thanh cao, rất mê truyện anh hùng nghĩa khí. Trước nàng nghe truyện Hàm Nghi ra chiếu Cần Vương, cũng đã định cắt tóc cải trang đi theo. Cha nàng biết chuyện, giận lắm, nọc ra đánh. Sau này, vì hôn phu theo ông Đề Thám, chết ở Phúc Yên, vì vậy mới phần chi đi tu. Việc quan bác đánh cố đạo Tây cả nước đều biết, ai cũng cảm phục. Nếu bác ngỏ ý thì việc tất thành". Chiểu mừng lắm, nghĩ một lúc rồi bảo: "Chuyện này khó. Kéo gái ra khỏi buồng khuê thì ta làm nhiều lần rồi, không sợ, nhưng kéo gái ra khỏi buồng Phật thì chịu, chưa làm bao giờ". Hàn Soạn cười: "Việc này có năm bước. Em quen hòa thượng trụ trì ở chùa Thiên Trù là nơi ni cô Huệ Liên ở đó. Đến đấy, quan bác giả đồ đau bụng rồi bảo bà chị cứ đi vào chùa Trong trước, quan bác đưa biếu hòa thượng một lạng vàng, nếu hòa thượng không nhận thì thôi, coi như hỏng việc. Nếu hòa thượng nhận, thế là được một bước. Đêm đó hòa thượng cho quan bác nghỉ ngơi trong trai phòng, quan bác đưa cho em một lạng vàng để em lo gác bên ngoài, hòa thượng mời cơm chay, có ni cô hầu rượu. Quan bác ép ni cô uống một cốc rượu có pha thuốc mê, nếu ni cô không uống thì thôi, coi như hỏng việc. Nếu ni cô uống, thế là được hai bước. Dọn mâm xong, ni cô say thuốc, hòa thượng quay đi, quan bác bế ni cô lên giường, thế là được ba bước. Quan bác cởi y phục nhà chùa của ni cô ra, muốn làm gì thì làm, thế là bốn bước. Sáng hôm sau, ni cô tỉnh lại, hòa thượng với em vào, chửi mắng quan bác với ni cô làm nhục cửa thiền, bắt quan bác phải ký văn tự nhận ni cô về, quan bác nộp vào hòm công đức một lạng vàng xá tội, thế là năm bước". Chiểu cười: "Được, nhưng ông anh nói nhanh quá, thế là mấy lạng vàng?". Hàn Soạn bảo: "Ba lạng". Chiểu nghĩ ngợi: "Ba lạng thì ta có thể mua được sáu bà vợ". Hàn Soạn bảo: "Tùy quan bác, nhưng ni cô Huệ Liên thì chỉ có một". Chiểu bảo: "Ông nói phải". Nói xong, trả tiền rượu, dẫn Hàn Soạn ra xe. Bà Diêu hỏi: "Ai đấy?". Chiểu bảo: "Bạn tôi". Hàn Soạn chào bà Diêu rất cung kính rồi ngồi nép vào một góc xe, cái ô đặt lên đùi, mắt nhìn thẳng, cả chặng đường không nói năng gì.

## 5 .

Đến bến Đục vừa đúng giờ Ngọ. Người đi hội rất đông. Thuyền thúng đỗ chụm lại dưới suối Yến đến vài chục cái. Bà Diêu

thuê một đò nhỏ có sáu chỗ ngồi, cả lượt đi lượt về mà giá chỉ tương đương với năm đấu gạo. Lái đò là một cô gái rất xinh, mau mồm miệng. Đò lướt đi trên suối êm như ru, phong cảnh hữu tình. Mái chèo đong đưa rẽ sang hai bên những cây rong và cây lau nước. Và con chuồn chuồn kim, chuồn chuồn nước bay theo đậu cả bên sạp đò. Vào chùa Trình, bà Diêu dâng sớ. Chiều đứng đằng sau, lầm rầm khấn: "Nếu Phật cho ni cô Huệ Liên, xin hậu tạ một bữa tiệc chay thật hậu".

Hàn Soạn thông thạo vùng này, đi đến đâu kể sự tích đến đấy, bà Diêu rất khâm phục. Thuyền đi ngược, thuyền đi xuôi, ai cũng chào nhau thật lễ độ. Đi trên suối, con người như thoát tục, tự nhiên thấy cảm động, mới thấy mình sống ở đời thật bụi bặm.

Đến bến Đá, lái đò neo lại ngồi chờ. Hàn Soạn đi trước, bà Diêu và Chiều đi theo. Xung quanh Thiên Trù chật ních người, khói hương ngào ngạt. Người bán hàng ngồi la liệt. Những hàng cơm và lều trọ dựng sơ sài bằng tre nứa nhưng sạch sẽ. Hàn Soạn dẫn Chiều và bà Diêu vào chào hòa thượng trụ trì. Hòa thượng béo tốt, hồng hào, lông mày như vẽ, đôi mắt lơ lơ trông như mắt cá, không đoán được đây là hiền hay ác, kiến thức nông hay sâu. Bà Diêu dâng lễ vật. Chiều thấy hòa thượng gật đầu, thâu lễ vật rất thạo và nhanh, bèn nghĩ bụng: "Việc chắc thành". Ngồi một lát, nói dăm câu chuyện băng quơ, thấy ni cô Huệ Liên bước ra chào, Chiều liếc mắt, ngấm lời Hàn Soạn nói quả không sai, bụng mừng lắm.

Cúng vái xong, Chiều kêu đau bụng. Bà Diêu là người thật thà, không biết đây là mưu của Hàn Soạn, cứ cuống quýt lên, Chiều và Hàn Soạn dỗ mãi, bà Diêu mới để đồ đạc lại rồi vào chùa Trong một mình, vừa đi vừa áy náy không yên.

Chiều ở lại, cứ y kế Hàn Soạn mà làm. Thương thay cho ni cô Huệ Liên, muốn đi tu để quên sự đời mà không trót được.

Huệ Liên tên thật là Đỗ Thị Ninh, về làm vợ ba của Chiều thì một năm sau sinh con trai đặt tên là Phạm Ngọc Phong.

## 6 .

Phạm Ngọc Phong được mười sáu tuổi thì mất cả cha lẫn mẹ. Hôm ấy là ngày tiệc làng 11 tháng Tư. Chiều ra đình lễ, về nhà thấy người ngây ngất mới vào buồng nằm. Buổi chiều thấy gầy gầy

sốt, ăn có nửa bát cơm rồi bỏ bữa. Bà Diêu sai cô Ninh đi hái lá hương nhu, lá bưởi, lá tre về nấu nước xông. Chiểu không nghe. Sẵn nước nóng, cô Ninh mang đi tắm. Nửa đêm, thấy vợ ba thom tho, Chiểu nổi máu phong tình. Sau cuộc mây mưa, người Chiểu cứ lịm đi, đến sáng thì mất. Cô Ninh sợ quá, khóc âm lên. Bà Diêu giận lắm, mắng rằng: "Đồ con đi. Tu không trót. Bây giờ lại giết chồng". Cô Ninh tủi phận, nghĩ mình bị lừa về làm vợ ba chẳng khác con ở, làm đủ việc nhà, ngủ với chồng cũng phải giấu giếm, bây giờ mang tiếng oan giết chồng, thế là đi tắt qua đê ra sông tự vẫn. Ở nhà đang nhập quan Chiểu thì đám chài ở sông vào báo vớt được xác cô ba. Bà Diêu đập đầu xuống đất than rằng: "Con dâm phụ thật là tiền oan nghiệp chướng". Hai đám tang một lúc, áo quan chàng đi trước, áo quan nàng theo sau. Chuyện này âm ỉ cả vùng, ba chục năm sau người ta còn kể. Cánh hương lý trong làng thấy cơ hội làm tiền được, đòi khám nghiệm tử thi, coi cô Ninh chết do bức tử. Bà Diêu phải lo lót, bán đi năm mẫu ruộng mới yên chuyện.

Sau lần ấy, bà Diêu ốm nặng, thành người lẩn lộn, dở khôn dở dại.

Phong lớn lên, học chữ quốc ngữ. Tính nết Phong lông bông, ương ngạnh. Phong được ăn tự cả cơ ngơi hơn chục mẫu ruộng nhưng không thiết, tất cả giao cho chị gái quản lý. Chị Phong tên là Cẩm, con bà hai, ở vậy không lấy chồng, tính nết nhu mì, hiền thực.

Phong ra Hà Nội học, thỉnh thoảng mới về nhà. Một hôm, Phong dẫn về một người đàn bà hơn Phong đến chục tuổi, người cao lớn, đen đúa, răng vàng, bụng chửa khệ nệ. Phong bảo bà Cẩm: "Đây là cô Lan, sinh viên trường thuốc, cháu của ông Tân Dân làm báo ngoài Hà Nội. Chúng em ăn ở với nhau được một năm rồi". Bà Cẩm tái mặt, ngồi im không biết nói sao. Cô Lan cúi đầu, mặt đỏ như gấc, tay mân mê tà áo may bằng thứ vải lụa Bom-bay, cổ khoét rộng, lộ một chuỗi dây chuyền bằng vàng. Bà Cẩm hỏi: "Thế cậu mợ tính sao?". Phong bảo: "Cô Lan ở nhà. Em ra Hà Nội hùn vốn làm báo". Bà Cẩm bảo: "Cậu ơi, nhà ta xưa nay làm ruộng, mổ thịt lợn. Tôi nghiệm những người bỏ quê ra ngoài mua may đều không ra gì. Cái chí của cậu, tôi là đàn bà không biết nói sao, chỉ khuyên cậu nên chừng mực thôi". Phong thọc hai tay vào túi áo vét, mỉm cười: "Merci". Bà Cẩm ngờ ra không hiểu em trai nói gì. Đến bữa, cô Lan xơi có nửa bát cơm, ngồi gầy gầy



từng hạt một. Có món canh khế nấu thịt nạc rất ngon, bà Cẩm chan vào bát ép ăn. Phong giãy nảy: "Chết, nhà em kiêng ăn hành". Bà Cẩm đỏ bừng mặt. Cơm xong, Phong phải ra chợ Kê Noi mua hai chiếc bánh dày cặp chả cho vợ ăn.

Cô Lan ở nhà một tuần đầu không ra khỏi buồng, chỉ toàn nằm đọc sách. Bà Cẩm sợ Phong, cứ nín nhịn không nói năng gì. Một hôm cô Lan hỏi bà Cẩm: "Nhà ta có bao nhiêu ruộng?". Bà Cẩm bảo: "Hơn chục mẫu. Cậu Phong bán đi tám mẫu mang tiền ra Hà Nội làm ăn. Nhà bây giờ còn ba mẫu. Lại còn một phần thịt lợn ở chợ Kê Noi". Cô Lan hỏi: "Phần thịt ai trông?". Bà Cẩm bảo: "Tôi thuê ông Bình là người trong họ. Vốn mình bỏ ra, còn lãi chia đôi". Cô Lan bảo: "Từ mai tôi trông coi phần thịt". Hôm sau ra chợ xem xét, bụng mang dạ chửa nhưng cắt đứt việc đầu vào đấy, tiền nong rạch ròi, bà Cẩm với ông Bình hải lắm. Ông Bình không dám ăn bớt một xu.

Bà Diêu ngày càng yếu, lẫn lộn, cứ quanh quẩn trong buồng, ỉa đái ngay chỗ nằm. Phong bảo: "Sao con mẹ này sống dai thế?". Cô Lan bảo: "Cho liều thuốc chuột là yên". Phong bảo: "Không cần, cứ để đói vài ngày". Nói xong quay ra bảo bà Cẩm: "Từ hôm nay đừng cho mẹ Cả ăn nữa, tám mươi hai tuổi rồi, sống làm quái gì?". Bà Cẩm sợ hãi: "Cậu ơi, cậu nghĩ lại đi, phải để phúc đức cho con cháu chứ?". Phong trừng mắt, bảo: "Con ác tặc này nó giết mẹ tôi chị có biết không?". Bà Cẩm cứ kêu khổ. Phong khóa cửa lại rồi cất chìa khóa vào túi áo vét.

Bà Diêu bị nhốt trong buồng, đói khát lắm, bốc cả phân ăn. Mỗi ngày một lần, Phong mở cửa khóa xem đã chết chưa. Đến hơn nửa tháng, bà Diêu vẫn sống nhăn răng. Phong phát hoảng, bảo vợ: "Con mẹ này là phù thủy chắc? Hay nó luyện được thuốc trường sinh?". Cô Lan đến xem, thấy có một hạt cơm rơi ở dưới chân giường, cười nhặt bảo rằng: "Mẹ Cả anh còn sống lâu lắm. Khéo nó còn sống để chôn anh với tôi cơ đấy". Lại hỏi Phong: "Chìa khóa để đâu?". Phong chỉ vào áo vét treo ở tường. Cô Lan bảo: "Thảo nào. Anh đưa đây để tôi phá phép của con phù thủy này cho". Nói rồi cầm chìa khóa cho vào cái ví xách tay.

Khoảng nửa đêm, cô Lan bấu Phong dậy. Cái áo vét Phong treo ở sập gụ gian ngoài. Dưới bóng trăng mờ mờ, thấy một bóng đen đang lần sờ túi áo. Cô Lan cầm tay thước gỗ lim quật thẳng vào đầu bóng đen, chỉ nghe "ối" một tiếng rồi ngã vật xuống. Phong thắp đèn lên thấy bà Cẩm máu me đầm đìa trên trán. Cô

Lan bảo: "Khổ quá, tôi cứ tưởng trộm". Phong gắt bà Cẩm: "Chị lần ra đây làm gì?". Bà Cẩm rên hừ hừ, mặt úp vào bát cơm nguội đầy máu trên sập gụ.

Ba ngày sau, bà Diêu mất. Phong làm ma tử tế, đặt tên hiệu là Đoan Thuận. Còn bà Cẩm, vai trò quản lý lu mờ đi. Cô Lan đứng ra điều hành toàn bộ công việc. Đứa con gái cô Lan để đặt tên là Huệ. Cô Lan thuê một người vú để trông nom nó. Con bé lớn lên, kháu khỉnh, nhưng mẹ nó không thích nó. Việc nuôi dạy nó được giao hoàn toàn cho người vú và bà Cẩm.

## 7.

Ông Tân Dân tên thật là Nguyễn Anh Thường. Trong làng báo, làng văn, ông khá nổi tiếng. Người ta cũng có trách ông là hay la liếm, ăn tham như mõ, nhưng việc đó không can hệ gì. Ông Tân Dân bảo Phong: "Văn chương phải bắt chấp hết. Ngập trong bùn, sục tung lên, thoát thành bướm và hoa, đấy là chí thánh". Phong chỉ gật đầu. Ông Tân Dân và Phong hùn vốn làm ăn, nói là làm báo, nhưng thực chỉ buôn giấy.

Một hôm, ông Tân Dân bảo Phong: "Tôi vừa xin được giấy phép buôn muối. Chú ra tay đi. Chú xuống Phát Diệm, ở đấy có cha Tất là người tôi quen. Việc lấy hàng cha Tất lo. Ta lên miền núi bán. Tôi đi Sơn La, tìm lão tri châu Cẩm Vĩnh An bàn bạc". Phong gật đầu.

Phong đến Phát Diệm, tìm đến nhà thờ đá. Đây là một khu đất rộng đến vài ba mẫu gồm cả một hệ thống vừa công viên, vừa lăng tẩm, vừa nhà thờ, vừa trường dòng, xây cất rất công phu. Phía trước có một hồ bán nguyệt rộng, nước trong vắt, nhìn rõ cả những con cá bơi lội tung tăng. Lại có cả những núi đá giả đặt tượng Đức Mẹ và Chúa Giêsu trắng toát. Phong đứng nhìn, lòng rất thán phục, bèn ngh thăm: "Mẹ khi, cả nước mình có lẽ chỉ có công trình này được gọi là công trình kiến trúc của muôn đời. Đạo Thiên Chúa là thứ đạo gì ghê gớm vậy?"

Quanh quẩn một lúc, thấy có người bố già đi ra dẫn Phong đi vào. Cha Tất còn trẻ, trắng trẻo, trán cao, có đôi mắt rất hóm. Đọc xong thư của ông Tân Dân, cha Tất mời Phong ngồi, đoạn vẫy tay ra phía đằng sau. Có một thiếu niên mặc áo chùng đen bụng trà ra mời. Lại thấy hai thiếu niên cũng mặc áo chùng đen đứng sau

lưng hầu quạt. Phong uống nước, thấy trà thơm lòng. Phong hỏi: "Thưa cha, việc chúng con nhờ cậy liệu có thành không?" Cha Tất nhỏ nhẹ: "Kinh Thánh nói: 'Có ai trong anh em, khi con mình xin bánh lại cho nó hòn đá không?'. Con cứ yên tâm, cứ ở đây nghỉ rồi đâu vào đấy". Phong xin phép ra ngoài nhà trọ, Cha Tất bằng lòng.

Phong nằm trên gác nhà trọ, trời mưa tí tách. Kề kề một túi tiền nên Phong không dám đi đâu. Chủ quán trọ suốt ngày cứ ngồi ủ rũ trước hiên nhà trông ra ngoài đường. Phong buồn quá, hết đứng lại ngồi, giở đi giở lại cuốn truyện Trê Cóc in trên giấy bản, đọc đi đọc lại. Phong không biết nhà này có bao nhiêu người mà chẳng có ai đi ra đi vào gì cả. Một hôm, Phong đánh liều hỏi chủ quán: "Ở đây có con điểm nào xinh không?". Chủ quán gật đầu. Phong bảo: "Gọi cho tôi một đứa". Chủ quán hỏi: "Ông thích loại còn tân hay đã mất tân?". Phong vỗ đùi đánh đét: "Còn tân thì nói gì nữa?". Chủ quán đứng dậy, đi xuống nhà ngang, lát sau dẫn lên đứa con gái trạc mười lăm tuổi. Chủ quán bảo: "Đây là con gái tôi". Phong uống nước, suýt nữa thì ghen.

Đứa con gái mới lớn, chưa biết gì về chuyện hoa nguyệt, Phong cũng thương thương nhưng rồi tặc lưỡi: "Bản khoán làm gì, tất cả rồi sẽ qua đi". Phong kéo nó lên gác, con bé vừa đi vừa làm dấu, miệng kêu tên chúa.

Được vài ngày, ông bố già đến gặp Phong bảo: "Chuyện của cậu cha Tất lo xong rồi. Cậu về Hà Nội mà nhận hàng". Phong cầm giấy tờ, giao tiền cho ông bố già, cứ thăm phục tay cha cố trẻ măng mà làm việc đâu vào đấy.

Phong về Hà Nội, tìm đến nhà ông Tân Dân. Đây là lần đầu tiên Phong đến nhà riêng của lão. Phong bấm chuông gọi, một con chó Tây lao ra. Một người bồi đi sau gọi: "lu lu". Con chó cụp đuôi đi vào. Người bồi hỏi: "Ông cần gì?". Phong bảo: "Tôi là Phong". Nói rồi đưa danh thiếp ra. Người bồi bảo: "Ông Tân Dân đi Sơn La chưa về, nhưng có thư gửi ông để ở trong nhà. Mời ông vào gặp bà chủ". Phong đi theo người bồi vào nhà, thấy nhà cửa, đồ đạc sang trọng, bài trí rất có gu. Phong nghĩ thầm: "Lão này đều. Thế mà cứ giả nghèo giả khổ. Lúc nào cũng vay tiền mình". Ngồi một lát, thấy có tiếng dép loẹt quẹt rồi một thiếu phụ trạc ba mươi tuổi đi ra. Phong đứng dậy chào, thấy thiếu phụ đẹp rất đài các. Thiếu phụ bảo: "Chào ông Phong. Tôi là Thiều Hoa. Ông nhà tôi có thư gửi ông". Hai người cùng ngồi, nói dăm câu chuyện băng quơ, đại để như chuyện thời tiết, giá cả. Phong thấy Thiều Hoa lịch lãm,



trong lòng thích lắm. Thiều Hoa khép vạt áo bảo: "Ông đọc thư đi". Nói xong mỉm cười. Phong cầm thư bảo: "Xin lỗi bà". Thư viết:

"Kính gửi ông Phong, bạn armour của tôi. Tôi đi Sơn La từ hôm 16 tháng Junons. Việc bán hàng cho Cẩm Vĩnh An đã đâu vào đấy, chỉ chờ hàng lên là lấy tiền. Phiên ông lo giúp việc đưa hàng lên sớm ngày nào hay ngày ấy. Nếu cần thì ông lấy mấy tên người nhà cu/a tôi đi theo. Với trí mẫn tiệp và sự tháo vát của ông, tôi tin vạn sự như ý. Bệnh thấp khớp khiến tôi không về lo việc cùng ông được. Mong gặp ông ở Sơn La. Chúc ông với gia quyến bình an. Rất kính trọng ông. Ký tên: Tân Dân".

Phong đọc thư xong, cười nhạt. Thiều Hoa hỏi: "Thưa ông Phong, ông thấy công việc ra sao?". Phong bảo: "Thưa bà, xin bà đừng bận tâm, chồng bà là một thiên tài". Thiều Hoa đỏ mặt: "Ông quá khen, nhiều khi tôi thấy nhà tôi ích kỷ ghê gớm". Phong cười: "Đấy cũng là một tính cách thiên tài". Thiều Hoa bảo: "Nhà tôi rất khen ông". Phong hỏi: "Thưa bà, về mặt nào?". Thiều Hoa bảo: "Nhà tôi bảo ông là một gentleman". Phong bảo: "Thưa bà, tôi muốn mời bà một bữa cơm nhạt ở phố Hàng Buồm. Nếu bà từ chối thì tôi không xứng với lời khen ấy". Thiều Hoa lưỡng lự rồi gật đầu.

Phong về nhà (Phong có một nhà riêng ngoài phố) nghĩ ngợi: "Lão Tân Dân đểu thật, vốn mình bỏ ra, bao nhiêu công việc vất vả cũng mình, lão ấy chỉ ngồi hưởng. Được, xem lão ấy hưởng những gì". Bèn đứng dậy, gọi xe tay bảo đưa đến Hàng Buồm đặt tiệc. Đến hiệu cao lâu, Phong gọi lão hoa kiều Vương Bình đến bảo: "Ngộ làm cho tôi một bữa ăn đặc biệt hai người. Cho nhiều thuốc kích dục vào". Vương Bình gật đầu.

Buổi chiều, Phong đến đón Thiều Hoa. Hai người ăn uống vui vẻ, đầu tiên giữ ý, về sau thuốc ngấm, cứ kề vai nhau lời lả. Phong dìu Thiều Hoa vào buồng. Lão Vương Bình đóng cửa ngòi canh. Sau lần ấy, họ còn đi lại với nhau vài lần nữa. Thiều Hoa gặp Phong trẻ trung, thật như đại hạn gặp mưa rào. Hai người thề thốt sẽ sống với nhau.

Đến ngày hẹn, Phong ra bến sông Cái nhận hàng rồi đi Sơn La.

8.

Đoàn xe ngựa thô muối đi hơn nửa tháng mới đến Sơn La. Nhà Cẩm Vĩnh An ở dốc Bản Mạt, nhà quan mà cũng chẳng khác gì nhà những người Thái khác, được cái to hơn, gỗ tốt hơn. Ông Tân Dân giới thiệu Cẩm Vĩnh An với Phong, An chẳng tỏ vẻ gì ra mặt. Phong liếc nhìn, thấy An tướng ngũ đoản, da dẻ hồng hào, mi mắt sùm sụp, điệu bộ chậm chạp, có vẻ như người suy nghĩ chậm. Phong gầy rộc đi sau chuyến đi vất vả. Thấy ông Tân Dân ngày nào cũng ba bữa rượu rồi vác súng đi săn, ngồi tán nhảm, thì bức lắm. Ông Tân Dân bảo: "Tôi biết chú vất vả, chuyến này thì chú công đâu". Phong chẳng nói năng gì, lát sau hỏi xin Cẩm Vĩnh An ít rượu mật gấu để bóp chân tay.

An hỏi: "Có bao nhiêu muối?". Phong bảo: "Tám tấn". Ông Tân Dân giẫy nảy: "Chết, ta thỏa thuận với nhau những hai mươi tấn cơ mà". An bảo: "Người Kinh các ông nói một đằng làm một nẻo?". Phong bảo: "Tôi giao đợt đầu tám tấn, giao đến đâu lấy tiền đến đấy, sao bảo nói một đằng làm một nẻo?". An bảo: "Ông Tân Dân đã lấy tiền cả hai mươi tấn". Ông Tân Dân bảo: "Tôi lấy tiền trước, trích phần lãi để mua thuốc phiện mang về Hà Nội". Phong bảo: "Tôi chẳng chơi. Nhà nước cấm buôn thuốc phiện, khéo mà tù. Ông chỉ nên lấy số lãi của ông mà mua thôi". Ông Tân Dân bảo: "Gay thật, tôi trót mua rồi thì sao?". Phong bảo: "Không sao cả, ông ghi cho tôi cái văn tự nợ, có quan tri châu ở đây đứng làm chứng". An bảo: "Phải". Ông Tân Dân tái mặt.

Buổi chiều hôm ấy oi bức. Ông Tân Dân phải hoàn lại số tiền mười hai tấn muối chưa lấy cho Cẩm Vĩnh An rồi ghi văn tự nợ với Phong. Phong bắt ghi rõ thời hạn trả tiền là một tháng, nếu không thì gán nhà riêng. Thuốc phiện trót mua rồi, ông Tân Dân cực chẳng đã phải chịu.

Sáng hôm sau, ông Tân Dân vội vã thu xếp về xuôi, bảo Phong cùng đi với mình. Phong bảo: "Ông đi trước đi. Tôi phải ở lại ít ngày mới hoàn sức được". Cẩm Vĩnh An bày tiệc tiễn đưa. Phong kêu mệt nằm trong buồn ngủ.

Ông Tân Dân đi rồi, Phong nhồm dậy, lấy ra hai chục vuông vải đen, ba chục vuông vải đỏ nói với Cẩm Vĩnh An: "Tôi được hân hạnh biết quan tri châu. Hôm qua còn một dâng quà biếu bất tiện, hôm nay mới có cơ hội". An gật đầu. Phong lại nói: "Số muối ước định với quan tri châu là hai mươi tấn, việc này không làm đơm

sai, ba ngày nữa số muối còn lại sẽ lên đến nơi". An cũng gật đầu. Phong lại nói: "Khi muối đến nơi, chỉ lấy tiền mười tấn, còn hai tấn xin biếu để nhà ăn dần". An cũng gật đầu. Phong lại nói: "Tôi làm ăn với ông Tân Dân nhưng coi như kẻ thù. Ông Tân Dân mang thuốc phiện là việc không hay, xin quan tri châu nên báo với nhà chức trách". An cũng gật đầu.

Hôm sau, Cầm Vĩnh An cưỡi ngựa đi sớm. Buổi chiều An về báo Phong: "Ông Tân Dân đi đến Yên Châu thì bị tóm rồi". Hai người cùng cười. An lấy ra một túi bạc trắng báo Phong: "Đây là tiền thưởng". Phong bảo: "Quan tri châu chia làm ba phần. Một phần để phụ nữ trong nhà sắm quần áo mới". An bảo: "Nhà tôi nhiều đàn bà lắm". Phong bảo: "Thế thì chia bốn".

Ngày hôm sau, đoàn ngựa thô chở số muối còn lại đến nơi, Phong ra xem xét, thấy không thất thoát gì, mừng lắm, thưởng hậu hĩnh cho bọn phu áp tải. Cầm Vĩnh An hài lòng, tiễn Phong ra về bằng một bữa tiệc rất to, thịt một con trâu. Trong bữa tiệc, An nèo Phong ăn món nậm pịa ( giống như phèo trâu ). Phong ăn nhưng ngậm trong mồm rồi ra đầu quán nhỏ toẹt xuống sàn.

## 9.

Về Hà Nội, Phong báo cho Thiều Hoa biết việc ông Tân Dân bị bắt. Thiều Hoa hỏi: "Liệu tù bao nhiêu năm?". Phong bảo: "Cầm Vĩnh An hứa không dưới mười năm". Thiều Hoa bảo: "Ra tù chết là vừa".

Phong về Kẻ Noi bàn với cô Lan việc cưới Thiều Hoa. Cô Lan tức lắm, nhưng biết Phong nhẫn tâm, lắm thủ đoạn, nếu có gây sự thì chỉ thiệt mình, vì vậy đành nín nhịn. Đám cưới Phong với Thiều Hoa rất long trọng. Phong bán cơ ngơi của ông Tân Dân, sau khi ông Tân Dân bị tuyên án vỡ nợ và bị xử mười năm tù. Thiều Hoa có một đứa con với ông Tân Dân, thằng bé tên là Hạnh, đầu to tướng, có tật ở chân, đi đứng cứ nhảy như con cào cào.

Bấy giờ cô Lan đẻ thêm một đứa con gái nữa, đặt tên là Cúc. Còn Huệ, Phong đưa ra Hà Nội ở, sau này lấy chồng tên là Điềm. Điềm là họa sĩ chuyên vẽ minh họa cho tờ báo mà Phong hùn vốn. Cha mẹ Điềm làm nghề bán tạp hóa.

Rằm tháng bảy, Phong đưa Thiều Hoa về Kẻ Noi làm sinh nhật năm mươi tuổi. Phong bàn với cô Lan và Thiều Hoa làm cỗ to

mời khách. Hôm ấy trăng sáng, Phong trải chiếu hoa ngồi bên hè nhẩn nha uống nước nọ vãi. Bà Cẩm nằm võng ru con bé Cúc, ru rằng:

*"Ông giăng kia ông ở trên trời*

*Hỏi ông có biết sự đời cho chẳng?*

*Sự đời nhít nhít nhăng nhảnh*

*Nghe ra chẳng biết mà rằng nực cười. . ."*

Dưới nhà ngang, cô Lan đứng chỉ bảo những người trong họ đến làm giúp. Bà Cẩm lại ru, Ru rằng:

*"Cái cò đi đón cơn mưa*

*Tối tắm mù mịt, ai đưa cò về?*

*Cò về thăm quán cùng quê*

*Thăm cha thăm mẹ, cò về thăm ai . . ."*

Phong bảo: "Mười năm nữa, giới cho ta sống, làm ăn được, ta lên thượng thọ sẽ khao cả làng". Thiều Hoa bảo: "Gớm! Cứ ăn chơi lăm thì liệu có sống được năm năm không?".

Bà Cẩm lại ru. Ru rằng:

*"Làm giai cho đáng nên giai*

*Phú Xuân cũng trải, Đồng Nai cũng từng".*

Phong hỏi bà Cẩm: "Cái con bé đang vật lông gà kia tên là gì, con nhà ai?". Bà Cẩm bảo: "Đấy là cái Chiêm, con ông Mùa". Phong hỏi: "Có phải ông Mùa hồi trước vẫn cống tôi ra dê xem điều không?". Bà Cẩm bảo: "Phải". Phong hỏi: "Ông Mùa dạo này thế nào?". Bà Cẩm bảo: "Ông Mùa đông con, cơ cực lắm. Đậu, tháng ba, ốm suýt chết". Phong nói với con rể: "Mày là họa sĩ, mày thấy con bé Chiêm có đáng là hoa hậu của quê tao không?" Diễm bảo: "Con thấy bình thường". Phong bảo: "Mày không biết nhìn. Mày chỉ thấy quần áo. Đấy là vì mày kém từng trải". Diễm gật gù: "Con chịu bố". Thiều Hoa bảo: "Hai bố con, chuyện ấy chẳng ai kém ai".

Ngày hôm sau, khách ở Hà Nội về hơn ba chục vị. Ô tô đậu kín một đoạn đê. Có các quan chức, nhà văn, nhà báo, nhà buôn. Một số bà vợ cũng đi theo chồng. Lễ vật bày kín trên tám sập gụ kê giữa nhà thờ. Phong ra tận cổng đón khách. Thiều Hoa lộng lẫy đứng bên. Cô Lan tất bật chỉ bảo công việc bếp núc.

Khoảng gần trưa, cánh hương lý trong làng đến chào. Cũng tới hơn hai chục người. Phong mời cả vào trong nhà tiền tế, pháo nổ âm ỉ.

Ông Tô Phương, nhà buôn, đứng lên thay mặt quan khách chúc mừng. Vô tay ran lên. Phong bắt tay ông Tô Phương, bảo: "Cám ơn ông, cám ơn chư vị. Đứng ở nhà mình, xung quanh có vợ con, hàng xóm, bạn bè, uống một cốc rượu cất bằng thứ gạo cấy trên mảnh ruộng nhà mình, thế là sướng, dầu rằng biết đời cũng là phù du". Mọi người gật đầu. Ăn uống đến hơn ba tiếng mới xong. Sau tiệc mặn là bánh ga-tô, trên đĩa bánh nào cũng có chữ Phạm Ngọc Phong bằng bơ. Mấy ông ký lục trong làng dùng tay nhón bánh bỏ vào mồm, dây bơ ra cả ngón tay, thấy bản lại bôi xuống chiếu.

Sau tiệc, Phong cho Thiều Hoa ra Hà Nội trước, còn mình ở lại Kẻ Noi nghỉ ba tháng. Thời gian này Phong đi thăm thú trong làng, thấy có một số nhà giàu mới lên nhưng cũng có nhiều nhà nghèo lắm. Nhìn chung, tất cả là sự lam lũ nhếch nhác bao trùm. Có hôm Phong lên bờ đê hóng mát, nằm dài trên bãi cỏ xanh mà nhìn trời cao, thấy những cánh cò thấp thoáng bay về phía xa.

Một hôm, Phong đang ngồi trên đê thì thấy một đám xúm đông xúm đỏ. Đến gần, thấy ông lão xẩm kéo nhị và đứa bé con đang hát. Phong lắng nghe, thấy lời lẽ mơ hồ nói về nhân, hiếu, lễ, nghĩa. Bên cạnh, có một anh ngồi nặn những con giống tò he xanh đỏ trên met thúng với nắm bột nếp, nặn cả những anh hùng ngày xưa, vị nào cũng quắc thước. Phong thấy cô Chiêm đứng xem, gánh cổ đằng sau, mắt long lanh sáng, đôi môi cắn chỉ nhay cọng đòng đòng, những giọt mồ hôi đọng ở hai bên thái dương.

Đi về, Lan hỏi Phong: "Ông sao buồn thế? Hay là tương tư con bé nào rồi?". Phong bảo: "Tôi thích con bé Chiêm quá". Cô Lan bảo: "Để tôi hỏi làm vợ bé cho ông. Con bé chịu khó. Tôi cũng mến nó". Phong bảo: "Tôi đội ơn bà". Cô Lan bảo: "Ơn huệ gì. Ông tuổi Dần, ông đã để ý đến ai thì trước sau gì ông chẳng ăn thịt người ta". Vài ngày sau cô Lan cho mời đến nhà ông Mùa đánh tiếng. Ông Mùa sợ lắm. Cô Chiêm giãy nảy, dọa đi tự vẫn. Phong thấy không ổn, mắng rằng: "Thân lừa ưa nặng, ông hỏi han tử tế không xong thì cho cả họ nhà mày khốn nạn". Ông Mùa ra sức ép con, họ hàng xúm vào dỗ dành. Cuối cùng cô Chiêm phải chịu. Đám cưới tổ chức linh đình, cô Chiêm đi về nhà chồng như người mất hồn.



Vài năm sau cô Chiêm đẻ ra hai đứa con trai, đứa đầu đặt tên là Phạm Ngọc Phúc, đứa sau đặt tên là Phạm Ngọc Tâm.

10.

Một thời gian dài, Phong ở Kẻ Noi, công việc ngoài phố giao cho Thiều Hoa và Diễm quản lý. Một hôm Thiều Hoa bảo Phong: "Có tay nhà thơ bán tập bản thảo hay hay, tôi định ghi tên của ông rồi cho xuất bản". Phong trừng mắt bảo: "Nhảm nhí! Rõ chuyện đàn bà. Danh hiệu nhà thơ là thứ danh hiệu nỡm người bạc phúc. Thơ chỉ là thứ du dương bất lực. Khi nào nó vui hơn thì chẳng ra gì". Thiều Hoa hỏi: "Thế tôi bảo nó chữa lại rồi ghi tên tôi được không?". Phong bảo: "Đàn bà không có thơ đâu. Thơ là những tâm sự lớn. Đàn bà thì tâm sự gì. Thơ phải cao cả. Mỗi tháng các bà hành kinh một lần thì cao cả gì". Thiều Hoa đỏ mặt. Chuyện này bỏ qua, không nói nữa.

Một hôm, trên tờ báo mà Phong hùn vốn có bức tranh vẽ một ông bị vợ cầm cái sừng hươu lên đầu, khách đi vào treo mũ lên đấy, khuôn mặt người này trông rất giống Phong. Phong xem báo, dò hỏi xem ai vẽ tranh. Nhân viên trong báo chối quanh, nói là không biết. Phong bực mình, dọa đuổi cổ viên tri sự. Người này thú thật có kẻ đến đưa tranh cho in, hứa thưởng cho tiền. Phong hỏi: "Chuyện tôi mọc sừng có à?". Người này bảo: "Nghe phong phanh khi ông ở quê, cậu Diễm với bà Thiều Hoa thân mật lắm". Phong cười nhạt bảo: "Cám ơn ông. Ông về làm việc đi. Lần sau nhớ phải vì lợi ích của chủ. Không nhớ điều ấy thì đừng làm báo". Người này bần khoản: "Tôi tưởng báo chí chỉ phụng sự tự do, bình đẳng, bác ái". Phong bảo: "Ông hay đùa nhỉ. Mời ông đi ra, tôi mà câu lên thì ông ăn cứt".

Phong về nhà, vô cớ đập tan cái gương treo tường. Thiều Hoa hỏi: "Ông chán cái mặt ông à?". Phong không trả lời. Thiều Hoa bảo: "Ông mệt rồi, nên nghỉ đi". Phong bảo: "Mai tôi về quê".

Hôm sau trời mưa to, bong bóng nước nổi lênh bênh trước hiên nhà. Phong ngồi gập chiếc thuyền giấy thả theo dòng nước. Bỗng đứng dậy, đòi đi về quê ngay giữa lúc mưa. Thiều Hoa và Diễm ngăn lại không được.

Phong lấy ô che đầu đi bộ ra đường. Một lúc ô ướt, nước thấm vào người. Phong tức mình vất cả ô đi. Càng ngày mưa càng to,

Phong cứ đầu trần đi giữa lòng đường. Một chiếc xích lô đi ngang qua kêu "Úp, ếp!".

Phong quay lại, không gọi cổng mà lấy chìa khóa riêng mở cửa vào nhà. Thiều Hoa và Diễm đang nằm hủ hí với nhau, thấy Phong về, mặt cắt không còn hạt máu.

Phong bắt Thiều Hoa ngồi rồi cũng ngồi vào ghế. Diễm run như rě, đứng ở trước mặt. Phong hỏi: "Hai người ngủ với nhau mấy lần rồi?.". Thiều Hoa bảo: "Thưa, sáu lần". Diễm bảo: "Một lần ở vườn hoa Bôn-bo là bảy". Thiều Hoa bảo: "Lần ấy vội vàng thì tính làm gì". Phong bảo: "Bảy lần hay bảy bảy lần? Thành Diễm, tao nuôi dạy mày mà mày trả hiếu thế à? Mày quỳ xuống, liếm chân vợ tao với tao không thì mày chết".

Diễm quỳ xuống đất, Thiều Hoa rứt chân vào, liếc mắt thấy Phong trừng mắt lại đưa chân ra. Diễm đưa tay đỡ chân Thiều Hoa đưa lên ngang miệng rồi bò sang phía chân Phong. Phong đập chiếc giàyбет bùn vào giữa mặt Diễm rồi bảo: "Cút đi".

Phong bảo Thiều Hoa: "Thằng hèn như thế mà đi hiến thân cho nó". Nói xong lên gác, nằm lăn ra, úp mặt vào gối mà khóc. Chiều hôm ấy sốt li bì. Thiều Hoa một lòng săn sóc Phong, ngày đêm tận tụy bên cạnh không lúc nào rời. Được nửa tháng thì Phong khỏe lại, trở nên ít nói, tính tình thay đổi, cư xử với mọi người hết sức lạnh lùng.

## 11.

Sau đợt ốm, Phong thường ngồi nhà tư lự. Một hôm bà Vân bán hàng khô ở chợ Đồng Xuân đến thăm, biểu Phong hai cân mứt sen với mấy lạng chè. Phong hỏi: "Chợ búa dạo này thế nào?". Bà Vân bảo: "Thời khó khăn, chúng em làm ăn cơ cực lắm". Phong bảo: "Tiền bạc không biết thương người có tâm". Bà Vân bảo: "Em muốn giật nóng ông bà món tiền, định liêu buôn chuyến cảnh kiến, có người đặt hàng, nhưng em không có đủ tiền". Phong hỏi: "Bà vay bao nhiêu? Bao giờ trả?". Bà Vân bảo: "Vay một tháng, lãi mười phân". Phong bảo: "Dạo này tôi cũng cạn tiền. Thôi được". Rồi thở dài: "Tôi không thích phụ nữ lẫn lộn kiếm sống. Phụ nữ phải lành lặn, sạch sẽ". Bà Vân bảo: "Ôi giờ, em cũng biết thế, nhưng không lẫn lộn thì lấy gì mà ăn. Ông mà cầm quyền thì bọn chúng em được nhờ". Phong bảo: "Chính trị rặt trò mờ ám, bỉ ổi".

Bà Vân bảo: "Có bà Tôn Nữ Phương ở Huế ra chơi đang ở nhà em, bà Phương giỏi tướng số, bói toán, để em đưa đến xem hầu ông bà".

Hôm sau bà Vân đưa đến một bà già mặc áo dài màu mỡ gà, trên ngực áo có thêu hoa. Bà Vân bảo: "Đây là bà Phương, người trong hoàng tộc". Phong gọi Thiều Hoa ra tiếp. Bà Phương bảo: "Xem cho ai trước?". Phong bảo: "Xem nhà tôi trước". Bà Phương ngắm nghía Thiều Hoa, bảo: "Bà vén tóc mai lên xem". Lại bảo: "Bà cho tôi xem tai phải". Lại bảo: "Bà đứng lên đi đi lại lại". Nhìn ngắm một lúc rồi nói: "Thưa bà, bà cốt cách sang quý, mông to, đầu nhỏ, đây là tướng bậc mệnh phụ phu nhân, từ bé đến lớn không vất vả gì, đi đâu cũng được mọi người yêu kính. Bà hai đời chồng. Miệng cười tươi thắm là chuyện thị phi có nhiều. Nhưng dù có tội vẫn được chồng tha. Trên trán có vết u tối, nhân trung méo xệch, tháng này đại hạn, sợ rằng khó toàn tính mạng". Thiều Hoa giật mình, mặt tái đi, vội hỏi: "Liệu có cách nào giải hạn được không?". Bà Phương bảo: "Thiên cơ bí mật. Biết nói ra sao. Số đã thế nào. Phải ai nấy chịu".

Bà Phương bảo Phong: "Ông cho tôi xem tay trái". Lại bảo: "Ông đứng lên đi đi lại lại". Rồi bảo: "Ông là người cơ mưu, gian hùng, nhưng lòng rộng, trọng nghĩa khinh tài, cả đời không chịu thiếu thốn tiềnทอง, vinh hoa phú quý đủ cả. Cái gì ông cũng tinh tế. Ông là hổ vàng, người đời theo ông còn mệt. Tháng này ông cũng có hạn, xin ông giữ mình".

Phong gật đầu, cũng không hỏi thêm. Sau đó pha trà, chuyển sang nói về Kinh Dịch. Phong hỏi: "Dịch chủ bốc phê. Điều ấy thế nào?" Bà Phương bảo: "Đúng đấy. Nhưng xem Kinh Dịch thoát được thì hóa thành thần, không thoát thì hóa ma quỷ. Trong vạn người, có khi cũng không có thần, chỉ có ma quỷ". Phong thấy bà Phương nói năng lưu loát mới hỏi: "Hồi trước bà có học hành gì không?". Bà Phương bảo: "Cũng có học hành đôi chút. Sống ở kinh đô, người tài có nhiều, cũng có cái may, nhưng mà họa nhiều hơn". Phong gật đầu, giữ bà Phương lại ăn cơm, sau đó biếu một số tiền đi đường.

Thiều Hoa từ hôm ấy lo lắng, đứng ngồi không yên. Phong bảo: "Bói toán là trò nhảm nhí. Nghĩ ngợi làm gì". Thiều Hoa bảo: "Tôi sợ lắm. Tôi nghe tin lão Tân Dân mới ra tù. Lão ấy nham hiểm, xin ông cẩn thận". Phong hỏi: "Ai bảo Tân Dân ra tù?". Thiều Hoa bảo: "Đêm qua tôi nằm mơ thấy lão Tân Dân về gọi



thằng Hạnh. Lúc ấy nửa đêm, thấy lão Tân Dân đưa cho thằng Hạnh một thùng sắt tây qua phía hàng rào". Phong bảo: "Mộng mi vợ vẩn". Nói thế nhưng Phong cũng đi xuống nhà ngang, thấy thằng Hạnh đang ngồi trên ghế ngủ gật hết như mọi ngày, cái đầu to tướng gục ở trước ngực, cái chân què vất đằng sau, Phong yên tâm đi lên nhà.

Đêm ấy, Phong đang ngủ say bỗng nghe tiếng kêu. Mở mắt thấy lửa lem lém. Phong đập cửa, thấy cửa khóa chặt. Sợ quá, Phong phá cửa sổ lao ra, bỗng thấy có một bóng đen nhảy múa như con cào cào, tay cầm can xăng tưới khắp nơi. Nhận ra thằng Hạnh, Phong nhảy bổ đến đè ra bóp cổ. Lửa cháy dữ dội, rất bỏng cả người. Phong bóp chặt cổ thằng bé đến lúc thấy hai mắt nó lồi ra rồi mới buông tay. Phong đứng lên, trông thấy cả căn nhà hai tầng đang cháy bùng bùng. Phong ném xác thằng Hạnh vào lửa rồi chạy ra ngoài thì bị một vật nặng giáng vào đầu, ngã lăn ra, mê man không biết tí gì.

## 12.

Chuyện lão Tân Dân ra tù, đốt nhà Phong để trả thù âm ỉ cả lên. Nghe nói lão Tân Dân sau đó trốn sang Cao Miên. Thiêu Hoa ở trên gác hai, không xuống được, bị chết thiêu. Phong bị bỏng sau lưng, phải nằm chữa bệnh, rất khổ sở.

Bấy giờ ở Kẻ Noi bà Cẩm đã chết. Cô Lan thấy Phong ít về quê nên thậm thụt đi lại với lão Trương cũng làm nghề bán thịt. Thấy Phong bị nạn, cô Lan cũng chẳng ra thăm, chỉ cho người mang tiền và quà ra. Về sau, nghe tin bệnh Phong nặng lắm, lão Trương ngang nhiên đi lại với cô Lan giữa ban ngày ban mặt. Ba mẹ con cô Chiêm sống dưới nhà ngang, không dám hé răng nói gì.

Một hôm có người bà con cùng họ Phạm ở Kẻ Noi đến thăm Phong. Người này bảo: "Họ Phạm thất lộc rồi. Bà Lan với lão Trương chiếm nhà, lão Trương đã cho dọn đồ đạc sang kê giữa gian tiền tế". Phong vùng dậy, khạc ra một bãi máu, bảo: "Tôi chưa chết đâu. Họ Phạm mất nhà thế nào được. Tôi còn thằng Tâm, thằng Phúc cơ mà".

Vài hôm sau, Phong gượng dậy bảo người diu đến nhà một viên luật sư quen biết. Ông này du học về, rất thạo pháp luật. Phong vào thấy ông luật sư đang ngồi tiếp một bà trạc bốn mươi

tuổi. Ông luật sư bảo: "Chào ông Phong. Ông ngồi xoi nước, chờ tôi một lát". Phong gật đầu, ngồi nghe chuyện của ông luật sư với người đàn bà. Đại để hai vợ chồng có đứa con trai mười hai tuổi, thằng bé rất hỗn, người vợ đánh con vô ý quật phải hòn đá thằng bé, thằng bé chết, người chồng vốn có tư tình với một bà khác, nhân thế kiện vợ giết con. Người vợ phân bua vô ý đả thương nên con chết, người chồng bác lại, muốn ghép vợ phải đi tù để ly dị, chia của cải. Người vợ bây giờ tìm đến luật sư giúp đỡ.

Phong nghe chuyện, thấy ông luật sư trích dẫn sách vở, đại để như điều 216, 217 thì ngán ngẩm, đứng dậy về. Ông luật sư hỏi: "Sao ông lại về!". Phong bảo: "Tôi có cái nhà ở quê, mấy đứa khôn nạn định chiếm, muốn nhờ ông can thiệp". Ông luật sư bảo: "Được thôi, theo điều 318...". Phong bảo: "Cám ơn ông. Chuyện này không có điều luật nào đâu. Tôi xử lấy thôi".

Chiều hôm ấy, Phong cho gọi một tên anh chị khét tiếng tên là Tước seo đến bảo: "Việc thế này... thế này... Bao nhiêu tiền?". Tước seo bảo: "Chúng tôi làm việc nghĩa, không mặc cả như bọn tầm thường". Phong bảo: "Tôi hiểu rồi. Ông cứ cầm tạm ít tiền cho tôi yên lòng. Không sao đâu. Tiền bạc là một việc, nghĩa cử là một việc, tôi nhâm lẫn thế nào được". Tước seo hài lòng ra về.

Ít bữa sau, lão Trương và cô Lan đang chuẩn bị dọn hàng ở chợ thì có một bọn người không biết ở đâu kéo đến gây sự. Lúc ấy đã chạng vạng tối. Bọn người kia xông vào đánh hai người, cô Lan chết ngay, còn lão Trương đưa về nhà ba hôm sau cũng chết. Khi nhà chức trách đến xem thì bọn người kia đã biến mất tăm.

Cuối năm ấy, Phong sức yếu nhiều, bèn lần lượt rút vốn buôn bán ở các nơi về.

### 13.

Hai đứa con trai cô Chiêm cách nhau tám tuổi. Thằng Phúc lên mười, thằng Tâm lên hai. Phong có ý định cho Phúc đi học, bèn về nhà bàn với cô Chiêm.

Dịp ấy đầu hè, trời nóng như rang đến hơn chục ngày, bỗng mây vần vũ kéo đến, sấm chớp nhằng nhằng. Thằng Phúc lần đầu được đi xa nhà thích lắm, cứ sốt ruột hỏi: "Đợi đến hết mưa thì đến bao giờ?". Cô Chiêm không muốn cho con đi học, nhưng sợ Phong, không dám nói. Thằng Phúc hỏi: "Thế tôi đi học ở luôn ngoài Hà

Nội à?". Phong bảo: "Tao gửi mày cho ông bạn tao là giáo sư văn chương nuôi dạy". Thằng Phúc đứng lên, đi khắp các phòng một lượt, lên cả nhà thờ, xuống bếp như muốn ghi nhớ tất cả những gì dính líu đến kỷ niệm ấu thơ của nó. Sau đó, nó ngồi ở cửa, mắt nhìn lên trời, ngóng mưa.

Từ phía đằng đông, mây đen kéo đến ùn ùn. Không có tí ti gió nào. Một vài hạt mưa rất to lộp độp rơi xuống mái ngói. Cô Chiêm đang xếp quần áo cho Phúc vào cái hòm gỗ trong nhà. Phong ngồi ở trên sập gụ quạt cho thằng Tâm ngủ. Thằng Phúc reo lên "Mưa đá". Reo xong nó chạy ra ngoài sân. Bỗng lộp một cái, rồi một tiếng sét long trời lở đất vang lên. Khói ở ngoài sân bốc lên một đụn đen ngòm khét lẹt. Cô Chiêm và Phong ngã lăn ra, mái ngói xô âm âm.

Lát sau, Phong tỉnh lại, tê dại cả người, thấy cô Chiêm đang gào khóc bên xác thằng Phúc giữa sân. Mưa như trút, nhưng mùi khét lẹt vẫn nồng nặc. Thằng Phúc nằm cong queo, người như bị rút hết nước, đầu nó trọc lóc, khô xém. Một mảng sân gạch Bát Tràng nát vụn.

Phong ốm liệt giường sau khi thằng Phúc bị sét đánh chết. Phong không ăn uống, người sốt rất cao. Đang nằm, Phong mơ thấy mình lạc vào địa ngục. Một cái vạc to lửa cháy bùng bùng, những con quỷ dạ xoa mặt đen tóc dài đang chum củi đun. Trong vạc, những người bị xích xiềng rên la thảm thiết. Phong thấy một người bảo: "Ta là Phạm Ngọc Liên đây". Lại thấy một người bảo: "Ta là Phạm Ngọc Gia đây". Lại thấy một người bảo: "Ta là Phạm Ngọc Chiêu đây". Lại thấy mấy người đàn bà bảo: "Ta là Diêu đây, là Lan đây, là Thiều Hoa đây". Phong giật mình dậy, thấy những người trong giấc mơ rất giống những người mình vẫn thường gặp, tựa như ông Liên thì giống ông chủ sự dây thép, ông Gia giống ông luật sư, ông Chiêu giống ông bán báo, cô Lan giống cô bán gạo, Thiều Hoa giống cô bán đường.

Cô Chiêm bế thằng Tâm ngồi cạnh giường Phong. Phong bảo: "Mình ơi, thằng Tâm là giọt máu cuối cùng của họ Phạm đấy. Chỉ mong giọt máu này đỏ chứ không đen như ông cha nó ". Nói xong thì nấc mấy cái rồi đi. Bấy giờ là giờ Dậu, ngày 13 tháng Ba năm Canh Thìn (1940).

14 .

Bấy giờ ai đến Kẻ Noi, huyện Từ Liêm vẫn thấy ngôi từ đường của dòng họ Phạm. Nó cứ trơ trơ trước mọi biến động cuộc đời, thời gian có làm cho nó cũ kỹ, mục nát, hư hỏng đi vài bộ phận nhưng về cơ bản không thay đổi. Nghe nói về sau cô Chiêm ở vậy nuôi Tâm, hai mẹ con chỉ trồng rau, nuôi lợn, làm đậu phụ bán. Tâm lớn lên, tự học, đọc nhiều sách vở, nhưng không thi cử hoặc đi làm gì.

Bà Chiêm mất năm ngoái, tức là năm Bính Dần (1986), thọ chín mươi tuổi. Mộ bà Chiêm để ở cánh đồng Cổ Cò, mộ hướng về phía sông Hồng, nơi có một cây gạo cổ thụ đơn độc. Dưới gốc cây, có ba đồng mồi đứng chụm vào nhau hơi giống ba ông đầu rau. Ở đây, vào mùa nước, người ta đồn Hà Bá với các quân tướng ba ba thường luồng vắn lên tụ họp đánh chén, đom đóm thấp đèn sáng rực thâu đêm, ếch kêu ồm ộp lẫn trong tiếng nhạc nghe như tiếng người nức nở.

## HẠC VỪA BAY VỪA KÊU THẮNG THỐT

Không hề ai biết hắn là một thi sĩ.

Hắn đến bến đò lúc 3 giờ chiều, giữa lúc nắng gay gắt. Hắn ở trên chiếc ô tô chạy than bước xuống, chiếc ô tô chở khách từ thị xã về bến đò rồi lại từ bến đò ngược về thị xã, mười ngày một bận. Chiếc ô tô sơn đen cà khổ, lèn chặt được mời sáu người cùng với đồ đạc. ống khói xả than gồ bằng tôn ở dưới đuôi xe dựng đứng lên trời.

Không hề ai biết hắn là một thi sĩ

Hắn đội chiếc mũ cát trắng rộng vành, chiếc mũ đã cũ ngả màu cháo lòng. Hắn không có đồ đạc gì cả ngoài một chiếc hộp sắt tây đựng bánh bích quy đã cũ, sơn đỏ trên có vẽ hình một cô gái mặc váy đang múa balê. Hắn cắp chiếc hộp ở nách như ông thầy bói vẫn cắp tráp sơn.

Không hề ai biết hắn là một thi sĩ.

Hắn đứng tần ngần một lát ở giữa ngã ba như để nhận đường rồi đi la cà dọc dãy phố chợ. Hắn hỏi một ông đứng trước cửa tiệm thuốc bắc.

Thưa ông, đây có phải là bến đò Vân không?

Ông này trả lời

- Vâng bến đò Vân.

Hắn cảm ơn ông ta rồi quay đi. Chừng như không yên tâm, hắn lại hỏi bà bán trầu cau ngồi cách đấy một đoạn:

Thưa bà, đây có phải bến đò Vân không?

Bà này trả lời:

Vâng, bến đò Vân.

Hắn cảm ơn rồi quay đi, hắn gật gật đầu, cời tùm tùm. Hắn rẽ vào một quán ăn ven đường. Giờ này quán ăn vắng khách, chẳng có ma nào. Bà chủ quán đang ngồi ngủ gà ngủ gật ở trên một chiếc ghế gỗ đặt nơi góc nhà.

Hắn đang hăng. Bà chủ quán giật mình tỉnh dậy, tươi cười chạy ra đón khách.

Hắn hỏi lại câu hỏi cũ:

- Thưa bà, đây có phải bến đò Vân không?

- Vâng bến đò Vân.

- Bà cho tôi mượn một chút rượu, lạc rang, thuốc Lào, một tờ giấy trắng, một chiếc bút chì.

Hắn ngồi ở chiếc bàn cạnh cửa sổ. Hắn để chiếc hộp sắt tây đựng bánh bích quy trước mặt.

- Thưa ông, rượu của ông đây! Lạc rang, thuốc Lào... giấy với bút chì thì cháu không có...

Bà chủ quán rụt rè mang các thứ bày lên mặt bàn.

- Thế nhà ta không có ai đi học cả à?

- Thưa ông, chẳng cứ nhà cháu... ở đây toàn người thất học. Người ta chỉ có biết mỗi tiền thôi!

Hắn cười như mếu. Ở đây đều thất học. Người ta chỉ biết mỗi có tiền thôi.

Không hề ai biết hắn là một thi sĩ.

Hắn nói:

- Bảy năm trước, tôi đã đến bến đò này. Hồi ấy quang cảnh vùng này còn thưa thớt lắm. Tôi nhớ chỗ này ngày xưa là một vườn cải.

- Vâng vườn cải nhà Tư Sửu. Nhà Tư Sửu bán đất cho nhà cháu, nhà cháu mở quán bán hàng được ba năm nay.

Bà chủ quán đi. Hắn thở dài. Hắn đã nếm trải bao nhiêu thay đổi trên đời.

Hắn rót rượu. Hắn lấy ngón tay chấm vào ly rượu rồi hắn viết lên mặt bàn mấy chữ nắn nót. Ngón tay hắn run run.

Hắn viết:

*"Chén ứa men lành, lạnh ngón tay"<sup>(1)</sup>*

*Không hề ai biết hắn là một thi sĩ.*

Vừa lúc ấy có mấy chiếc xe tay dừng trước cửa quán. Trên xe bước xuống là ba mẹ con nhà kia. Bà mẹ trạc 50 tuổi, rõ ràng là



bạc mệnh phụ phu nhân. Hai đứa con đi theo mẹ là cô con gái 18 tuổi mặc áo dài trắng và cậu con trai 14 tuổi mặc quần soóc, áo cộc tay. Người lão bộc lặc lè xách vào hai chiếc va-ly.

Phu nhân nói:

- Qua đò là về đến nhà. Mấy mẹ con ta vào đây nghỉ đã.

Họ vào quán. Phu nhân có vẻ thông thạo phong thổ vùng này vì đây là quê hương bà.

Bà chủ quán chạy ra vồn vã:

- Con lạy chào bà tham... con chào cô, con chào cậu...

Phu nhân tươi cười:

- Chúng tôi chào thím... cho chúng tôi ngồi chờ một lát, đợi lát nữa có người ra đón... thế vợ chồng thím dạo này có khoẻ hay không? Làm ăn thế nào?

- Thưa bà... vợ chồng con vẫn khoẻ, còn làm ăn thì kém lắm! Bà với hai cô cậu có dùng gì không để chúng con hầu?

- Không... không dùng gì... thím mang cho lão bộc đây một cốc chè xanh là được rồi.

Ba mẹ con ngồi trên chiếc ghế dài kê ở sát tường. Người lão bộc ngồi ở bậc cửa. Họ ríu rít nói chuyện đi đường, chuyện về những chiếc xe tay và người kéo xe.

Cậu con trai nói một câu tiếng pháp:

*Que diable est-ce que tout cela?*<sup>1)</sup>

Đấy là cậu muốn ám chỉ chiếc hộp bánh bích quy của người khách lạ ngồi bên cửa sổ.

Không hề ai biết hắn là một thi sĩ.

Hắn mở chiếc hộp bánh bích quy và lấy trong đó ra những cánh bướm đã ép khô lần lượt xếp lên bàn thành chữ "L".

- Ai đấy?

Phu nhân khẽ hỏi bà chủ quán.

- Dạ con không biết.

Cậu con trai không cưỡng nổi tò mò, thốt lên:

- Bướm đẹp quá... Thưa ông, ông là người sưu tập phải không?

- Không, tôi làm thơ!

Hắn trả lời. Hắn ngẩng mặt lên. Phu nhân sợ sệt vì hắn chẳng nhìn ai cả, chẳng có ai đáng nhìn, hắn chỉ nhìn chằm chằm có mỗi cô con gái bà.

Cô gái tán thưởng:

- Làm thơ?

Phu nhân lo ngại, đưa tay kéo hai đứa con sát lại gần mình.

- Thưa ông, nghề nghiệp của ông thật nguy hiểm - người lão bộc rụt rè nói.

Hắn mỉm cười. Hắn cười vì nhận ra ở mép cô gái có một nốt ruồi chứ không phải vì câu nói của người lão bộc.

- Sao lại nói thế? - phu nhân nhẹ nhàng quở trách.

- Thưa bà, con nghe quan chánh cấm nói với ông nhà là hề mà loạn là bắt ngay những người làm thơ trước đã.

Phu nhân lặng im. Cảm thấy không ổn, bà hỏi dè dặt:

- Thưa ông, nghề nghiệp của ông có dễ dàng không?

Hắn không trả lời. Hắn lại huyền những cánh bóm từ chữ "L" sang chữ "N".

Phu nhân hỏi tiếp:

- Thưa ông, tôi muốn hỏi ông kiếm sống có dễ dãi không?

Hắn nói:

- Không, tôi làm thơ!

Cậu con trai cảm thấy thú vị về người khách lạ. Cậu hỏi:

- Thưa ông, làm thơ có khó hay không?

- Khó với người không có tài!- hắn nói mà không ngẩng đầu lên. Hắn lại chuyển những cánh bóm từ chữ "N" sang hình trái tim.

Cô gái đảo đũa:

- Thưa ông, người ta nói "chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài" là thế nào ạ?

Hắn nhìn cô gái và cô đỏ bừng mặt vì xấu hổ. Cô chợt nhận ra câu hỏi của cô thật sự quá thể vô nghĩa. Nó là thói quen a dua với thời đời chứ đâu phải câu hỏi mà cô muốn nói, không phải câu

hỏi từ đáy lòng cô. Cô xúc động vì nỗi u hoài tê tái trong đáy mắt hần. Ánh mắt của hần như muốn nói rằng:

- Này cô gái, cô trẻ trung trong trắng thế kia mà sao cô lại đi hỏi một câu rắc rối, rỗng tuếch của người lớn như thế làm gì? Đây là câu hỏi của một cành cây khô héo chứ đâu phải của một bông hoa?

- Xin lỗi ông - cô gái bối rối nói - tôi không muốn hỏi thế! Tôi muốn xin ông một câu thơ được không?

Hần bảo:

- Được!

Hần nhòm người lên. Phong độ cử chỉ của hần bỗng nhiên hào phóng như một ông hoàng cho tiền bố thí. Tuy vậy, hần không có giấy bút nên hần lúng túng.

Cậu con trai tinh ý vội mang lại mấy tờ giấy và chiếc bút máy.

Hần gật đầu, hần nói:

- Để tặng tiểu th... tiểu thư tên là Nhi phải không?

Cô gái giật mình:

- Chết! sao ông lại biết tên tôi...?

Hần không trả lời, hần cời tùm tùm. Hần viết:

*"Những một mình em uống rượu hồng..."*

Cậu con trai tán thưởng:

- Tuyệt vời! thơ hay quá! tôi cũng muốn xin ông một câu thơ được không?

Hần mỉm cười vui vẻ. Hần viết lên một tờ giấy khác:

*"Sòng đời thua hẳn cả thơ ngây"*

Cậu con trai sung sướng cầm cả hai tờ giấy giơ lên như giơ hai bông hoa, như hai báu vật. Vẻ hân hoan của cậu làm bà mẹ vốn bản tính dè dặt cũng phải mỉm cười

Cô gái trở nên bạo dạn:

- Thưa ông, sao ông lại nói "những một mình em"? còn "rượu hồng" có nghĩa là cuộc đời có phải không?

Hắn cắn môi lại. Người con gái này chưa biết thế nào là nỗi cô đơn. Năm nay nàng 18 tuổi. Phải 18 năm nữa nàng mới biết "những một mình em" là thế nào.

Cậu con trai thốt ra một câu tiếng pháp:

*I Inest de bonheur que dans les voies communes*<sup>(1)</sup>.

Thưa ông, có phải câu thơ của ông nhắc tôi như thế phải không?

Hắn không nói năng gì.

- Thưa ông - bà mẹ hỏi - tôi hỏi khi không phải, ông chắc không phải là người ở đây... Thế ông ở nơi xa xôi đến nơi này làm gì?

Hắn nói:

- Tôi đi đưa dâu.

- Thưa ông, vậy ông có người quen ở vùng này à?

- Không.

- Thưa ông, vậy ông đi đưa dâu ai?

- Một người con gái. Tôi đã hẹn với cô ta từ bảy năm trước... ngày này, giờ này... lát nữa đám cưới cô ta sẽ đi qua đây...

Cậu con trai ngạc nhiên kêu lên:

- ồ...ồ thật lạ lùng!

Cô con gái thì thảo vào tai cậu con trai:

*entre nous...* <sup>(2)</sup> lảng mạn quá chừng...

Bấy giờ có mấy người lái đò từ dưới bến sông đi lên có vẻ như muốn tìm ai. Một người đứng ở cửa quán nói vọng vào:

- Thưa các bác, thưa các già... ở đây có vị nào tên là Hồ Điệp, hay Trang Sinh, hay Điệp Lang không?

Hắn nói:

- Có đấy!

Bác lái đò mừng rỡ:

- Thưa ông, có phải ông nhân người thuê chín chiếc đò ngang để chở đám cưới hay không?

Hắn bảo

- Phải.

Bác lái đồ nói:

- Thưa ông, chúng tôi đã tề tựu cả dưới bến rồi.

Hắn bảo:

- Được, cứ chờ!

Mấy người lái đồ kéo nhau xuống bến. Phu nhân và hai người con sững sốt. Về phần khích làm cho má cô gái và cậu con trai đỏ ửng như có than hồng. Phu nhân hỏi:

- Thưa ông, tôi lại hỏi khí không phải nữa, thế cái người con gái mà ông hẹn bảy năm trước hình dạng thế nào. Chẳng là tôi người ở vùng này, nói đến ai là tôi biết liền...

Hắn dăm chiêu cau có:

- Trắng trẻo, môi đỏ, khô chân gân mặt, trông đáng vẻ như người đi thoa. Có cái nốt ruồi ở chỗ này, chỗ này...

Hắn chỉ đầu đó lên người cô con gái làm cô đỏ bừng cả mặt.

Phu nhân băn khoăn.

- Hay nhà Dung? hay nhà Oanh?

Bà chủ quán nói:

- Thôi chết... đúng cô Oanh rồi... Thưa ông, có phải ngày xưa cô ấy chít khăn mỏ quạ, mặc quần nái đen phải không?

Hắn bảo:

- Phải.

- Có phải ông bảo người ta chân què hay không?

Hắn bảo:

- Phải.

Bà chủ quán khóc oà lên:

- Ông ơi, nó chết ba, bốn năm rồi, còn đâu mà đón đưa dâu... hồi ở tỉnh về là nó chết liền... Nó tự vẫn... Nó đâm đồ... Câu thơ ông viết cho nó, nó xé ở vạt áo ra để lại đây này...

Bà chủ quán lôi trên bàn thờ xuống chiếc ống quần, chiếc ống sơn đã cũ vẫn dùng để cất gia phả hay văn tự mua bán. bà ta lôi ra một miếng vải lụa nhỏ bằng bàn tay.

- Thưa ông, có phải là chữ của ông đây không?

Cô gái và cậu con trai xúm lại.

Hắn thở dài nói:

- Đúng!

Cậu con trai đọc:

*"Tuổi son má đỏ môi hồng*

*Bước chân về đến nhà chồng là thôi".*

Tất cả mọi người lặng đi. Tiếng kể của bà chủ quán xen lẫn với tiếng nước nở:

- Năm nó chết, nó 25 tuổi... nó tuổi quý sửu... tuổi con trâu... ba ngày sau người ta mới mò được xác của nó ở dưới chợ xuôi...

Hắn bước ra ngoài. Mọi người tránh đường cho hắn đi ra. Bóng chiều xuống dần. Sẽ không có đám cưới nào qua bến đò Vân hôm ấy.

Mấy người lái đò khi nãy trở lại quán ăn:

- Cái vị tên là Hồ Điệp, hay Trang Sinh hay Điệp Lang còn ở đây không? Sao có đám cưới mà chờ đến tối cũng không có nhỉ? Vậy ai trả tiền đò cho chúng tôi đây?

- Tôi xin trả!- phu nhân nói.

Bà quay ra bảo người lão bộc lấy thuyền rồi mang valy xuống bến. Cô gái và cậu con trai chạy ra ngoài đê. Họ thoáng thấy có người vừa phất tay áo chấm một nét lẻ loi nghiêng lệch góc trời. Vừa chớp mắt lại đã chẳng thấy bóng người ấy ở đâu nữa. Vừa chớp mắt đã lại thấy chỗ ấy có một cánh hạc vừa bay lên trời. Hạc vừa bay vừa kêu thẳng thốt.

Về sau này, cậu con trai khi ấy đã thành một giáo sư văn học đã viết như sau trong một ghi chép của mình:

"Với một quãng thời gian không dài lắm ở ta trong thế kỷ XX phiên muộn và tàn nhẫn này may có dăm ba thi sĩ tài năng gắng gỏi xây nên một lâu đài văn học nhì nhằng bằng những câu thơ tuyệt vời in dấu sâu đậm trong tâm hồn người Việt vốn chẳng lấy gì làm đặc sắc, nhiều phần ngơ ngẩn hẹp hòi. Thi sĩ là người thế nào? Tiếc thay, một số ít lại là những vị thánh bị bôi bẩn trong đám đông phàm phu tục tử mạnh mẽ lịch sự, nhiều tri thức và đầy



kiêu hãnh. Chúng ta phải bán tín bán nghi về những cuộc đời bê bối, vớ vẩn và thê thảm của đôi người nhưng những cái gì thiếu mập mờ và khẳng định được đâu có phải thơ?

Je ne peux plus vous faire d autres cadeaux que ceux de cette lumiere sombre...<sup>1</sup>"

Hà Nội tháng 4 năm 1998

---

<sup>1</sup> Ghi chú: Tất cả những câu thơ trong truyện này đều là mượn của Nguyễn Bính. Cái gì kỳ cục thế này? Chỉ trên những con đường tầm thường mới tìm được hạnh phúc. Nói nhỏ với nhau... Tôi chẳng thể hiển tặng gì ngoài ánh hào quang tăm tối ấy...(Louis aragon).

## KHÔNG CÓ VUA

### I.

Cô Sinh về làm dâu nhà lão Kiên đã mấy năm nay.

Khi về, cô Sinh mang theo bốn bộ quần áo mỏng, một áo dạ mặc rét, hai áo len, một vỏ chăn hoa, bốn cái xoong nhôm một cái xoong bột, một cái phích hai lít rượu, một cái chậu tắm, một tá khăn bông, tóm lại là một đồng tiền, nói như bà mẹ cô Sinh làm nghề buôn gạo ở chợ Xanh.

Cậu Cấn chồng cô Sinh là thương binh. Họ quen biết nhau trong dịp tình cờ. Hai người cùng trú dưới hiên nhà trong một trận mưa. Chuyện này đã có người viết (thế mới biết nhà văn ở ta xông xáo!) Theo đồn đại, đại để đây là một “xen” (scène) về tình yêu giản dị, trong sáng, không vụ lợi cuộc sống là duy vật biện chứng, hài hòa, đẹp, đáng yêu, v.v....

Cấn là con trưởng. Dưới Cấn có bốn em trai, chênh nhau một, hai tuổi. Đoài là công chức ngành giáo dục, Khiêm là nhân viên lò mổ thuộc Công ty thực phẩm, Khảm là sinh viên đại học, Tốn, con út bị bệnh thần kinh, người teo tóp, dị dạng.

Nhà lão Kiên sáu người. Toàn đàn ông. Bà Nhón, vợ lão Kiên, mất đã mười một năm, lúc đó lão Kiên năm mươi ba tuổi, cái tuổi oái ăm, lấy vợ nữa cùng dở, không lấy vợ nữa cũng dở. Lão Kiên chọn cái dở ít hơn, ở vậy... Nhà lão Kiên trông ra mặt đường. Lão làm nghề chữa xe đạp. Cấn làm nghề cắt tóc (khi mới quen Sinh, anh nói làm nghề dịch vụ). Được tiếp thu một nền giáo dục gia đình bình dân (cha dạy học, mẹ buôn gạo), Sinh không phải là người có nhiều định kiến hẹp hòi. Hơn nữa, trong tính cách, thậm chí ở cô có phần phóng túng. Trình độ văn hóa hạn chế (Sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở) nhưng điều đó không can hệ gì. Với phụ nữ, học vấn giữ vai trò thứ yếu tạo nên sức mạnh thần thánh ở họ, điều này không phải chứng minh. Về làm dâu, lúc đầu Sinh khá ngỡ ngàng với không khí tự do trong nhà. ăn cơm chẳng ai mời ai, sáu người đàn ông, ai cũng cời trăn, mặc quần đùi cười nói thản nhiên, chan chan húp húp như rồng cuốn. Sinh phục vụ cơm nước

ba lần một ngày. Được cái việc nặng Sinh không phải làm, có Tồn giúp đỡ. Tồn suốt ngày lau nhà, giặt giũ. Nó không có khả năng làm việc gì khác. Cứ cái xô nhựa với tấm giẻ lau, khoảng vài tiếng nó lại lau nhà một lần. Nó không chịu được bẩn. Quần áo ai thay ra, nó cũng giặt mà giặt rất sạch, phơi phồng căng thận. Tồn ít nói, nếu ai hỏi gì, chỉ cười bẽn lễn, trả lời nhát gừng. Vừa làm, nó vừa ti tỉ hát, không hiểu học được khi nào bài hát của bọn bộm rượu:

*A ha... Không có vua*

*Sớm đến chiều say sưa*

*Tháng với ngày thoi đưa*

*Tớ với mình dây dưng,*

*Tình với tính hay chưa*

Tồn hay giúp đỡ Sinh, nó cư xử với Sinh bằng lòng tốt vô bờ bến. Những ý thích nhỏ nhặt của cô, nó thực hiện với lòng tận tụy chăm chú. Nửa đêm, nếu Sinh buột miệng "có ô mai thì thích" là sẽ có ngay ô mai. Không biết Tồn lấy tiền ở đâu, đi mua lúc nào, chuyện này chịu.

Ở trong nhà Sinh hải nhất lão Kiên, sau đến Khiêm. Lão Kiên suốt ngày cau có. Mọi người không ai thích lão. Lão kiếm ra tiền, lão cãi nhau với mọi người như cơm bữa, lời lẽ độc địa. Như với Đoàn, lão bảo: "Mày ấy à? Công chức gì mặt mày? Lười như hủi, chữ tác chữ tội không biết, chỉ giỏi đục khoét!" Hay với Khảm, cậu sinh viên năm thứ hai: "Đồ ruồi nhặng! Học với chả hành! Người ta dạy dỗ mày cũng phí cơm toi". Với Cấn, lão có đỡ hơn, thỉnh thoảng cũng khen, nhưng lời khen lại quá lời chửi: "Hay thật, cái nghề cạo râu ngoáy tai của mày, nhục thì nhục nhưng hái ra tiền!! Riêng với Khiêm, lão ít gây sự.

Khiêm to lớn, lừng lững, tính nóng nảy. Hàng ngày đi làm về (Khiêm hay làm ca đêm), Khiêm đều mang về khi cần thịt, khi bộ lòng. ít hôm Khiêm về không. Đoàn hay nói (cũng là nói sau lưng Khiêm): "Trước sau cũng vào tù thôi. Cái thằng ấy tôi đã thấy trước tương lai của nó. ít cũng sáu năm tù. Kể cũng lạ. Một năm nó ăn cắp đến nửa tấn thịt mà người ta để yên cho nó! "

Khiêm có vẻ khinh hai ông anh. Với Cấn, nếu Khiêm cắt tóc bao giờ Khiêm cũng trả tiền. Khiêm bảo: "Anh đừng làm bộ với tôi. Tôi bắt anh phục vụ tôi có quyền trả tiền". Cấn nhăn nhó: "Chú làm anh như người ngoài ấy". Khiêm bảo: "Không phải người

ngoài, anh không nhận thì thôi, tôi đi hàng khác, tôi bắt thằng khác ngoáy tai cho tôi... Kìa, cẩn thận con dao. Đừng cạo của tôi bộ ria mép đấy". Cấn chẳng biết trả lời ra sao, phải nhận tiền. Sinh bảo chồng: "Anh nhận tiền chú ấy khinh cho". Cấn bảo: "Tôi là anh cả, nó khinh tôi thế nào được".

Với Đoài, Khiêm coi như kẻ thù. Nhưng Đoài khôn, Khiêm không nói gì được. Khi đi làm, Đoài bao giờ cũng lấy cơm vào cặp lồng, cho vào mấy miếng thịt, mấy miếng lòng. Đoài bảo: "Có chút đạm này là đủ hai nghìn calo để làm việc cả ngày đây Cũng là nhờ chú Khiêm nhà mình vừa khéo vừa nhanh". Khiêm hỏi: "Khéo với nhanh cái gì?" Đoài bảo: "ấy là tôi nói chú khéo xử sự với người, mà nhanh xử sự với lợn". Khiêm tức nghẹn họng, sùi bọt mép.

Sinh lọt vào gia đình nhà này tựa như cơn mưa rơi xuống đất nẻ. Không khí dịu lại. Vài tháng đầu, lão Kiên không gây sự gì với con cái. Cấn là người hạnh phúc nhất. Anh cầm kéo cắt tanh tách, đối xử với khách hết sức nhã nhặn. Cấn quyết định nâng giá cắt tóc từ ba chục lên năm chục, ngoáy tai từ một chục lên hai chục, gội đầu từ hai chục lên ba chục, cạo râu từ một chục lên hai chục. Doanh thu tăng vọt. Mức chi tiêu gia đình chủ yếu do Cấn cầm cân nẩy mực có phần rộng rãi. Đoài thấy mức chi tiêu tăng lên, ban đầu hoảng sợ nhưng không thấy ai hỏi han gì về khoản đóng góp thường lệ của mình nên bình tâm hơn. Còn Khiêm, vẫn y như tháng trước, tháng trước nữa, không chi ra một hào nhưng đều đặn góp vào mỗi hôm một cô lòng hoặc một hai cân thịt. ăn lòng lợn hơn chục hôm liền, Sinh phát sợ, bảo chồng: "Mai chú Khiêm có mang lòng về thì tôi đưa ra chợ để đổi thứ khác đấy". Cấn cười, mắt ve vuốt thân hình mềm mại của vợ, bảo rằng: "Tùy ái Khanh".

## II. BUỔI SÁNG

Thường thường, ở nhà thì Khiêm là người hay dậy sớm nhất. Khiêm để đồng hồ báo thức một giờ sáng. Khi chuông reo, Khiêm dậy ngay, đánh răng súc miệng rồi dắt xe đi. Tốn ra khóa cửa. Đoài bị mất ngủ, cầu nhàu: "Thật là giờ làm việc của quân đao tặc". Ba giờ sáng, lão Kiên dậy, cắm bếp điện đun nước pha chè. Cái ổ cắm bếp điện bị hỏng, chữa nhiều lần nhưng cứ ít hôm lại có người bị điện giật đến thót, lão Kiên bị điện giật, bèn chửi: "Cha chúng mày, chúng mày ám hại ông. Chúng mày mong ông chết, nhưng trời có mắt, ông còn sống lâu". Đoài nằm trong giường nói

vọng ra: "Ở đâu không biết, chứ ở nhà này thì lá vàng còn ở trên cây, lá xanh rụng xuống là chuyện thường tình". Lão Kiên cười: "Mẹ cha mày, mày ăn nói với bố thế à? Tao không hiểu thế nào người ta lại cho mày làm việc ở Bộ giáo dục! " Đoàn cười: "Họ xét lý lịch, họ thấy nhà mình truyền thống, ba đời trong sạch như gương". Lão Kiên lẩm bẩm: "Chứ không à? Chúng mày thì tao không biết, nhưng từ tao ngược lên, nhà này chưa có ai làm gì thất đức". Đoàn bảo: "Phải rồi. Một miếng vá xăm đáng một chục nhưng tương lên ba chục thì có đức đấy". Lão Kiên bảo: "Mẹ cha mày, thế mày nâng bát cơm lên miệng hàng ngày mày có nghĩ không?" Khảm rên rĩ: "Thôi thôi, anh Đoàn ơi anh thương em với, hôm nay em phải thi vấn đáp môn triết học đây". Đoàn bảo: "Triết học là thứ xa xỉ của bọn một sách. Chú có thấy cái chuỗi hạt nhựa đeo cổ của chị Sinh không. Nó là triết học đấy" Khảm không trả lời. Căn nhà lặng im được độ một tiếng đồng hồ thì lại nhộn nhịp. Đây là bốn rưỡi sáng, Sinh dậy nấu cơm.

Sinh dậy nấu cơm, lấy sáu bò rười gạo. Cẩn lúi húi nhặt rau. Khảm bảo: "Đẹp đôi thật. Có việc gì để em làm giúp". Sinh bảo: "Chỗ mỡ lòng hôm qua đây kiến, chú làm sao chắt được hết kiến thì làm". Khảm bảo: "Ở nước mình, mật độ lòng lợn trên đầu người thì nhà mình là nhất. Em đã thử thống kê, một năm anh Khiêm mang về hai trăm sáu mươi bộ lòng". Đoàn bảo: "Em giai ơi, thằng ấy là phúc thiện tinh của nhà mình đấy. Nói không phải, cái nghề đồ tể của nó giá trị gấp mười lần cái bằng đại học của tao với mày".

Lão Kiên mở cửa hàng. Một bà cấp thúng xôi đi qua ngó vào: "Mời bác xơi quà sáng". Lão Kiên xua tay quây quây: "Giời ơi, nhà làm ăn, mới sáng ra đàn bà con gái đã ám thế này thì làm ăn gì". Bà bán xôi bảo: "Chẳng bao giờ tôi bán được một hào xôi cho lão già này". Cẩn cầm dao mài soàn soạt vào miếng da bò, lẩm bẩm: "Hôm nay cắt được chục cái đầu thì hay".

Cơm dọn ra, Sinh với Khảm ngồi hai đầu nồi. Khảm xơi cơm, Sinh bảo: "Cơm nóng, chú lên thế thì ai ăn được?" Khảm bảo: "Chỉ đừng lo. Họ Sĩ nhà này toàn miệng gang miệng thép". Sinh bảo: "Mời bố ăn cơm, mời anh Cẩn và các chú ăn cơm". Đoàn bảo: "Nhập gia tùy tục, ở nhà này không có lệ mời. Khảm xơi tao một bát". Khảm bảo: "ăn nhanh thế, em mới được hai và". Đoàn bảo: "Tao ăn cơm tập thể từ mười bốn tuổi, ăn nhanh quen rồi. Hồi học đại học, có thằng bạn ăn sáu bát cơm trong một phút rưỡi. Thế có kinh không?" Lão Kiên bảo: "Quân trí thức bây giờ toàn phường phàm

phu tục tử" Khảm cười: "Các cụ ngày xưa chẳng dạy: "Có thực mới vực được đạo" là gì?" Lão Kiên hỏi: "Bọn chúng mày bây giờ thì vực đạo gì?" Đoàn ăn xong đứng lên vươn vai: "Cái này phải tranh luận đấy. Tôi đang ngờ cái ông ngày xưa nói ra câu ấy chẳng hiểu quái gì về đạo. Đáng ra phải nói "Có thực mới vực được tình". Tức là tình người đấy, đồng bào ạ". Cấn cười tủm tỉm: "Chú thì lắm tình lắm". Đoàn nhìn chăm chú vào khoảng lõm ở ngực chị dâu, nơi chiếc khuy bấm vừa tuột ra, băng quơ: "Tình ơi tình, mình ơi mình, tình hờ hạng lắm cho mình ngẩn ngơ". Sinh đỏ mặt, một lát sau lén cài khuy áo.

Sinh dọn mâm bát. Lão Kiên ngồi uống nước. Khảm mặc quần áo, quần bò, áo phông, trên áo có ghi dòng chữ "Walt Disney Productions". Khảm bảo: "Anh Cấn ơi, anh cho em năm chục". Cấn bảo: "Tiền đâu mà cho" Khảm bảo: "Bố cho con năm chục". Lão Kiên bảo: "Mày ngồi vá cho tao cái xăm để góc kia kìa, rồi tao cho tiền". Khảm nhăn nhó: "Thế thì muộn giờ học còn gì". Lão Kiên không trả lời, mở tủ đồ nghề lúi húi làm việc. Khảm dắt xe ra cửa, nghĩ thế nào lại dựng xe ôm cặp vào nhà. Khảm mở cửa buồng, trông trước trông sau không thấy ai, mở thùng gạo xúc ra bò rười vào cặp rồi lén đi ra.

Sinh cất nồi dưới bếp. Đoàn đi theo, lấy cơm vào cặp lồng. Đoàn đưa tay chạm vào lưng Sinh, Đoàn bảo: "Người chị tôi cứ mềm như bún". Sinh lùi lại, hốt hoảng: "Chết, chú Đoàn, sao lại thế" Đoàn bảo: "Gớm, đùa một tý đã run bắn người". Nói xong đi lên nhà.

Tốn xách xô nước, cầm cùi lau sàn, ti tỉ hát: "A ha... không có vua..."

Có người đến cắt tóc, Cấn hỏi: "Bác cắt tóc kiểu gì?" Khách bảo: "Chú cắt thấp cho tôi. Cấn thận, tôi mọc cái đầu đánh gần chỗ đỉnh đầu".

Đoàn mặc xong quần áo, dắt xe đi. Đoàn đến cửa quay lại bảo Cấn: "Ngày kia giỗ mẹ, anh Cấn bảo chú Khiêm mai kiếm cho được cân thịt ngon ngon. Em đưa chị Sinh một trăm rồi đấy!!. Cấn bảo: "Nhớ rồi".



### III. NGÀY GIỖ

Giỗ bà Nhớn, lão Kiên làm năm mâm. Bên ngoài có ông Vỹ, em ruột bà Nhớn ở Phúc Yên về dự. Ông Vỹ là công chức về hưu, hưởng lương chuyên viên ba một trăm phần trăm. Ông Vỹ đông con, nhà nghèo, về mang theo mỗi chục quả tai chua với chai rượu trắng làm quà. Trên phố xuống có vợ chồng cô em gái lão Kiên, bà này bán hàng khô, chồng tên là Hiến, làm thợ thiếc. Ông Hiến có năm đứa con vừa trai vừa gái. Khách dự có anh Minh, trưởng phòng, cùng cơ quan với Đoàn. Khảm dẫn về ba bạn học cùng lớp, một cô tên là My Lan, một cô tên là Mỹ Trinh. Cậu con trai tên là Việt Hùng, đeo kính trắng, có đôi môi đỏ như môi con gái. Khoảng mười giờ, khách đến đông đủ. Cẩn bùng một mâm đặt trước bàn thờ, thắp ba nén hương rồi quay ra bảo: "Bố vào cúng". Lão Kiên mặc quần bảo hộ lao động, áo cộc tay trắng ba túi, đầu chải nước lã rất mượt, ra trước bàn thờ chấp tay, lầm rầm khấn: "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, năm thứ... Lạy Trời, lạy Phật, lạy tổ, lạy tiên, lạy vợ tôi là Ngô Thị Nhớn. Mời tất cả chư vị về dự cơm nhạt với tôi. Tôi, Nguyễn Sĩ Kiên, sáu mươi tư tuổi, ngụ ở 129 phố... Các con trai là Cẩn, Đoàn, Khiêm, Khảm, Tốn. Con dâu là Sinh. Tất cả đều lòng thành, xin chư vị phù hộ độ trì, cho sức khỏe dồi dào, làm ăn tấn tới". Cúng xong, lão Kiên quay ra bảo ông Vỹ: "Cậu vào lạy chị cậu một cái". Ông Vỹ mặc áo đại cán kiểu Tôn Trung Sơn, cài khuy đến cổ, trông rất trịnh trọng. Ông Vỹ bảo: "Cán bộ chúng em vô thần. Bốn chục năm nay em theo cách mạng, nhà không có bàn thờ, chẳng biết khấn vái thế nào". Lão Kiên im lặng, mắt đỏ hoe. Ông Vỹ đến trước bàn thờ, đứng nghiêm, gục đầu như mặc niệm. Lão Kiên lau mắt, bảo: "Bây giờ thứ tự, người nào vào cúng thì cúng". Bà Hiến bày lên bàn thờ năm trăm vàng, một xấp tiền âm phủ, một bộ quần áo giấy rồi quỳ thụp xuống, chống tay, lạy ba lạy, đầu chạm sát đất. Ông Hiến đến trước bàn thờ vái ba vái. Cẩn cũng vái ba vái. Cẩn bảo: " Chú Đoàn vào lễ đi". Đoàn đang chặt thịt gà, tay đầy mỡ, cứ để thế không rửa tay, chạy lại bàn thờ vái lia lịa. Đoàn bảo: "Lạy mẹ, mẹ phù hộ cho con đi học nước ngoài, kiếm cái xe Cub". Ông Vỹ cười: "Cháu đi nước nào?" Đoàn bảo: - Cái đấy còn phụ thuộc cái ông để ria mép mặc áo ca rô kia kìa". Anh Minh nghe thấy bảo: "Đi hay không sao lại phụ thuộc vào tôi?" Đoàn bảo: "Gì thì gì, anh là sếp trực tiếp, anh quay lưng lại thì em rồi đời". Anh Minh bảo: "Cậu cứ làm việc cho tốt. Tớ ủng hộ". Đoàn bảo: "Công việc nhà nước biết thế nào là tốt xấu? Chỉ xin anh nhớ thằng Đoàn lúc nào cũng tốt với anh".

Sinh cúi húi dưới bếp. Trong buồng Sinh, Khảm đang giới thiệu với ba người bạn tập anbum có chụp những ảnh của Khảm, có cả ảnh hồi bé tập lẫy. Cô My Lan bảo: "Anh Khảm hồi bé bụ ghê". Khảm bảo: "Con anh sau này cũng bụ thế, nhưng xinh hơn, có cái nốt ruồi ở cằm". My Lan đỏ mặt, sờ vào cái nốt ruồi cằm mình, đâm thùm thụp vào lưng Khảm. Việt Hùng hỏi: "Ảnh này chụp hồi đi thực tập phải không?" Khảm bảo: "Ừ!". Việt Hùng khen: "Nét lắm". My Lan hỏi: "Có phải hồi ấy anh ăn trộm khoai, bị dân quân bắt không?" Khảm đỏ mặt bảo: "Toàn nói lằng nhằng, mắc tội nói xấu đồng đội. Thế nào tớ cũng bắt đền". My Lan hỏi: "Bắt đền gì?" Khảm bảo: "Đội tối thì biết". Mọi người cười.

Đoài ngó vào, vẫy tay gọi Khảm. Đoài bảo: "Dọn mâm". Khảm hỏi: "Ăn rồi à?" Đoài không trả lời Khảm đi theo Đoài xuống bếp. Đoài hỏi: "Cô có cái nốt ruồi là người yêu mày đấy à?" Khảm bảo: "Vâng". Đoài hỏi: "Thế cái vị anh hùng thơm nức kia là thế nào?" Khảm cười: "Đấy là Mỹ Trinh, bố cô ấy là ông ánh sáng ban ngày, chủ hiệu điện". Đoài hỏi: "Thằng kia với nó thế nào?" Khảm bảo: "Chưa có gì". Đoài bảo: "Tao chim nó đấy". Khảm bê mâm, Sinh bảo: "Thiếu cái gì thì gọi". Đợi Khảm đi khuất, Đoài bảo: "Thiếu một tý tình thôi, Sinh cho tôi xin một tý tình". Sinh bảo: "Nỡm. Lên nhà trên mà bảo hai cô bạn của chú Khảm ấy" Đoài bảo: "Hai con ôn vật ấy bằng thế nào được Sinh". Sinh bảo: "Đi ra đi". Đoài bảo: "Cái lão Cấn của Sinh như con cua bảy mà lại hách dịch". Sinh bảo: "Tôi mách anh Cấn đấy". Đoài bảo: "Đây chẳng sợ". Nói rồi xán lại, hôn chút lên má Sinh. Sinh đẩy ra, Đoài hỗn hển: "Tôi nói trước, thế nào tôi cũng ngủ được với Sinh một lần". Nói xong đi ra, Sinh bật khóc.

Cấn đi vào, thấy mắt vợ đỏ hoe, hỏi: "Sao thế?" Sinh bảo: "Tại cái bếp nhà mình khốn nạn quá". Cấn bảo: "Cô cho mấy ấm nước lên đi, trên nhà hết cả nước sôi". Sinh bảo: "Tôi có ba đầu sáu tay đâu?" Cấn trừng mắt: "Nói năng thế à? Nhà này không có lệ thế! Mấy cái bát này sao chưa rửa?". Nói rồi, xô chồng bát, đi ra. Chồng bát vỡ. Sinh khóc òa lên. Ăn đợt đầu ba mâm. Ăn xong khách ra về. Lại ăn đợt sau hai mâm. Lúc ấy cũng hơn hai giờ chiều. Đang ăn, Khiêm đi làm về, lăm lăm lì lì chẳng chào hỏi ai. Khảm bảo: "Anh Khiêm ngồi cùng mâm với chúng em cho vui". Hai cô My Lan, Mỹ Trinh cũng riu rít mời. Cả mâm chống đũa chờ.

Lão Kiên say rượu, nằm ngủ lơ mơ trên giường, nước dãi đọng trên chiếu. Đoàn chào mọi người để đưa ông Vỹ ra bến ô tô cho kịp chuyến xe Phúc Yên buổi chiều. Khiêm hỏi: "Thằng Tốn đâu?" Khảm bảo: "Nó loanh quanh đâu đấy, anh ra ăn cơm, chúng em chờ". Khiêm bảo: "Cứ ăn đi". Khảm bảo: "Ta ăn thôi. Ông ấy khó tính bỏ mẹ". Cô Mỹ Trinh bảo: "Anh ấy trông như Tácđăng".

Khiêm xuống bếp hỏi Sinh: "Thằng Tốn đâu?" Sinh bảo: "Tôi bận bịu từ tờ mờ sáng cũng quên khuấy. Không biết chú ấy đâu?" Khiêm vứt vào chạn bát một bao tải nặng. Sinh hỏi: "Lại lòng à?" Khiêm không trả lời, đi lên nhà, ngó vào buồng Sinh thấy Cấn đang ngáy khò khò. Khiêm xô cửa bước vào hỏi Cấn: "Thằng Tốn đâu?" Cấn ngồi dậy hỏi: "Mấy giờ rồi?"

Khiêm hỏi: "Thằng Tốn đâu?" Cấn bảo: "Nhà có việc, để nó ra vào bất tiện. Tôi nhốt nó trong cái buồng ở cạnh nhà xí". Khiêm cầm cái gạt tàn thuốc lá trên bàn ném vào mặt Cấn. Cấn kêu "ối" một tiếng rồi ngã lăn ra. Khiêm xô vào đập túi bụi. Khảm chạy vào đẩy Khiêm ra. Sinh chạy lên hốt hoảng nói: "Sao lại thế" Khiêm gạt Sinh ra..

Căn phòng cạnh nhà xí trước là chuồng lợn, nay để than củi. Cánh cửa bằng gỗ thùng đóng ghép. Có ai mới làm thêm chiếc khóa bên ngoài, hôm qua chưa có. Khiêm giật khóa, không được. Khiêm cầm xà beng phá khóa. Cửa mở ra. Tốn chân tay mặt mũi đen nhẻm đang nhe răng cười. Khiêm quát: "Đi ra". Tốn lết đôi chân què đi lên nhà. Thấy nhà bẩn, nó xách ngay cái xô nước với tấm giẻ lau.

Mấy người bạn của Khảm chào lí nhí rồi về, Khảm dắt xe ra theo. Trước khi đi, Khảm rút vội mấy điếu thuốc lá trên bàn cho vào túi áo. Lão Kiên tỉnh rượu, thấy nhà vắng tanh, hỏi: "Chúng mày đâu cả?" Sinh lấy miến cho Tốn ăn. Tốn đói, ăn ba bốn bát liền, sợi miến lòng thòng vương ra đất. Khiêm dắt xe ra cửa, không ăn uống gì. Cấn ôm ngực ho sù sụ, nhổ ra một chiếc răng gãy, máu dây bên khóe mép. Cấn giờ nắm đấm trước mặt bố, bảo rằng: "Ông liệu tống thằng ấy ra khỏi nhà này, không tôi giết nó". Lão Kiên bảo: "Chúng mày cứ giết nhau đi, tao càng mừng". Nói rồi cầm chiếc khóa hồng trên tay, lẩm bẩm: "Mất cả sáng lắp được chiếc khóa. Thế là toi trăm bạc".

Sinh rửa mâm bát xong thì ba giờ chiều. Sinh lên buồng lấy quần áo tắm. Bỗng Sinh hốt hoảng gọi Cấn.

Cấn hỏi: "Cái gì?" Sinh bảo: "Buổi sáng, tôi bỏ cái nhẫn vào hộp kim chỉ, anh có cầm không?" Cấn bảo: "Không".

Sinh hỏi: "Có ai vào buồng này?" Cấn bảo: "Không". Đoàn dắt xe về nhà, thấy đồ đạc lung tung hỏi: "Chuyện gì thế?" Cấn cau có: "Chú có vào trong buồng này không?" Đoàn bảo: "Không". Cấn bảo: "Chị Sinh mất cái nhẫn". Đoàn bảo: "Hỏi bố xem". Lão Kiên chửi: "Mẹ cha mày. Thế mày nghĩ tao lấy cắp chứ gì?" Đoàn im, nghĩ một lát rồi bảo: "Buổi sáng thằng Khảm với ba đưa bạn ngồi trong phòng này. Tôi ngờ cái thằng đeo kính, môi đỏ như son. Mắt nó rất gian".

Vừa may lúc Khảm về. Cấn bảo: "Thằng bạn mày lấy cắp nhẫn của chị Sinh". Khảm tái mặt hỏi: "Ai bảo thế?" Cấn bảo: "Mắt tao trông thấy". Khảm bảo: "Sao không bắt ngay? Vừa rồi đi chơi nó cứ nằng nặc đòi về. Phải đến nhà nó mà đòi. Không trả thì đánh bỏ mẹ nó đi". Cấn bảo: "Tao đi với mày". Hai người dắt xe đi. Lão Kiên bảo: "Mang theo cái búa! Đừng đánh vào đầu. Nó chết thì tù một gông". Đoàn lên giường giở báo ra đọc. Sinh dọn dẹp một lúc rồi xuống đi tắm. Sinh xách hai xô nước vào trong buồng tắm, khép cửa lại.

Lão Kiên loay hoay dưới bếp, nghe tiếng dội nước ở trong buồng tắm, thở dài, bỏ lên nhà. Đi vài bước, lão Kiên quay lại, vào trong bếp, bắc chiếc ghế đẩu, trèo lên nín thở ngó sang buồng tắm. Trong buồng tắm, Sinh đứng khỏa thân.

Đoàn đang lim dim ngủ, thấy Tốn giật áo ngồi dậy hỏi: "Cái gì?" Tốn xua tay, dắt Đoàn xuống bếp, chỉ lão Kiên đang đứng kiễng chân ở trên ghế đẩu. Đoàn cau mặt tát Tốn rất đau. Tốn ngã vấp mặt xuống cái xô đựng nước, trên có tấm giẻ lau. Lão Kiên vội tụt xuống ghế, nép ở cánh cửa, lát sau chạy ra hỏi: "Sao đánh nó?" Đoàn bảo: "Nó vô giáo dục thì đánh". Lão Kiên chửi: "Thế mày có giáo dục à?" Đoàn nghiêng răng nói khế: "Tôi cũng vô giáo dục nhưng không nhìn trộm phụ nữ cởi truồng". Lão Kiên im.

Đoàn lên nhà, rót rượu uống. Lão Kiên đỡ Tốn dậy. Tốn xách xô nước, ngồi thụp xuống lau nhà. Lão Kiên đi lên bảo Đoàn: "Rót tao một cốc". Uống cạn cốc rượu lão Kiên bảo: "Mày có học mà tệt. Bây giờ tao nói chuyện đàn ông với mày". Đoàn bảo: "Tôi không tha thứ đâu". Lão Kiên bảo: "Tao chẳng cần. Đàn ông chẳng nên xấu hổ vì có con b..." Đoàn ngồi im, uống thêm một cốc rượu nữa, rồi bỗng thở dài: "Kể cũng phải". Lão Kiên bảo: "Làm người nhục

lắm". Đoàn hỏi: "Thế sao không lấy vợ lẽ?" Lão Kiên chửi: "Mẹ cha mày, tao chỉ nghĩ thân tao, thì lũ chúng mày được thế này à?" Đoàn rút ra một cốc rượu nữa, tần ngần: "Bố uống rượu nữa không?". Lão Kiên quay mặt về phía bóng tối, lắc đầu. Đoàn nói: "Con xin lỗi bố". Lão Kiên bảo: "Bây giờ mày như đào kép diễn trên tivi".

Tốn lau nhà, thấy cái nhẫn rơi dưới gầm tủ bèn đưa cho Sinh. Sinh mừng quá. Đoàn cầm chiếc nhẫn soi ra ánh đèn, bảo: "Được độ nửa chỉ là cùng". Sinh bảo: "Đây là của hồi môn mẹ tôi dành dụm vất vả cả đời người đấy". Lão Kiên bảo: "Chết thật, chỉ sợ thằng Cấn gây sự với nhà người ta thì xấu cả mặt". Chập tối, Cấn với Khảm về. Cả hai trông như hai thằng móc dưới cống lên, nhếch nhác bẩn thỉu. Đoàn cười: "Chắc ăn đòn hả?" Cấn không trả lời. Khảm bảo: "Nhà ấy nuôi hai con chó bécgiê không sao vào được". Đoàn bảo: "Cho chết, ai bắt chưa chi đã định giở thói côn đồ". Lão Kiên bảo: "Tìm thấy nhẫn rồi". Cấn hỏi: "ở đâu?" Lão Kiên bảo: "Vợ mày giấu trong cặp quần chứ đâu". Cấn bảo: "Đồ khốn nạn". Nói rồi tát Sinh một cái nảy đom đóm mắt. Cấn định đánh thêm, Đoàn xô Cấn ra, đứng chắn ở trước mặt Sinh, tay cầm con dao lăm lăm rít khê: "Cút đi! Anh mà đụng vào cô ấy là tôi chém liền!" Sinh úp mặt vào thành giường, khóc nức nở: "Trời ơi... Sao cái thân tôi nhục nhã thế này?"

Lão Kiên hỏi Khảm: "Có mang búa về không?" Khảm cúi: "Tí nữa mất mạng với hai con chó bécgiê còn búa với lại kim gì?" Lão Kiên bảo: "Thế lại toi trăm bạc".

## V. NGÀY TẾT

Thấm thoát đến Tết. Rằm tháng Chạp, lão Kiên đi ngân hàng rút lãi tiết kiệm được tám nghìn đồng. Lão Kiên mua cho Tốn cái áo sơ mi, mua cho Sinh đôi bút tất, còn lại tiền đưa cả cho Cấn. Khảm bảo: "Bố chỉ quý con dâu, con út".

Khiêm phải theo xe đi các tỉnh mua lợn, vắng nhà mấy ngày liền. Công việc chắc vất vả, hôm nào Khiêm cũng đi làm từ mười một giờ đêm đến trưa hôm sau mới về, người toàn mùi phân lợn. Về nhà vật ra ngủ liền, thế mà mắt cứ lôm sẫm vào, vằn tia máu đỏ.



Cấn cũng đông khách . Từ sáu giờ sáng đến mười giờ đêm lúc nào cũng có người chờ cắt tóc. Buổi trưa Cấn ngủ, Khảm ra cắt tóc thay anh. Hôm đầu chưa quen, Khảm cắt phải tai một ông khách làm chảy máu. Ông này tức, tiền cắt tóc hết bảy mươi đồng chỉ trả có hai mươi đồng. Cấn lấy bút chì ghi tiền làm được hàng ngày vào một cuốn sổ, một trăm đồng thì ghi dấu cộng, hai trăm đồng dấu khuyên tròn, lại vẽ những hình tam giác trong chấm một cái chẳng biết là ký hiệu gì. Đoàn bảo: "Sổ sách kế toán của ông này thật như gián điệp" . Ngày 23 tháng Chạp ăn Tết ông Táo lên trời. Sinh nấu miến, mọi người ăn no căng bụng. Khảm hỏi : "Sao gọi là ông Táo?" Đoàn bảo : "Chuyện thế này. Ông Táo là ba ông đầu rau. Ngày xưa có hai anh em cùng lấy một vợ. Người này một hôm ngủ với anh , một hôm ngủ với em . Khi họ chết, Ngọc Hoàng cảm động mối tình khăng khít của họ, biến mỗi người thành một ông đầu rau để lúc nào cũng gần gần. Ta gọi là thần Bếp, hay ông Táo".

Sinh bưng mâm xuống bếp. Khảm bảo : "Ngày xưa được phong thần dễ nhỉ?" Lão Kiên bảo : "Đừng nghe nó". Đoàn bảo: "Lại có chuyện thế này. Nhà kia có cô con dâu, bố chồng bóp vú cô ta . Đứa con trai hỏi: " Sao ông bóp vú vợ tôi?" Ông bố bảo : "Để trừ nợ. Thế hồi xưa sao mày bóp vú vợ tao?". Nghe nói những người này cũng được phong thần". Cấn bảo: "Chuyện của chú, tôi chẳng hiểu gì" . Lão Kiên bảo : "Đừng nghe nó" .

Ngày 27, lão Kiên gói bánh chưng. Gói một yến rươi nếp, được hăm tám chiếc bánh. Bánh có hai loại, loại nhân đỗ, loại nhân đường, loại nhân đường đánh dấu bằng sợi lạt nhuộm phẩm đỏ.

Sinh luộc bánh chưng. Đoàn quanh quẩn ở bếp. Đoàn hỏi : "Sinh biết nhà này tương lai thuộc về ai không?" Sinh bảo: "Không". Đoàn cười : "Về tôi". Sinh hỏi : "Sao thế?" Đoàn bảo: "Bố già bố chết. Thằng Khiêm trước sau cũng vào tù. Thằng Khảm ra trường không đi Tây Bắc thì cũng Tây Nguyên. Thằng Tôn không nói làm gì, vô tích sự". Sinh hỏi: "Thế còn anh Cấn?" Đoàn bảo: "Phụ thuộc vào Sinh. Nén Sinh yêu tôi, tôi sẽ gây sự tổng cổ ra đường". Sinh bảo: "Dễ thế?" Đoàn bảo: "Sinh còn quyền luyện cái gì? Lão Cấn vừa ngu vừa hèn, lại yếu, bác sĩ bảo bị lãnh tinh, lấy Sinh hai năm mà có con cái gì đâu?" Sinh ngồi yên, nôi bánh chưng sôi sùng sục.

Đoàn bảo: "Tối nay tôi vào buồng Sinh nhé! "



Sinh vớ con dao, nói khê: "Cút đi. Anh đến gần đây là tôi giết đấy! " Đoàn cười nhạt, đi giật lùi, bỏ lên nhà, vừa đi vừa lăm bắm: "Đàn bà là giống ác quỷ".

Hai chín Tết, lão Kiên đi chợ mua về một cành hoa đào. Đến chiều ba mươi, Khiêm mang về một chậu quất to ba tầng quả với bánh pháo cối dài sáu mét. Khảm bảo: "Chơi sang quá đấy". Đoàn bảo: "Nó cây lăm tiền". Khảm bảo: "Hai anh em mình mang tiếng có học mà Tết nhất đến, một bộ quần áo hần hoi không có". Đoàn bảo: "Chỉ có con đường lấy vợ giàu thôi. Tối nay mày đưa tao đến con ông ánh sáng ban ngày đấy nhé". Khảm bảo: "Được thôi. Nếu anh tán được thưởng em cái gì?" Đoàn bảo: "Thưởng cái đồng hồ". Khảm bảo: "Được rồi. Anh ghi cho em mấy chữ làm bằng". Đoàn hỏi: "Không tin tao à?" Khảm bảo: "Không". Đoàn ghi vào giấy: "Ngủ được với Mỹ Trinh, thưởng một đồng hồ trị giá ba nghìn đồng. Lấy Mỹ Trinh, thưởng 5% của hồi môn. Ngày... tháng... năm... Nguyễn Sĩ Đoàn". Khảm cười cất mảnh giấy vào túi rồi nói: "Cám ơn".

Khảm bảo: "Hôm qua em nghe anh Khiêm kể chuyện, thế là đến tối gặp phải giấc mơ kinh quá". Đoàn hỏi: " Chuyện gì?" Khảm bảo: "Anh Khiêm kể về công việc giết lợn. Hai tay cầm hai cực điện dí vào thái dương từng con. "éc" phát là chết. Bị mất điện, anh Khiêm phải dùng xà beng quật vào gáy lợn. Gặp con lợn khỏe, quật chục cái không chết, gáy toét cả ra, buồn ngủ quá, anh Khiêm quật cả vào chân. Một ca anh Khiêm giết được hơn nghìn con lợn, được khen thưởng". Đoàn hỏi: "Thế giấc mơ gì?" Khảm bảo: "Em mơ thấy đi giết lợn, giết mãi không chết, con lợn cứ nhe răng cười, thế là bị đuổi đi dọn cả một bể cứt. Bể cứt xây xi măng, kích thước 10x 6 x 1, 5 mét, dung tích 90 khối. Mưa bão đến, bể cứt trôi phăng phăng, em ngập trong ấy, cứt vào cả mồm, cả lỗ tai". Đoàn bảo: "Giấc mơ tốt đấy còn công việc để ý làm gì. Mà y chơi xổ số đi, thế nào cũng trúng. Các cụ bảo giẫm vào cứt là có lộc về. Mày chìm cả người trong bể cứt, có khi mày trúng xổ số độc đắc cũng nên". Khảm bảo: "ừ nhỉ. Anh không nói thì em không biết". Nói rồi hờ chạy ra phố.

Lúc giao thừa, ở nhà khi ấy chỉ có Khiêm, Tôn với Sinh. Ông bà Hiển cho con rể đi xe máy xuống mời lão Kiên với Cán lên phố chơi từ chập tối, chắc uống rượu say chưa về được. Đoàn với Khảm dẫn hai cô Mỹ Trinh và My Lan đi chùa Ngọc Sơn hái lộc.

Khiêm bày lên bàn thờ con gà mái tơ Sinh luộc từ chiều, mổ ngâm một bông hoa hồng. Lại mở hộp mứt, lấy rượu rót ra ba cốc, pha một ấm chè, bày cả lên đấy. Khiêm bảo: "Chị Sinh ra lễ". Sinh thoa tí son, mặc quần côn, áo len dài bên trong, bên ngoài khoác áo len cộc đàn kiểu gilê, không cài khuy, cổ choàng một chiếc voan mỏng màu hoàng yến, trông khác hẳn ngày thường vẫn mặc bộ đồ trong nhà. Sinh bảo: "Chú lễ đi. Tôi đàn bà con gái biết khăn thế nào". Khiêm bảo: "Chị là bề trên, chị cứ vái ba vái trước còn đâu tôi khăn". Sinh bảo: "Cũng được". Nói rồi ra trước bàn thờ vái ba vái, đứng lăm nhăm một lúc, lại vái ba vái nữa, không phải là người không biết nghi thức.

Khiêm bảo Tốn: "Tao treo bánh pháo ở cửa, lúc nào tao khăn xong thì châm lửa đốt". Nói rồi châm diếu thuốc đầu lọc cắm vào miệng Tốn. Khiêm bảo: "Cầm diếu thuốc dí thế này này". Tốn gật đầu.

Khiêm vái ba vái, nói: "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Năm thứ..." Tốn đốt pháo. Cả ba nét mặt rạng rỡ. Trời đất giao hòa, lòng người cảm động.

Khiêm bảo: "Năm mới, chúc chị Sinh sức khỏe, may mắn. Mừng tuổi chị một nghìn, chị cầm lấy để có lộc". Sinh rơm nước mắt: "Cho tôi nhiều thế" Tôi cũng chúc chú mạnh khỏe, bằng năm bằng mười năm ngoài. Anh Cấn giữ hết cả tiền, tôi chẳng có gì mừng tuổi cho chú. Chị mừng tuổi Tốn một trăm. Đây là lộc của chú Khiêm". Tốn cầm tiền giơ lên ánh đèn, hỏi: "Tiền à?" Khiêm bảo: "Ừ" Tốn hỏi: "Tiền là gì?" Khiêm bảo: "Là vua".

Một giờ sáng lão Kiên với Cấn về. Một lúc sau, Đoài với Khảm cũng về. Cả nhà ngồi ăn uống đến ba giờ, chộp mắt được nửa tiếng, lại lục đục dậy làm cỗ, khăn vái qua loa, lại ăn uống. Đến tám giờ, lão Kiên bảo: "Tao đi chúc Tết hàng xóm, vợ chồng thằng Cấn đi theo tao. Khiêm ơi, mày cho bố ít tiền để đi mừng tuổi".

Lão Kiên và vợ chồng Cấn đi chúc Tết. Lão Kiên mặc quần bảo hộ lao động, áo dạ len, đội mũ len trùm đầu. Cấn mặc bộ quần áo may kiểu quân phục cấp úy, bộ quần áo này mua trên chợ Giời, có một vết thủng ở ống tay áo do tàn thuốc rơi vào. Sinh mặc quần bò nhung, áo lông Đức. Khảm bảo: "Chị Sinh trông như Hoàng hậu".

Nhà hàng xóm sang chúc Tết, Đoài ra tiếp. Chúc mừng xong xuôi ngồi uống nước nói chuyện phiếm. Đoài bảo: "Xin lỗi bác, cháu chẳng biết nhà bác có bao nhiêu người, tên là gì?" Ông hàng xóm cười: "Thì tôi cũng thế". Đoài bảo: "Ngày xưa bọn ăn trộm có luật chia ra bốn loại mà chúng không lấy: một là nhà hàng xóm, hai là nhà bạn bè, ba là nhà đang có chuyện buồn, bốn là nhà đang có chuyện vui. Cứ thế này, cháu đi ăn trộm, lơ mơ phạm luật". Ông hàng xóm cười: "Thì các con tôi cũng thế". Uống nước xong, mọi người ra về. Đứa con ông hàng xóm bảo: "Cái tay Đoài có học mà ăn nói linh tinh". Ông hàng xóm bảo: "Loạn".

Ba ngày Tết trôi qua, lòng đường đầy xác pháo. Ai cũng có cảm giác ngày Tết trôi nhanh! Ngày nào mà chẳng trôi nhanh, hở giờ?

## VI. BUỔI TỐI

Cuối tháng ba, Sinh tắt kinh, thèm ăn của chua, thỉnh thoảng lại nôn ọe, người cứng đờ, triệu chứng có thai.

Tháng năm xảy ra việc lão Kiên ốm, đầu tiên tưởng nhẹ, ai ngờ cứ nặng dần. Đầu tiên lão Kiên chỉ hoa mắt, nhìn một hóa hai, cửa không đi cứ đâm sầm vào tường. Cả nhà lo sợ, đưa đi bệnh viện Tây y. Bác sĩ chẩn đoán rối loạn chức năng thần kinh, cho uống B6. Bác sĩ bảo: "Dây này, dây thần kinh thế này, hai dây chập vào nhau, thế là trông một thành hai, trông gà hóa cuốc". Cấn hỏi: "Thưa bác sĩ, vậy làm thế nào?" Bác sĩ bảo: "Y học đang nghiên cứu". Nằm một tuần, mắt lão Kiên mờ đi. Đoài bảo: "Tôi ngờ đoán nhầm bệnh" Đoài sang nhờ người quen ở bệnh viện Đông y. Người này bảo: "Tây y ra quái gì. Chú về đưa ông cụ đến đây". Đoài về, xin cho lão Kiên chuyển viện. Bác sĩ bảo: "Đi là không trở lại đâu nhé".

Lão Kiên điều trị Đông y, không khỏi, người rạc đi, đầu đau nhức. Đến tháng mười phát hiện thấy có u não. Bác sĩ bảo: "Để thì chết, mổ may ra cứu được". Cấn về họp gia đình, Cấn bảo: "Làm thế nào? Từ khi bố ốm nhà mình tiêu nhiều tiền lắm". Cấn giở quyển sổ kế toán ra đọc: "Chú Khiêm đưa một lần một nghìn, một lần tám nghìn, một lần năm nghìn. Chú Đoài đưa một lần một trăm, một lần sáu chục, một lần một nghìn một. Chú Khảm đưa một lần ba trăm nhưng hôm tôi đưa một nghìn đi lấy thuốc ông

lang Toại, chú Khảm mua hết có năm trăm, còn năm trăm vẫn cầm. Tiền thức ăn thế này... thế này... Ai chi gì tôi ghi cả".

Đoài bảo: "Tôi nghĩ bố già rồi, mổ cũng thế, cứ để chết là hơn". Tốn khóc hu hu. Cấn hỏi: "ý chú Khảm thế nào?" Khảm bảo: "Các anh thế nào thì em thế". Cấn hỏi: "Chú Khiêm sao im thế?" Khiêm hỏi: "Anh định thế nào?" Cấn bảo: "Tôi đang nghĩ". Đoài bảo: "Mất thì giờ bỏ mẹ. Ai đồng ý bố chết giờ tay, tôi biểu quyết nhé".

Hôm lão Kiên mổ não, trừ Sinh với Tốn, mấy anh em đều kéo nhau lên bệnh viện. Ca mổ kéo dài bốn mươi hai phút. Ngồi ngoài phòng chờ, Đoài bảo Khảm: "Ông cụ không viết di chúc mới gay, sau này tài sản biết chia thế nào?" Khảm bảo: "Lão Cấn tham lắm, anh em mình rồi ra đường thôi". Đoài bảo: "Sang năm tao cưới Mỹ Trinh, ông ánh sáng ban ngày hứa cho một cây. Mà bảo một cây mua nổi nhà không?" Khảm bảo: "Vào tay em, em nhân nó lên vài cây ngay". Đoài bảo: "Có năng khiếu kinh doanh thích thật, còn các năng khiếu như văn chương, nghệ thuật, v. v... đều vô dụng cả".

Cấn vào gặp bác sĩ. Một lúc sau đi ra lắc đầu: "Bác sĩ bảo khoảng một tháng nữa thì đưa bố về". Hôm đưa lão Kiên về, lão Kiên đầu quẩn băng, hỏi gì cũng không nói, mắt lơ đãng. Vào trong nhà, Sinh tháo gỡ băng ra. Đầu lão Kiên trọc lóc, nổi lên một khối u to như quả trứng gà. Nửa tháng sau, khối u này to bằng nửa quả bưởi, lấy ngón tay ấn vào thấy như có chứa bã đậu ở trong, ấn mạnh thì lõm sâu, ấn nhẹ thì lõm ít. Sinh phục vụ, săn sóc, rất khổ sở.

Khảm hỏi Đoài: "Bệnh này có lây không?" Đoài bảo: "Có kiêng có lành. Tao khuyên mày cẩn thận. Vợ chồng lão Cấn còn có tiền. Thằng Khiêm còn có tiền. Tao với mày lở bệnh, tiền đâu mà chữa?" Ít lâu sau, lão Kiên mê sảng, cứ rên rĩ: "Cho tôi chết đi, đau đớn lắm". Không khí trong nhà u ám, ai cũng buồn rầu. Đến ngày Tốn cũng bỏ lau nhà, suốt ngày ngồi thu lu trong cái buồng vẫn để than củi cạnh nhà xí.

Bà Hiên trên phố xuống, thấy anh mình vật vã đau đớn, khóc: "Anh ơi, tiền oan nghiệp chương gì mà anh chết khổ, chết sở thế này". Bà Hiên bảo: "Chúng mày xem thế nào chứ? Để thế này à?" Cấn bảo: "Cô bảo làm thế nào nữa?" Bà Hiên bảo: "Cô có người

bạn, bà ấy có bài kinh Vô thường, bây giờ xin chép về đọc, may ra ông ấy sẽ đi yên ổn". Đoàn bảo: "Lại thế nữa".

Bà Hiền bắt Khiêm đeo lên pho, đến nhà bà bạn để chép kinh Vô thường. Khiêm mang về bảo Đoàn: "Anh giỏi chữ, anh đọc đi". Đoàn cầm tờ giấy, xoay ngang xoay dọc rồi lắc đầu: "Chữ nghĩa chú viết thế này thì tôi xin chịu, thật quá sổ sách kế toán ông Cấn".

Khiêm vào đọc kinh. Lúc ấy là chập tối. Bà Hiền thắp hương ngồi cạnh. Lão Kiên lúc đầu vật vã, rồi nằm yên. Mười một giờ đêm, mọi người đi ngủ. Khiêm vẫn ngồi đọc. Đọc đi rồi lại đọc lại. Đại ý bài kinh xin đức Phật giải tội cho người sắp chết, để nghiệp chướng cho người sống chịu, lời lẽ khó hiểu. Suốt đêm Khiêm ngồi đọc, lạc cả giọng. Đến bốn giờ sáng hôm sau, lão Kiên tắt thở, trên môi thắp thoáng nụ cười, trông rất hiền lành, trung hậu. Khiêm vuốt mắt bố rồi vào gọi Cấn. Cả nhà dậy. Đoàn bảo: "Ông cụ đi rồi. Thật may quá. Bây giờ tôi đi mua quan tài".

## VII. NGÀY THƯỜNG

Sau hôm giỗ lão Kiên một trăm ngày, Sinh đẻ con gái. Đón Sinh về, mọi người làm tiệc mừng. Cấn với Khảm đi chợ. Khiêm nấu nướng. Đoàn với Tồn dọn nhà. Hai cô My Lan và Mỹ Trinh đến dự, mua cả hoa.

Vào tiệc, mọi người để Sinh ngồi giữa, hai cô My Lan và Mỹ Trinh ngồi hai bên. Sinh đẹp lộng lẫy. Đoàn rót rượu ra cốc, đứng lên nói: "Cốc rượu này tôi dâng cuộc sống. Rượu vừa ngọt vừa cay. Ai chấp nhận cuộc sống thì cầm lên cho. Cuộc sống dù khổ gió nhưng đẹp tuyệt vời. Vì đứa trẻ mới sinh ra kia, vì tương lai của nó". Mọi người nâng cốc, Đoàn bảo: "Khoan đã. Nhưng nó tên gì nhỉ?" Mọi người cười. Cùng uống rượu vui, Khiêm bảo: "Chị Sinh ơi về làm dâu họ Sĩ nhà này chị có khổ không?" Khảm bảo: "Chị phải nói thế nào cho hai cô My Lan, Mỹ Trinh khỏi sợ". Sinh cười: "Cứ thế này thì không thấy khổ". Cấn hỏi: "Thế ngày thường thì thấy khổ à?" Sinh bảo: "Khổ chứ. Nhục lắm. Vừa đau đớn, vừa chua xót. Nhưng thương lắm". Tồn mỉm cười ngơ nghe nhắc lại: "Thương lắm!"

Người đưa thư qua cửa ngõ vào: "Nhà 129 phải không? Có điện đây". Cấn ra nhận điện, bảo: "Cậu Vỹ ở Phúc Yên mất lúc tám giờ sáng hôm qua". Đoàn bảo: "Cứ gác lại đã. Các bác già chết đi có gì là lạ? Tiếp tục cuộc vui đi. Nào, xin mời chư tướng!"



## KHÔNG KHÓC Ở CALIFORNIA

Anh cố hình dung ra cuộc sống của cô ở đấy. Thành phố. Những dãy nhà. Đường phố xe đi như mắc cửi. Trời xanh. Một cụm mây biếc mắc lại trên cây cối. Chiếc cầu treo nổi tiếng thế giới.

“Tự tử trên cầu này - cô nói - vèo một cái, bảo đảm chết 100%”. Anh cười, lòng nhói lên cảm giác xót xa. Con người ở đâu cũng phải giáp mặt với cái chết.

Em lúc nào cũng chờ đợi anh. Tình yêu là chờ đợi bứt rứt, hồi hộp, say mê. Khi gặp anh... anh à, anh ơi... là em đã chờ đợi, trong sự lười biếng, khoái trá và hạnh phúc. Anh không hiểu gì cả... anh à, anh ơi...anh là thằng ngốc 100%.

Thôi được! Anh là thằng ngốc. Chắc chắn anh là thằng ngốc 100%. Anh không biết khi cô gặp anh là ở đằng sau cô đã có một thời gian đằng đằng, lẫn lộn ở đấy bao đau đớn vui buồn, bao chuyện sinh tử. Ở đấy, người ta không nói thứ tiếng Việt Nam man di, mọi rợ của cô. Cô nói tiếng Anh. Chỉ khi nào thất bại, chỉ khi nào một mình, khi nào nhục nhã ê chề lắm cô mới bật ra tiếng nói mẹ đẻ của cô. Ồ - dĩ nhiên, đấy là một tiếng chửi thề, một câu tục tĩu. Anh không hiểu gì cả. Anh là thằng ngốc 100%. Anh đâu biết cô đã từng bị sốt rất dữ, đã nôn mửa, run rẩy, thậm chí ngất đi. Cô đã tái mặt vì sợ hãi... Day dứt, dĩ nhiên rồi. Cười như mọi người. Khóc như mọi người. Đọc sách như họ. Lái xe như họ. ứng xử với luật pháp. Với cảnh sát. Với đạo đức. Với khoai tây. Với cá thu và cá hồi. Với đồ lót.

Niềm ham muốn lớn lao và đẹp đẽ... anh à, anh ơi... cả hy vọng sâu xa muốn thấy anh. Giọt nước mắt tràn ngập bờ mi... Anh không hiểu gì cả. Buổi chiều đó, em rón rén đi trong nỗi xúc động khôn tả trong lòng để đến với anh, giống như người làm xiếc đi trên dây thừng... anh à, anh ơi... một con chim nhỏ vụt qua, làm cho ghen lời, thót tim lại, sồn da gà...

Anh là thằng ngốc. Đúng rồi. Anh là thằng ngốc 100%. Anh khác chi một kẻ phạm phu tục tử. Anh nói vớ vẩn gì đó về thời



tiết, về cơm niêu, về bệnh đậu mùa, về chó dại, về sổ hóa đơn, về quần đùi, về 48 thế võ “Su mô” của người Nhật Bản. Anh nghĩ gì? Anh đến nhà cô đúng lúc cô cho con ăn. Ngượng nghịu, anh do dự nhìn mũi giày dính bụi của mình trước lúc bấm chuông. Cô ra mở cửa:

- Thưa ông, ông nhầm rồi. Tôi đã ở đây 24 năm... Tôi không quen ai thế cả...

Chồng cô ngó đầu qua cửa sổ hăm hừ:

- Một tên trộm...

Không! Không phải thế. Cô ra mở cửa và nói:

- Vâng! Thưa ông, ông cần gì?

- Cần gì ư! Không cần gì cả! Nhưng mà em...

- Xin ông thứ lỗi, thưa ông, tôi còn bận việc.

- Vâng, vâng... Xin lỗi cô... Mà em... Tôi ở xa đến, một nơi rất xa, cô không hiểu xa đến thế nào đâu... như từ ký ức... Tôi nhầm, chắc chắn thế...

Anh cười, mặt nhăn lại. Thế giới có hàng tỷ người. Trong ký ức nào của cô có anh?

Anh à, anh ơi... Sự mập mờ, quý giá biết bao, vì nó chẳng rõ rệt gì, chẳng phải thề nguyện, đây rầy hy vọng... Anh không hiểu gì về những hy vọng nơi người đàn bà, nơi tha hương... Anh à, anh ơi... Khi chúng ta bị tách ra khỏi quên lãng, những ảo vọng tuyệt đối cũng sẽ giá trị như tách cà phê này, như cây đèn này, như tấm áo lót ngực thơm mùi da thịt...

Ồ, lại nói chuyện cà phê. Tất cả mọi thứ ở quê hương đều đậm đặc. Những cây nhãn có màu xanh đậm đặc... ớt cay hơn... Mùi mắm tôm trong hàng chả cá đậm đặc... Quai guốc gỗ bằng cao su cắt ra từ lốp ô tô xiết chặt bàn chân... Những cái xiết tay tựa như dính nhựa. Sự đậm đặc... Trực tiếp. Ráo riết. Những đòi hỏi rút gọn... Cà phê đậm đặc... Cô không uống được và phải lựa chọn trong các loại cà phê để xem thứ nào hợp vị với mình. Cà phê đen nóng, đen đá, cà phê sữa, cà phê trứng, cà phê tan... Anh mua một bịch cà phê tan. Cô uống có một gói nhỏ 20 gam, uống không hết. Khi cô đi rồi, anh đã ngồi một mình uống 23 gói nhỏ cà phê còn lại, cả thấy 460 gam, đắng ngắt trong lòng.

Ồ thật là kỳ, tất cả việc dè xẻn cử chỉ, lời nói... Được gặp nhau là điều kỳ diệu nhất từ trước tới nay... Anh à, anh ơi... Điều gì khiến anh phiền muộn. Vẫn biết thừa nhận sự kiềm chế... Nhạy cảm với sự phiền muộn và tình yêu... Em chẳng biết gì... Cô đơn khôn tả...

Anh không xứng đáng với cô. Tâm hồn anh đen tối. Cư xử thiếu dịu dàng, nhiều khi thô bạo. Thích thú dục vọng. Đạo đức giả. Anh đã lén giấu nếp áo trễ tràng và thân hình mảnh dẻ của cô... Một tên trộm... Rõ ràng là một tên trộm... Chồng cô nói đúng... Nhưng khi ấy anh lại nói về Bill Clinton và Đặng Tiểu Bình. Ngay những tên tuổi lừng danh thế giới lúc này cũng vớ vẩn, nhảm nhí, chẳng ra gì.

Anh không có quyền gì... Anh ngờ là cả chồng cô cũng chẳng có quyền gì cả. Tại sao hắn lại hăm hừ gọi anh là trộm trong khi chính hắn cũng trộm cướp chẳng kém gì anh? Hắn được cô 100%. Đây là may mắn của hắn hay là tai họa?

Nào! Hãy kiên nhẫn!

Anh biết, cô vẫn kể chuyện cổ tích cho con mình nghe.

Mẹ kể con nghe:

Xứ ta là xứ nhiệt đới. Mưa nhiều. Nắng cũng nhiều. Lòng người hay thay đổi.

Ngày ấy, ở rừng kia có cái giếng Tiên. Giếng ở nơi khuất nẻo. Những đêm trăng, hoặc vì vui vẻ, hoặc vì phiền muộn - thường thì phiền muộn nhiều hơn vui vẻ - các cô tiên thường xuống giếng tắm. Khi xuống tắm, các cô tiên thường phải trút bỏ bộ cánh để lại trên bờ. Đúng rồi, ướm cánh thì không bay được. Tựa như mơ mộng và phiêu lưu, thậm chí cả lòng cao thượng - rất sợ những định kiến vương bận công kênh.

Bấy giờ, ở cõi trần có một chàng trai làm ăn chăm chỉ, sống một mình (giời ạ! ai chẳng sống một mình, từ xưa từ xưa cũng đã thế rồi). Hôm ấy, chàng trai vào rừng đốn củi. Chàng gặp một con yêu tinh. Không phải! Yêu tinh thì chàng đã gặp ngay từ niên thiếu, không phải một lần. Chàng gặp một con chó sói. Có thể lắm. Nhưng chó sói sẽ tránh được chàng vì chúng biết chàng cô đơn hơn chúng và như thế nghĩa là chàng sẽ quyết liệt hơn nhiều người. Hôm ấy, chàng trai gặp một nàng tiên xuống tắm.

Nàng tiên xuống tắm ở giếng. Nàng trút bỏ bộ cánh trắng xóa để ở trên bờ. Chàng trai nhìn thấy, chàng rón rén bò lại, lấy trộm bộ cánh giấu đi.

Tắm xong, nàng tiên lội lên bờ. Thấy mất cánh, nàng ngơ ngác đi tìm khắp mọi nơi. Vừa lúc ấy chàng trai từ trong chỗ nắp bước ra. Nàng liền kêu lên:

- Thập thò, thập thò, không lo thì chết!

Chàng trai không phải là người sợ chết! Chết có gì đâu (về cái là xong, bảo đảm 100%. Sống mới khó! Chàng trai nhìn nàng tiên và ánh mắt chàng khiến nàng bối rối, lo lắng).

- Trả cánh cho tôi! - Nàng cầu khẩn - Tôi còn một cuộc sống khác.

- Không được! - Chàng trai trả lời - Thênh thang ngồi đám cỏ xanh. Bao giờ nên yến nên oanh rồi về..

Nàng tiên theo chàng trai về nhà. Chàng trai giấu kỹ bộ cánh rồi ra sửa soạn cơm nước, áo quần, chăn chiếu cho nàng. Họ đứng ở trước bàn thờ, mùi hương sực nức. Chàng trai nhìn thấy nàng tiên đứng trước ánh đèn, gò má đỏ lên thẹn thò. Họ ăn cơm trong buồng. Nàng ăn nhỏ nhẹ và nàng nhận ra khi có người yêu thương cùng ăn thì bữa cơm ngon hơn hẳn bữa cơm thường. Đêm ấy họ nằm bên nhau. Chàng trai chưa bao giờ thấy dễ chịu thế. Nàng tiên cũng nhận ra rằng khi nằm mà bỏ cánh ra thì không vướng. Họ trò chuyện. Những điều họ nói với nhau có phần ngốc nghếch:

- Thế là chúng ta thỏa lòng mong ước, chàng có vui không?

- Có... Nếu mãi thế này...

- Ngộ nhớ có việc gì... Nếu thiếp xa chàng, chàng có còn thương thiếp hay không?

- Thương.

- Thương nhiều hay thương ít?

- Thương mãi mãi.

- Thiếp chết rồi, liệu chàng còn thương nữa không?

Chàng hăm lại lời nói của nàng bằng một nụ hôn. Chàng thấy cay cay nơi sống mũi. Chàng thầm hứa sẽ làm cho nàng bất

tử. Chàng không nói to ra điều ấy vì chàng không phải là người tự tin.

Thấm thoát, hai người có một đứa con. Rồi chàng phải đi xa nhà. Trước khi đi, chàng dặn:

- Mẹ con ở nhà, có ăn thì ăn đụn lúa vang, rồi sang đụn lúa rẹ, chớ ăn đụn lúa rẹ, có tổ ong vò vẽ, đốt cả mẹ lẫn con.

Thực ra, chàng trai giấu bộ cánh của nàng tiên ở đụn lúa rẹ nên nói thế thôi. Khi chàng trai đi rồi, đứa con ở nhà nghịch ngợm tìm lôi ra bộ cánh của mẹ trong đụn lúa rẹ. Nó thích thú cười. Nàng tiên mắng:

- Cười sằng sặc có khi rặc cổ, cười ha hả có khi rã xương!

Nhìn thấy bộ cánh của mình, nàng tiên mừng rỡ. Nàng lắp cánh vào và thấy ngưỡng ngưỡng. Đã lâu không bay, nàng cảm thấy vụng về khi cất cánh. Nàng phải tập luyện rất lâu rồi mới bay được. Nàng nhớ lại nơi ở cũ của mình.

Sáng hôm sau, nàng tiên dậy sớm làm rất nhiều bánh để lại cho con. Nàng nói:

- Con ở nhà, hễ khi nào đói vào buồng lấy bánh mà ăn.

*Con đừng đòi mẹ con ơ*

*Mẹ còn có cả bầu trời tự do*

*Thôi con, con chớ khóc to*

*Bao công việc cha sẽ lo liệu giùm.*

Nàng tiên để lại chiếc vòng tay và dặn:

- Con nhớ giữ lấy cho cha.

Dứt đoạn, nàng vỗ cánh bay bổng lên trời.

Khi chàng trai trở về nhà, không thấy nàng tiên, chỉ thấy chiếc vòng tay thì đoán ra nông nổi: con chim trời đã bay về tổ cũ của mình. Từ đấy hai cha con côi cút, bơ vơ.

Một lần, nhớ nàng tiên, chàng trai bế con trở lại giếng Tiên. Rất may, họ gặp một bà già trên trời xách thùng xuống giếng múc nước. Chàng vội cầu khẩn:

- Hỡi bà tiên! Bà hãy thương tôi. Hãy giúp cho tôi gặp được vợ tôi.

Chàng trai kể chuyện cho bà tiên nghe. Chàng lấy ra chiếc vòng tay làm tin. Bà tiên bảo:

- Ta biết rồi. Nàng tiên ấy nay ở trên trời. Nàng cũng nhớ chồng con da diết. Ta sẽ mang chiếc vòng tay này về báo cho nàng.

Hai cha con chờ đến hôm sau thì thấy có hai người từ trên trời xuống. Họ mang theo các thứ dây túi để đưa hai cha con lên trời. Họ dặn phải nhắm mắt lại và giữ im lặng. Đến giữa canh khuya, cả bọn bước vào cõi trời. Nàng tiên ra đón, mừng mừng, tủi tủi..

Hai cha con ở lại hai ngày. Lệnh của Ngọc Hoàng không cho người trần ở lại. Nàng tiên thương chồng, thương con vô hạn nhưng cũng đành phải chia tay.

Hôm sau, nàng tiên gạt nước mắt trao cho hai cha con một cái trống, một mo cơm. Nàng dặn: “Hễ chân chạm đất thì cứ đánh ba tiếng trống để trên này biết mà cắt dây thừng”.

Hai cha con xuống được nửa đường thì đã quá trưa. Thấy thằng bé đói, chàng trai dừng lại giở mo cơm đặt lên mặt trống. Đứa con bốc cơm ăn làm vãi cơm trên mặt trống. Bấy giờ có một đàn quạ bay qua bèn sà xuống mổ lấy mổ để những hạt cơm rơi trên mặt trống. Trên trời, nghe thấy tiếng trống, nàng tiên lại tưởng hai cha con đã xuống đến nơi, bèn cứ thế cắt dây thừng. Dây đứt, hai cha con rơi xuống đất chết tươi. Đàn quạ sợ hãi bay vọt lên trời kêu la âm ỉ.

Sự việc không ngờ xảy ra đớn đau như vậy. Sau này, Ngọc Hoàng cho đón chàng trai lên trời. Chàng trai được làm công việc chăn trâu, gọi là Ngưu Lang, hay Ngâu Lang. Nàng tiên gọi là Chức Nữ. Mỗi năm, Ngọc Hoàng cho hai người gặp nhau một ngày vào ngày mồng Bảy tháng Bảy. Đàn quạ có lỗi hôm ấy phải bắc cầu cho hai người gặp gỡ gọi là chiếc cầu ô thước. Từ đấy, cứ đến ngày mồng Bảy tháng Bảy, trời thường có mưa, người ta gọi là mưa Ngâu. Đồn rằng đó là những giọt nước mắt của hai người. Họ gặp nhau rồi lại ly biệt chờ đến năm sau.



Cô nói:

- Ngưu Lang, Chức Nữ gặp nhau còn có định kỳ. Còn em chẳng có định kỳ nào cả.

Cô thở dài. Tiếng thở dài nào nuốt làm anh tê tái. Tình yêu là gặp gỡ, là chia tay. Vẫn biết thế mà sao đau lòng vậy?

Tình yêu đối với quê hương... Anh à...anh ơi... là thứ tình cảm lạ lùng, không biết diễn đạt thế nào. Thoáng xót xa, triu mến. Cả căm giận, tự hào: cả khinh bỉ, vui buồn... Tất cả một núi cảm xúc, một bể cảm xúc trào dâng... bóp nghẹt tim, làm run rẩy... muốn làm khuyu ngã ngay khi ở trên mây bay bước xuống...

Anh im lặng. Anh cảm động nhìn cô hít thở rất sâu không khí ở trên cánh đồng. Cô kêu to khi nhận ra mùi đất ải nồng nàn và mùi rơm rạ ẩm ướt

- Anh...

Cô đưa tay níu lấy vai anh. Anh hoảng hốt.

Anh nhận ra một tia ánh sáng tựa như lửa than nơi khóe mắt cô. Anh sợ. Anh sợ đến toát mồ hôi. Anh nói lắp bắp và nhảm nhí: Tôi... tôi không đại diện cho ai... Không phải đất nước... Không phải quê hương... Không phải chính quyền...

Cô cười. Anh hiểu ra nụ cười ấy: bây giờ dù anh có bấu cổ, có sâu răng, có bọm bãi, lạm phát, rượu chè, suy thoái, buôn heroin hay chậm phát triển... cô đều tha thứ cho anh. Anh có tởm lợm cũng không sao hết. Miễn là... Được rồi. Anh đỏ mặt nói.

- Tôi sẽ không như thế nữa.

- Anh hứa chứ?

- Không trộm cướp và tham nhũng thì khó - Anh cau có nói - Thôi được, sẽ không còn đê tiện và lêu lổng nữa.

Họ cười phá lên làm những con chim sẻ bay vụt lên trời.

Anh ngồi đây. Bây giờ anh đang ngồi đây một mình. Anh thấy bơ vơ quá. Bây giờ thì cô đã ở cách xa anh nửa vòng trái đất. Xa quá. Xa lắc xa lơ... Anh nhắm mắt lại. Anh nghĩ đến cô. Cô có thân hình mảnh dẻ. Mắt đen láy, thoáng vẻ mệt mỏi. Cười chỉ bên lên. Sự dịu dàng và mùi hương xa xăm. Cô mặc chiếc váy liền áo may bằng vải lụa tơ tằm, khoác thêm chiếc áo jắc két bên ngoài. Cô thích nói chuyện và cười nhưng vẫn giữ gìn sự mập mờ của



tình bạn và hiện thực. Anh bị những hiểu biết văn hóa và những cử chỉ của cô quyến rũ. Cả tiếng thở dốc sau những câu nói dài rất đặc biệt lạ lùng chỉ cô mới có. Chưa bao giờ trong anh có một cảm giác rõ rệt đến thế: chắc chắn sẽ có sự mất mát tức khắc khi thổ lộ những lời si mê điên cuồng. Yêu mà không hiến thân, hiến thân mà không sa sút và tàn tạ, điều ấy có thể được chăng? Còn gì nữa. Cả hai đều sợ hãi, đều ghê tởm nếu sự tầm thường xám xịt thường nhật xúc phạm. Một sự gặp gỡ mà không biến chất, không rạn nứt. Anh lo lắng nhìn cô: những đau đớn, sự nhạy cảm về mất mát và nhiều điều khác không biết gọi tên là gì làm cô trở nên rất khó an ủi. Anh thấy đắng ngắt trong lòng và cảm thương đến ứa nước mắt. Trước mắt anh là người đàn bà khó an ủi nhất hành tinh. Cô sẽ khóc. Sẽ khóc mất. Sẽ khóc về cảnh tha hương ở nơi đất khách quê người... Sẽ khóc về Anh ngữ và Việt ngữ... Sẽ khóc vì những lo toan trong cảnh gia đình... Sẽ khóc vì chồng con, bạn bè... Sẽ khóc vì những phù du, bội phản... Sẽ khóc cho kiếp làm người...

- Mạnh mẽ lên - Anh nói - Không khóc ở California.

Không khóc ở California.

Không khóc.

Không khóc ở Louisiana.

Không khóc ở quận 13 Paris.

Không khóc

Không khóc ở Beclin, ở Sydney, ở Tokyo

Những người Việt không khóc ở California

Em không khóc

Em không khóc ở California

Em không khóc

Kìa mưa rơi, mưa rơi và lá bay

Em lái xe đi

Con đường hun hút và mưa bay bay

Kính xe mở

Ai huýt sáo một bài hát bên đường

Nhớ anh, nhớ quê hương

Em không khóc  
Em không khóc ở California  
Em không khóc  
Ở chốn xa xăm cuối nơi chân trời  
Nơi mẹ sinh ra gọi là quê hương  
Em gọi tên là nhớ thương  
Người ta gọi là cội nguồn  
Sao em lắm cảm như một bà già  
Em sẽ không khóc  
Không khóc ở California  
Anh ạ,  
Em lớn lên rồi, không còn thẹn thùng  
Em mặc một chiếc áo rộng  
Em sẽ mua hoa  
Xếp đặt đồ vật trong nhà  
Em yêu mọi người  
Mọi người không khóc  
Không khóc ở California  
Anh ạ, hôm nay tiệm cà phê vui hơn  
Có ai gật đầu chào em.  
Có phải anh gật đầu chào em rồi mỉm cười  
Em đưa tay ra  
Biết rằng anh vừa nắm tay em...  
Em thấy hơi ấm  
Em thấy ổn rồi, rất ổn...  
Em lớn lên rồi, không còn thẹn thùng  
Em soi trong gương  
Giữ gìn nhan sắc, giữ gìn thói quen  
Có người vừa đi xa về,

Mang cho em một chút gió, một chút nắng  
Em sưởi mình trong kỷ niệm  
Và cười trong mơ.  
Anh hôn vào nụ cười ấy...  
Nụ cười xa xăm  
Em lớn lên rồi, không còn thẹn thùng  
Em ra siêu thị  
Em xuống trung tâm  
Em mua một gói kẹo nhỏ  
Và liếm chiếc kẹo như liếm vết thương  
Anh tan biến trong miệng em  
Em cười một mình.  
Và soi trong gương  
Không khóc  
Không khóc ở California  
Cho dù cách xa...

Anh biết rằng anh sẽ không an ủi được gì. Không ai an ủi được ai. Anh biết. Anh biết chắc chắn thế mà! Vì sao ư? Vì chính anh cũng là người cần an ủi.

Hôm qua ời, em đi rồi  
Hôm nay ời, ta nhớ người  
Một làn mây xanh trôi qua đời anh  
Thương thì thương  
Chốn tha hương  
Muôn dặm trường  
Em ghé lại  
Nụ cười vẩn vương  
Em đi rồi  
Như trong màn sương  
Tái tê vô chừng

Tái tê không cùng...

Anh à...Anh ơi...Hôm qua ở đây có tuyết rơi. Nhưng hôm nay thì nắng. Nắng ấm. Có lẽ California là nơi đẹp nhất trên đời...

Anh đi...Anh nhớ cô. Cô có những tật xấu nhưng anh không để ý đến điều ấy. Cô luôn nhắc anh phải nhớ đến cô.

- Em. - Anh nói - Những bất hạnh trong số phận em cũng là những bất hạnh trong số phận anh. Có hiểu không? Em có hiểu không? Em có hiểu được như thế không?

Kìa có ngọn gió bay qua...Và nắng ấm. Rồi em lại về... Phải không em?

## KIỂM SẮC

*"Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung"*

Nguyễn Du

Trong số người gần gũi với Thế tổ Nguyễn Phúc Ánh những năm mưu phục lại cơ đồ nhà Nguyễn có một hào kiệt mà không sử sách nào nhắc đến. Người đó là Đặng Phú Lâm.

Lâm quê ở Hưng Hóa, cha là Đặng Phú Bình, trước là thuộc tướng của Trịnh Bồng. Bình tính ngang tàng, võ công thâm hậu, thấy chúa Trịnh hèn mà cách xử thế keo kiệt, không xứng đáng với bậc vương giả nên bỏ Trịnh Bồng vào Đàng Trong. Khi Tây Sơn nổi lên, Bình theo Nguyễn Nhạc, Nguyễn Nhạc không tin Bình, cho Bình là dân Bắc Hà trí xảo, không trung tín. Nhạc chỉ cho Bình làm một chức quan võ nhỏ ở vùng sơn cước mãi tây Bình Thuận. Bình bất đắc chí, suốt ngày uống rượu, nhiều khi say quá, cứ trông về phía trời Bắc mà khóc hu hu. Lâm can thế nào cũng không được. Về sau Bình ngã nước, râu tóc rụng hết, gầy tọp đi, da vàng như nghệ, chỉ nằm chờ chết. Bình có một thanh kiếm gia truyền, sắc như nước, sống kiếm đỏ chì, sức chém khủng khiếp. Trước khi chết, Bình trao thanh kiếm lại cho Lâm, bảo rằng: "Con ơi, nước đang có loạn. Tây Sơn bây giờ đang lên như thế chẻ tre. Nhưng ta thấy sức chơi của bọn người này bất quá chỉ như trọc phú nhà giàu, Gánh vác giang sơn sao được? Ta đồ rằng mệnh Tây Sơn có hạn. Hiện Gia Định có Nguyễn Phúc Ánh là nòi vương giả, con gắng vào đây tìm xem". Lâm khóc, mắt chảy có máu. Bình giẫy mấy cái, mồ hôi toát đầm đìa, người cứ lạnh dần rồi chết. Lâm lấy kiếm đào huyết chôn cha; tìm đường vào Gia Định theo Nguyễn Phúc Ánh. Lúc bấy giờ Lâm mới hai mươi tám tuổi.

Nguyễn Phúc Ánh ở Gia Định tìm cách lật đổ Tây Sơn, khi này thế đã mạnh. Ánh là người đa mưu túc kế, tính kiên trì, không tin ai, dùng người lấy chữ "hiệp", chữ "lễ" làm trọng, không coi "nhân", "nghĩa", "trí", "tín" ra gì. Thỉnh thoảng, Ánh vào trong đất Thuận Quảng, xuất quỷ nhập thần. Người Đàng Trong sợ Ánh

hơn là thích Ánh. Ánh đi đến đâu nghe nói cũng có mây đen cuộn cuộn bay đằng trước, dân cư thấy có mưa là biết Ánh vừa đi qua.

Lân gặp Ánh. Ánh thấy Lân khôi ngô, ăn nói khoan hòa mà thủ đoạn táo bạo thì thích lắm, cho ở luôn bên mình. Một lần thuyền Ánh qua cửa Tiền Giang, có bốn người đi theo, trong đó có Lân. Bấy giờ có con cá sấu rất to cứ bơi theo, đuổi thế nào cũng không được. Mọi người lo sợ, thấy phải có người nhảy xuống làm mồi cho cá sấu thì mới thoát.

Ánh hỏi: "Ai vì nước Việt mà chết?"

Ba người kia tình nguyện chết, chỉ có Lân ngồi im. Ánh trừng mắt hỏi Lân:

"Trượng phu quý mạng sống thế à?"

Lân chấp tay: "Chúa công đừng giận. Nước Việt thì không ai hại được. Còn thoát hàm cá sấu, cần gì phí một mạng người!"

Nói rồi nhặt hòn đá ở mạn thuyền ném con vịt giời bay qua. Vịt giời rơi xuống nước, cá sấu thấy vậy vội bỏ thuyền lao đến chỗ vịt giời. Ánh cười ha hả bảo rằng: "Thế này thì nghiệp ta thế nào Trời cũng cho thành".

Ánh đi đâu cũng cho Lân đi theo, cũng nhiều khi Ánh xem ý Lân để liệu xử thế với người, lần nào cũng trúng. Có lần, lúc này thế Ánh như điều gặp gió, trước Tết Nguyên đán, các tướng lĩnh, các nhà hào phú quanh vùng, cả dân chúng Gia Định nữa cũng mang lễ vật đến mừng, Ánh cho Lân ra nhận lễ vật. Lân ra nhận, cho ráo vào cả một kho. Khách đến chúc mừng Ánh, chỉ đi chân tay không mà vào. Bọn Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Thành, Võ Tánh thấy lễ vật của mình cũng bị xếp cùng với lễ vật những người khác thì cảm tức. Bọn này phàn nàn với Ánh, ý trách Ánh để tả hữu coi thường mình. Ánh cười bảo rằng: "Lân là người có văn, có võ, lại cương trực, trung thành với chủ, cứ để hấn khu xử. Hấn có cách khu xử của hấn. Những người gần ta không phải kẻ tầm thường đâu".

Sáng mùng một, lập đàn tế thần, Ánh cho Lân đứng ra chia lộc thÁnh. Lân chia phần đều ai cũng như ai, mọi người rất hớn hở. Sau việc này, Ánh hỏi Lân, Lân đáp: "Nghiệp chúa công chưa thành, thế mà đã có kẻ dâng lễ vật nhiều, dâng lễ vật ít. Biết lễ vật của từng người, chúa công sau này dùng họ khó." Ánh bảo: "Phải!" Lân lại nói: "Việc chia phần đều nhau là để ai cũng thấy



mình phải cố gắng". Ánh bảo: "Cũng phải". Ngồi một lúc Ánh nói: "Chỉ e người căn cơ quá chẳng?" Lân đáp: "Đây tớ không căn cơ có hại cho chủ". Ánh bảo: "Người là dân Bắc Hà; Người không hiểu dân Đảng Trong như ta được. Người tưởng làm thế là chu toàn, nhưng bậc vương giả thích sự tiện lợi hơn cả". Lân bảo: "Chúa công nói phải, căn cơ chỉ hợp với bản tiện, nhưng đất của Chúa công bây giờ nhiều hơn đất của Tây Sơn hay của Tây Sơn nhiều hơn?" Ánh cau mày đáp: "Ta chỉ vốn vẹn có ba thước đất chôn thầy thôi". Lân bảo: "Không phải thế. Chúa công được lòng trời đất, chỉ cần Chúa công thành tâm". Ánh ngồi im, lát sau lại hỏi: "Nhạc không nói làm gì. Lữ không nói làm gì. Huệ có cách gì mà giỏi giang thế?" Lân đáp: "Huệ giỏi dùng người tài nhưng không giỏi dùng người thường. Chúa công khác Huệ". Ánh ngồi im không nói năng gì.

Khi Nguyễn Huệ chết, con trai là Nguyễn Quang Toàn lên ngôi, Tây Sơn năm bề bảy mối. Ánh mừng lắm sai mở tiệc mừng. Lân đứng ra can: "Chúa công đừng làm thế, dân chúng nhìn vào không cho ta là người đại lượng". Ánh bảo: "Huệ coi ta là quốc thù, hịch truyền khắp nơi, lời lẽ bắn thù lắm. Ta với Huệ không đội trời chung. Nó chết ta cười cũng không được ư?" Lân đáp: "Huệ không có tội gì, chỉ là một người tài, bị trời hành, cũng như Chúa công vậy. Nhưng lực lượng của Huệ không được hưởng phúc lâu dài, thế là Huệ dẫm bẫy đường thiệt. Ta lấy lộc của kẻ được hưởng phúc trời mà cư xử, trời thấy ta phải, người cũng thấy ta phải". Ánh nghe Lân nhưng nghiêng rằng nói: "Khi nào ta thành nghiệp lớn, ta phanhtây nó, ta chôn ba họ nó". Lân bảo: "Chẳng lâu đâu, Chúa công cứ nhin cười, lúc ấy cười một thể". Quả nhiên sau này khi Ánh chiếm Thăng Long, thống nhất giang sơn, Ánh trả thù Tây Sơn rất thảm khốc.

Khi Ánh chiếm Phú Xuân, cướp được một ca nữ xinh đẹp lạ lùng, tên là Ngô Thị Vinh Hoa, vừa tròn mười tám tuổi. Vinh Hoa hát hay, đàn giỏi, điệu bộ rất duyên dáng. Một đêm, Ánh hứng khởi, sai Lân đưa Vinh Hoa vào bày tiệc, ngồi nghe hát. Lân bảo: "Hát bài Triều Thiên Tử". Vinh Hoa ôm đàn hát:

*Kìa xanh xanh*

*Mấy nụ non*

*Mấy lá non*

*Nhờ mưa xuân mang sữa cho*

*Nhờ gió xuân mang khí thổ cho  
Nhờ đất mang lương thực cho  
Chẳng chịu cho ai hái  
Càng lớn, nhan sắc càng mỹ miều  
Càng lớn, phẩm hạnh càng thanh sạch  
Càng lớn, càng cả thẹn  
Thơ nào tả được vẻ đẹp này  
Bút nào vẽ được ý tứ này  
Ai tương tư mà chau mày  
Ngủ thì thôi, tỉnh lại nhớ  
ấy là trời cho  
Vẻ đẹp hoàn hảo  
Vẻ đẹp thiên kim.*

Ánh vỗ tay reo: "Hát hay quá". Lân lại bảo: "Hát bài Tình Sông Núi". Vinh Hoa ôm đàn hát:

*Kìa núi cao cao  
Kìa sông xanh xanh  
Núi do đâu mà ra  
Sông do đâu mà ra  
Tráng sĩ xa nhà  
Lặn lội trên đường  
Nơi cố hương  
Mẹ già bạc đầu  
Gái quý đêm nằm trần trọc  
Lấy gì trả nghĩa tình  
Uống chén rượu sầu  
Mời núi cao một chén  
Lạy thiên tử ba lạy  
Chẳng quên tình sông núi  
Chỉ thương tình mẹ già với người đẹp phương xa.*

Ánh cau mày: "Hát hay nhưng buồn quá". Vinh Hoa quì xuống lạy: "Tiện thiết làm râu lòng người trời". Lân đỡ dậy, bảo rằng: "Người chớ lo, Chúa công lòng rộng, những thứ tình cảm suốt mướt của bọn người thường không hợp với Chúa công đâu". Nói xong, Lân sụp xuống lạy Ánh: "Ngày mai Chúa công ra trận vui thú ít thôi, cần nghỉ ngơi". Ánh thở dài đứng lên: "Cũng phải người ép ta, đến nay là chín năm rồi, ta còn nhớ. Từ khi người cấp gươm hầu ta, ăn ngủ cũng phải tính giờ. Xưa kia ta đâu phải vậy?" Lân đáp: "Chúa công chịu mệnh trời, gÁnh nặng hơn người". Ánh bảo: "Ta chỉ thích như người thường thôi!" Tuy nói thế nhưng cũng rũ áo vào trướng. Vinh Hoa ôm đàn lui ra. Hôm sau, Ánh bảo Lân: "Ta đi mà cứ văng vẳng tiếng hát ca nữ bên tai, tiếng gió thổi, tiếng gươm dao không át được". Lân bảo: "Chúa công còn nhiều cơ hội nghe hát, nhưng cơ hội diệt Tây Sơn chỉ có một".

Ánh họp các tướng, bàn kế hoạch đánh ra Thăng Long. Lê Văn Duyệt tâu: "Bắc Hà có nhiều danh sĩ tài giỏi. Sao cho cớ của ta đến đâu, bọn khốn nạn này mà theo thì dân chúng cũng phải theo thôi". Ánh bảo: "Không được. Ta ủy mệnh trời, cần gì mua chuộc ai? Ta đến đâu, đào hố đến đấy, chôn chúng nó xuống, dân chúng không theo không được". Quan tướng ai cũng thấy phải, ngồi yên lặng cả.

Đêm ấy Ánh thao thức không ngủ được, gọi Lân đến bảo múa kiếm cho xem. Lân cầm thanh kiếm gia truyền, múa loang loáng, nghe như có gió thổi bốn bề. Ánh nhìn toát cả mồ hôi, đoạn bảo đưa kiếm cho xem. Ánh cầm thanh kiếm hai tay, phát đứt một cây hoa dại vòng gốc như cột nhà mà chỉ bằng một nhát. Nhựa cây phun ra như máu trắng. Ánh hỏi: "Kiếm của người sao sắc bén vậy?" Lân bảo: "Đây là kiếm thần, không rõ xuất xứ, tổ phụ truyền lại". Ánh hỏi: "Sao bây giờ ta mới thấy nó?" Lân bảo: "Trước Chúa công chỉ thấy đầu rơi dưới kiếm, bây giờ mới nhìn rõ kiếm. Thế là sắp thanh bình thịnh trị rồi đó". Ánh cầm thanh kiếm không muốn rời tay.

Ánh hỏi: "Trưa nay khi nói việc ta muốn chôn danh sĩ Bắc Hà, sao người tái mặt?" Lân tâu: "Lân là người Bắc Hà nên tủi phận mình sợ cho mình". Ánh bảo: "Ta chỉ ghét bọn chữ nghĩa thôi, còn người là con nhà võ thì sợ gì. Chữ nghĩa chúng nó thối lắm, nguy hiểm xảo trá tinh vi. Hành tung chúng, ta chẳng lo. Toàn lũ ốm o, như dòi chôn hèn mọn cả". Lân bảo: "Đa số như thế, chôn cũng đáng. Chỉ có đôi người khá, chúa công được họ thì thêm

sang cho chúa công". Ánh bảo: "Ta không tin bọn nó theo ta. Chúng nó quen tử tế với chữ nghĩa thì sẽ coi ta là vô đạo, không có tâm thế. Rửa đầu óc chúng nó mệt lắm". Lân bảo: "Thế là chúa công vẫn quen dùng người thường, ở bậc cao nhân còn gì còn chuyện vô đạo, hữu đạo? Tâm ở sự thành, đâu phải ở lòng? Chúng không chịu hiểu là lỗi ở chúng. Đã ai hiểu việc chúa công dùng Bá Đa Lộc, dùng người ngoại quốc? Chúc công còn phải mang tiếng ba trăm năm". Ánh lo sợ nói: "Phải làm sao?" Lân bảo: "Chẳng làm sao được, nhưng bên cạnh chúa công có vài người như Ngô Thì Nhậm thì không sao cả".

Ánh bảo: "Ta muốn cho người đi trước, chiêu mộ đôi ba người, thế là công to lắm". Lân sụp lạy: "Được thế còn gì bằng, Lân cũng không thẹn mặt với nơi sinh ra mình". Ánh bảo: "Ta giữ thanh kiếm này để khi người quay về, có tin hay, ta có cơ mà khen thêm. Còn không được việc, ta có linh khí mà trừng phạt". Lân tái mặt nhưng đành phải chịu.

Ít bữa sau, Lân cài trang, giắt theo ít vàng bạc, tìm đường ra Bắc Hà. Lúc này Bắc Hà nhốn nháo lắm, triều đình Tây Sơn như trứng để đầu đẳng. Bọn tướng của Tây Sơn tranh giành nhau, chẳng còn biết giữ gìn tiếng tăm nữa. Lân thân cô, thế cô, lang thang đây đó, đi khắp nơi tìm người tài giỏi nhưng không thấy ai ưng ý.

Một hôm, Lân vào nghỉ ở một quán trọ ven đường, thấy có một người cốt cách hiên lành, dáng điệu bồn chồn đang ngồi uống nước chè suông. Hai người nói chuyện. Lân ngạc nhiên thấy người này trong trẻo lạ thường, tâm hồn sạch như nước ở suối ra. Lân cố mời rượu, người này chỉ uống một tí đã đỏ mặt. Con gái chủ quán rất xinh đứng ra hầu rượu. Người trẻ tuổi bảo: "Khách ở nơi xa đến, mệt mỏi vì công danh không đâu, chưa biết thế nào là đường đi lối lại, cô Cầm hát một bài cho nghe đi". Lân thoáng ngạc nhiên, rồi bình tâm lại, vật nài mãi, cô con gái chủ quán bèn ôm đàn ra đưa cho người trẻ tuổi. Người trẻ tuổi gảy đàn, cốt cách rất ư thanh lịch. Cô con gái chủ quán hát:

*Kìa trăm năm*

*Tài mệnh là gì*

*Chỉ thấy đón đau*

*Nhờ mưa mang sữa cho*

Nhờ đất mang lương thực cho  
Chẳng chịu cho ai hái  
Ai hái cũng phí  
Nhan sắc mỹ miều cũng qua thôi  
Phẩm hạnh thanh sạch cũng nhạt thôi  
Càng lớn càng cả thẹn  
Cố tả được vẻ đẹp này  
Gắng vẽ được ý tứ này  
Ai tương tư cho râu lòng  
Ngủ thì thôi, tỉnh lại nhớ  
Ấy là trời buộc  
Cô quạnh vì nàng  
Ta đi săn, đi câu  
Vẻ đẹp hoàn hảo  
Vẻ đẹp thiên kim  
Bao giờ bốc mộ  
Nhỏ cho một giọt nước mắt  
Kìa trăm năm  
Tài mệnh là gì  
Chỉ thấy đón đau

Lân nghe xong, thở dài trào máu ra từ ngũ khiếu. Lân kêu to: "Trời hỡi trời, sao giống bài Triều Thiên Tử vậy?" Cô con gái chủ quán cười cười chỉ tay vào người trẻ tuổi: "Bài này không có tên, do người này làm ra, chỉ để riêng cho Cầm hát". Lân thở dài nói: "Bài hát hay quá, thật Lân này chưa biết thế nào là đường đi lối lại". Nói rồi Lân cáo từ vào trong nằm nghỉ. Hôm sau Lân dậy sớm, bỏ đi không chào chủ quán, cũng không hỏi người khách trẻ tuổi với cô Cầm, con gái chủ quán.

Khi Lân đến được Thăng Long thì Nguyễn Ánh đã vào thành rồi. Quân Ánh đi như nước lụt, Lân như cÁnh bèo bị sóng cuốn trôi. Thâm tâm Lân cũng chẳng biết nên vui hay buồn, chỉ thấy trong lòng cảm động.

Lân gặp Ánh xin chịu tội vì không làm được việc. Ánh ngồi trên ngai vàng, tả hữu gươm giáo sáng quắc hai bên. Lân tự trói mình, quì xuống sân rồng. Ánh bảo: "Người theo hầu ta thế là chín năm một trăm ngày. Chín năm không làm hỏng việc gì, còn một trăm ngày thì hỏng việc, vô tích sự. Thế là treo lên cây mà không hái được quả, đáng tội chết". Lân không nói năng gì, vươn cổ ra chịu chém. Nghe nói Nguyễn Ánh đã sai đao phủ dùng thanh kiếm gia truyền của Lân để chém đầu Lân. Khi chém đầu, máu phun ra không đỏ mà trắng như nhựa cây, một lúc sau thì kết lại.

### *Đoạn Kết*

Tôi, người viết truyện này, gần đây lên Đà Bắc, đến Tu Lý ở trong nhà một người Mường. Chủ nhà tên là Quách Ngọc Minh có cho xem bài vị thờ tổ tiên. Tôi hết sức ngạc nhiên khi ông Quách Ngọc Minh cho biết tổ tiên ông là người Kinh. Ông Quách Ngọc Minh có nói tổ phụ ông tên là Đặng Phú Lân, có vợ tên là Ngô Thị Vinh Hoa vốn là một ca nữ. Lân và Hoa trốn vua lên Đà Bắc, giả làm người Mường, về sau lập trại, sinh con đẻ cái ở đây. Ông Quách Ngọc Minh có nói tổ phụ ông sinh thời từng gặp Nguyễn Du, tác giả cuốn Đoạn Trường Tân Thanh nổi tiếng. Tôi còn được con gái ông Quách Ngọc Minh tên là Quách Thị Trinh hát cho nghe một bài hát xưa, lời lẽ rất thanh tao về những chồi cây xanh.

*Viết truyện ngắn này, tôi muốn để tặng gia đình ông Quách Ngọc Minh để cảm ơn thịnh tình của gia đình ông đối với riêng tôi. Tôi cũng xin cảm ơn một số nhà nghiên cứu lịch sử và bạn bè quen biết đã giúp tôi sưu tầm chỉnh lý những tư liệu cần thiết cho công việc viết văn, vốn rất nhọc nhằn, phức tạp, lại buồn tẻ nữa của tôi...*



## MƯA

*Phong vận kỳ oan ngã tự cư 1*

(Nguyễn Du)

Em,

Anh bắt đầu truyện ngắn này lúc 8 giờ sáng trong một quán cà phê tồi tệ nhất thành phố. Quán vắng khách, không ai quấy rầy anh. Trời đang mưa.

Anh ngồi viết... Khuôn mặt em hiện ra trong anh. Em đang ở xa. Em đang ở đâu? Những ý nghĩ của anh hướng cả về em. Em hiển hiện. Em ngồi bên cạnh và sắp xếp những con chữ rời rạc.

Hôm ấy trời cũng mưa, mưa như trút. Anh và em ngồi trong xó tối. Trước mặt chúng ta có hai phụ nữ, một người thấp, một người cao, cả hai đều đẹp. Anh nhắc em chú ý đến cô gái cao, để tóc xõa, mỗi khi cười lại hay ngả người vào ghế. Em hỏi anh tên người ấy. Anh bảo: "Gọi gì mà chẳng được! Tên người cũng là một thứ ký hiệu thôi. Anh gọi cô ta là N." Em bảo: "Thế người ngồi cạnh là M. à?" Anh bảo: "Phải".

- Mình biết không? - M. nói - Mình chẳng hiểu gì về hấn. Đời mình sẽ tan nát vì hấn mất thôi. Tớ van mình, mình đừng yêu hấn!

- Không, tớ chẳng yêu đâu. Tớ chẳng đại... - N. cầm một bông hoa trên bàn xé nhỏ. - Nhưng hấn hiền lành và thông minh lắm. Gần hấn, tớ sẽ học được cái gì chẳng?.

- Với bọn đàn ông thì người phụ nữ chẳng học được cái gì đâu. Chúng chỉ chăm chăm một việc là đề mình ra giường rồi tỹ tề những lời đường mật. Chúng mình tưởng bỏ, chúng mình tưởng đấy là tình yêu, là tính người. Thế là hết đời!

- Sao mình ác khẩu thế? - N. thở dài. Họ yên lặng một lúc. Nghe rõ tiếng mưa rơi.

N. nói:

- Hắn đọc thơ, bằng một giọng trầm, hay không tả được.  
- Lại thơ nữa! Thằng đàn ông nào khi quyến rũ đàn bà mà chẳng làm thơ? Chúng làm thơ suốt từ thời người vượn nguyên thủy đến nay, được những bốn nghìn năm rồi.

- Minh hôm nay thế nào ấy. Thế mình lấy chồng, mình có hạnh phúc không?

- Ừ, ừm... không biết. Nhưng mà chắc có đấy. Có điều tay chồng tớ đều kinh khủng. Tớ biết hắn lừa tất cả mọi người. Thế mà trước khi lấy hắn, không hiểu sao tớ thấy hắn cao thượng thế!

N. cười khê. Khi cười, mái tóc xòa ở bên thành ghế.

- Minh cho tớ xin một điếu thuốc lá. Từ khi lấy chồng, tớ phải hút trộm... Chồng tớ thấy, hắn sẽ đánh tớ.

- Tại mình cả thôi. Tớ đã bảo đấy là một thằng đàn ông đê tiện cơ mà!

- Tớ rất ghét chồng mình, tớ chưa bao giờ thấy chồng mình nói thật bao giờ. Thôi, số kiếp cả. Làm sao được? Thân tớ thế là coi như xong rồi đấy. Rồi tớ sẽ đẻ con, vào bệnh viện, không hiểu sao tớ nghĩ sau này tớ sẽ bị liệt, thế là hết đời. Nhưng mà mình, tớ van mình, mình đừng yêu hắn!

- Không, tớ chẳng yêu đâu. Tớ chẳng đại...

- Mình thề đi. Tớ van mình. Mình đừng yêu hắn!

Em hỏi: "Sao thế nhỉ? Sao người ta lại đi can gián tình yêu?"  
Anh bảo: "Em đừng sốt ruột. Một người đáng kể thế kia thì chẳng bao giờ thề thốt gì đâu".

M. ngồi hút thuốc. Ánh lửa ở đầu điếu thuốc đỏ rực.

- Tớ van mình. Mình đừng yêu hắn. Mình thề đi!

- Không! Mình đừng bắt tớ thề. Buồn cười lắm!.

- Mình có hiểu một người như hắn tệ hại đến thế nào không? Hắn thích gì hắn sẽ làm nấy. Hắn có thể đánh nhau đấy!

- Ừ...

- Tớ đã biết hắn. Hắn rất khinh người. Một người như thế là không tôn trọng ai đâu.

- Nhưng hắn đối xử với tớ rất tốt... Dễ thương nữa.
- Mình chẳng hiểu gì cả! Ai mà hắn chẳng tốt! Hắn bịp bợm đấy! Hắn chẳng coi cuộc sống ra gì. Mình có thấy cách chi tiêu của hắn không? Nếu có một quốc gia trong tay thì hắn cũng chỉ chi tiêu trong năm phút.
- Thơ của hắn lạ lắm!
- Lại thơ! Mình cứ mơ mộng thế là chết đấy! Hắn ham chơi lắm, mình đã thấy hắn đá cầu với một thằng bé con sáu tiếng đồng hồ! Mình cứ tưởng tượng xem, sáu tiếng đồng hồ người ta làm được bao nhiêu là việc! Ngộ nhỉ?
- Ngộ gì mà ngộ? Có mà điên!
- Họ lại ngồi im lặng. Nghe rõ tiếng mưa rơi.
- Tớ van mình. mình cẩn thận đấy! Mình có hiểu tình yêu của một tay đàn ông như thế thì thế nào không?
- Không... Tớ biết sao được.
- Nó sẽ làm lòng dạ mình tan nát như chơi...
- Mình chẳng hiểu gì cả... Hắn chỉ làm mọi việc theo ý hắn thích mà thôi. Khi hắn yêu hắn sẽ quên hết... Mà như thế thì khổ lắm... mà ngượng lắm!
- Sao lại ngượng?
- Thế mình chỉ sống có mỗi một mình thôi à? Mình còn có bạn bè, bố mẹ, lại còn bà, rồi còn sự nghiệp nữa.
- Ủ, bà thì rắc rối lắm!
- Chứ còn gì nữa? Hắn sẽ gạt tất cả sang bên. Hắn sẽ cười vào mũi tất cả, cười rất khà ồ... Hắn chẳng coi mọi sự là cái gì đâu! Tớ cấm mình yêu hắn đấy!
- Ủ!
- Tớ van mình... Mình đừng yêu hắn...
- Thơ của hắn rất lạ... chẳng có đầu có cuối gì cả. Này nhé:  
"Chính bởi thế mà nửa đêm ta dậy  
Lang thang khắp phố phường."
- Bởi cái gì?
- Ma nào mà biết được? Tớ cũng hỏi hắn thế...

Hắn cười, hắn cũng không biết nốt. Hắn chỉ lên trời...

- Lại thế nữa... Thế là điên rồi đấy!

- Mà còn thế này nữa:

"Ta nhớ một cái lông chân

Đem so xem nó có giống lông trâu không?

Ta ký một hợp đồng

Và ra sức lừa gió về

Trong căn phòng trống trải của ta..."

M. nhóm người lên:

- Ký hợp đồng với ma quỷ đấy! Chắc chắn thế! Tớ biết mà...  
Hắn không chơi với người đâu, hắn chỉ chơi với ma quỷ thôi...

- Hắn có thể chết bởi những điều rất vớ vẩn... Mà hắn cả tin  
lạ lùng.

- Thôi đi... Tớ van mình. Mình đừng mơ mộng nữa. Cả tin với  
không cả tin. Tất cả đều một giuộc!

- Quả thực, tớ chưa thấy người nào đáng kể như hắn. Hết sức  
nồng nhiệt, tối tăm như đêm tối chính trực nữa...

- Mình yếu đuối lắm!

Họ lại ngồi im lặng. Nghe rõ tiếng mưa rơi.

Này, tớ van mình... Mình đừng yêu hắn...

- Ừ...

Em hỏi: "Tình yêu là gì?" Anh bảo: "Đây là nét phong nhã  
bậc nhất của đức hạnh. Không phải người nào cũng hiểu được đâu".  
Em hỏi: "Sao khi yêu nhau người ta làm thơ?" Anh bảo: "Tình  
yêu sinh ra tài năng. Thơ là thử tài năng tầm thường nhất" Em  
bảo: "Tài năng nào mà chẳng tầm thường..." Anh bảo: "Có một thứ  
tài năng không tầm thường". Em hỏi: "Anh biết à?", Anh bảo:  
"Biết". Em hỏi: "Anh có nó không?" Anh bảo: "Có". Em bảo: "Thế  
thì em yêu anh".

- Này, tớ van mình... Mình đừng yêu hắn...

- Ừ...

- Để tớ kể mình nghe chuyện này. Ngày xưa hắn đã yêu một  
thiếu nữ. Cô ấy con nhà gia giáo. Mình có biết một thiếu nữ trinh

thực là thế nào không? Môi cô ta lúc nào cũng thắm đỏ. Đáy mắt cô ta ánh xanh như vỏ trứng chim sáo. Cô ta được nuôi dưỡng bằng truyện cổ tích và toàn cơm tám giò chả. Một thiếu nữ được nuôi như thế thì da trắng hồng.

- Thôi, mình bỏ trò miêu tả ấy đi. Khó chịu lắm. Một thiếu nữ trinh thực là rất khó chịu...

- Ừ thật thế đấy. Hắn đến... liệu hắn có biết thứ quà tặng gì đối với cô ta có thể làm chết người như là tình yêu của hắn hay không? Tớ cũng tin hắn yêu say đắm. MDt Cô gái như thế thì sao lại không yêu được? Có thể khi đến với cô ta, lòng hắn sẽ yên tĩnh lại, sẽ không sôi réo nữa. Hắn sẽ tu th, hắn không du côn và lêu lổng nữa. M. im lặng, cô ta lại châm một điếu thuốc lá. áh lửa ở đầu điếu thuốc đỏ rực. Nghe rõ tiếng lưa rơi...

Thế... Không thể nói rằng hắn là kẻ vô giáo dục được. Hắn chỉ hơi dám đến gần cô ta. Không phải là hắn yêu đâu, hắn chiêm ngưỡng, hắn thờ phụng cô ta như thể người ta thờ phụng Đức thánh Trần.

- Sao lại Đức thánh Trần?

Tại vì đây là thứ tình yêu chẳng có hôn hít gì cả. Chỉ có tình yêu với Đức thánh Trần mới như thế chứ...

- Ừ Tớ hiểu rồi. Kể cũng kỳ lạ đấy. Hình như bây giờ hắn đã bạo hơn...

- Mình im đi Tớ van mình, mình không được nghĩ gì về hắn nữa đấy.

- Ừ

- Thế... hắn với cô ta như thể hai người trong mộng. Cô ta héo hắt đi vì hắn. Mình tưởng tượng xem... Một cô gái mới lớn, lần đầu tiên biết yêu. Còn hắn, một con dê xồm mồ hôi dầu, cười nói thản nhiên như con đồ. Hắn có thể trông êây chuối trước mặt bố mẹ cô ta. Bố cô ta là một trí thức, ông treo ảnh danh nhân trên tường, yêu thích văn học cổ điển, nhạc cổ điển và chính trị cổ điển. Còn hắn, hắn biểu diễn âm nhạc bằng cách thọc hai ngón tay vào miệng...

- Ngộ nhỉ?

- Ngộ gì mà ngộ... Hắn bắt một con thạch sùng rồi để lên bàn. Hắn trình bày thế gli bằng cách miêu tả con thạch sùng ấy.

Thượng tầng kiến trúc là đầu, hạ tầng cơ sở là chân, khúc đuôi là đạo đức.

Hắn cho rằng đạo đức rụng rồi lại mọc, đạo đức có thể ngoe nguẩy một mình, còn toàn bộ sự sống chuồn mất...

- Thật quá quắt!

- Đấy Minh bảo như thế thì ai chịu được.

- Không chịu được thật...

- Tớ van mình... Minh đừng yêu hắn!

- Được rồi.: Thế tình yêu của hắn với cô gái kia thế nào?

- Hắn quyến rũ cô ta, hay là cô ta quyến rũ hắn... Cũng chẳng biết được. Họ say mê, quyến luyến nhau... Xa cô ta một ngày là hắn gây sự. Kể ra cũng không thể phàn nàn gì về một tình yêu như thế. Quả thực, nếu đấy không gọi là tình yêu thì tớ cũng không biết thế nào là tình yêu nữa...

- Tớ hiểu rồi... Tớ biết rất rõ.

Minh lại nghĩ đến hắn phải không? Tớ cấm đấy Tớ van mình... Minh đừng yêu hắn...

- Ủ Minh kể tiếp đi.

M. lại hút thuốc. Im lặng. Nghe rõ tiếng mưa rơi.

Em hỏi: Cuộc sống cơ bản là buồn, phải thế không " Anh bảo: Không có tình yêu buồn . Em hỏi: l,Hai cô gái kia thì ai hạnh phúc " Anh bảo: Một cố vừa đánh buột mất hạnh phúc. Còn cô kia đang có hạnh phúc trong tay, nhưng không khéo cũng đánh trượt mất l"

M. kể tiếp:

- Họ yêu nhau. Hắn đính hôn với cô ta. Mọi người ngăn cản. Hắn khuyên cô ta trốn...

- Trốn đi đâu?

- Chắc là phải trốn đến nơi nào thật lạc hậu.

- Sao thế

- Thì những nơi vắng mình ai chứa được một người như hắn? Không có gì với hắn là quá cao, cũng chẳng có gì với hắn là quá thấp...

- Họ trốn chứ?



- đúng vào phút cuối cùng thì họ từ bỏ ý định, tử tử lờ thề.
- Khốn kiếp?
- Ủ.
- Hắn có quay lại không?
- Một người như hắn thì đời nào quay lại?

Lòng cao thượng của hắn là lòng cao thượng của quỷ chứ đâu phải của người! Hắn biết rằng chỉ vì một cô gái thì không đáng để hắn hi sinh cuộc đời, dù rằng đấy là một cô gái trinh thực, mỗi lúc nào cũng đỏ thắm, da trắng hồng...

Hắn đi luôn à?

- Phải! Hắn đi luôn... mất tâm mất tích. Hắn đặc biệt nhạy cảm với sự nhục mạ...

- Sau đó thì sao?

- Cô ta ốm lẩn lóc nhưng không chịu uống thứ thuốc hắn gửi đến, thuốc mà làm gì... Thời gian trôi đi Cô ta bắt đầu tiêu phí đời mình. Cô ta hiểu rằng không có một người đàn ông thứ hai như thế...

Họ lại ngồi im lặng. Nghe rõ tiếng mưa rơi. - Này... Tớ van mình. Mình đừng yêu hắn. Hắn không có lòng đại lượng. Hắn không tha thứ cho ai... Mình, mình đừng yêu hắn. Hắn là quỷ sứ!

N. lục lọi đâu đó trong túi rồi đặt lên bàn một tấm ảnh nhỏ.

- Ảnh hắn đấy...

- Mình... tớ van mình... Mình đừng yêu hắn.

Mình hãy đốt tấm ảnh ấy đi... Hãy xé đi...

- Mình...

- Không! Phải tự tay mình! Mình xé nó đi!

N. cầm bức ảnh trên bàn lặng lẽ xé nhỏ.

Chớp lóe sáng. Có tiếng sấm rền. Nghe rõ tiếng mưa rơi.

- Khốn nạn!

Mình bảo ai khốn nạn?

- Mình không hiểu đâu... Mình không biết rằng sau mỗi tình ấy cuộc đời trở nên khốn nạn thế nào?

- Cô ta còn sống à?

- Không, cô ta chết rồi! Tâm hồn cô ta chết rồi! Cô ta chỉ còn hình hài. Cô ta thành kẻ đê tiện. Cô ta lấy chồng. Chồng cô ta cũng đê tiện nốt. Hắn ăn cắp rất giỏi. Hắn đánh cô ta mỗi khi cô ta hút thuốc.

- Tớ không hiểu... Thế là thế nào?

Mình... Tớ xin lỗi mình... Mình đã xé tấm ảnh đi rồi... Mình đã làm điều mà tớ mong muốn... Họ ngồi yên lặng. Nghe rõ tiếng mưa rơi. Bỗng nhiên cả hai khóc òa. M. nói, giọng đầm nước mắt:

- Tớ xin lỗi mình... Thế mình tưởng tớ tha thứ cho mình vì mình xé tấm ảnh đi ư?

- Mình... mình sao thế?

- Mình chẳng hiểu gì cả? Mình tưởng tớ kẻ như vậy là lòng tớ thư thái hay sao? Sẽ thanh thản hay sao? Mình không biết tớ đã rút từ tim tớ từng mảnh thịt một...

- Mình... mình... Sao thế mình...

- Mình tưởng tớ sẽ tha thứ cho mình vì mình độc ác thế à? Không, mình hiểu không? Nếu cần, tớ sẽ bỏ chồng, bỏ hết để đi theo hắn. Hắn vào tù thì tớ đưa cơm. Tớ sẽ theo hắn cùng trời cuối đất... Chỉ cần hắn quay lại... Nhưng hắn sẽ không bao giờ quay lại.

- Giờ ă. Sao mình lại kẻ, sao mình lại kẻ?

- Vì sao ư? Vì tớ không muốn... Mình hiểu không, tớ không muốn hắn rơi vào tay một người đàn bà nào khác, rơi vào tay mình.

N. đứng dậy đi ra ngoài trời. Một lúc sau, M. cũng đi ra nốt. Nghe rõ tiếng mưa rơi. Tiếng mưa rơi buồn không tả được.

Em hỏi anh: "Cuộc sống cơ bản là phải thế không?" Anh bảo: "Không". Em hỏi: "Người đàn ông mà hai người nói chuyện ấy là ai?" Anh bảo: Không biết".

Em hỏi: "Là công nhân, nông dân hay thợ thủ công?" Anh bảo: "Không biết". Em bảo: "Chắc là nghệ sĩ. Vì cô ta đọc thơ". Anh bảo: "Thơ gì lại thế? Em có muốn nghe thơ anh không? Thơ của anh cũng có nhở lông" Em bảo: "Thôi, để khi khác. Nhưng em áy náy quá, không biết hắn là ai" Em bảo: Em thấy cô ta cầm tấm

ảnh in trên tờ báo. Chắc là một nhà chính trị". Anh bảo: Không biết". Em bảo: Hắn thật đáng kể.

Mưa.

Ngoài trời kia vẫn mưa. Khuôn mặt em hiện ra trong ảnh. Em đang ở xa. em ở đâu Những ý nghĩa của ảnh hướng cả về em. Bây giờ là hai giờ chiều. Anh đã ngồi viết truyện ngắn này sáu tiếng đồng hồ. Sáu tiếng đồng hồ liền.

Sáu tiếng đồng hồ. Nhân vật chính trong truyện của anh đã cầu sáu tiếng đồng hồ. Cái thằng vô lại ấy! Một tên cao cầu bất hủ!

Em ở đâu?

Ngoài kia trời mưa

Bao giờ thì em về? Hả em?

## MƯA NHÃ NAM

Ở Nhã Nam, tháng Tư có mưa.

Tôi sẽ kể chuyện này cho anh, vì anh, anh bạn bởi đến năm mươi tuổi anh sẽ thành ông lão.

Tôi sẽ kể chuyện này cho chị, vì chị, chị bạn ạ, bởi đến bốn mươi tuổi chị sẽ trở thành bà lão.

Tôi sẽ kể chuyện này cho cậu, cậu càm miệng, cậu còn trẻ quá, cậu là thằng ngốc.

Tôi sẽ kể chuyện này cho cô, vì cô sẽ đi lấy chồng. Lúc ấy chỉ toàn những nhọc nhằn thôi, không ai kể chuyện cho cô nghe cả.

Ở Nhã Nam, tháng Tư có mưa. Chuyện thế này...Một câu chuyện nhỏ về Hoàng Hoa Thám.

Tôi không chắc ông Hoàng Hoa Thám, tức Đề Thám, tức Hùm xám Yên Thế trong lịch sử có giống ông Đề Thám mà tôi kể không? Còn ông Đề hám như tôi biết (tôi biết rõ ông ta): ông ta là một anh hùng, cũng là một người nhu nhược.

Đấy là khoảng năm..., thời kỳ người Pháp giảng hòa với Đề Thám. Vốn hay đùa nhả trong chính trị, người Pháp thỉnh thoảng có mời Đề Thám về Hà Nội hoặc Bắc Giang chơi. Lần ấy, thống sứ Bắc Kỳ là ông Môren thông qua công sứ Bắc Giang có mời Đề Thám đến Bắc Giang dự một buổi tiếp tân.

Cả Dinh dẫn người đưa thư đến gặp Đề Thám.

- Có nên đi không? - Đề Thám hỏi các thủ hạ của mình.

- Đi chứ! - Những người già quả quyết.

Thế đấy, những người già! Với họ chẳng có việc gì là đáng kể. Trước mặt họ là cái chết. Những cơ hội tốt nhất trong đời họ bỏ lỡ cả rồi.

- Đi làm gì! - Cả Dinh, Cả Trọng, Cả Huỳnh cau có trả lời.

Thế đấy, các bác Cả! Các bác Cả thường rất khoan宏. Chúng ta thông cảm với họ, nếu chúng ta tự mình như họ, trần lực như

họ, không có ai để bàn bạc, không có ai đáng bàn bạc, họ phải tự gánh lấy trách nhiệm của họ, nghĩa vụ của họ, giá trị của họ.

Thế còn bà? - Đề Thám hỏi bà Ba Cẩn. Bà Ba là người phụ nữ đáng kể nhất trong cuộc đời Đề Thám. Bà là người phụ nữ duy nhất có mặt nơi này, giữa những tên tuổi hào kiệt lừng danh của phong trào nông dân Yên Thế.

- Ông nên làm điều có nghĩa, - Bà Ba trả lời rồi thở dài. Bà có tật như thế khi phải băn khoăn, lưỡng lự điều gì.

Đề Thám bảo mọi người lui ra để ông ngồi lại một mình. Ông nghĩ. Những ý nghĩ của ông bắt đầu phiêu lãng. Thường ý nghĩ của ông bắt đầu từ một vật gì đó cụ thể, tức thời đập vào mắt ông. Thí dụ từ bông hoa hồng.

*Này bông hoa hồng*

*Giá trị của mày là khoảnh khắc*

*Ai biết mày khi đang hết nụ?*

*Ai để ý mày khi mày úa tàn?*

*Ôi hoa hồng, hoa hồng*

*Phút giây này thật tuyệt vời*

*May cho kẻ tình nhân gặp mày lúc này*

*Môi hồng của thiếu nữ cũng thua mày*

*Hương trầm kia sánh sao được*

*Vị thơm nơi nhụy hoa?*

*Và những cánh mỏng mịn mà kia,*

*khiến tất cả vật khác thành phàm tục*

*Hoa hồng! Ôi hoa hồng!*

*Ta tiếc cho kẻ vô tình quên bằng mày*

*Và giật mình ghen tị với kẻ vô danh nhanh tay*

*Không biết ai hái mày hôm qua*

*Kẻ ấy cư xử ra sao với mày?*

*Hắn có chôn mày trong tim không?*

*Trái tim ấy có rộng lượng không*

*Có đủ chỗ cho mày ngủ không?  
Trái tim ấy có đủ máu không?  
Ước không có giông bão lọt vào đây  
Rồi mày cũng nát tan thôi, em ạ, cô em ạ,  
Hắn không đáng kể gì, hắn không biết cách  
Chơi hoa nào đã mấy người biết hoa“...*

Đề Thám không nghĩ như thế, dĩ nhiên rồi. Có điều, hôm ấy trong đồn Phồn Xương ông đã cầm lên tay một bông hoa hồng. ông nghĩ về điều khác. Ông đặt mình vào vị trí của Môren, vào vị trí của những người Pháp. ông cho rằng buổi tiếp tân chẳng quan trọng gì và sự có mặt hay không có mặt của ông đều chứa hiểm họa. ông sẽ mang tiếng hèn nhát nếu ông từ chối. ông sẽ thành lỗ bịch nếu ông có mặt. Thế lỗ bịch hơn hay hèn nhát hơn? - Đề Thám tự hỏi. - Thôi thì lỗ bịch còn hơn hèn nhát!

Tôi sẽ đi, đi một mình, đi ngựa... Sẽ ăn mặc như một chàng rể...- Đề Thám vừa nói với bà Ba Cẩn vừa đội lên đầu chiếc khăn xếp trứ danh thừa mãi tận phố Hàng Lọng Hà Nội, chiếc khăn quái đản: không thể dùng làm mũ, cũng không thể dùng để lau mặt được.

- ông muốn đi ngựa thì đi...nhưng đến Bắc Giang tôi sẽ cho phu kiệu đón. - Bà Ba nói vậy rồi lại thở dài. Đề Thám bực mình: ông không thích người ta quan tâm nhiều quá đến mình. ông bảo:

- Đừng làm phiền tôi.

- Nhưng ông làm phiền mọi người. - Bà Ba bẻ lại.

Sự đời là thế. Bà Ba có lý của bà Ba, cũng như bà Cả có lý của bà Cả vậy.

Đề Thám giật cương, thúc con ngựa ô ra khỏi cổng đồn Phồn Xương. ông cho ngựa đi bước một, lang thang trong rừng. ông thích như thế.

Đây là thiên nhiên: cành cây xòa trước mặt, tiếng chim hót, những giọt nước mưa đọng lại trên cây, mùi lá mục ẩm ướt, những con chim xanh, con chim đỏ, con chim vàng, những cánh mối ướt rui, những con bọ nhảy, tiếng vượn kêu náo nùng, bông hoa bé xiu...Tất cả hương vị, màu sắc của thiên nhiên đều chân thực, thanh khiết, đều khiến ta cảm động đến tận đáy sâu tâm hồn.



Đề Thám đi miết. Có thể ông nghĩ gì đấy về tuổi ấu thơ đắng cay tủi nhục, những ngày ông phải đi ở tận mãi Tiên Lữ, Hưng yên. Có thể ông nghĩ về Đề Năm (Lương Văn Năm), người đã trao quyền cho ông ở vùng Yên Thế, Nhã Nam này. Có thể ông nghĩ về cái mà ta vẫn gọi là “trường tranh đấu”, sự sống hoặc cái chết.

Đề Thám đi xuyên qua rừng mỡ, rừng dẻ, rừng lim và rừng nhội gai. ông trông thấy một con phượng hoàng bay qua trước mặt. ông nói:

- Nếu ta nhìn thấy mày hai mươi năm trước thì thích.

Đến giữa trưa thì Đề Thám rẽ vào nhà một người quen ở gần Kế. Đây là nhà ông đồ Hoạt. ông đồ Hoạt có nhà. Các ông đồ thường chẳng đi đâu cả: các ông ở trong bốn phận mình, trong kiến thức của mình (thực ra là của những con thú to hơn), trong thành kiến của mình, trong giá trị của mình. Ông Đồ Hoạt là người hay chữ, hay thơ. Và như thế, nghĩa là ông chẳng giàu có gì. ở nhà ông đồ, Đề Thám được đón tiếp như người nhà. Thoắt cái, đã thấy bà đồ Hoạt bùng lên một mâm lòng lợn, có cả một đĩa phèo nõn nà. Mùi mắm tôm chanh, mùi rau húng thơm lừng. Bà đồ Hoạt cười bảo Đề Thám:

- Chị vẫn biết chú thích món này!

Ông đồ Hoạt nói:

- Bà gọi ông Lũy với thằng Hoạt ra đây cùng ngồi.

Ông Lũy là ông hàng xóm, người nổi tiếng về tài ăn trộm trâu bò của bọn hào lý trong vùng. Hoạt là con trai duy nhất của ông bà đồ, bị khoèo tay, tính tình e thẹn.

Bữa rượu vui vẻ, thân mật. Mọi người đều ca thán về nạn sưu thuế, thói nhũng lạm, thái độ mất dạy của bọn quan liêu.

Thời đại chó má!

Mọi người đều thấy đúng là thời đại chó má.

Họ dốc vào hòng thứ rượu nấu bằng sắn, thứ rượu mạnh đến nỗi có thể châm lửa đốt cháy được, để hòng làm dịu đi nỗi phiền muộn.

Đề Thám kể cho mọi người nghe chuyện bắt sống chủ bút tờ báo “L’avenir du Ton Kin” (1) mấy năm trước, chuyện trung tá Pérez đến đồn Phồn Xương thương lượng để ký kế ước ngừng chiến.

Đang câu chuyện, Đề Thám hỏi ông Lữ:

- Ông có đủ thịt ăn không?

- Nhờ giờ, - tay trộm trả lời, - không phải lúc nào cũng ăn thịt bò, nhưng thịt gà thịt vịt cũng ngon.

Đề Thám nói:

- Nếu ông ở chỗ tôi, tay Ba Biều sẽ nện cho ông một trận rồi tống ông vào trại. Tôi không thích trộm cắp vật vãnh.

Ông Lữ bảo:

- Tôi không đến chỗ ông vì thế, tôi biết tôi chẳng ra gì vì vương nợ đời. Tôi giành công bằng theo lối trâu bò gà vịt chứ không phải theo lối con người. Chỉ xin ông đừng khinh tôi.

- Tôi không khinh ông, - Đề Thám nói, - nhưng cũng chẳng trọng.

- Đa tạ ông. - ông Lữ đứng dậy chấp tay vái. - Ông và bác đồ cho tôi lỗi phép.

Ông Lữ đi ra. Mâm rượu còn lại ba người. Ông đồ Hoạt nói:

- Anh Đề ạ, cái đầu anh thật kiêu hãnh, thật đáng giá. Toàn quyền Đông Dương(2) thật hà tiện khi đặt giá đầu anh 30 ngàn quan.

Đề Thám cười:

- Bác vẫn làm thơ đấy chứ?

- Vẫn làm...Thế mới đề tiện. - ông Hoạt đỏ mặt. - Còn anh, anh cũng làm thơ theo lối của anh phải không?

Đề Thám nói:

- Không...Tôi không biết chữ.

Ông Đồ Hoạt lắc đầu:

- Mặc xác anh! Anh vẫn là một nhà thơ đáng kể nhất! Ai bảo anh sống thế? Anh là một tên thi sĩ ma vương! Anh làm sao tránh được danh hiệu đáng sợ ấy! Anh đã làm những điều mà bọn văn chương suốt đời thèm muốn. Chúng không làm sao biến được ngọn bút của chúng thành ngọn giáo hay cái câu liêm!

- Giáo hay câu liêm, thì tôi có thừa, - Đề Thám nói, -nhưng tôi khát khao điều ấy.

*Điều ấy, nào, bác Cả  
Bác biết là điều gì không?  
Đâu là giá trị tinh thần, vật chất nơi bác?  
Chúng ta chỉ vắn vẹn có mạng sống này thôi  
Trăm năm là ngắn, một ngày dài ghê  
Những con đường chúng ta đi qua  
Tất cả đều xám xịt lấm bụi  
Mỗi cung đường, mỗi vận hạn  
đều xám xịt, lấm bụi  
Mà vàng trắng kia xa lắc  
Vàng trắng kia lơ lửng trên đầu  
Có đôi mắt nào mở to trong tim ta  
Và mỗi cái chớp mắt đều khiến ta nhói lòng  
Sẽ phải khởi nghĩa thôi  
phải tranh đấu cùng số phận  
Trăm năm trước cũng thế  
trăm năm sau cũng vậy  
Ta phải dấn thân, phải đốt lửa  
Ngọn cờ ta phát lên là giá trị cuộc đời  
Bác Cả, cuộc chiến này thật khôn nạn  
Bác có chối cũng chẳng được  
Làm người chỉ có một lần  
làm người thật khó...*

Đề Thám hỏi:

- Thăng Hoạt bao giờ lấy vợ?

- Chắc nó ở vậy. - ông đồ thở dài. - Không hiểu sao đàn bà chỉ thích những tên đàn ông nhăng nhít, dè cụt, khả ố, đều cẳng...Thăng Hoạt nhà tôi lại đứng đắn quá.

Đề Thám cười:

- Tôi nhớ tôi đã ăn lễ dạm hỏi ở nhà này rồi. Thằng Hoạt sẽ làm rể Chánh Trương cơ mà?

- Đúng vậy. - ông đồ gật đầu. - Tôi đã hỏi con bé Xoan cho nó. Trầu cau đưa rồi, cuối năm nay cưới nhưng Chánh Trương lại muốn chạy làng, định gả con Xoan cho lão nghị Trường. Lão ấy góa vợ, nhà giàu nứt đổ đổ vách.

- Tôi biết nghị Trường, - Đề Thám nói. - Thằng già ấy lắm cầm lẫn lộn, khôn như cáo, nói chuyện với ai cũng chỉ gật đầu.

- Anh Đề! Anh hãy giúp đỡ chúng tôi. - ông đồ năn nỉ. - Anh vốn hào hiệp...Anh đừng để con trai tôi sống con bé ấy.

Đề Thám nhìn Hoạt. Cậu thanh niên e thẹn thở dài. Ngoài cổng xôn xao, trông ra đã thấy Thống Luận, Bang Kinh và mấy phu kiệu thập thò đứng đón. Bà Ba Cẩn không quên lời hứa. Đề Thám biết rằng bà Ba đã đứng trong trường hợp này: Ông không thể vào dinh công sứ Bắc Giang như một phần tử cực đoan lãng mạn, ông buộc phải tiền hô hậu ủng như một đại diện cho nhiều người.

Đề Thám lên kiệu. ông bảo ông đồ:

- Tôi sẽ gắng làm hết sức.

Hoạt chào Đề Thám, đôi mắt chứa chan hy vọng.

Đề Thám nói với Bang Kinh:

- Mang con ngựa ô đi theo. Khi về tôi về bằng ngựa.

Bảy giờ tối, Đề Thám đến dinh công sứ Bắc Giang. Các quan chức và sĩ quan Pháp đi ra đón ông. Họ ngạc nhiên trước người anh hùng nổi tiếng, người được coi là “đại diện cho tâm hồn An Nam” trông y hệt một tay địa chủ nông thôn họ vẫn thường gặp: cũng khăn xếp đen, áo lương, quần trắng, đi giày Gia Định. Đề Thám khác người là ở thần thái, ở tinh thần tự chủ cao, nhãn quan bao quát rộng, nếu có kẻ thêm thì đấy là sự buồn nản thất vọng về phẩm cách con người nói chung thỉnh thoảng lộ ra ở khóe nhìn vô hồn nơi ông.

Đề Thám trông thấy đám quan chức người Việt đứng tụm lại thật hèn hạ. ông nhận ra nghị Trường, Chánh Trương và cả Xoan, con gái lão, người đã đính hôn với con trai ông đồ Hoạt. Tôi sẽ không kể gì về buổi tiếp tân này. Theo sử sách ghi chép thì người Pháp ở giới thượng lưu thời ấy đều nhẹ dạ, ngông cuồng, xa hoa;

đa phần người Pháp “thực dân” còn lại trong các guồng máy cai trị công kênh, lại vừa ngu vừa ác. Bầu không khí tinh thần của thời “thuộc địa nửa phong kiến” ấy đại để như sau: thói ham tiền hám của trộn lẫn với lòng thèm khát khoái lạc vui chơi, chế độ nô lệ tàn bạo bày ra trắng trợn ở các hầm mỏ, đồn điền; đám nha lại người Việt coi thuế là nguồn thu chủ yếu để xây lợp mái nhà Tổ quốc, có chỗ xây lợp bằng đá thật, có chỗ xây lợp bằng các tờ báo lá cải và chứng từ kế toán giả mạo, “con rồng tre An Nam” tìm cách nhảy chồm lên trong tiếng tom chát ở các ổ chứa và tiếng vỗ tay trong các hội đoàn, thỉnh thoảng lại giật mình co lại bởi tiếng súng kíp hoặc súng hỏa mai tự chế ngoài biên giới...Việt Nam đầu thế kỷ XX là một đất nước nghèo nàn, gần như mọi rợ...

Buổi tiếp tân không làm Đề Thám thú vị chút nào. Lựa dịp thuận tiện, Đề Thám nói với Chánh Trương:

- Tôi muốn nói chuyện với con gái ông.

Tôi không biết Đề Thám đã nói với Xoan những gì hôm ấy, chỉ biết rằng cô rất bối rối xúc động.

Cô gái, lời nói nào làm cô bối rối xúc động?

Những lưỡi dao cứa vào sĩ diện cô ư?

- Không phải!

Những lời tán tỉnh rườm rà hoa mỹ ư?

- Cũng không phải nốt!

*Ngôn ngữ trở nên ghê tởm,*

*Nhóp nhúa trên miệng bọn tiểu nhân*

*Tôi biết một thứ ngôn ngữ giản dị như đất*

*Thứ ngôn ngữ mộc mạc, thẳng băng*

*Tựa như tiếng tù và*

*Như tiếng kèn đồng*

*Như tiếng chuông vọng...*

*Có một thứ ngôn ngữ thức tỉnh con người*

*Buộc họ soi vào lòng mình*

*như soi mặt xuống lòng hồ*

*Có thứ ngôn ngữ của người anh hùng,*

*của người chính trực  
Nó làm ta bối rối xúc động  
Ta không trốn được  
Thứ ngôn ngữ không hề phù phiếm  
cũng chẳng tân kỳ  
Thứ ngôn ngữ của giống nòi luyến lại  
Thứ ngôn ngữ của lương tri  
không bao giờ mất...*

Đề Thám ra về trước khi buổi tiệc kết thúc.

Không có bất trắc gì xảy ra cho ông và các thủ hạ đi theo. Đề Thám chia tay với mọi người ở triền đê sông Thương, ông lên con ngựa ô rồi theo con đường mòn rẽ vào rừng, ở đấy có lối đi tắt về Nhã Nam. Đề Thám đến cửa rừng thì thấy Xoan đứng đó. Sự biến động trong tinh thần khiến khuôn mặt vốn trắng hồng của cô gái tái nhợt hẳn đi.

Xoan nói:

- Em van ông... Ông hãy cho em đi theo. Đi đâu cũng được...
- Cô phải về đi, - Đề Thám nói. - Cô phải chọn Hoạt.
- Không.. - Xoan nức nở.

Đề Thám đón Xoan lên con ngựa ô rồi thúc con ngựa vào rừng. Đêm trong rừng mênh mông và hư ảo lắm. Tiếng côn trùng rả rã. Mùi hương rừng nồng nàn. Bóng tối sẫm đen trên các tán lá cây, sẫm đen nơi hốc đá, sẫm đen cả trên mặt đất. Rừng vô tình, vô cảm, thản nhiên, lạnh lùng, tàn nhẫn. Rừng muôn đời là thế. Thiên nhiên muôn đời là thế: vô tình, vô cảm, thản nhiên, lạnh lùng, tàn nhẫn. Tất cả đều đẩy con người về nơi tận cùng ý thức cá nhân chính nó. Con người tự co lại như con sâu, cái kiến, thúc thủ trong phần sinh linh vừa bé mọn, vừa cô đơn, vừa bất lực; nó chớp đôi mắt phấp phồng lo âu trong tâm hồn nó và tự hỏi mình: là ai? đi đâu? thế nào? làm gì? tiến đến đâu? bao giờ thành tựu? bao giờ kết thúc?

Đề Thám và Xoan đến chỗ có hai ngã rẽ một vào căn cứ Hồ Chuối và một về Kế thì mưa. Mưa tháng Tư là thứ mưa đầu mùa ở vùng nhiệt đới. Nhoàng một ánh chớp, một làn gió thoảng qua là



mưa liên, không sao lường được. Bắt đầu tưởng là cơn mưa bóng mây không phải ngại gì, bỗng thoát là mưa đá, sấm rền, sét nổ. Mưa như roi quất, tàn bạo, hung hãn. Mây đen cuộn cuộn, gió giạt liên hồi rồi mưa như những thác nước trên cao đổ xuống ào ào. Con ngựa không thể đi được vào trong hẻm núi. Đề Thám gầm lên một tiếng như lời chửi rửa, cũng gần như lời than thở rồi thúc đầu gối vào ức phải con ngựa cho nó chạy xuống cánh đồng, ngã rẽ về Kế. Một lúc sau, hai người đã ở trong nhà ông đồ Hoạt.

- Ta đã biết mà, - ông đồ bảo Xoan. - Ta biết con sẽ là một con người con dâu thảo hiền, tín nghĩa...

Bà đồ cuống cuống giục Xoan đi thay áo quần kẻ lạnh. Hoạt vung vẩy cánh tay khoè, khuôn mặt tràn trề hạnh phúc.

- Anh Đề! - ông đồ nắm lấy vạt áo Đề Thám. - Anh hãy ở lại đến mai hãy về...

Không! - Đề Thám lắc đầu. Những giọt nước mưa mặn chát ướt đầm trên khuôn mặt ông. Ông nhảy lên ngựa rồi phóng thẳng vào trong màn mưa dày đặc, màn đêm dày đặc.

*Mưa như thế, bắt đầu từ lâu rồi  
Trên mặt đất, những con bọ cữ bò lổm ngổm  
Tôi không biết con người khát khao  
Điều gì trong cõi sống này.  
Hình như điều thiện bắt đầu từ  
Tình yêu phải không?  
Điều thiện buồn tẻ vì nó nhạt nhẽo  
Điều thiện tầm thường vì nó an toàn  
Điều thiện tệ hại vì nó giết đi đam mê  
Anh có sợ điều thiện không?  
Chị có sợ điều thiện không?  
Và em nữa?  
Em có bao giờ ghê tởm điều thiện  
bằng như điều ác?  
Rồi mưu cùng với thời gian  
sẽ xóa đi thôi, xóa hết*

*Xóa tất cả, rửa đi tất cả  
Người ta sẽ rửa chúng ta đi  
như rửa xương khi bốc mộ  
Trong đêm không có ánh mặt trời  
Chúng ta bị rửa đi như rửa xương khi bốc mộ  
Tất cả xương người đều như thế.  
Tất cả đều rời rạc, đen đúa, khô khan  
Chúng ta bị rửa đi như rửa xương khi bốc mộ  
Có cơn mưa nào.  
Có đôi mắt nào nhòa ướt cho anh?*

Đề Thám phóng ngựa vào rừng. Mưa quất vào mặt ông bỗng rát. ông bỗng òa khóc. ông òa khóc cho mình, cho người, cho tất cả những hữu hạn của chính mình, của mỗi người. Đề Thám sụt sùi như một người thường: một anh bán bánh đa mật ở chợ Kế, một viên công chức quèn, một chàng thợ bạc vụng về, một ông giáo nghèo... Ông khóc như một người nhu nhược nhất đời, một người suốt đời thỏa hiệp, không bao giờ dám bước qua lằn ranh bốn phận, nghĩa vụ, cương tỏa. Ông khóc như chưa bao giờ là một anh hùng, một người khởi nghĩa.

Đề Thám đi suốt đêm mưa trong rừng. Người ta kể rằng sáng sớm hôm sau ông cầm đầu một toán quân đánh đồn binh Pháp ở Kép, tất cả binh sĩ trong đồn đều bị giết sạch. Từ đấy chấm dứt thời kỳ hòa hoãn giữa ông và người Pháp.

Mấy năm trước tôi gặp bà cụ Xoan ở huyện lỵ Yên Thế gần đồn Phồn Xương, nơi bây giờ trở thành một phố chợ sầm uất. Bà cụ giờ 84 tuổi, tóc bạc trắng, trông rất hiền lành. Tôi hỏi bà cụ về cuộc đời bà cụ trải qua, bà cụ kể lể không biết bao nhiêu những điều cơ cực nhọc nhằn xảy ra trong cuộc đời mình: nào người chồng tính nết dở hơi thô bạo, nào đói kém, nào con, nào cháu, nào tật bệnh, nào chiến tranh...

Tôi đứng trên quả đồi khô cằn toàn sỏi nơi bà cụ phát hoang để xây dựng cơ nghiệp cho gia đình mình, trong lòng vô cùng cảm động thương xót. Tôi hỏi điều gì đã làm bà cụ vượt qua được hết nhọc nhằn gian khó trong bao nhiêu năm tháng ấy, bà cụ cười móm mém để lộ hai hàm lợi không còn một cái răng nào rồi vạch

áo cho tôi xem tấm ngực trần hom hem với đôi vú teo tóp răn reo.  
Bà cụ nói:

- Ông ấy muốn thế...Tôi không phụ lời tôi hứa... Ông ấy là  
nguồn an ủi suốt cuộc đời tôi...

- Ông ấy là ai hả cụ?

- Ông ấy kia kìa...

Bà cụ chỉ về bức tượng xi măng cốt thép đứng trên đỉnh đồi ở  
gần di tích Phồn Xương.

- ông ấy chẳng hề nói năng gì cả...

Tôi biết Đề Thám đã không hề nói năng gì cả từ năm 1913,  
hơn 80 năm rồi...

Hôm tôi ở Nhã Nam trời cũng mưa, nhưng là cơn mưa bóng  
mây, một thứ mưa xoàng.

Tôi kể chuyện này đến đây là hết.

## MUỐI CỦA RỪNG

Sau Tết Nguyên đán một tháng là thời gian thích nhất ở rừng. Cây cối đều nhú lộc non. Rừng xanh ngắt và ẩm ướt. Thiên nhiên vừa trang trọng, vừa tình cảm. Điều ấy một phần là do mưa xuân.

Khoảng thời gian này mà đi trong rừng, chân dẫm lên lớp lá ải mục, hít thở không khí trong lọc, thỉnh thoảng lại được thót mình bởi một giọt nước trên cây rỏ xuống vai trần thì thật tuyệt thú. Tất cả những trò nhố đê tiện vấp phải hàng ngày hoàn toàn có thể rũ sạch bởi một cú nhảy của con sóc nhỏ trên cành dâu da.

Chính dịp đó ông Diểu đi săn.

Ý nghĩ đi săn nảy sinh khi thằng con học ở nước ngoài gửi về biếu ông khẩu súng hai nòng. Khẩu súng tuyệt vời, nhẹ bồng, hết như một thứ đồ chơi, thật nằm mơ cũng không thấy được. ở tuổi sáu mươi, với khẩu súng mới, đi săn trong rừng vào một ngày xuân kể cũng đáng sống.

Ông Diểu nai nịt, mặc quần áo ấm, đội mũ lông và dận đôi giày cao cổ. Để cho cẩn thận, ông còn mang theo cả nắm xôi nếp. Ông đi men theo suối cạn, cứ thế ngược lên mớ nước dầu nguồn. Cách mớ nước một dặm là vương quốc của hang động đá vôi.

Ông Diểu rẽ sang lối mòn ngoằn ngoèo đi miết. Chim xanh đầy trên rừng gấm hai bên lối mòn nhưng ông không bắn. Với khẩu súng này mà bắn chim xanh thì thật phí đạn. Chim xa nh ông chén chán rồi. Ngon thì ngon nhưng có vị tanh. Nhà ông thiếu gì chim. Chim bồ câu nhà ông có đầy. Đến chỗ ngoặt, ông Diểu giật mình bởi một tiếng soạt trong lùm dẻ gai. Một chùm dây màu sặc sỡ tung trước mắt ông. Ông nín thở: một đôi gà rừng ton ton lao về phía trước, đầu cúi xuống, kêu quang quác. Ông Diểu rờ nòng súng theo. "Bắn sẽ trượt thôi!" Ông nghĩ bụng và ngồi bất động ở trong tư thế như vậy rất lâu. Ông muốn chờ rừng yên tĩnh lại. Đôi gà rừng sẽ nghĩ là chưa gặp người. Như thế tốt cho chúng nó. Cũng tốt cho ông.

Dãy núi đá cao ngất hùng vĩ. Ông Diểu ngắm nhìn để lượng sức mình. Nã được một chú khỉ hoặc chú sơn dương thì thật đã đời. Sơn dương thì khó, ông Diểu biết thế. Giống này bắn được chỉ nhờ ở ngẫu nhiên thôi. Ông Diểu không tin vận may sẽ đến.

Cần nhắc kỹ, ông tính đi men chân núi đá vôi sang rừng dâu da săn khỉ. Chắc ăn hơn mà đỡ tốn sức. Đây là Hoa Quả Sơn, Thủy Liêm Động của thung lũng này.

Ở rừng dâu da, khỉ có hàng bày. Việc bắn được một chú khỉ với ông không khó. Ông Diểu dừng lại mô đất có cây dây leo. Không biết thứ cây này là thứ cây gì, lá bạc phéch giống như lá nhót, những bông hoa vàng như hoa tai rủ xuống tận đất. Ông ngồi đấy lặng lẽ quan sát. Cần xem bọn khỉ có ở đây không? Loài thú này khôn tựa người, khi kiếm ăn bao giờ cũng có canh gác. Con gác rất thính. Không thấy nó, đừng có hòng cuộc săn thắng lợi, đừng có hòng bắn được con át chủ bài. Con át chủ bài cũng là khỉ thôi. Nhưng đây là con khỉ của ông, là con ấy chứ không con khác. Vì vậy ông phải chờ, phải có cách thì mới bắn được.

Ông Diểu ngồi im dễ đến nửa giờ. Mưa xuân mỏng và mịn. Thời tiết ấm. Dễ đến rất lâu ông Diểu mới lại có dịp ngồi yên thế này, không nghĩ gì không buồn không vui, không lo lắng, cũng không tính toán. Sự tĩnh lặng bình thản của rừng xuyên suốt qua ông. Ao một cái, từ trong rừng dâu da bỗng như có tiếng quấy động của một con vật khổng lồ. Ông Diểu biết là con đầu đàn đã đến. Con khỉ này cũng gớm lắm đây. Nó xuất hiện với một nghi lễ vương chủ. Tự tin đến thô bạo. Ông Diểu mỉm cười và chăm chú nhìn.

Sau tiếng động vài phút thì con đầu đàn đến thật. Nó văng mình rất nhanh đến nỗi gần như không có phút nghỉ ở mỗi chặng dừng. Ông Diểu thán phục vì sự nhanh nhẹn dẻo dai của nó. Thoắt một cái, nó biến mất. Một nỗi xót xa khiến ông nhói lòng: số phận của bậc đế vương không trùng với số phận ông. Niềm vui nhen lên từ khi ở nhà ra đi trong ông với đi một nửa. Khi con khỉ dần dần biến mất thì ào ra một đàn khỉ đến hai chục con từ rất nhiều hướng. Con vọt vèo trên cao, con đánh đu ngang cành. Có con lại nhảy xuống đất. Ông Diểu thấy ba con khỉ cứ quăn lấy nhau: con khỉ đực, con khỉ cái và đứa con nó. Ý nghĩ con khỉ đực sẽ là con môi bám lấy ông Diểu tức thì. Cái thằng bố ô trọc ấy! Đồ phong tình phóng đảng! Vị gia trưởng cộc cằn! Nhà lập pháp bản thủ! Tên bạo chúa khốn nạn! Ông Diểu thấy nóng bừng người. Ông bỏ

mũ và áo bông ra dặt dưới lùm cây. Ông để cả nắm cơm xuống đất. Ông từ từ dịch chuyển sang chỗ đất trũng thấp hơn. Ông nhìn kỹ và thấy con khỉ canh gác là con khỉ cái. Thế là thuận lợi rồi. Bởi giống cái bao giờ cũng dễ phân tâm. Đấy, thấy chưa? Đang canh gác mà đi bắt rận ở người thì còn gì nữa? Với giống cái thì thân thể mình là quan trọng nhất. Điều ấy thật giản dị và đẹp. Nhưng điều ấy lại đầy xót xa...

Ông Diểu tính toán rồi luôn theo hướng ngược gió với con khỉ cái canh gác. Phải tiếp cận đàn khỉ đến hai chục mét thì mới bắn được. Ông bò nhanh và rất khéo léo. Xác định được con mồi rồi là ông chắc chắn thành công. Thiên nhiên đã dành cho ông chứ không ai khác chính con khỉ ấy. Thậm chí ông biết dù ông có đi mạnh chân một chút, gây nên một sự bất cẩn nhỏ nhằng nào đó cũng chẳng hề gì. Điều ấy tưởng như phi lý mà thật bình thường. Tuy nghĩ vậy nhưng mà ông Diểu vẫn cứ tiếp cận đàn khỉ một cách thận trọng. Ông biết thiên nhiên đầy rẫy bất ngờ. Thận trọng chẳng bao giờ thừa. Ông Diểu tỳ súng vào một chạc cây. Cái bộ ba trong gia đình khỉ không hề biết rằng tai họa đến gần. Con khỉ bố vắt vèo trên cây bứt quả ném xuống dưới đất cho hai mẹ con. Trước khi ném, bao giờ nó cũng chọn quả ngon chén trước. Hành động ấy thật là đê tiện. Ông Diểu bóp cò. Tiếng súng dữ dội đến nỗi đàn khỉ lặng đi để đến một phút. Con khỉ đực buông tay ngã nhào xuống đất nặng nề. Sự hỗn loạn của cả đàn khỉ khiến cho ông Diểu sợ hãi run lên. Ông vừa làm điều ác. Chân tay ông rủn ra, giống cảm giác như người vừa mới làm xong việc nặng. Đàn khỉ thoát biến vào rừng. Con khỉ mẹ và con khỉ con cũng chạy theo đàn. Được một đoạn, con khỉ mẹ bỗng quay trở lại. Con khỉ đực bị đạn vào vai, nó gượng dậy, nhưng lại vấp xuống.

Con khỉ cái tiến đến gần con khỉ đực một cách thận trọng, nó nhìn ngó xung quanh. Sự im lặng này thật đáng ngờ. Nhưng rồi con khỉ đực cất tiếng gọi nó, tiếng gọi buồn thảm đau đớn. Nó dừng lại lắng nghe với vẻ khiếp sợ hoảng loạn.

- Chạy đi!

Ông Diểu rên lên khe khẽ. Nhưng con khỉ cái tuồng như muốn liều thí mạng, nó đến gần nâng con khỉ đực nhồm lên.

Ông Diểu tức giận giương súng. Hành động hy sinh thân mình của con khỉ cái làm ông cảm ghét.



Đồ gian dối, mày chứng minh tấm lòng cao thượng hết như một bà trưởng giả! Sự tan rã đạo đức bắt đầu từ những tấn kịch thế này, lừa ông sao được? Khi ông Diểu chuẩn bị bóp cò thì con khỉ cái quay lại nhìn ông. Đôi mắt nó sợ hãi kinh hoàng. Nó vút phịch con khỉ đực xuống đất rồi chạy biến đi. Ông Diểu thở phào rồi khẽ bật cười. Ông nhô hẳn người ra khỏi chỗ nấp.

- Sai lầm rồi!

Ông Diểu rửa thắm vì ông vừa bước ra thì con khỉ cái quay lại tức thì. "Nó biết mình là người thì thôi hỏng việc! " Y như rằng, con khỉ cái vừa lên nhìn ông vừa lao đến chỗ con khỉ đực. Nó ghì lấy con khỉ đực vào lòng rất nhanh và khéo. Cả hai lăn tròn trên đất. Bây giờ thì con khỉ cái chắc chắn sẽ điên cuồng như một mụ ngốc. Nó sẽ cuồng nhiệt hy sinh bởi lòng cao thượng của nó sẽ được thiên nhiên tính điểm. Ông đã lộ mặt là tên ám sát! Dù chết nó vẫn nhe răng để cười. Bất luận thế nào ông cũng sẽ đau đớn, sẽ thao thức, thậm chí ông sẽ chết sớm hai năm nếu ông bắn nó lúc này. Tất cả chỉ vì ra khỏi chỗ nấp sớm mất hai phút.

- Thôi Diểu ơi... - ông buồn bã nghĩ, - với đôi chân thấp khớp thế này thì làm sao mày chạy nhanh bằng lòng tận tụy, thủy chung của khỉ? Như trêu người, hai con khỉ vừa chạy vừa diu lấy nhau, con khỉ cái thỉnh thoảng lại hươ hươ đôi chân vòng kiềng trông vừa tức cười lại vừa đều đặn. Ông Diểu bực mình lấy đà ném mạnh khẩu súng văng về phía trước. Ông mong muốn con vật hoảng sợ buông môi.

Từ mô đá, bỗng nhiên con khỉ con xuất hiện. Nó túm lấy dây súng của ông kéo lê trên đất. Ba con khỉ vừa bò vừa chạy cuống cuồng. Ông Diểu ngớ ra một lát rồi phá lên cười: tình thế của ông thật là lố bịch!

Nhặt đất đá ném theo lũ khỉ, ông Diểu vừa đuổi vừa la. Lũ khỉ hết sức kinh hoàng, hai con chạy về phía núi, còn con khỉ nhỏ chạy về phía vực. "Mất súng thì hỏng". Ông Diểu nghĩ thế và đuổi theo con khỉ nhỏ. Khoảng cách rút ngắn đến mức nếu không vì mắc nền đá lởm chởm, ông lao nhào ra là tóm ngay được khẩu súng.

Việc ông Diểu dồn con khỉ nhỏ đến bờ miệng vực đưa đến hậu quả khôn lường. Giữ chặt dây súng, nó lăn xuống miệng vực không chút chần chừ. Vì ít kinh nghiệm, nó không tìm ra giải pháp nào khác trong trường hợp ấy.

Ông Diểu tái mặt, mồ hôi toát ra như tắm. Ông đứng trên miệng vực nhìn xuống rừng mình. Từ dưới sâu hun hút vang lên tiếng rú thê thảm của con khỉ nhỏ. Trong ký ức của ông chưa hề có tiếng rú nào tương tự thế này. Ông Diểu lùi lại kinh hoàng. Từ dưới miệng vực, sương mù dâng lên cuộn cuộn, trông vừa kinh dị, vừa đầy tử khí. Sương mù len vào từng chân bụi cây và xóa rất nhanh cảnh vật. Ông Diểu chạy lùi trở lại. Phải lâu lắm, có lẽ từ thời thơ ấu, ông Diểu mới lại có lần chạy như ma đuổi thế này.

Đến chân núi đá, ông Diểu kiệt sức. Ông ngồi phệt xuống nhìn về phía vực. Bây giờ sương mù đã trùm kín nó. Ông sực nhớ ra đây là khu vực đáng sợ nhất trong thung lũng, khu vực mà cánh thợ săn đặt tên cho là Hõm Chết. ở hõm sâu này, gần như đều đặn, năm nào cũng có người bị sương mù giăng bẫy làm cho toi mạng. "Hay là ma? - ông Diểu nghĩ. - Cô hồn của những bà cô ông mãnh thường biến thành hình khỉ trắng?" Con khỉ này màu trắng. Nó đoạt súng của ông bất thường đến nỗi ông cũng ngờ vực là sao sự thực có thể giản đơn như vậy? - "Ta có mê không? - ông Diểu nhìn quanh. - Tất cả như trong mộng寐?" - ông đứng dậy nhìn lên vách núi bàng hoàng. Phía núi đá ngược chiều Hõm Chết, bầu trời quang đãng không hề vương gợn sương mù, tất cả cảnh vật lộ rõ từng đường nét.

Có tiếng kêu thảng thốt. Ông Diểu trông lên thì bỗng thấy con khỉ đực bị thương nằm vắt ở trên mỏm đá. Không thấy con khỉ cái. Ông mừng quá tìm hướng leo lên. Núi đá dốc và trơn. Leo lên nguy hiểm và vất vả lắm. Ông Diểu lượm sức: "Nhưng dù thế nào thì ta cũng phải tóm được chú mày"! Ông Diểu bình tĩnh bám vào các khe đá nứt leo lên. Được khoảng chục mét, ông Diểu thấy nóng bừng người. Lựa chỗ đứng thuận tiện, ông cởi bỏ giày và quần áo ngoài để lên một chạc cây dưới. Trên mình mỗi chiếc quần lót, ông thấy thoải mái. Ông leo thoăn thoắt và càng không ngờ sức mình có thể nhanh nhẹn dẻo dai đến thế. Con khỉ đực bị thương nằm trên ngọn đá phẳng lì và khá chông chênh. Dưới phiến đá, một khe nứt rộng đến gang tay tách nó ra khỏi vách núi. Ông Diểu rùng mình, cảm tưởng như bất cứ lúc nào tảng đá cũng có thể lẫnl nhào khỏi vị trí ấy làm ông kinh hãi. Thiên nhiên oái oăm lại muốn thử thách thêm lòng dũng cảm của ông sao đó. Ông Diểu lấy hai cùi tay làm tựa để co người lên. Con khỉ tuyệt đẹp, lông mịn và vàng. Nó nằm sấp mình, hai tay cào trên phiến đá như muốn tìm cách nhích lên. Máu đỏ bết bên vai nó. Ông Diểu đặt tay lên mình con

khỉ và thấy nó nóng hầm hập. "Đế đến hơn yển... " ông Diều luôn tay xuống dưới ngực con khỉ nâng lên ước lượng.

Từ trong ngực nó phát ra tiếng "hừm" nho nhỏ nghe rất đáng sợ, tựa như thần Chết bực mình cái kỉnh vì sự can thiệp của ông với nó. Ông Diều rút phắt tay lại. Con khỉ run bắn, nó đưa đôi mắt dờ dại nhìn ông cầu khẩn. Ông Diều bỗng thấy thương hại. Viên đạn phá vỡ bả vai của nó, làm trời ra hẳn đoạn xương dài đến bốn phân. Mỗi khi đoạn xương va chạm, con khỉ quằn quại trông rất đau lòng.

- "Đế thế không ổn! " - ông Diều vợ lấy một nắm cỏ Lào vò nát. Ông cho vào miệng nhai kỹ. Ông đắp nắm lá vào miệng vết thương con khỉ. Nắm lá sẽ có tác dụng cầm máu cho nó. Con khỉ co rúm người lại và nghiêng đôi mắt ươn ướt nhìn ông. Ông Diều tránh nhìn vào đôi mắt nó. Một lát, con khỉ rúc hẳn vào hai lòng tay ông Diều. Miệng nó phát ra âm thanh lấp bắp nghe như tiếng của trẻ con. Ông biết nó đang van xin và tìm một sự giúp rập. Ông rất khó chịu. "Thà mày chống cự thì tốt cho tao, - ông Diều nhìn vào cái đầu ngoan ngoãn của con khỉ nhỏ cau mày. - Mình đâm già rồi... Nó biết người già thì dễ mủi lòng. Bây giờ tao biết lấy gì bằng bó cho mày hở khỉ?" Ông Diều suy nghĩ. Ông đành cởi chiếc quần lót đang mặc. Ông dùng chiếc quần lót ấy để băng vết thương cho nó. Vết thương cầm máu, con khỉ không còn rên nữa.

Cứ thế trần truồng, ông Diều vừa bế vừa đỡ con khỉ tìm đường tụt xuống chân núi. Thoắt nhiên, đất đá từ lưng chừng núi sọt xuống rào rào như có sức mạnh nào đẩy xô đẩy.

Núi lở!

Ông Diều thót mình và bám thật chặt vào tảng đá kinh hãi. Đoạn đường mà ông leo lên lúc này loáng cái chỉ còn một vết chém thẳng phẳng lì. Ông Diều không còn thấy cây dưới đế quần và giày đâu nữa. Đi xuống đường ấy bây giờ thật nguy hiểm. Đành phải vòng ra sau núi. Xa hơn nhưng lại an toàn.

Ông Diều lần mò đến hơn hai tiếng đồng hồ mới xuống được đến chân núi. Thật chưa bao giờ ông lại vất vả và mệt đến thế. Người ông đầy vết xây xước. Con khỉ sống không ra sống, chết không ra chết. Kéo nó trên đất thì quá đau lòng, mà bế ẵm nó trên tay thì không đủ sức. Đến chỗ lùm cây leo nắp chờ ban sáng, ông Diều dừng lại để tìm mũ áo và nắm xôi nếp. ở đáy đùn lên một đống mối to gần bằng cây rạ. Đống mối nhóp nhép một thứ đất

mới đỏ au, trên đây đầy những cánh mối ướt rụi. Khốn nạn, dây vào tổ mối thì những đồ vật của ông thành cám! Thở dài thất vọng, ông Diều quay lại bế con khỉ lên.

"Chẳng lẽ lại cứ nông nông thế này về nhà thì thật khả ố - ông Diều bực mình. - Minh sẽ thành một trò cười cho thiên hạ mất... " ông cứ vừa đi vừa nghĩ và đâm loanh quanh một lúc mới nhận ra con đường. "Thì đã sao nào - ông bỗng bật cười. - Hỏi ai bán được con khỉ thế này? Phải yến rười thối... Lông vàng như nhuộm... Bán được con vật như thế này thì dầu mảnh giáp không còn cũng đáng! Có tiếng động khẽ đằng sau. Ông Diều giật mình quay lại và nhận ra con khỉ cái. Thấy ông, nó thoát biến vào bụi rậm. Hóa ra con khỉ cái theo ông từ khi ông ở trên núi mà ông không biết. Ông thấy là lạ. Đi được một quãng, ông Diều quay lại thì vẫn thấy nó lẻo đẻo đằng sau. Thật khốn nạn quá! Ông Diều đặt con khỉ đực xuống đất rồi nhặt đất đá đuổi con khỉ cái. Nó kêu the the rồi chạy biến đi. Chỉ được một lúc, ông Diều ngó lại thì vẫn thấy nó lảng nhảng bám theo. Cái bộ ba ấy cứ thế lâm lũi xuyên rừng. Con khỉ cái cũng thật kiên trì. Ông Diều bỗng thấy bị xúc phạm ghê gớm. Tựa như ông bị theo dõi, bị đòi ăn vạ.

Bây giờ, cả con khỉ đực cũng đã nhận ra tín hiệu vẫy gọi của đồng loại nó. Nó cứ giãy giụa, nó làm cho ông khổ vô cùng. Ông Diều mệt lả, ông không còn sức giữ con khỉ nữa. Hai tay con khỉ cào trên ngực ông tóe máu. Cuối cùng, không thể chịu nổi, ông đành tức giận ném nó xuống đất. Con khỉ đực nằm dài trên vạt cỏ ướt. Ông Diều buồn bã ngồi nhìn. Cách đó không xa, con khỉ cái cũng thập thò sau một gốc cây theo dõi.

Ông Diều thấy buồn tê tái đến tận đáy lòng. Ông nhìn cả hai con khỉ và thấy cay cay sống mũi. Hóa ra ở đời, trách nhiệm đè lên lưng mỗi sinh vật quả thật nặng nề. "Thôi tao phóng sinh cho mày! " - Ông Diều ngồi yên một lát rồi bỗng đứng dậy nhổ bãi nước bọt xuống dưới chân mình. Lưỡng lự giây phút rồi ông vội vã bỏ đi. Hình như chỉ chờ có thế, con khỉ cái vọt ngay ra khỏi chỗ nấp, chạy vội đến chỗ con khỉ đực nằm.

Ông Diều rẽ sang một lối đi khác. Ông muốn tránh sẽ gặp người. Lối này đầy những bụi gai ngáng đường nhưng hoa tử huyền nhiều không kể xiết. Ông Diều dừng lại ngắm sờ. Loài hoa tử huyền cứ ba chục năm mới nở một lần. Người nào gặp hoa tử huyền sẽ gặp may mắn. Hoa này màu trắng, vị mặn, bé bằng đầu

tầm, người ta vẫn gọi hoa này là muối của rừng. Khi rừng kết muối, đấy là điềm báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc.

Ra khỏi thung lũng, ông Diêu đi xuống cánh đồng. Mưa xuân dịu dàng nhưng rất mau hạt. Ông cứ trần truồng như thế, cô đơn như thế mà đi. Chỉ một lát sau, bóng ông nhòa vào màn mưa.

Chỉ ít ngày nữa sang tiết Lập hạ. Trời sẽ ấm dần.

## NGƯỜI CON GÁI THỦY THẦN

TRUYỆN THỨ NHẤT  
"CÁI TÌNH CHI

*Mượn màu son phấn ra đi..."*

(Lời hát cổ)

Chắc nhiều người còn nhớ trận bão mùa hè năm 1956.

Trận bão ấy, ở bãi Nổi trên sông Cái, sét đánh cụt ngọn cây muôm đại thụ. Không biết ai nói trông thấy có đôi giao long cuốn chặt lấy nhau vẫy vùng làm đục cả một khúc sông. Tạnh mưa, dưới gốc cây muôm, có một đứa bé mới sinh đang nằm. Đứa bé ấy là con thủy thần để lại.

Dân trong vùng gọi đứa bé ấy là Mẹ Cả. Ai nuôi Mẹ Cả, tôi không biết, nghe phong thanh ông từ đền Tía đón về nuôi. Lại đồn thím Mòng trên phố chợ đón về nuôi. Lại đồn các xơ trong nhà tu kín đón về, đặt tên thánh cho Mẹ Cả là Gianna Đoàn Thị Phượng.

Chuyện Mẹ Cả ám ảnh tôi suốt thời niên thiếu. Một bận, mẹ tôi đi chợ Xuôi về, kể chuyện Mẹ Cả cứu hai cha con ông Hội bên Đoàn Hạ. Ông Hội làm nhà, mang đứa con gái tám tuổi đi đào cát. Hồ cát khoét hàm ếch, sụt xuống, vùi lấp cả hai cha con. Mẹ Cả đang bơi trên sông, trông thấy hóa phép thành con rái cá ra sức đào bới, cứu được hai người.

Một lần, ông Tư Chung đào giếng bảo đào được cái trống đồng. Phòng văn hóa huyện về xin mang trống đi. Khi qua sông, tự dưng sấm chớp ùng ùng, sóng to gió lớn cộ lên. Mẹ Cả bơi trên sông bảo: "Vứt trống xuống đây". Thuyền chòng chành sắp úp, mọi người đành vứt trống xuống cho Mẹ Cả. Mẹ Cả ngồi trên mặt trống đánh thùng thùng. Thế là sấm tan mưa tạnh. Mẹ Cả ôm trống lặn xuống đáy sông.



Chuyện Mẹ Cả lung tung lắm, nửa hư nửa thực. Tuổi thơ của tôi u buồn và bề bộn việc, mà việc nào cũng vất vả cả, tôi cũng chẳng có thì giờ để ý đến chuyện người dung.

Nhà tôi làm ruộng, đào đá ong và làm thêm nghề lột giang đan mũ. Làm ruộng chẳng nói, ai cũng biết rồi, chẳng dễ dàng gì. Mười bốn tuổi, tôi là thợ cày chủ lực trong hợp tác xã. Bốn giờ sáng, ông đội trưởng đội cày gọi cổng: "Chương ơi, hôm nay cày chân ruộng Gò mả ngựa nhé!" Thế là tôi bỏ dậy, ăn vội ăn vàng bát cơm nguội rồi đi. Trời còn tối, chuột đồng chạy rào rào trong các vạt ngô ven bãi. Tôi nửa thức nửa ngủ, chân nam đá chân chiêu, cứ nhắm phía quầng điện sáng thị xã mà đánh trâu đi. Chân ruộng Gò mả ngựa ở đó. Đây là chân ruộng xấu nhất cánh đồng, đất cằn bạc phếch bạc phơ, thỉnh thoảng lại có đá ngầm. Tôi cày một mạch đến trưa, thấy đứng bóng thì tháo trâu về. Mẹ tôi bảo: "Chương ơi, ông Nhiều dặn đá ong nhà mình tháng này thiếu tám chục viên, hôm trước bố con mới nộp hơn bốn chục viên". Tôi vác thuổng đi lên đồi Sậy. Đá ong đồi Sậy thường chỉ đào được sáu lớp thì hết một vĩa, đến lớp đất thịt. Đá ong chỉ đào được những hôm nắng. Hôm mưa thì bùn nhão nhoét, đổ càn cạch, đá bở. Thường một buổi chiều cật lực, tôi đào được hai chục viên. Ông Nhiều đi qua khen: "Có nghề lắm. Ngày xưa tao đào có lần xấn mẹ phải ngón chân cái". Ông chìa bàn chân đi dép cao su cho tôi nhìn thấy ngón chân bị cụt. Chân ông Nhiều là chân giao chỉ, ngón cái không thẳng mà tõe hẳn ra. Chân này chắc chẳng giày nào vừa được. Buổi tối, tôi ngồi lột nan. Giang mua của cánh lái bè, về cạo ra, chặt bỏ mấu, pha nhỏ, cho vào nồi luộc. Sau đó phải hấp diêm sinh, mang đi phơi khô, bó lại gác lên nóc nhà. Khi làm thì ngâm vài ngày rồi lấy dao lột. Lột giang phải thật cẩn thận, lột bằng thứ giao đặt ở thợ rèn, lưỡi mỏng dính, đứt tay như chơi. Khi lột lòng, cật để riêng, sau đó tách thành từng sợi đều đặn thuê trẻ con đan. Mỗi cuộn là hai chục mét, bán cho người có máy khâu may mũ. Mẹ tôi bảo: "Nghề này chẳng giàu được đâu nhưng mà có việc quanh năm để trẻ con khỏi nghịch". Những đứa em tôi bốn tuổi đã biết đan rồi, tay cứ hoay hoáy suốt ngày, đi đâu cũng có bó nam cấp nách. Gà gáy canh ba tôi mới đi ngủ. Một ngày đầy ắp công việc. Giấc ngủ kéo đến. Hình ảnh Mẹ Cả chen vào giấc ngủ ở một khe hở nào đó rất nhỏ, không phải thường xuyên, tôi không chắc một năm đã được một lần.

Một dạo, ông Hai Thìn lúc bấy giờ lên chức chủ nhiệm hợp tác xã bảo tòi: "Chương này, trai tráng trong làng này đi bộ đội cả, mày thật thà, tao tính rút mày lên làm kế toán, nhưng mày trình độ văn hóa kém quá, thôi mày làm ban kiểm tra với bảo vệ vậy". Tòi hỏi: "Làm ban kiểm tra thì phải làm gì? Làm bảo vệ thì phải làm gì?" Ông Hai Thìn bảo: "Ban kiểm tra là xem chúng tao có ăn bớt ăn xén gì không thì mách ông Phụng bí thư xã biết. Làm bảo vệ thì hợp tác xã có mấy bãi mía đấy, quân bãi Nổi cứ đến ăn trộm, mày vác súng ra, thấy đứa nào ăn trộm thì bắn chỉ thiên cho chúng nó sợ". Tòi bảo: "Ban kiểm tra cháu chẳng làm đâu, hay gì chuyện mách lẻo. Cháu làm bảo vệ".

Bãi mía ven sông rộng vài chục mẫu, gác cũng khó. Tòi làm một cái chòi, lên đấy nằm đọc truyện. Đọc chẳng vào. Tòi ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Có lần mơ thấy đi cày, cày hết chân ruộng Gò mả ngụy thì đến xã, cứ cày mãi, dân thị xã phải dắt nhau chạy. Có lần mơ thấy đào đá ong, xắn phải ngón chân cái, một lúc sau ngón chân lại tự mọc ra, lại xắn lần nữa, cứ thế vài chục lần, lần nào cũng đau lắm. Lại có lần mơ thấy lột giang, dao cứa đứt cả năm ngón tay, khi ăn cơm phải vục mặt xuống như chó. Đại để giấc mơ của tòi là thế, toàn những việc làm hàng ngày, chẳng ra gì cả. Đây là vì tòi nghèo tưởng tượng, sau này khôn lớn tòi mới hiểu ra, chứ lúc ấy, mười sáu tuổi, tòi có biết gì.

Một buổi, trăng rất sáng, tòi nhớ đạn ấy vào dịp tháng Bảy, tòi đi gác quanh bãi mía. ánh trăng soi rõ mồn một, trông thấy cả những rễ mía trông hơi giống đầu rễ si đâm tua tủa ở các đốt cây. Rặng mía hắt bóng thẫm đen chạy dài trên mặt cát đã bị gió làm cho khô se đi nên rất mịn. Thỉnh thoảng gió đùa rào rào trong bãi mía nghe lạnh cả người. Tòi nghe thấy tiếng mía đổ, chạy ra, thấy mía nằm ngổn ngang trên cát, trông xót lắm. Tòi điên người, bắn một phát súng chỉ thiên. Năm, sáu đứa trẻ con trần truồng chạy ào ra. Một đứa con gái chừng mười hai tuổi có vẻ như tên cầm đầu còn kéo theo cả một cây mía chạy. Tòi gào lên: "Đứng lại!" Bọn chúng hoảng hốt lao xuống nước, cuống cuống bơi về phía bãi Nổi.

Tòi vút súng, cởi quần áo, cũng nhảy xuống sông. Tòi quết bắt cho được một đứa. Bắt được một đứa sẽ truy cả bọn, công an vẫn thường làm thế.

Đứa con gái kéo cây mía bơi tách ra, đập nước loạn xạ, có vẻ như không biết bơi, lại bơi ngược dòng nên rất chậm. Tòi bơi đuổi theo. Nó quay lại nhìn tòi, lè lưỡi ra, rất tinh nghịch. Tòi bơi chặn

đầu, con bé té nước vào mặt tôi. Tôi lặn xuống nước, ước lượng khoảng cách để tóm chân nó. Con bé vùng thoát được. Cứ thế mãi. Con bé bơi ở phía trước, lúc nào cũng giữ một khoảng cách không xa với tôi. Tôi gần nửa tiếng đồng hồ trôi qua mà tôi không bắt được nó. Tôi bỗng hiểu ra đối thủ của tôi rất sành sông nước, bắt được không phải chuyện đùa. Con bé lờm tôi để cho bọn kia trốn thoát. Con bé vừa bơi vừa trêu. Tôi tức lắm, đập nước sải cánh đuổi theo. Con bé cười khanh khách, bơi nhanh ra giữa sông. Nó bảo tôi: "Quay về đi, không mất súng thì chết!" Tôi giật mình, thấy nó nói đúng. Con bé bảo tôi: "Mày không bắt được tao đâu, Bắt thế nào được Mẹ Cả!" Tôi hoảng hốt, dựng cả tóc gáy. Chẳng lẽ đây là con gái thủy thần? Nước tạt cả vào mặt tôi ướt sũng. Tôi thoáng thấy tấm lưng trần dẻ dai loáng nước quấy ở trước mặt, loang loáng dưới trăng, Thật kinh dị, nhưng đẹp lắm. Thoát nhiên, tất cả biến mất, tôi bỗng trơ ra giữa dòng sông vắng mênh mông. Tất cả như chẳng hề xảy ra chuyện gì. Dòng sông vẫn cứ như thế từ lâu lắm rồi, từ hôm qua, hôm kia, từ năm trăm năm trước. Tôi thấy ngượng ngùng. Nửa đêm, tự dừng lại đi trần truồng bơi trên sông, khua khoáng lên, mà vì cái gì cơ chứ? Dăm cây mía có đáng là bao? Khi thu hoạch, hợp tác xã vớt đi hàng đồng. Hoặc mùa nước, chỉ cần một trận lụt là vớt đi hàng mẫu là thường. Tôi bỗng thấy buồn, Mặc kệ dòng nước đầy dạt vào bờ. Hóa ra chẳng phải mất nhiều, chỉ vài ba cây. Tôi ngồi xuống bẻ một dóng mía ăn. Mía nhạt thêch. Tôi vớt dóng mía rồi trở về chòi, nằm thao thức đến sáng. tôi cố nhớ lại khuôn mặt Mẹ Cả mà không nhớ được. Cứ nhắm mắt lại là thấy toàn mặt quen, tựa như bà Hai Khởi vừa tròn vừa to, Mũi trông như vỏ cam sần, hoặc như mặt chị Vĩnh, dài, mà tai tái như dải trầu, như mặt cô Hỷ, đỏ như tôm luộc, Mặt anh Dư, xương hàm bạnh ra như hàm ngựa. chẳng có khuôn mặt nào đáng là mặt người. Mặt nào trông cũng thú vật, đầy nhục cảm, không đều cán, đối trá thì cũng nhăn nhúm đau khổ. Tôi tìm một mảnh gương vỡ soi thử mặt mình. Mảnh gương bé quá, không rõ hết mặt. Chỉ thấy trong gương một đôi mắt đờ dại nhìn mình như mắt tượng gỗ trên chùa.

Cuối năm ấy, tôi rút khỏi chân bảo vệ, chuyển sang đội thủy lợi. "Nhất thổ, nhì mộc", công việc sấn mai bốc đất vát vả nhưng tôi sức trẻ nên cứ phẳng phẳng. Bẵng đi ba năm, hơn nghìn ngày. Kể đất tôi vác có khi đắp được một trái núi con. Thế nhưng quê tôi nào đâu có núi non gì, chỉ bằng phẳng những cánh đồng cằn,

những con mường chạy ngang dọc khắp chốn cùng nơi mà đất vẫn khô nẻ.

Năm 1975, đây là một năm đáng để quan sát ghi nhớ. Quê tôi mở hội rất to. Thi bơi chải trên sông, thi vật, đội văn công trên tỉnh về biểu diễn. Các đô vật ở Đoàn Hạ thắng đậm các đô vật khác trong vùng. Dân bãi Nổi táo tợn là thế, cử ra bốn đô vật đều bị loại từ vòng đầu. Hạ được bãi Nổi, Đoàn Hạ được thể. Đô Thi thúc trống hỏi to: "không có ai vào xới thì tôi lấy giải về Đoàn Hạ đây này". Trai làng tôi tức lắm, xui tôi vào xới. Thú thực, tôi không thạo vật, nhưng tôi có sức. Tay tôi đã bám vào đầu thì thật như kim, nội công ngoại lực gì tôi không biết, nhưng tôi đã bóp, gạch cũng nát vụn.

Tôi cởi quần áo, Mặc độc cái quần đùi nâu. Mọi người cười ồ. Người ta giải thích dài dòng rắc rối, đại để tôi muốn giật giải phải vật với những năm người. Trai làng tôi không chịu cãi nhau om lên, cuối cùng đi đến thỏa thuận là tôi phải vật thắng hai người khác mới được vật đô Thi là người đang nhiều điểm nhất.

Đô Tiến vào xới. Tôi xông vào ngay. Đô Tiến cũng khỏe, khoèo chân tôi. Những hơn nghìn ngày lội bùn vác đất nên chân tôi chắc lắm, cắm xuống như cọc. Đô Tiến xoay ngang xoay dọc mà tôi vẫn đứng trơ trơ. Hai tay tôi tóm được hai bả vai đô Tiến, cứ thế bóp. Độ ba phút thì đô Tiến đờ ra, mặt tái nhợt, cứ thế khụy xuống. Trọng tài tuyên bố tôi thắng cuộc.

Đến lượt đô Nhiêu. Đô Nhiêu bé nhỏ, nhanh nhẹn. Hấn nhảy như con chơi chơi, luồn lách rất khéo. Chỉ sau vài miếng, tôi biết đô Nhiêu lập kế lừa tôi, hấn chỉ chờ tôi đứng lệch trọng tâm là phục xuống bịch, dùng vai gồng ngã. Biết thế, tôi bèn đứng né chân chèo, người hơi ngả ra. Đô Nhiêu cúi xuống, luồn đầu vào hai chân tôi, định hất lên, thế võ rất ác. Tôi đổi chân khép gối lại, dùng hết lực túm hai mạng sườn, bóp mạnh. Đô Nhiêu oằn oại như con rắn lớn. Một lúc thấy không quấy được nữa, tôi mới đặt hấn ngửa ra, vỗ mạnh vào rốn. Tiếng reo như sấm. Có ai nhét vào tay tôi một đoạn mía ngắn đã tiện róc ròi. Mọi người xúm xít, lấy áo phẩy vào mặt tôi giống như kiểu người ta săn sóc võ sĩ quyền Anh.

Trống lại nổi lên. Đô thi to con, hai mắt như mắt lợn luộc. Hấn dạo một đường quyền ngắn trông rất đẹp mắt. Nhiều tiếng xuýt xoa. Tôi cứ lừ lừ đi vào. Đô Thi đứng trước mặt tôi gầm gừ: "Muốn sống, chịu thua ngay đi, con ạ!" Tôi bảo: "Dễ thế!" Đô

Thi chửi: "Mẹ mày! Giữ lấy cái mũi! Ông cho mày sắc tiết cho xem!" Hấn lao vào ngay, đầu gối giơ lên rất nguy hiểm.

Đến hơn mười phút, Đô thi không vật được tôi. Hấn giở thế võ đánh ngằm. Hấn dùng cùi tay, đầu gối đánh tôi. Trận đấu căng thẳng. Trọng tài là người Đoàn Hạ, đáng lẽ bắt lỗi nhưng cứ lờ đi. Tôi tức lắm vừa đỡ vừa hỏi: "Vật nhau hay là đánh nhau thế này?" Đô Thi bảo: "Mẹ mày! Ông đánh cho mày chết mẹ mày đi!" Trống thúc dồn dập, mọi người reo hò nhưng không có ai đứng ra ngăn cản. Rất nhiều tiếng gào khuyến khích đô Thi: "Đánh đi, đánh cho chết mẹ nó đi!" Nỗi căm giận trào lên trong tôi. Tôi thấy mắt tôi hoa lên, tai tôi ù đi, máu trào mẩn mẩn trên môi. Đô Thi nhảy đá song phi, tôi tránh được, thuận tay bắt được cổ chân. Đô Thi giằng ra, nhưng hai tay tôi như hai kim sắt. Đô Thi lăn lộn trên sàn. Tiếng gào: "Thua rồi, thua rồi" âm ỉ cả lên. Trọng tài bảo tôi vật không đúng luật. Tôi chẳng nói chẳng rằng, gạt ông ta ra, cứ thế đi đến bàn ôn bực giải thưởng đi xuống. có ai vỗ vào vai tôi: "Khá lắm! Du côn lắm!" Tôi không hiểu nghĩa hai chữ du côn, chắc tỏ ý khen ngợi.

Ra khỏi xối vật, tôi rẽ vào hàng mua cho các em gói kẹo, cho mẹ chiếc lược rồi đi tắt đồng, qua bãi về nhà. Đến sông thì chấp choạng tối. ở khúc quặt, bỗng có tốp người hùng hổ xông ra, đi đầu là đô Thi, đô Nhiêu, đô Tiến. Đô Thi bảo: "Muốn sống đứng lại!" Tôi hỏi: "Cướp đường à?" Bọn kia không nói năng gì xông vào đánh ngay. Tôi đánh trả cũng ác, nhưng thân cô, thế núng, lát sau tôi ngất đi. Khi tỉnh lại, tôi thấy mình nằm trên ổ rơm, người đau ê ẩm. Mẹ tôi hỏi: "Con có đau không?" Tôi gật đầu. Mẹ tôi khóc: "Chương ơi, con ra tranh hơn thiên hạ làm gì? Mang thân mua vui cho người có nhục không con?" Tôi âm thầm khóc, thấy mẹ tôi nói phải. Mẹ tôi bảo: "Hứa với mẹ đi, đừng bao giờ thế!" Tôi thương mẹ tôi nên hứa, nhưng nghĩ lần sau đi đâu phải dắt theo dao. Tôi hỏi mẹ tôi: "Ai cứu con?" Mẹ tôi mỉm cười: "Mẹ Cả cứu". tôi định hỏi thêm, nhưng mẹ tôi đã ra ngoài, đi sao lá cúc tần sắc cho tôi uống.

Tôi hồi phục sức khỏe rất nhanh, chủ yếu do trẻ trung, chẳng phải do thuốc. Thuốc có gì đâu, chỉ có lá cúc tần sao khô vừa bóp vừa uống. Khi đi lại được, ý nghĩ đầu tiên của tôi là vác dao tìm đến đô Thi. Thế nhưng hợp tác xã cử tôi đi học một lớp nghiệp vụ kế hoạch ở trên thị xã, giấy báo tập trung gấp quá, tôi đành bỏ dở ý định trả thù.



Lớp học chúng tôi có ba mươi người, học sáu tháng. Chúng tôi được học các môn chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử, chính trị kinh tế học, các nghiệp vụ quản lý kế toán. Lần đầu tiên, tôi biết những danh từ, khái niệm, thuật ngữ rất lạ. Tôi háo hức vô cùng. Sau vài hôm tôi đau đớn nhận ra tôi không học được. chữ nghĩa chuội đi, tôi không làm sao phân biệt được các nguyên tắc nhờ thu nhận trả, các tài khoản, các biểu thống kê, cũng như không hiểu nổi khái niệm duy tâm, duy vật. Phép biện chứng, theo tôi là sự tiến lên, bắt chập khó khăn, đại để giống như giấc mơ của tôi cày Gò mả nguy. Quy luật phủ nhận, tôi nghĩ nó giống như trận đòn thù đê tiện của bọn đô Thi, tôi căm ghét nó, nó thành quy luật thì phải trả thù, phải nện đau hơn nó đã nện mình. Tôi học lịch sử, hoàn toàn lẫn lộn về cách phân kỳ. Các thầy cô giáo rất ức, bảo tôi không có khả năng học tập.

Cả lớp không ai thích tôi. Tôi làm m,ất điểm thi đua. Tôi lỗ bịch nữa. Cả lớp không ai ăn mặc như tôi. Họ mặc lối thị xã cả, đẹp thật, tôi cũng rất thích nhưng vì không tiền đành phải chịu. Tôi mặc quần nâu, áo xanh chùng sáo. Còn ăn, mọi người ăn chung, tôi nấu ăn riêng. Ăn chung có mức, tôi ăn tám, chín bát cơm một bữa, ngày ba bữa, mức nào chịu được.

Ở trong lớp, tôi ngồi một xó, tha hồ ngủ gật. Các thầy cô giáo chán nản, thôi hành hạ tôi, bài kiểm tra nào cũng cho điểm năm là điểm trung bình.

Gần tan lớp học, trên bồng cử cô Phượng về dạy môn kế toán. Cô Phượng học nước ngoài về, tính vui nhộn. Cô mặc quần bò, áo phông, áo bỏ trong quần, vai đeo túi, trông giống diễn viên điện ảnh.

Trả bài kiểm tra, cô Phượng bồng hỏi: "Ai tên là Chương?" Tôi bảo: "Em đây". Cả lớp cười ồ, vì cô Phượng trẻ, chỉ bằng tuổi tôi. Cô Phượng nín cười, bảo: "Tôi không hiểu nổi bài viết của anh. Đường lối kế toán của anh đặc biệt bí hiểm". Cả lớp lại cười. Cô Phượng bảo: "Hết giờ mời anh gặp tôi. Tôi sẽ giảng lại cho anh về các quy luật kinh tế".

Hết giờ buổi chiều, tôi tìm cô Phượng. Người ta bảo cô vừa phóng xe máy ra sông. Tôi buồn rầu, khoác cái xác cốt để sách vở, tiền nong, giấy tờ, bỏ đi lang thang.



Loanh quanh thế nào, tôi vòng ra phía bờ sông, bỗng thấy cô Phụng đang ngồi một mình, bên cạnh có chiếc xe máy. Quang cảnh cũng hết quê tôi, phía trước là sông, phía sau bãi mía.

Tôi đến gần, thấy cô Phụng khóc, hai tay ôm mặt, bả vai rung rung. Tôi ấp úng chào. Cô Phụng giật mình, ngẩng lên thấy tôi, bèn giận giữ nói: "Cút đi, cái lũ đàn ông khôn kiếp các anh!" Tôi kinh hoàng ngơ ngác, chôn chân tại chỗ. Cô Phụng cầm dép ném vào mặt tôi. Dép cao gót, có đinh, tôi tránh không kịp, mặt bị chảy máu. Máu chảy nhiều quá, tôi ngồi thụp xuống, hoa cả mắt. Cô Phụng chạy lại, quỳ xuống, gỡ hai tay tôi, hốt hoảng: "Anh có sao không? Trời ơi, sao tôi rồ dại thế này?"

Tôi xuống sông, vã nước rửa vết đau. Cô Phụng cứ loay hoay bên tôi, rồi rít xin lỗi. Tôi cho cô Phụng xem những vết sẹo trên vai, trên tay mà bọn đô Thi đánh tôi. Tôi bảo: "Không sao cô ạ. Vết thương như thế có gì". Cô Phụng bảo: "Tôi xin lỗi anh. Tôi gặp chuyện buồn phiền quá. Tôi không kìm chế được mình".

Cô Phụng lấy bánh mì, lấy chuối ép tôi ăn. Cô Phụng nói: "Anh tha thứ cho. Tôi yêu, tôi bị phản bội. tôi không chịu nổi. Nếu anh có yêu, anh mới hiểu". Tôi bảo: "Tôi chưa yêu. Nhưng tôi nghĩ nếu ai phản bội tình yêu thì xấu xa lắm". Cô Phụng cười đau đớn: "Anh chẳng hiểu gì, kẻ phản bội cũng là người tốt, có điều người ta không dám hy sinh".

Cô Phụng ngồi, tay bó gối, trông vừa bé nhỏ, vừa buồn, lại đẹp nữa. Trong tôi trào lên cảm giác thương xót, tựa như thương xót chính em gái tôi.

Cô Phụng bảo: "Tôi đã không đúng. Người ta không dám hy sinh vì tôi là phải. Tôi là người con gái xấu xí phải không anh?" Tôi lắc đầu, tôi nghĩ người nào yêu được cô Phụng thật là hạnh phúc. Tôi bảo cô: "Không phải đâu. Cô đẹp lắm". Cô Phụng cười. Cô cầm cái xác cốt của tôi, đập đập: "Anh đừng cái gì trong này thế?". Tôi ngượng ngập bảo: "Có sách vở, tiền nong, chứng minh thư, thẻ đoàn". Cô Phụng bảo: "Anh Chương này, nếu anh yêu, anh có dám hy sinh vì người yêu không?" Tôi bối rối không biết trả lời ra sao. Cô Phụng bảo: "Thế này nhé: Nếu tôi yêu anh, anh có dám vứt cái túi này xuống dưới sông không?" Tôi gật đầu. Cô Phụng bảo: "Anh vứt đi". Tôi đứng lên, cầm cái xác cốt quẳng ra giữa sông. Cái xác cốt chìm ngấm. Cô Phụng ngạc nhiên, mặt tái đi: "Anh có dám phá tan cái hàng rào kia không?" Tôi lẳng lẳng

đến hàng rào bao quanh bãi mía, co đứt dây thép gai, nhổ cọc sắt, uốn cong lại, vứt dưới chân cô.

Cô Phượng bảo: "Anh lại đây". Cô ôm cổ tôi, hôn lên môi. Tôi đỡ đỡ. Cô Phượng bảo cô rất sung sướng: "Anh biết không, thế mà tôi đã buồn phiền vì một tên đàn ông ích kỷ. Thật chẳng ra sao!" Cô Phượng lên xe máy phóng đi, quay lại bảo tôi: "Anh hãy quên những quy luật kinh tế chết tiệt ấy đi".

Tôi sướng sướng. Cái hôn bất ngờ làm tôi ngây ngất. Tôi thấy sung sướng. Cứ thế lội xuống sông, bơi sang bờ bên kia rồi lại bơi về. Trăng rất sáng, tôi thấy cuộc đời thật đẹp tuyệt vời.

Sau hôm ấy, hai hôm sau giải tán lớp học. Cô Phượng không đến, nghe nói có việc phải đi Hà Nội. Tôi buồn rầu thu dọn đồ đạc, chào mọi người rồi đi về làng.

Tôi về làng, được cử làm kế toán trưởng. Được một tháng, ông Hai Thìn bảo: "Mày học hoài cơm". Người ta cách chức tôi, tôi cũng chẳng lấy thế làm buồn. Tôi trở lại công việc bình thường, công việc của mười năm trước: Sáng đi cày, chiều đào đá ong, tối lột giang đan mũ. Công việc nặng nề, nhưng tôi khôn nguôi nhớ về cô Phượng.

Một lần, tôi kiếm cớ lên thị xã, rẽ vào trường cũ để thăm cô Phượng. Ở đây chẳng còn ai nhận ra tôi. Ông trưởng trực hỏi: "Cậu hỏi Phượng nào? Trường có nhiều Phượng lắm: Trần Thị Phượng, Quách Thị Phượng, Lê Thị Phượng. Có cô cũng trạc tuổi cậu, cô ấy đi khỏi trường rồi. Cô ấy ngày xưa ở nhà tu kín, tên thánh là Gianna Đoàn Thị Phượng". Tôi giật mình, nhớ đến giai thoại ngày xưa kể về Mẹ Cả.

Ông trưởng trực không biết gì thêm. Đang nghỉ hè, sân trường vắng ngắt. Tôi lang thang ở trong thị xã, không biết hỏi ai. Cuối cùng tôi nảy ra ý định vào nhà tu kín.

Bà Nhất tiếp tôi. Bà đã luống tuổi, có đôi mắt hết sức u sầu. Bà Nhất bảo: "Gianna Đoàn Thị Phượng ở nhà tu này từ sáu đến mười hai tuổi. Cha mẹ cô ta nhờ tôi nuôi dạy". Tôi ngạc nhiên: "Sao bảo Gianna Đoàn Thị Phượng là Mẹ Cả, là con gái thủy thần?" Bà Nhất bảo: "Cha mẹ Gianna Đoàn Thị Phượng ngoài Hà Nội. Cô ấy là con riêng ông Đoàn Hữu Ngọc, buôn nước mắm". Tôi thần thờ buồn bã ra về. Bà Nhất bảo: "Tôi không biết Mẹ Cả của anh, còn Gianna Đoàn Thị Phượng là con của Chúa. Ông Đoàn

Hữu Ngọc gửi con vào trong nhà Chúa như gửi con vào nhà trẻ, nhưng Chúa không giận. Chúa tha thứ, Chúa vốn nhân từ".

Đêm ấy, tôi ngồi ngoài hè tường nhà tu kín. Đường phố thị xã xe chạy âm âm tôi không ngủ được. Sáng sớm hôm sau, tôi xuôi đường đê tìm đường về đền Tía.

Đền Tía ngay sông, chênh vênh trên một kè đá xây cất công phu. Ông từ giữ đền Tía tên Kiệm, làm nghề đánh cá, trạc sáu mươi tuổi, ở ngay trong đền. Tôi vào trong đền, thấy cá phơi đầy trong sân, Gác cả trên hai thanh cột quá giang. Ông Kiệm cho tôi nhấm rượu cá nướng. Ông Kiệm bảo: "Tôi giữ đền này hơn bốn mươi năm, ở một mình, nuôi mỗi con rùa làm bạn". Ông chỉ cho tôi con rùa buộc dây nằm dưới gầm giường. Tôi hỏi ông về Mẹ Cả. Ông Kiệm bảo: "Tôi không biết. Nhưng trận bão ấy thì nhớ, sét đánh cụt ngọn cây muôm ở trên bãi Nổi, cậu phải về đấy hỏi xem".

Tôi ở chơi với ông Kiệm buổi sáng, dọn giúp chỗ mái đền dột. Buổi trưa, tôi chào ông Kiệm, tắt đồng đi về bãi Nổi.

Đường về bãi Nổi đi qua Đoàn Hạ, Tôi hỏi thăm nhà ông Hội, nghe nói ngày xưa cha con ông được Mẹ Cả cứu. Ông Hội đã già, lẫn lộn cả. Ông Hội bảo: "Đào cát. Khoét hàm ếch. Sụt xuống. Nặng lắm, máu ộc ra..." Hỏi gì cũng chỉ nói từng ấy tiếng. Con trai ông Hội bảo tôi: "Ông cụ có nhớ gì đâu. Tai diếc ba, bốn năm rồi". Tôi buồn rầu, chào cha con ông rồi về.

Tôi bơi qua sông, đến bãi Nổi. Cây muôm đại thụ bị sét đánh bao nhiêu năm khô xác, dưới gốc cây, bọn trẻ đốt lửa làm thành cái hốc lõm sâu đen sì. Tôi rẽ vào một túp lều canh lưới cạnh đấy. Tôi ngó vào, rừng mình thấy trong xó tối có một lão già nằm trên ổ rơm dưới đất. Thấy tôi, lão già hỏi: "Đô Thi đấy à?" Lão già nhồm lên, tôi kinh hoàng thấy lão già chẳng khác gì ma quỷ, râu tóc lởm chởm, đôi mắt đục ngầu. Tôi đoán lão già bị liệt, hai chân teo lại, Lông chân trông như lông lợn. tôi chào lão già, ngạc nhiên thấy lão anh minh lạ thường, nói năng rành rọt. Một lúc sau, qua câu chuyện, tôi biết lão là bố đô Thi ở bên Đoàn Hạ. Lão già bị liệt mấy chục năm rồi, chỉ nằm một chỗ trông lưới.

Trò chuyện mãi, tôi hỏi lão già về chuyện Mẹ Cả. Lão già ôm bụng cười lẫn lộn, đôi chân liệt bất động trông rất đáng sợ. Tôi chưa thấy ai khủng khiếp như vậy. Lão già bảo tôi: "Mày có trông thấy cái nia rách kia không? Đôi giao long quấn nhau ở trong ấy đấy..." Lão già lại cười. Tôi kinh hoàng sợ hãi. Lão già lại bảo: "Hồi

ấy tao chưa bị liệt. Tao bịa ra chuyện Mẹ Cả. Ai cũng tin. Mộ Mẹ Cả kia kìa, mày muốn biết hình Mẹ Cả đào lên mà xem". Lão già chỉ một nắm đất gần kề gốc muôm. Tôi lấy chiếc mai trong lều ra chỗ nắm đất, đào lên. Tôi đào theo kiểu người ta vẫn đào khi bốc mộ. Được hơn một mét, tôi lòi dưới ấy lên một khúc gỗ mục chẳng hình thù gì. Tôi ngồi rất lâu bên khúc gỗ ấy. Lão già ma quỷ cũng đã thôi cười, bây giờ chắc ngủ trong lều.

Trước mặt tôi, dòng sông đang thao thiết chảy. Sông chảy ra biển. Biển rộng vô cùng. Tôi chưa biết biển, mà tôi sông nửa cuộc đời rồi đấy... Thời gian cũng thao thiết trôi. Chỉ ít năm nữa đến năm 2000...

Tôi đứng lên, đi về nhà. Ngày mai tôi đi ra biển. Ngoài biển không có thủy thần.

## TRUYỆN THỨ HAI

Khi chào mẹ để đi ra biển, lúc ấy nào tôi có biết rằng biển ở đâu?

Mẹ tôi bảo: "Chương ơi, thế con bỏ mẹ đi à? Bỏ các em con đi à?" Tôi không trả lời, tôi vụt ra ngõ như chạy. Tôi biết, nếu tôi dừng lại lúc này thì tôi sẽ không bao giờ đi nữa. Tôi sẽ quay lại công việc của mười năm trước; tôi sẽ cứ thế cho đến rốt đời: Sáng đi cày, chiều đào đá ong, tối lột gang đan mũ. Tôi sẽ kéo mòn kiếp sống của tôi như thế. Như thể bố tôi, như ông Nhiêu, như ông Hai Thìn, như những người dân hiền lành, lam lũ ở quê hương tôi.

Tôi đi... Tôi nhắm hướng mặt trời mọc mà đi. Tôi không mang theo một thứ đồ đạc nào cả trên người, trừ con dao sắc lẹm mà tôi cất công sang tận Đoàn Hạ để thửa. Con dao này rèn từ nhíp ô tô, mũi nhọn, nước thép xanh biếc.

Ý nghĩ về Mẹ Cả, về Gianna Đoàn Thị Phượng ám ảnh tôi. Con gái thủy thần, nếu tôi tìm được thấy nàng thì tôi sẽ không hối

tiếc gì về cuộc sống. Không hiểu vì sao tôi lại nghĩ rằng nàng ở đấy, ở ngoài xa kia, ở biển...

Tôi đi qua rất nhiều làng mạc, vừa đi vừa làm thuê kiếm ăn. Những làng quê mà tôi đi qua đều buồn tẻ tiêu điều. Quanh quần chỉ từng ấy cây: Cây lúa cây ngô, cây khoai lang, vài thứ cây rau quen thuộc. Quanh quần từng ấy công việc: Cày ruộng, cấy hái, vun trồng.

Sáng sáng, tôi tìm đến đứng ở đầu thôn xóm mà tôi đi qua. Dưới gốc si hoặc cái quán xiêu vẹo, cũng có khi ở một chợ cóc ven đường. Có nhiều người như tôi, cả đàn ông, cả đàn bà. Họ đều là những người dân quê phiêu tán hoặc những người nghèo trong thôn xóm. Những người thuê mướn cầm đuốc soi mặt chúng tôi, nắn chân nắn tay từng người. Họ hỏi: "Có biết làm việc này không? Làm việc kia không?" Họ và chúng tôi thỏa thuận giá cả, thường công lao động một ngày rất thấp, nếu làm thợ đấu thì quy ra thóc chỉ độ hai cân rưỡi đến ba cân một ngày, thợ cấy ít hơn: Chỉ độ một cân hai đến một cân tám. Tôi hay nhận những việc ngoài đồng: Cấy, gặt, gieo mạ, bón phân. Tôi không thích nhận việc trong nhà. ở ngoài đồng không khí thoáng đãng hơn, trên đầu tôi là bầu trời tự do, tôi không vướng những mối liên hệ nào đấy đối với con người. Những người thuê mướn tôi cũng chẳng giàu có gì, họ cũng phải làm quần quật, đôi khi họ phải nhịn ăn để dành trả công cho thợ.

Không khí u uất, tù đọng của làng quê làm tôi tái tê cảm giác chua xót. Mọi người rồi rít, cuống cuống để kiếm miếng ăn. Những định kiến, tập tục thật nặng nề. Tôi đã thấy tinh thần gia trưởng hủy hoại bao nhiêu số phận con người. Tôi cũng thấy những ngộ nhận giới tính và đạo đức giết chết vẻ diễm lệ trên các khuôn mặt thiếu nữ. Rất ít thanh niên. Ngoài đồng chỉ có các ông bà già, phụ nữ và trẻ em thất học làm việc.

Sang tháng ba, công việc đồng áng vãn bớt, tôi không có việc làm thường xuyên. Có nhiều ngày tôi phải nhịn đói. Tôi đi trong đám sương mù bàng bạc dọc bờ đê. Những hạt bụi nước li ti giăng ở trước mặt, ở bên phải, ở bên trái, ở sau lưng. Gió hun hút thổi. "Cái đói cái rét bằng nhau". Người xưa nói thật chẳng ngoa chút nào. Một lần tôi nhìn thấy có ông lão ăn mày chết đói ở bên vệ đê. Một nỗi lo sợ mơ hồ thoáng dậy trong tôi. Tôi bắt đầu nghĩ đến cái chết, điều này trước đây chưa bao giờ tôi nghĩ đến. Đói. Rét. Nỗi cô đơn như gió quất vào mặt. Lòng tôi cồn cào, đau đau một nỗi khắc



khoái hương về Mẹ Cả, con gái thủy thần. Nàng là ai? Nàng xấu hay đẹp? Nàng ở đâu, góc biển chân trời nào?

Tôi bắt đầu hình dung thấy nàng. Nàng hiện ra rục rờ. Những đường nét trên khuôn mặt nàng rõ ràng, đôi lông mày thanh tú, quả cảm. Thoạt nhìn, nàng thậm chí đen đúa và lạnh cảm. Nàng không đẹp. Khoảng cách giữa tôi và nàng là khoảng cách của hai vật thể tự do, vừa đối nghịch, vừa bao trùm. Cả tôi và nàng đều cùng tranh đấu tìm cách giải thoát sự bao trùm đó, hướng tới tự do. Khi tự do là lúc nàng mất tôi và tôi mất nàng. Để có nàng, tôi buộc phi sống kiếp sống của kẻ khổ sai lưu đày, tôi buộc phải vắt kiệt tôi cho đến chết. Tâm hồn nàng ăn uống thứ thức ăn thật man rợ: Đây là từng miếng sống tươi rói của cuộc đời tôi. Tôi hình dung nàng xé xác tôi bằng bàn tay thon nhỏ, móng sắc. Nàng nhai từng miếng thịt và thè đầu lưỡi nhọn hoắt liếm những giọt máu ứa ra.

Những ý nghĩ trên không phải đến ngay với tôi khi ấy, khi tôi đói khát lang thang trên đường mà mãi sau này tôi mới hiểu ra. Thời tôi đang kể là thời tôi còn mụ mị, đầy những thành kiến ngộ nhận. Tôi là một thanh niên nông dân ngu độn, trong lòng đầy những tình cảm thương người vụn vặt, vừa duy tâm, vừa siêu hình, lại tầm thường nữa. Tôi chưa biết khinh rẻ bản thân, cũng chưa biết khinh rẻ học vấn. Tôi chưa biết cách thương mình. Những vấn vương của tôi về mái nhà, về tình cảm xóm làng bao bọc dưới những sắc màu lãng mạn huyền thoại cũng là một thứ văn hoá thấp kém, có sức trì kéo. Tôi chưa giác ngộ về lẽ tồn tại cá nhân, cũng như của cả bấy người.

Cuối tháng bảy, tôi nhận đóng gạch cho một bà cụ người Sơn Tây. Bà cụ 80 tuổi, có người con trai đi bộ đội đóng quân ở Campuchia. Bà cụ có người con gái năm nay 42 tuổi, lấy chồng ở tận làng xa, tên là Thời, thỉnh thoảng mới về thăm mẹ được một buổi chiều, sắp ngửa dọn dẹp chóc lát rồi lại ra đi. Bà cụ ở một mình giữa khu vườn hoang rộng hơn sào đất. Ngôi nhà lợp rạ, vách trát đứng, giới lắm trụ được qua hai mùa mưa là đổ. Người con trai làm đại đội trưởng công binh, tên là Thế, chưa có vợ. Bà cụ cho tôi xem những bức thư anh viết ở Công Pông Xom, chữ rất thoáng, lời lẽ rõ ràng là của người con có hiếu:

"U ơi, xin U nương nhẹ thân mình, dù chỉ để cho con đỡ khổ. Con xin hứa sang năm con sẽ về phép, con sẽ làm nhà, lấy vợ. U cứ giám cho con một cô ở làng, mặt rỗ cũng được, goá chồng cũng



được, miễn là người ta yêu thương mình. Chỉ mười ngày phép là xong mọi việc, U sẽ mát lòng mát dạ ở nơi tuổi vàng. Còn con, con khoẻ lắm, được mọi người yêu mến. Con luôn nhớ về U, nỗi nhớ như gai đâm ruột..."

Tôi đào đất, đóng gạch ở ngay trong vườn. Công đóng một viên gạch mộc là năm hào, bà cụ nấu cơm ba bữa cho tôi ăn, trừ tiền gạo với tiền thức ăn, công thực tế chỉ còn ba hào rưỡi. Bà cụ bảo: "Tôi chỉ mong đốt cho nó sáu vạn gạch. Nó xây nhà hết bốn vạn, còn hai vạn thì xây cái bếp. Chú tính, nếu tôi thuê chú cả vào lò, cả ra lò, chú có làm xong trước tiết Đông chí không?". Tôi bảo: "Được". Bà cụ bảo: "Tôi vụng tính quá. Sao tôi lại đi thuê đóng gạch vào mùa mưa. Thế có khổ không? Trước tôi cứ nán nà. Tại con mẹ Thời cả, tôi đã bảo nó bán cho tôi đôi hoa tai, nó cứ nói dối không bán được. Cũng may gặp chú, chú thương tôi, làm thuê như làm cho nhà mình. Cũng là cái số của tôi, để phúc lại được cho con..." Tôi cay xè mắt, tôi muốn gào lên cho thấu cả trời xanh. Tôi muốn làm cho dứt hợp đồng để lại lên đường. Khốn nỗi trời cứ mưa tầm tã, đóng được vài trăm viên gạch lại phải khuôn vác che chắn. Tôi đói. Tôi không có việc nào khác. Tôi bắt buộc phải nhận công việc chết rấp này, công việc có cơ khiến tôi trắng tay.

Tôi sẽ không kể lại công việc tôi làm ra sao. Bà cụ dậy từ gà gáy sáng, đi bòn những lá rau khoai lang, rau dền rau mướp cộng trong vườn để nấu canh mắm cua. Thức ăn mặn thường là tép rang, muối vừng cua dạm. Cơm nấu trong cái nồi đất. Bà cụ nấu cơm khéo, cơm dẻo, không bao giờ nát, cháy, cơm mềm chứ không khô, không lại gạo. Tất cả tâm lực bà cụ hướng về sáu vạn viên gạch. Tôi cũng ước ao tâm lực của tôi hướng về một thứ vật chất cụ thể như thế. Nếu như thế được, mà nếu được như thế...

Sang tháng mười, tôi đã đóng xong đủ sáu vạn viên, chuẩn bị đốt một lúc hai lò gạch. Trông đóng gạch mộc chất cao mà sương mắt. Bà cụ nhỏ bé, gầy yếu đứng lọt thỏm trong đống gạch tấm tức khóc. Tôi bảo: "Nếu mà đốt lò, mấy cây khế, cây chuối trong vườn đều chết hết cả đấy, cụ ạ". Bà cụ bảo: "Chết thì chết". Tôi bảo: "Nếu hết củi là phải dỡ nhà mà đốt đấy, cụ ạ". Bà cụ bảo: "Thì dỡ đi chứ! Sang năm con tôi có nhà mới rồi".

Tôi nổi lửa đốt hai lò gạch, đốt kiểu lò dã chiến, đúng trong ngày Đông chí, rét buốt ruột. Mâm cỗ đốt lò có chai rượu trắng với cái chân giò luộc chấm tương. Tôi uống hết nửa chai rượu, chửi tục một câu rồi kéo mái gianh nhen lửa. Bà cụ nằm trên chõng, đắp

chiếc chần dạ cũ. Bà cụ đang ốm. Tôi dỡ nửa cái mái nhà mới nhen được lửa. Hai lò gạch cháy bùng, đỏ rực. Nóng như thiêu. Trời rét mà tôi đánh độc một cái quần đùi, mồ hôi túa ra như tắm. Lò đốt ba ngày đêm. Cây cối trong vườn xém trụi hết. Đến đêm thứ ba thì bà cụ mất. Bà cụ mất rất nhẹ nhàng, không giỗi giăng gì. Tôi ôm xác bà cụ trên tay đi vòng quanh hai lò gạch như kẻ mộng du. Sáu vạn viên gạch, thế là bà cụ nợ tôi hai trăm mười nghìn đồng.

Sáng hôm sau, chị Thời con gái bà cụ dắt theo đàn con buộc khăn tang trắng chạy về. Chị Thời lần bên xác mẹ, lấy ra đôi hoa tai vàng trả công cho tôi. Tôi giắt đôi hoa tai vàng vào áo bỏ đi khi người ta đóng quan tài cho bà cụ. Tiếng khóc ai oán vọng sau lưng. Tôi đã mất gần nửa năm trời làm việc ở đây. Biển còn xa lắc...

Tôi gõ cửa một tiệm vàng ở thị trấn H. Lúc sáng tinh mơ. Bộ dạng tôi chắc kinh khủng lắm: Một nửa năm trời tôi không cắt tóc, bộ quần áo từ ngày bỏ nhà ra đi đã sờn rách cả, đồ đạc trên người có mỗi con dao nhọn lưỡi.

Tôi xòe đôi hoa tai vàng dạm bán. Chủ tiệm vàng đi chân đất, quỳ xuống lạy như tế sao: "Làm gì có thứ hoa tai thế này hở cậu? Đây là thứ đồ chơi con nít bán đầy ở chợ. Mới sáng sớm dọn hàng xin cậu thương tôi..."

Tôi ngồi phệt xuống nền gạch đá hoa. Chủ tiệm vàng lấy ra các đồ nữ trang trong tủ giải thích cho tôi thế nào là vàng tây, vàng ta; thế nào là vàng bảy, vàng mười; thế nào là đồng là bạch kim, là saphia. Tôi nghe như vẹt nghe sấm. Chủ tiệm vàng dắt tôi ra quầy hàng xén bên đường, chỉ cho tôi xem những thứ hoa tai, nhẫn vàng dùng làm đồ chơi trẻ con. Đôi hoa tai bà cụ trả công cho tôi giống y hệt thứ ấy, có thể bẻ vụn ra được.

Tôi chào ông chủ tiệm vàng tốt bụng mà nhút nhát, rồi bỏ đi. Tôi đứng ở ngã ba đường. Sương mù rất dày. Xung quanh tôi vắng ngắt. Tôi rút dao ra và quyết sẽ đâm chết người đầu tiên đi qua ở trước mặt tôi lúc này để lấy một nghìn đồng đủ ăn bát phở. Tôi đói. Tôi đói như một con hắc tinh tinh. Tôi đói như một con lợn rừng. Tôi đói như một con vật ở địa ngục. Tôi đói đã nửa năm nay. Nửa năm tôi ăn độc một thứ rau khoai lang, rau dền, rau mảnh cọng, toàn thứ rất dễ mất máu.

Tôi đứng một lúc lâu. Sương tan dần, một đám các cô các bà gồng gánh đi đến. Một giọng phụ nữ rất chua khúc khích cười: "Phượng ơi! Có người chờ để gánh thuê cho mày đi chợ kìa". Đám

người dừng trước mặt tôi. Tôi sững sờ nhận ra khuôn mặt người con gái có tên là Phượng, khuôn mặt đã ám ảnh tôi trong bao giấc mơ. Vẫn khuôn mặt ấy, những đường nét dứt khoát và quả cảm, vừa hồn nhiên vừa lạnh cảm. Cô Phượng bảo: "Này anh kia, có gánh thuê không?" Tôi bảo: "Có!" Cô Phượng trao gánh cho tôi. Cô Phượng bảo: "Anh gánh gạo cho tôi lên chợ rồi tôi cho tiền đi cắt tóc". Mọi người cười, họ vỗ vai, thụi vào ngực tôi. Tôi gánh gạo đi theo họ như việc phải làm. Tôi không hiểu vì sao như thế. Cô Phượng đi bên cạnh tôi, đựng đưa cái túi xách giả da màu đỏ.

Phiên chợ giáp Tết đông như chảy hội. Cô Phượng bán loáng cái đã xong. Cô Phượng bảo tôi: "Tôi với anh đi ăn bún riêu. Đợi tôi mua ít hàng rồi anh gánh về cho tôi với nhé". Tôi gật đầu rồi đi theo cô Phượng vào quán bún riêu. Tôi húp soạt hai lần xong bát bún. Cô Phượng phì cười, gọi thêm một bát bún nữa. Cô Phượng hỏi tôi: "Anh đói đã mấy ngày rồi?" Tôi nói, tự dưng nước mắt ứa ra: "Tôi đói đã sáu tháng nay rồi". Mọi người trong quán im bật, lặng lẽ nhìn tôi. Chắc chẳng ai tin lời tôi nói. Cô Phượng không nói năng gì, bỏ dở bát bún ngồi nhìn tôi ăn. Tôi ăn xong, cô Phượng lại hỏi: "Anh có ăn bánh đúc không?" Tôi gật đầu. Cô Phượng lại gọi thêm cho tôi nửa mẹt bánh đúc. Cả đời chưa bao giờ tôi được ăn uống ngon lành như thế.

Tôi gánh hàng đi theo cô Phượng về nhà. Hàng toàn vôi vôi sơn, tôi không biết mua để làm gì. Nhà cô Phượng ở vùng đất bãi, giống hệt quê tôi, chỉ khác ở đây có nhà thờ đạo Thiên chúa. Cô Phượng ở với bố, một người cô mù không biết tên thật là gì, chỉ thấy mọi người gọi bà là Maria. Cô Phượng có hai em gái, một cô tên Thủy, một cô tên là Liên. Khi đưa tôi về, cô Phượng nói với mọi người: "Tôi nhặt được ông mãnh này ở ngã ba đường. Có vẻ là dân lao động chứ không phải lưu manh giang hồ". Bố cô Phượng hỏi: "Này anh kia, tên là gì? Có vương trộm cắp gì không?". Tôi bảo: "Tôi là Chương. Tôi không trộm vặt". Bố cô Phượng cười: "Tôi biết rồi, tướng anh là tướng người trộm cướp lớn chứ không trộm cắp vặt. Cái dái tai thế kia, cái mũi ống bương thế kia không phải là hạng tầm thường. Chán đời hay sao mà cánh bèo trôi dạt đến đây thế này?". Tôi bảo: "Phận tôi nó thế". Bà Maria lấy tay sờ mặt tôi, thét lên: "Giêsuma! Chúa ơi! Người đâu mà chẳng thấy thịt, chỉ thấy toàn đất là đất thế này?".

Tôi ở nhà cô Phượng. Người ta hứa nuôi tôi một tháng. Bố cô Phượng là trùm xứ đạo. Công việc của tôi là sơn, quét vôi lại toàn

bộ nhà thờ. Công việc khó khăn nhất là phải tô sơn lại bức tượng chúa đứng trên nóc gác chuông, bức tượng cao hai mét, tạc hình Chúa Giêsu mặc áo choàng đỏ giang hai tay ra, chân đứng trên quả cầu tròn. Đây là điểm cao nhất của nóc gác chuông, hoàn toàn không có mặt bằng để dựng dàn giáo. Muốn tô sơn lại bức tượng, tôi chỉ còn có cách buộc thùng vào người rồi chằng thùng vào thân tượng. Hợp đồng công việc của tôi không có bảo hiểm. Bố cô Phượng bảo: "Xứ đạo chúng tôi nuôi anh ba bữa, anh chết thì chúng tôi chôn. Làm xong anh được hai trăm ngàn đồng". Tôi nhớ đến khoản tiền công đóng gạch cho bà cụ người Sơn Tây mà cười ra nước mắt. Cô Phượng bảo tôi: "Anh nghĩ lại đi. Bức tượng làm cách đây hai trăm năm rồi, vôi vữa không khéo đã mục, leo lên đấy nhỡ chết thì sao?" Tôi bảo: "Chúa giúp tôi. Nếu không thì chẳng có Chúa".

Tôi quét vôi nhà thờ gần một tháng. Đầu tiên, tôi cạo hết lớp vôi cũ rồi phủ lên hai lớp vôi trắng. Ngoài cùng tôi quét vôi vàng. Giúp việc cho tôi là cô Thủy, cô Liên. Bố cô Phượng xem xét công việc. Ông bảo tôi: "Chú em ạ, tôi chỉ tiếc chú em là kẻ vô đạo. Nếu không tôi có ba đứa con gái, tôi gả cho chú cả ba". Tôi đỏ bừng mặt. Tôi cười đau đớn. Tôi đâu phải loại chó dái đi tìm chó cái? Trái tim tôi đã thuộc về nàng, thuộc về Mẹ Cả, thuộc về con gái thủy thần...

Sau khi quét vôi xong và sơn lại toàn bộ cửa kính nhà thờ, tôi bắt tay vào việc tô tượng Chúa. Trước ngày tôi trèo lên nóc gác chuông, cô Phượng nấu cho tôi một nồi nước hương nhu bảo tôi tắm gội. Mọi người trong nhà cô Phượng đều quan tâm săn sóc đến tôi. Họ biết có thể đến ngày mai tôi không còn ở trên cõi đời này nữa. Ông trùm đạo có vẻ bồn chồn. Nửa đêm ông kéo tôi dậy, pha một ấm trà đặc mời tôi. Ông bảo: "Cậu Chương này, hay thôi đừng tô tượng nữa. Tôi cứ lo lắng thế nào". Tôi bảo: "Bác mặc tôi. Công việc nó thế". Ông cụ thở dài: "Ừ! Phải thế đấy. Nếu mệnh hệ nào, cậu có oán tôi không?" Tôi bảo: "Không". Ông cụ nghĩ một lúc rồi lưỡng lự hỏi: "Cậu Chương này, cậu có muốn giới giảng gì không?" Tôi cười: "Nước ta có sáu mươi triệu người thì năm mươi tám triệu cười vào mũi lời giới giảng của tôi". Ông cụ bảo: "Tôi hiểu. Cậu đi ngủ đi".

Tôi đi ngủ. Quả thực tôi chẳng lo lắng gì. Kể từ ngày tôi bỏ nhà ra đi, tôi rất ít khi nghĩ ngợi về mình. Những khao khát của tôi không gắn gì với đời sống và tồn tại của bản thân tôi. Hôm nay tôi sống như một con vật hay một ông hoàng có gì quan trọng? Trái

tim tôi đã khô héo và cần cỗi. Tôi biết tất cả những thiện cảm mà cô Phụng, con gái ông trùm đạo dành cho tôi, thậm chí cả những thiện cảm của cô Thủy, cô Liên dành cho tôi nữa. Tôi biết hết. Tôi không có quyền gắn sinh mạng của tôi với họ, bởi như thế, rốt cuộc tôi cũng lại sống như ông Nhiêu, như ông Hai Thìn hoặc như những người dân hiền lành lam lũ ở quê hương tôi hay là ở xứ đạo này. Một mái nhà gianh với ba bốn trái tim vàng là hết nước. Cô Phụng tôi gặp ở lớp kế toán đạo nào hay cô Phụng con ông trùm đạo ở đây cũng chỉ là một mảnh của nàng, con gái thủy thần, người tôi ước ao gặp gỡ...

Sáng hôm sau, tôi trèo lên nóc gác chuông. Tôi lấy một sợi dây thừng để buộc lòng thòng rồi tròng lên cổ Chúa Giêsu làm điểm tựa. Tôi buộc sợi dây thừng vào quanh người tôi rồi vừa đu vừa làm việc. Cả xứ đạo đứng tụm ở dưới gác chuông nín thở theo dõi công việc của tôi. Chỉ sơ suất, sợi thừng đứt hoặc tôi bị mất thăng bằng, tôi sẽ rơi trên cao ba mươi mét xuống nền sân đá.

Tôi mê mải làm việc. Không biết bao nhiêu thời gian trôi qua. Trong ống tay áo Chúa Giêsu có một tổ chim. Những cọng rơm của tổ chim chẳng khác những sợi vàng ròng. Đến cuối ngày, tôi đã tô xong bức tượng. Một niềm hân hoan khiến tôi nghệt thở. Phút cuối cùng, không hiểu sao, tôi đã không kìm được ý thích ngông cuồng là ký tên lên vầng trán thanh thảo của Chúa. Lăn vào mái tóc xoã, tôi dùng con dao nhọn lưỡi vạch tên tôi lên đấy. Về việc này, đến sau này tôi phải trả một giá rất đắt, tôi không lường được.

Tôi đứng trên vai bức tượng mắt nhìn về xa. Mặt biển dâng trước mắt tôi, căng như sợi chỉ. Tôi nghe thấy tiếng sóng như tiếng người thở dốc. Những tia hào quang lấp loáng ở một góc biển và không hiểu sao tôi nghĩ đấy là nơi con gái thủy thần trú ẩn.

Tôi xuống sân nhà thờ trong sự hân hoan của toàn xứ đạo. Tôi thấy xây xẩm, bải hoải toàn thân. Tôi nằm sấp xuống bậc đá ngất đi. Tôi thấy hồn tôi nhẹ như sợi khói. Hồn tôi bay là trên các bậc thềm nhà thờ, trên các mái gianh, mái rạ, trên các ngõ nhỏ, trên các vườn chuối. Hồn tôi bay trên các cánh đồng khô nẻ... Tôi không biết mọi người đưa tôi về nhà từ khi nào nữa.

Nghỉ ngơi dăm hôm, tôi lại lên đường. Tôi mặc bộ quần áo nâu nhuộm vỏ, giắt bên lưng con dao nhọn lưỡi. Cả nhà cô Phụng lưu luyến tiễn đưa tôi. Ông trùm xứ đạo, bà Maria, cô Thủy, cô



Liên tiễn đưa tôi đến cuối vườn chuối thì dừng lại. bà Maria quàng vào cổ tôi sợi dây đeo thánh giá rồi làm dấu trên ngực tôi. Cô Phụng đưa tiễn tôi thêm một quãng ngắn nữa. Cô Phụng bảo tôi: "Anh Chương này, thế anh đi thật à?". Tôi gật đầu, tôi bảo: "Thôi em về đi. Em nhớ cầu nguyện cho anh". Cô Phụng gục đầu vào ngực tôi nức nở: "Thôi anh đi đi, chân cứng đá mềm, em chẳng giữ được... Xin anh nương nhẹ thân mình, dầu chỉ để cho em đỡ khổ".

Tôi vùng đi như bỏ chạy. Trước mặt tôi là dòng sông. Sông chảy ra biển, biển rộng vô cùng. Tôi chưa biết biển... Thế mà tôi sống nửa cuộc đời rồi đấy. Thời gian cũng thao thiết trôi. Chỉ ít năm nữa đến năm 2000...

Tôi cứ đi... Phía trước mặt tôi còn biết bao điều bất ngờ chờ đợi. Nàng là ai? Con gái thủy thần? Nàng ở đâu? Con gái thủy thần? Là tình chi? Con gái thủy thần? Để tôi mượn màu son phấn ra đi..

## TRUYỆN THỨ BA

*"Giang hồ còn lại mình tôi*

*Quê người đắng khói, quê người cay men..."*

Nguyễn Bính

Kể từ ngày tôi rời xóm đạo bên sông ra đi, thoát cái thế mà đã mấy năm ròng. Không biết bao nhiêu sự việc qua đi, không biết bao nhiêu người tôi gặp gỡ, gặp gỡ rồi lại chia tay..., không biết bao nhiêu vui buồn, đắng cay cũng có, ngọt bùi... - ồ mà sao vị ngọt bùi cũng nhạt vấy à? - mà ngọt bùi cũng có...

Tôi đã yêu, đã được yêu. Tôi cũng đã chạy trốn nhiều lần.

"Chương này! Không phải thế, vẫn không phải thế!"

Tôi đã sống nhiều nơi, làm nhiều việc. "Chương này! Không phải thế, vẫn không phải thế!".

Tôi nhớ khi tôi lên mười tuổi, lúc ấy chuyện về Mẹ Cả đang ồn ào cả lên, sáng sớm tôi thường hay đi dọc bãi cát bên sông,



thầm ao ước trông thấy hình ảnh siêu phàm. Sương mù giăng giăng trên mặt sông. Khi nắng lên, sương tan ra, sương tan ra rồi bay lên như khói, như mây. Mặt sông lộ rõ, ngái ngủ và then thùng. Sóng vỗ bờ; đẩy xác những con phù du, những con vờ đến tận chân tôi. ấy là cảm giác về lẽ thường, lẽ vô thường lần đầu tìm đến rón rén thăm dò tâm hồn tôi. Tôi không biết, tôi không hề để ý đến chúng. Tôi còn quá trẻ! Lúc ấy, sự mất mát, sự vô nghĩa, lần ý thức về thời gian biến dịch không khiến tôi phải bận lòng.

Tôi đi dọc bãi cát bên sông. Tôi nhìn thấy một hố cát lõm ngay trên mép nước. Tôi hình dung đêm qua con gái thủy thần đã nghỉ ở đây. Nàng nói chuyện với sóng. Sóng khóa lấp thân nàng. Nàng nằm nghiêng, co người lại, đầu gối sát cằm. Nàng thủ thủ với sóng. Nàng nói : "Này sóng! Thôi đừng đùa, đừng ngốc nữa..."

Tôi đi... Thời tôi đang sống là thời khó khăn gian khổ. Chiến tranh đã qua, mọi người bắt đầu xây dựng lại cuộc sống mới. Những vết thương cũ khép dần miệng lại, lên da non. Người ta rồi rít tìm kiếm việc làm, kiếm tìm hy vọng. Làn sóng người từ nông thôn tràn ra thành phố nhiều vô kể, hợp thành một tầng lớp "dân phiêu tán". Tôi đi lẫn trong đám người này, lòng thắc thỏm lo âu cho số phận mình, cũng là số phận của một ít nông dân hoặc cùng quần hoặc nhiều khao khát và ảo tưởng nhất.

Con sông quê hương lặng lẽ, rặng tre đầu xóm, bức tường đá ong rêu phủ, bóng mẹ liêu xiêu in trong nắng chiều.

Tôi đi... Tôi muốn xem phía trước có gì.

Tôi đi... Tôi đã khao khát tình yêu đến như thế nào, như thế người đi trong sa mạc khao khát nước! ở đó lẫn lộn rất nhiều mơ ước xen vào : đấy là hạnh phúc, giọt nước mắt, sự ấm êm, những chân trời, chân trời và mặt biển rộng xa vời, một góc nhỏ trong vườn, một ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng... ô, rất nhiều thứ đấy! Mẹ Cả của tôi, ảnh hình của một điều gì đó hơn cả người con gái, hơn cả người đàn bà. Nó là ảnh hình của một nửa thế giới bên trên hoặc bên dưới tôi, của thượng giới và trần gian. Con gái thủy thần! Nàng ở đâu? Nàng bận việc gì? Sao nàng không đến cùng tôi mà nàng chỉ gửi những tin sứ của nàng đến như cơn mưa kia bất chợt, như chiếc hôn vội vàng kia bất chợt xót xa tê tái tận đáy lòng...

Thôi thôi... Tôi đã nhục nhã, dè hèn đến như thế nào. Ở đâu chứ? Từ đâu chứ? Vì cái gì? Mà Chương ơi, nỗi cô đơn và sự bất lực

của mi nào ai thấu được ngoài mi? Ai đã làm chi? Mà mi đã làm chi? Bởi cái tình chi?

Nào! Tôi phải nhận rằng trong khát vọng tìm kiếm cuộc sống của tôi hẳn có ẩn chứa một con quỷ dữ đã thiếp ngủ có lẽ hàng thế kỷ. Nó ngấm ngấm đôi chút về tôn giáo, về bản chất con người chẳng qua cũng chỉ nhằm để đối chiếu và làm sắc nhọn thêm bản lĩnh quỷ dữ của nó mà thôi. Nó vừa ngô nghê, vừa không ngoan, vừa nhanh nhẹn. Nó đa nghi như Tào Tháo. Nó hiểu thời cuộc... A... Nó hiểu những cơ hội ít ỏi của mình. Nó sục sạo, tìm kiếm. Nó phản bội trái tim tôi. Nó giết chết những khát vọng mong muốn cao thượng tử tế trong tôi để duy trì cuộc sống chính nó, trong xác thân phàm tục này. Tôi đã nhiều lần bắt gặp nó trong tiềm thức mơ hồ của tôi. Khi tôi phải che mặt, phải ê chề, khi tôi chạy trốn, nhục nhã, tủi hổ... nó ngồi trong góc tâm hồn và khe khẽ hát bài ca của mình, lạnh lùng, giễu cợt. Nó biết tất cả điều ấy chỉ là ước lệ, không chính xác bao nhiêu, độ bền vững thấp, do ai đó đặt ra trong tình thế bắt buộc, khi không hiểu gì lắm về đời. Kẻ đặt ra nó sẽ rối trí, sẽ xấu hổ khi y chán đời, khi y thất bại, nghĩa là khi ấy y đã không còn nhiều cơ hội nữa trong đời. Tôi biết chắc chắn thế mà. Tôi biết chắc chắn thế...

Tôi đi... Hôm qua mưa. Hôm nay nắng đẹp. Ngày mai nắng. Tôi là Chương. Tôi đi, tôi đang đi...

Cách đây không lâu, tôi đến làm thuê cho một gia đình người ở thành phố. Chủ nhà là một người giàu. Ngôi biệt thự đã xây xong, bây giờ xây thêm một bức tường chắn bên ngoài. Tôi đến nhận việc cùng với năm người khác nữa, trong đó có một cô gái tên là Mây, người Mường Hòa Bình.

Làm được ba ngày, đến buổi trưa thì Mây đến gần bảo tôi: "Anh Chương này, bà chủ nhà bảo tôi mời anh lên nhà".

Tôi bước vào phòng khách. Căn phòng rộng, trải thảm, đồ đạc cầu kỳ. Trên tường treo bức tranh thảm dệt hai con ngựa đang âu yếm nhau. Tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ treo tường sột ruột và mờ ám. Tôi nghĩ... Nếu là nơi ở của tôi thì sẽ là cửa ra vào nhỏ và cửa sổ rộng, không trang trí gì và ngoài kia là bãi cỏ xanh với cánh rừng.

Tôi chờ một lúc lâu thì có tiếng gọi mời tôi lên gác. Cô chủ trạc 32 tuổi, xinh đẹp, nằm ở trên giường.

Cô chủ bảo tôi : "Anh vào đây...". Tôi bước vào phòng. Cô chủ bảo tôi: "Anh ngồi xuống đi... Tôi tên là Phượng. Còn anh, anh tên là gì?". Tôi bảo: "Tôi là Chương, con ông Hùng". Cô Phượng cười: "Anh ngồi xuống đi, tên anh không có ý nghĩa gì với tôi. Anh hãy nhìn xem. Tôi có đẹp không?": Tôi bảo: "Đẹp". Cô Phượng cười: "Anh vội vàng quá. Anh chưa biết thế nào là đẹp hay xấu nơi người đàn bà. Anh thấy tôi giàu, anh tưởng tôi đẹp. Anh thấy tôi học thức, anh tưởng tôi đẹp. Không phải thế! Nếu tôi đẹp, tôi phải nhìn thấy trong ánh mắt anh chút khoát có những khao khát dục vọng". Tôi cười buồn bã, không biết trả lời ra sao. Cô Phượng bảo: "Anh là người làm thuê, anh là dân đen. Phải không nào?" Tôi bảo: "Phải". Cô Phượng bảo : "Như thế nghĩ là anh không có gì cả. Anh là kẻ yếu". Tôi bảo: "Xin cô đừng sỉ nhục tôi". Cô Phượng bảo: "Tôi không sỉ nhục anh. Tôi chỉ nói ra một sự thật. Anh không có của cải, không có sở hữu cá nhân, anh không có quyền sĩ diện, không nên tự ái, không nên phản kháng".

Tôi im lặng, tôi không hiểu lắm về những người giàu tiền và có học thức. Tôi thấy họ bí hiểm, họ giỏi giang, họ nguy hiểm. Thế thôi! Cô chủ của tôi muốn sức lao động của tôi? Muốn gì? Muốn tâm hồn tôi? Mãi đến sau này tôi mới biết rằng trong tôi cũng có đôi điều giá trị và cũng không ít rác rưởi thói tha. Tôi phải trả giá cho bài học ấy của mình. Nhưng đây là về sau, về sau này...

Rồi Phượng và tôi cùng hiểu ý nhau. Tôi lên giường nằm. Cô Phượng bảo: "Anh hấp tấp và vội vàng! Chẳng qua anh là một con thú yếu. Những con thú yếu hiểu tình yêu như công việc, như đi cày. Thái độ của họ đối với cuộc sống cũng đều như vậy. Hoàn toàn không phải thế! Cuộc sống là một quá trình suy đồi, quá trình hưởng thụ. Có thể thôi!". Tôi gầm gừ như sư tử. Cô Phượng bảo: "Anh im đi... đừng có gầm gừ. Sư tử cũng chỉ là một con thú đáng thương, nó sợ những con sư tử khác... Anh yên tâm đi, bố chồng tôi chết rồi, chồng tôi không có ở nhà!". Tôi cười như mếu. Tôi tiếc là mình ít học vấn quá, không tranh cãi được, không hiểu tý gì. Tôi xúc động.

Tất cả bí mật của vũ trụ, xã hội, công danh, tiền bạc, nghệ thuật... - Cô Phượng bảo tôi - là ở chuyện này. Bọn đàn ông các anh loanh quanh vì các anh sợ hãi. Các anh không dám đâm mē. Trật tự phụ quyền được đặt ra là một thứ trật tự đầy rẫy bạo lực, dối trá, chủ yếu không phải phục vụ con người mà là dùng để ngăn

chặn thú tính trong bọn đàn ông với nhau. Anh có hiểu không?". Tôi bảo : "Không". Phượng bảo: "Anh mặc áo quần vào rồi cút đi!

Tôi xấu hổ bỏ ra ngoài. Tôi không thích làm việc này. Tôi về chỗ ở của tôi trong khu nhà tạm góc vườn. Tôi ngủ. Trong mơ tôi thấy tôi đi lạc vào một lòng suối khô cạn. Tôi đi ngược lên mãi. Hai bên đường đ là vách đá dựng đứng như đường lên trời. Tôi mơ thấy con gái thủy thần. Nàng hiện ra trong ánh sáng mờ mờ huyền ảo. Nàng không hùng biện. Nàng chỉ buồn rầu.

Tôi ở nhà cô Phượng mấy tháng ròng. Chồng cô Phượng vắng nhà, đang ở nước ngoài, mấy đứa con đi học suốt ngày. Cô Phượng có cách nghĩ về tình yêu khá lạ lùng: "Tôi thường thức anh, tôi nhắm anh. - Cô Phượng bảo tôi. - Như thể người ta nhắm một món ăn".

Cô Phượng bảo tôi : "Đàn ông các anh tùy tiện đặt ra luật pháp. Cả chồng tôi nữa. Họ có bà Cả, Bà Hai. Họ hưởng lạc giấu giếm... Anh là ông Hai của tôi, anh có thích không?". Tôi bảo : "Cũng thích". Cô Phượng bảo: "Tôi thích bản chất hồn nhiên man rợ của anh. Nó vô học, vô đạo nhưng lành mạnh".

Cô Phượng giới thiệu tôi cho các bạn gái của cô. Họ đều xinh đẹp, sồn sồn, có học thức, giàu có. Những điều họ nói trong phòng ngủ khác hẳn những điều tôi vẫn được nghe khi tôi còn ở quê nhà, khi tôi đi học hoặc đi kiếm sống ngoài đời.

Cô Phượng bảo tôi: "Khi ngủ với anh, những người phụ nữ khác có kêu lên không?". Tôi bảo: "Có đôi người". Cô Phượng cười : "Những tiếng kêu ấy chính là ngôn ngữ nguyên thủy, tinh khiết. Nó trong sáng hơn mọi thứ tiếng ru, thơ phú và nhạc nhã. Tôi luôn cảm thấy những tiếng kêu ấy tựa như tiếng kêu của người tiền sử trong hang động...". Tôi ngẫm nghĩ, tôi thấy có lý nhưng tôi không kêu.

Tôi kể cho cô Phượng và những bạn gái của cô nghe về quang cảnh làng tôi bên sông. Nhà tôi nghèo, trông ra làng nước cũng nghèo. Mùa lũ về, tôi hay bơi ra bãi Nổi trên sông vớt củi. Dòng sông đỏ quạch phù sa. Những cành củi trôi phăng phăng. Những xoáy nước hút chổng mặt. Những con cung quăng chạy nhẩy điên cuồng, vô số xác những đàn phù du, xác những đàn vờ chết rất thân nhiên, trắng xóa trên bờ. Chúng không bắn khoản gì về đạo đức. Chúng không hùng biện.

Cô Phượng hỏi: "Anh thích thế à?". Tôi bảo: "Cũng thích". Cô Phượng bảo: "Tôi thấy không ý nghĩa gì. Anh phải biết rằng cuộc sống là rất rộng lớn".

Tôi không trả lời. Tôi thấy cuộc sống của tôi và những người dân quê tôi đơn giản bình thường không phải đặt ra qua nhiều câu hỏi. Chúng tôi sống, lớn lên, hàng trăm ngàn vạn thế hệ nối nhau, quanh quẩn chuyện làm ăn, gia đình, tôn giáo, nhà cửa, dục vọng.

Tôi bảo: "chỉ có nỗi buồn là vĩnh cửu". Cô Phượng bảo: "Có thể... nhưng anh đừng khẳng định". Tôi hình dung ra xác những con phù du, những con vờ bị sóng đánh tạt vào bờ. Tôi chợt nhận ra con người phải lùi rất xa mới gạn lọc được đôi chút dấu vết giá trị văn minh, giống như hôm nay ta xúc động bởi một câu Kiều, bởi một pho tượng Chăm, bởi một dấu vân tay trên bình gốm cổ... Hàng tỉ những con phù du, những con vờ chết đi không để lại một dấu vết gì.

"Cảm giác thôi. - Cô Phượng bảo tôi. - Đàn bà chúng tôi chỉ tin ở cảm giác, mà cảm giác nghĩa là nhầm lẫn và tạm bợ".

Tôi rất ít có thì giờ để nghĩ ngợi những điều khó hiểu như thế. So với mọi người thì tôi chẳng có gì cả. Tôi không có tiền bạc, công danh, không có gia đình để yêu thương lo nghĩ, không có bạn bè... Ngay cả giấy tờ tùy thân cũng không có nốt. Tôi là con số không. Tôi vui một mình, buồn bã một mình, mơ mộng một mình... Tôi chỉ có con gái thủy thần chờ đợi...

"Thế là anh sướng". - Cô Phượng bảo tôi.

Tôi cười thâm... Tôi nhớ lại những gì mình đã trải qua trong đời. Đám trẻ trần truồng ngồi ở bên sông, nấp trong rừng mía. Chúng tôi nói chuyện cao siêu về người Nga, người Mỹ làm bom nguyên tử, chuyện bà Mạnh Tử dạy con, chuyện người ta câu được một con cá voi, nhưng khi lôi được vào bờ chỉ còn có mỗi bộ xương... Thế đấy, những chuyện trẻ con, những chuyện động trời...

Cô Phượng bảo tôi: "Này Chương! Anh đang nghĩ gì?" Tôi bảo: "Trên nền nhà gạch đá hoa thì rất khó đi...". Cô Phượng bảo: "Chồng tôi cũng nói như thế. Anh ta trách tôi không biết đi lại trong nhà, không có cử chỉ linh hoạt và chỉ biết đi từng bước một như đếm...".

Cô Phượng nói năng như trên sân khấu. Tôi nhớ chiếc chòi canh mà khi tôi còn làm bảo vệ ở quê. Đêm trăng sông, tôi ngồi



chống cằm, mắt nhìn lên những ngôi sao xa xăm. Một ánh mắt vô hình từ trong khoảng không sâu thẳm ở giữa bầu trời bao la đang theo dõi theo tôi. Tôi biết chắc chắn có ánh mắt ấy. Điều ấy khiến tôi xúc động. Sau này tôi gán cho nàng, cho Mẹ Cả, cho con gái thủy thần, cho người đàn bà vẫn chờ đợi tôi ở nơi xa xăm, mãi tận đâu đâu. Tôi biết, nàng vẫn hy vọng và đấy chính là chỗ dựa cuối cùng cho sự cô đơn hoang vắng ở trong lòng tôi. Tôi đã sống qua rất nhiều lễ thường: những lần đánh nhau với bọn phàm phu, làm việc không công cho người nghèo khó, nhả nhớt cột dừa với lũ du côn... ánh mắt vô hình vẫn theo dõi tôi hoài hoài. Nàng vẫn thủ thi trong đêm. Nàng nói: "Này Chương, vẫn không phải đường ra biển..."

Cô Phượng bảo tôi: "Có lẽ ở thế hệ trước thì cha anh tôi cũng giống như anh bây giờ. Họ mang lại đủ thứ cho chúng tôi".

Tôi nằm im. Tôi không biết rõ những điều cô Phượng nói. Điều gì làm cho người ta khao khát ham sống? Tôi hỏi cô Phượng điều này. Cô Phượng trả lời: "Ăn ngon, lời tâng bốc và sex. Anh còn thêm gì nữa thì tùy".

Những ngày ở nhà cô Phượng khiến tôi suy sụp. Tôi kiệt sức. Tôi hoa mắt, chóng mặt. Ngày xưa tôi đi đào đất cũng không vất vả như thế này. Điều kinh khủng nhất là những chuyện mà người đàn bà rót vào tâm hồn tôi. Tại sao cuộc sống lại nhiều trói buộc như thế?

Khi chồng cô Phượng về nhà được mấy hôm thì tôi bị đuổi việc. Tối hôm ấy, tôi nằm trong xó ở khu nhà tạm. Thân thể tôi đau nhức, lưng đau tưởng như gãy gập, cổ họng rất khô. Nửa đêm, có tiếng kẹt cửa rồi Mây mang vào cho tôi một bát cháo nóng.

Mây hỏi tôi: "Anh Chương! Anh bị sốt à?. Tôi bảo. "Không". Mây bảo: "Anh Chương này, tối nay tôi phải lên hầu ông chủ. Tôi không thể từ chối vì món tiền ông ta cho tôi quá lớn.... Tôi không muốn dành sự trong trắng của tôi cho người khác... Tôi muốn anh... Anh giúp tôi đi...". Mây đưa tay cởi cúc áo ngực của tôi. Trong bóng tối mờ mờ, Mây quay người lại, tôi cảm thấy tấm lưng trần quấy ở trước mặt, ánh sáng trắng bên ngoài chiếu vào trông thật kinh dị nhưng đẹp lắm. Tôi chợt nhớ đến Mẹ Cả, đến con gái thủy thần. Lòng tôi nhói lên cảm giác đau đớn xót xa.



Tôi nghe như có tiếng khóc từ nơi xa xăm vọng lại, như từ nơi hoang mạc đưa tới. Nước mắt của tôi và Mây hòa quện vào nhau ướt đầm trên hai khuôn mặt.

Mây giằng ra khỏi tôi thất vọng: "Này Chương! Anh bất lực à?". Tôi úp mặt khóc thầm, xấu hổ, ê chề. Mây đứng dậy bảo tôi: "Em hiểu, cái số của em nó thế... Anh đừng buồn, đừng khóc nữa... Những người ở trên nhà kia họ được tất cả... Anh Chương, xin anh bảo trọng thân mình, dấu chỉ để cho em đỡ khổ...".

Sớm hôm sau, tôi bỏ đi rồi khỏi thành phố. Tôi không có ai để chào từ biệt.

Tôi cứ đi, đi mãi... Trước mặt tôi là dòng sông thao thiết. Sông chảy ra biển. Biển rộng vô cùng. Tôi chưa biết biển... Tôi chưa biết biển... Mà tôi sống nửa cuộc đời rồi đấy. Chỉ vài năm nữa đến năm 2000.

Con gái thủy thần! Nàng ở đâu? Nàng ở chỗ nào? Vì cái gì? Bởi cái gì? Để tôi mượn màu son phấn ra đi...

Hà Nội, tháng 4-1988

## NHỮNG NGƯỜI THỢ XẺ

*Kéo cưa lừa xẻ*

*Ông thợ nào khỏe*

*Thì ăn cơm vua*

*Ông thợ nào thua*

*Thì về bú tí...*

Ít năm trước đây, tôi theo một toán thợ xẻ lên miền ngược kiếm ăn. Chúng tôi có năm người, do anh họ tôi tên là Bường đứng ra làm cai. Bường là một tay anh chị khét tiếng. Trước kia Bường đi bộ đội, ở một đơn vị đặc công thủy. Năm 1975, anh dấy dưa vào một vụ trộm phân đạm ở huyện, bị tù ba năm. Ra tù, Bường chẳng chịu làm ăn gì, mở một quán rượu thịt chó nhưng được hơn một năm thì phá sản. Thời gian Bường mở quán, trong làng tôi nhiều nhà bị mất trộm chó hết sức thần tình. Có nhà, dù chó đã được đóng cũi, cũi lại để trong buồng, buồng lại khóa, thế mà vẫn mất. Ủy ban xã ngờ Bường là thủ phạm các vụ trộm này nhưng không có bằng chứng nên anh vẫn vô can. Sau này, vì thua bạc, chán đời, Bường phóng hỏa đốt quán. Ít lâu sau Bường chuyển sang nghề buôn cây. Nhà nào có cây nhãn, cây mít, cây hồng xiêm... mới ra hoa anh đã đến đặt tiền cọc mua trước. Được hai năm, anh bỏ đi buôn bè trên mạn ngược. Lần này, Bường về lập một toán thợ xẻ theo anh lên rừng kiếm ăn. Bường biết, ở miền núi, nghề thợ xẻ là nghề rất có triển vọng.

Trong toán thợ chúng tôi có hai anh em sinh đôi là Biên và Biền, đều mười bảy tuổi, khỏe như trâu mộng. Anh Bường và tôi họ Đặng, còn Biên và Biền họ Hoàng, nhưng chẳng biết quan hệ họ hàng thế nào mà Biên và Biền gọi anh Bường là bá, còn gọi tôi là ông trẻ. Biên và Biền là con ông Hai Dung. Ông Hai Dung là thầy dạy võ trong môn phái Thiếu Lâm Hồng Gia ở quê tôi. Trước, tôi có theo học ông Hai Dung hai năm. Tôi thuộc thế hệ đàn anh của Biên và Biền. Trong toán thợ, ngoài bốn anh em còn có cu

Dĩnh là con thứ hai anh Bường, thằng bé mười bốn tuổi, đi theo chúng tôi để hầu cơm nước.

Tôi là một thanh niên khỏe mạnh. Tôi học xong đại học, do thi trượt tốt nghiệp nên phải ở nhà, để đợi năm sau thi lại. Nhà tôi đông anh em, bố mẹ tôi sinh được những chín người con. Các anh chị đều làm ruộng, ai cũng chân chỉ hạt bột, chỉ có tôi ngỗ ngược hơn cả.

Anh Bường bảo bố mẹ tôi: “Thằng Ngọc (Ngọc là tên tôi) có máu giang hồ, sao Tử vi đóng ở cung Di, ra ngoài thì Tả phù, Hữu bật, ở nhà chỉ ngộ độc mà chết, chú thím thương nó thì cho nó lên rừng với tôi một chuyến”. Bố tôi bảo: “Tôi chỉ sợ nó làm lỡ việc của anh”. Anh Bường cười khà: “Lỡ việc, tôi đánh bỏ mẹ. Giang hồ có luật giang hồ. Chú thím cho nó đi với tôi, vừa đỡ tốn cơm nhà, vừa có tiền, một năm sau tôi trả nó về nguyên vẹn là được chứ gì?” Bố tôi bảo: “Hỏi nó xem”. Anh Bường bảo tôi: “Đi chứ? ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn?” Tôi bảo: “Đi thì đi, nhưng. anh đánh tôi là tôi đánh lại đấy” Anh Bường cười nhạt: “Được rồi. Anh em họ hàng đối xử với nhau phải nhũn nhặn chứ?”

Ăn tết Nguyên đán xong được mười ngày thì chúng tôi lên đường. Hôm đi, chị Bường làm cơm.

Năm người chúng tôi, ai cũng hăng hái. Thức ăn chẳng có gì: một đĩa lòng lợn, một đĩa dưa muối với hai bát khoai tây nấu cổ cánh gà. Đĩa thịt gà lèo tèo ít miếng xương xấu vì bao nhiêu miếng nạc chị Bường phải lọc ra để làm thức ăn cho bố anh Bường đang ốm nặng bệnh viện.

Anh Bường bảo: “Chúng mày thông cảm. Tao cũng muốn ra quân cho oai nhưng ngặt nhà nghèo quá. Bằng ngày này sang năm, ngồi ở đây, tao xin hứa mỗi thằng một con gà tần”.

Chúng tôi ăn uống xong thì lên đường. Mỗi người một ba lô con cóc đeo vai đựng gạo, đựng quần áo. Cu Dĩnh thì đeo nồi xoong bát đĩa. Dụng cụ có hai bộ cửa xẻ, mấy cái choòng, mấy ái dũa, ngoài ra chẳng có gì cả.

Chị Bường dắt theo ba đứa con đưa tiễn chúng tôi. Anh Bường bảo: “Thôi mẹ đi về đi, bảo vệ an toàn cái hĩm, chờ tới một năm sau tới về”. Chị Bường nửa cười nửa khóc: “Đồ phải gió! ở trên ấy nước độc lắm đấy! Đừng có tắm đêm mà ngã nước đấy! “ Anh Bường bảo: “Nhớ rồi! Khổ lắm! Đêm ai lại đi tắm nước lã bao giờ?

Thôi về đi! Thương anh giấu ở trong lòng. Xin em chớ có lòng thông với ai”.

Chị Bằng bảo “Các con chào bố đi”. Ba đưa con anh Bằng líu ríu: “Con chào bố”. Anh Bằng bảo: “Vâng! Chào các ông các bà! Các ông các bà ăn no ngủ khỏe. Bố phải xa mẹ lăn lóc trên đường”. Chị Bằng bảo: “Dĩn ơi, con nấu cơm, nhớ đổ nước thì đo một đốt rười tay là vừa đấy”. Cu Dĩn bảo: “Con nhớ rồi. Ở nhà mẹ đừng đánh em Tín nhé. Con có mấy trăm đồng giấu đằng sau cái gương, mẹ cứ lấy mà tiêu”. Anh Bằng bảo: “Đủ rồi đấy, các nhà tình cảm chủ nghĩa ạ. Cứ thế này văn học nước ta chảy nước ra mất”.

Chúng tôi đến Hà Nội tìm bến xe đi Tây Bắc. Anh Bằng có vẻ rất thạo. Biên, Biên và cu Dĩn lần đầu mới được đi xa nên thấy cái gì cũng lạ. Anh Bằng bảo: “Chúng mày cẩn thận. Ở Hà Nội ăn cắp như rươi. Nó thỉnh mất bộ cửa thì ăn mày đấy”. Đường đi Tây Bắc lắm dốc đèo. Biên và Biên bị say ô tô, nôn cả ra mặt xanh, mặt vàng. Hai ngày liền ngồi xe, tôi cũng lử lả cả người.

Xuống xe, chúng tôi ăn uống qua quýt, nghỉ ngơi ở thị trấn H. một buổi rồi theo anh Bằng vào sâu trong vùng núi thuộc đất của đội Bình Minh nông trường X. Hai bên bạt ngàn là ngô và bông. Những dãy núi đá vôi trập trùng cao ngất. Chúng tôi đi men ở dưới chân núi, vừa bé nhỏ, vừa cô đơn, lại liêu linh, mà bất lực, thậm chí vô nghĩa nữa. Bạt ngàn là hoa ban trắng, màu trắng đến là khắc khoải, nao lòng. Đây hoa ban, một nghìn năm trước thì mày có trắng thế không?

Anh Bằng bảo: “Cái thằng nào nghĩ ra cái tên Bình Minh ở đất khỉ ho cò gáy này thật là một thằng bịp bợm khôn nạn”. Lại bảo: “Cái tên hiệu nó ghê lắm nhé. Vùng ma thiêng nước độc thì tên là Tương Lai, Bình Minh, Tân Lập, Đoàn Kết, Tự Cường! Kêu cứ như chuông! Mấy thằng bán quán, khách vào thì chém cổ lại đặt tên là Bình Dân với Thanh Lịch! Còn mấy thằng bán thuốc bắc nạo thai con gái lại đặt tên là Hồi Xuân với Cứu Thế! Văn học nước mình rôm rả thật!”

Chúng tôi cười, vừa đi vừa nói chuyện lan man. Khoảng gần tối, chúng tôi gặp một cặp vợ chồng đang đẩy một xe củi, người vợ cầm cày xe, còn anh chồng đẩy phía đằng sau. Anh chồng đeo kính, ra dáng trí thức, cô vợ thon thả, trắng trẻo, trông rất dễ mến. Anh Bằng ngỏ lời:

*“Thạch Sanh đón củi trên rừng.*

*Để nàng công chúa kéo càng lệch vai”.*

Cô vợ đáo để, dừng xe lại ngay: “Có thương thì đẩy giúp, chứ làm thơ thì công chúa chẳng cần!” Anh Bường cười khà: “Khá lắm! Chú Biền, chú giúp cô ấy một tay. Xin lỗi hai bác, hai bác về đâu mà đến giờ này vẫn còn vất vả thế này?” Cô vợ bảo: “Chúng em về đội Bình Minh. Các bác đi xê ở đâu thế” Anh Bường bảo: “Nào đã biết xê ở đâu? Tối nay còn chẳng biết ngủ ở đâu nữa là”. Anh chồng xởi lởi: “Hay các bác về nhà chúng tôi? Nhà chỉ có mỗi hai vợ chồng son, cũng rộng rãi. Biền cầm càng xe, chúng tôi đẩy phía đằng sau. Cả bọn vừa đi vừa nói chuyện. Anh chồng cho biết tên là Chỉnh, là bác sĩ ở bệnh viện nông trường, còn cô vợ tên là Thục, là giáo viên cấp hai. Hai vợ chồng có nhà ở đội Bình Minh, lấy nhau được hơn năm nay nhưng chưa có con. Hai người đều quê ở Hà Nam Ninh.

Ăn cơm xong, chúng tôi ngồi nói chuyện phiếm. Anh Chỉnh bảo: “Trong Tạ Khoang có cây chò chỉ bị đổ, ông Thuyết phó giám đốc nông trường xin xê làm nhà, các bác đến hỏi thì có việc đấy”. Chị Thục bảo: “Dào ôi, xê cho cái lão người khu Bốn ấy thì ăn cứt sắt, lão ấy keo kiệt lắm”. Anh Bường bảo: “Chó ngựa thì có chọn chủ bao giờ. Bà chị ơi, bà chị có thương chúng em là loài súc vật thì mách đường đi đến nhà ông Thuyết ấy”. Chị Thục bảo: “Đi thì đi. Cách đây dăm nhà chứ mấy”. Anh Bường đi theo chị Thục, lát sau về bảo: “Mai quân ta kéo vào Tạ Khoang”. Chị Thục bảo: “Em chịu bác Bường, bác nhũn thật đấy. Anh Chỉnh này, có ai công xê gỗ rừng lại đi tính như công thợ mộc mướp của nông trường không? Thợ nông trường còn có gạo cấp, các bác là dân tự do lấy gì mà ăn?” Anh Bường bảo: “Bí kế phải nhận thôi, tôi cũng chẳng nhũn gì đâu. Kéo cửa lừa xê mà...” Chị Thục bảo: “Dân khu Bốn ghê thật. Gì thì gì, cái đất cần nó làm ti tiện con người đến sợ. Ngồi nói chuyện, chủ nhà không mời được hớp nước nóng”. Anh Chỉnh bảo: “Cô thành kiến lắm. Người ta chỉ xét gốc tích quê quán của bọn người thường, ở bậc cao nhân điều ấy có quan trọng gì”.

Chị Thục cười nhạt: “Ông Thuyết là cao nhân chắc?”. Anh Chỉnh bảo: “Gì thì gì, đã làm đến phó giám đốc nông trường thì đừng có bĩ người ta”. Chị Thục bảo: “Vâng, anh thì lấy lễ làm trọng”. Anh Bường bảo: “Tay ấy cũng cao nhân đấy, bà chị ạ. Hắn nói chuyện với mình hệt như nói với thằng Không, thế là hắn cũng đắc đạo. Hắn có cho em cái hắn một câu nào đâu?” Chị Thục phì cười: “Đạo gì mà đạo lạ thế?” Anh Bường bảo: “Nước ta lắm đạo

lắm. Trong miền Nam có đạo thờ cả ông Quan Công, lẫn ông Victo Huygô thì mới quái dị”. Chị Thục bảo. “Thế thì tôi biết ông Thuyết thờ đạo gì rồi”. Anh Bường cười tủm: “Em cũng biết”.

Sáng hôm sau, chúng tôi dậy sớm nấu cơm ăn rồi đi gặp ông Thuyết, Chị Thục bảo: “Tôi thấy các bác nấu canh sông, cầm lấy gói mì chính mang đi chế vào cho nó có chất”. Anh Bường giãy nảy không nhận. Chị Thục bảo: “Các bác khinh vợ chồng em, lần sau đừng có qua đây nhé”. Anh Bường phải nhận. Anh Bường bảo: “Chúng em cảm ơn”. Rồi thở dài: “Nghĩa này phải trả đây”. Anh Chinh cười: “Bố thợ xẻ. này khó chơi thật. Bố cứ kỹ tính thế thì chóng già đấy”.

Chúng tôi gặp ông Thuyết ở đầu ngõ. Tôi rùng mình vì trông thấy khuôn mặt ông ta: mặt đen mà tái như da ở bùi dái, lông mày rậm, răng vầu mà vàng như răng chó. Ông Thuyết bảo: “Đi bộ mất mấy cây số”. Nói xong đi liền, suốt chẳng đường chẳng nói năng gì.

Cây gỗ chò chỉ bị bão đánh bật gốc nằm vắt ngang suối cạn, dài phải đến ba mươi mét, vòng gốc phải bốn người ôm mới xuể. Ông Thuyết bảo: “Chơi được không?” Anh Bường bảo: “Ghê cả răng”. Ông Thuyết có vẻ khó chịu. Anh Bường bảo: “Chỗ này xa nhà nhỉ”. Ông Thuyết bảo: tở đây chỉ có gấu với khỉ thôi. Các bác làm lều mà ở. Chiều tôi cho người mang chăn chiếu đến. Tự túc, tự cường, làm việc thật lực nhé. Kịch cỡ phân khối tôi ghi cả trong tờ giấy này”. Ông Thuyết đưa cho anh Bường một tờ giấy kín đặc chữ. Anh Bường cầm lấy đưa cho tôi. Anh Bường bảo: “Thưa bác, nhờ chúng em bị chó sói ăn thịt thì sao?” ông Thuyết bảo: “Không có chó sói đâu. ở đây chỉ sợ rắn thôi. Các bác phải cẩn thận loại rắn màu xanh lục, nó chớp một phát là toi đời đấy”. Anh Bường cười nhạt: “Cảm ơn bác chỉ bảo. Thế mấy ngày bác cho đưa thức ăn một lần?” ông Thuyết bảo: “Cũng còn tùy, nhưng cứ yên tâm, tôi sẽ cung cấp đều. Tôi về nhé!” Anh Bường bảo: “Bác lại nhà. Cho em gửi lời cảm ơn bác gái với các cháu”.

Ông Thuyết đi, còn lại trơ trọi năm người chúng tôi giữa cánh rừng hoang. Anh Bường chửi: “Tiên sư đời, khốn nạn chưa! Các con ơi các con, các con đã biết đời là gì chưa?” Tôi bảo: “Cái ông Thuyết trông kinh nhỉ”. Anh Bường bảo: “Làm việc đi chúng mày! Thằng Biên thằng Biên chuẩn bị چرا! Tao với thằng Ngọc làm lán. Dính ơi, mày đi xung quanh đây xem chỗ nào có nước không?”



Chúng tôi bắt tay vào việc. Anh Bường chặt tre, đánh gianh, loáng cái là xong. Biên và Biên cưa khúc ngọn trước, xẻ ra mấy tấm ván làm phản nằm. Đến chập tối thì xong mọi việc. Cu Dĩnh đang nấu cơm thì thấy một cô gái gánh đồ lúng củng đến. Cô gái xưng tên là Quy, mười bảy tuổi, là con gái đầu của ông Thuyết. Quy trắng hồng, khuôn mặt trông rất dễ ưa. Anh Bường bảo: “Em ơi, bà chúa của anh ơi, em mang những gì cho các anh đây”. Quy bảo: “Thưa bác, bố cháu bảo mang cho các bác hai cái chân bông, năm cân thịt lợn, một chai nước mắm với hai chục cân gạo”. Anh Bường bảo: “Được rồi. Thế có mang cho các anh cái đèn không?” Quy bảo: “Thôi chết, cháu quên mất. Cháu tưởng các bác ở giữa rừng thì cần gì đèn.” Anh Bường bảo: “Sống dầu đèn, chết kèn trống. Tưởng gì mà tưởng lạ thế”. Quy bảo: “Thôi được, ngày mai cháu lại vào, cháu về đây”. Anh Bường bảo: “Sao lại về? Ngủ đây với các anh. Anh bảo thằng Ngọc kể chuyện trinh thám cho mà nghe”. Quy bảo: “Phải gió! Cháu về đây Trời sắp tối rồi”. Anh Bường bảo: “Ngọc! Tiễn cô bé một đoạn”.

Tôi đi theo cô gái. Tôi hỏi: “Em tên là Quy à? Tên hay nhỉ?” Quy cười: “Có gì đâu mà hay? Con gái tên là Quy vất vả lắm. Có người bảo em có cái tên rất chi là a dua”. Tôi bảo: “Cái tên ấy kể cũng lạ. Hình như cũng là một thứ thần trùng. Hồi tôi học đại học, những cô nào tên Quy đều nhạt thếch và bạc bẽo”. Quy ngạc nhiên: “Anh học đại học, sao còn đi làm thợ xẻ?” Tôi cười, học lối nói của anh Bường, tôi bảo: “Đấy là vì tình đấy, em ạ. Tình bao giờ cũng lung tung. Người ta chỉ xót nó khi nó buột khỏi tay thôi”. Quy bảo: “Anh nói hay nhỉ? Em chẳng hiểu gì”. Tôi bảo: “Em chẳng hiểu gì đâu”. Trong lòng tôi một nỗi căm giận vô cớ bỗng dưng vụt đến, khiến tôi đắng khô miệng lại. Tôi rít khe khẽ: “Chỉ có một anh thôi, còn lại là chúng nó”. Quy ngạc nhiên, hốt hoảng. Chúng tôi chia tay nhau như người dưng. Mà người dưng thật! Người dưng ơi người dưng, một triệu người tôi gặp trong đời có ai là máu của máu tôi? Là thịt của thịt tôi? Có ai sẽ sống vì tôi và chết vì tôi? Có ai không? Có ai là hoàng đế của tôi? Cũng là thần tử của tôi? Ai là tâm phúc với tôi? Là hy vọng của tôi? Cũng là địa ngục của tôi?

Tôi quay lại lán. Cả bọn ăn cơm thăm trong bóng tối. Anh Bường hỏi tôi: “Thế nào? Mày có hôn con gái tay Thuyết được cái nào không mà mặt mày u ám như mặt khỉ ấy?” Tôi cau: “Anh đừng đùa kiểu ấy”. Anh Bường bảo: “Thôi ông trí thức con ơi, các ông cứ đâu đâu về mặt đạo đức, điều ấy chỉ có lợi cho chính trị

thôi, còn đàn bà thì không có lợi gì cả”. Tôi ăn cơm mà thấy miếng cơm nhạt thếch. Tôi cắn tan cả một hòn sỏi trong miệng. Có gì đâu, hồi học đại học, tôi đã từng yêu và chịu đau đớn. Tôi sẽ kể lại việc này ở một đoạn khác. Ban đêm, sương xuống lạnh chúng tôi đốt một đồng lửa rồi chui vào chăn nằm. Nửa đêm, có một con hoẵng tác rất thảm thiết ở bên kia núi, tôi không sao ngủ được. Anh Bường thức dậy bảo: “Này công tử bột, nhớ nhà hả?” Tôi bảo: “Không. Con hoẵng nó kêu thương quá. Nó lạc mẹ hay sao hả anh?” Anh Bường bảo: “Mày không nên đa cảm như thế. Cuộc đời còn cực nhọc lắm con ạ. Chúng ta phải làm kiệt sức để chiêm miếng ăn, đa cảm làm yếu người đi. Ngày mai khối lượng công việc rất nặng. Mày mất ngủ vì một tiếng hoẵng kêu, điều ấy có hại vô cùng. Tao đưa mày lên rừng làm việc chứ không phải để mày tu dưỡng”. Tôi thở dài: “Hoẵng nó kêu suốt đêm... Bao giờ nó sẽ gặp mẹ... Anh cứ ngủ đi. Anh kệ em! Ngày mai em không làm mất việc đâu”. Anh Bường cau: “Thằng khỉ ạ, những nhạy cảm vô lối sẽ làm tan nát cuộc đời mày mất thôi. Làm gì có chuyện hoẵng đi tìm mẹ? Con ơi, đây là một con hoẵng cái truy lạc, nó đi tìm hoẵng đực. Vô phúc cho nó, vợ được một con hoẵng đực Sở Khanh. Con hoẵng đực này chơi bời nhiều quá. Hoẵng cái bị đổ bệnh. Đơn giản là như thế”.

Mãi mãi là như thế. Tất cả những tiếng kêu trong đêm đều là tiếng kêu bệnh hoạn của dục vọng suy đồi. Tình mẫu tử không bao giờ gào toáng lên thế. Tình mẫu tử là thứ nước mát chảy ngược vào lòng, nó bào tan nát ruột gan ra, hoặc nó biến thành máu để bắt cơ thể làm việc, buộc phải đẻ ra một sản phẩm vật chất cụ thể thiết thực, không hề phù phiếm”.

Tôi ngủ thiếp đi trong những chập chờn mộng mị. Tôi biết anh Bường không có khả năng lý giải gì về sự sống. Mà nói chung, không ai lý giải được gì về nó, cái sự sống vô cùng vô tận ấy. Hễ tối tăm và đói kém là nó sẽ tác âm lên.

Sáng hôm sau, cơm nước xong là chúng tôi vào việc. Biên với Biền một cặp. Tôi với anh Bường một cặp. Chúng tôi dùng cưa ngang cắt cây gỗ ra từng đoạn ngắn dài theo kích cỡ ông Thuyết định sẵn. Chò chỉ là loại gỗ rất cứng và giòn, cưa ngang thì dễ, xẻ dọc thì thật cực nhọc. Thân gỗ to, chúng tôi phải xẻ theo lối Thanh Hóa, tức là cứ để khúc gỗ ngang dưới đất mà xẻ chứ không kê kích gì cả. Không hiểu cây chò chỉ này ra sao mà nhựa gỗ rất cay, cả bốn chúng tôi ai cũng nước mắt nước mũi giàn giụa. Anh Bường

bảo: “Loại gỗ này vua Thủy Tề dùng làm nhà dưới nước, khó nhằn lắm. Mẹ khi, kiếp trước lũ chúng ta nợ thằng cha Thuyết một vạn quan đây”.

Theo giấy tờ ông Thuyết ghi sẵn, chúng tôi phải xẻ cái cột nhà 40x40x320, đây là chưa kể các cây quá giang với vì kèo. Anh Bường bảo: “Lão Thuyết này làm nhà kiểu gì mà lắm cột cái thế không biết? Hay là nhà sàn?” Buổi trưa có một anh công nhân nông trường đi kiểm củi qua chỗ chúng tôi Anh Bường nín lại nói chuyện. Anh Bường phàn nàn phải xẻ 36 cái cột nhà to tướng, anh công nhân cười: “Nhà năm gian trên này chỉ đến 12 cái cột là hết mức. Tay Thuyết này ranh lắm, chắc chắn hẳn xẻ để bán cho cánh lái xe dưới xuôi đây mà. Họ thích cột nhà bằng gỗ chò chỉ lắm”. Anh Bường bảo: “Ông anh này, phiền bác dụ cánh lái xe vào đây, bọn này sẽ bán trực tiếp, không cho tay Thuyết biết, có được không?” Anh công nhân bảo: “Được. nhưng có mầu không? “ Anh Bường bảo: “Dứt khoát chứ? Bác tên là gì? Em tên là Đặng Xuân Bường”. Anh công nhân bảo: “Tôi tên là Trần Quang Hạnh”. Anh Bường bảo: “Bác có cái tên đẹp thật. Đừng làm xấu cái tên nhé”. Anh công nhân cười: “Được rồi, bốn hôm nữa sẽ có ô tô vào đây”.

Suốt ngày hôm ấy, chúng tôi chờ mãi nhưng không thấy Quy đến. Anh Bường bảo: “Con ranh con, lại nói dối rồi. Đàn bà ấy, chúng mày ạ, không nên bao giờ đặt lòng tin vào chúng. Chúng tàn bạo trong chính sự ngây thơ trong trắng của chúng. Chúng gây ra cho người ta hy vọng, ham muốn, chờ đợi; rất cuộc, ta cứ mòn mỏi đi cho đến khi nhắm mắt xuôi tay”

Hôm sau nữa thì Quy đến. Cô mang cho chúng tôi hai cái bắp cải với cây đèn dầu. Quy bảo: “Eo ôi, các bác làm nhanh nhĩ. Được bao nhiêu là gỗ rồi. Mai cháu phải bảo bố cháu vào xem mới được”. Anh Bường bảo: “Đừng bảo ông cụ vào, bọn anh chỉ mê em thôi. Ông cụ vào là bọn anh lãn công đấy. Lao động chân tay, em ạ, không thể lấy chính trị động viên được, chỉ lấy tiền và gái thôi, đấy mới là thuốc bổ chứ. Chủ nghĩa tư bản nó có cái đều là lấy tiền và gái để bóc lột giá trị thặng dư, nó làm cho các bác vô sản nhà ta mất hết của cải và tinh lực. Đả đảo chủ nghĩa tư bản thôi nát”.

Trước khi Quy về, anh Bường bảo: “Ngọc ơi, mày lấy giấy bút ra biên cho tao cái thư. Em Quy ra bưu điện gửi cho anh nhé”. Quy bảo: “Bác cứ viết thư đi”.

Anh Bường đọc để cho tôi chép. Thư như sau:

Rừng Tây Bắc ngày... tháng... năm...

Kính nhờ gửi ông Hai Dung (tức là bố của Biên và Biên), bác cả Điều (tức là bố tôi, mẹ cu Dĩnh (tức là vợ anh Bường).

Tôi là Bường, thay mặt anh em thợ xẻ báo tin đã có việc làm, công trả khá, mọi người đều khoẻ. Đồng bào miền núi ai cũng tốt, người ta đều giúp đỡ chúng tôi hết lòng hết sức. Tuần sau tôi sẽ gửi tiền về mẹ cu Dĩnh chia cho nhà chú Biên, chú Biên ba phần, nhà bác cả Điều một phần, còn giữ lại nhà ta một phần. Thuốc thang cho ông cụ từng tiệm thôi, bệnh già thì chẳng gì chữa được, cốt là cho mấy đứa trẻ có áo mặc, đừng chết đói. Tôi chỉ thương mấy mẹ con không có cái nhà tử tế mà ở nên quyết tâm xông pha lặn lội trên rừng. Nhờ giới có phương hướng đúng, chỉ hai năm là nên danh giá. Tôi xin mẹ cu Dĩnh giữ trọn chữ hiếu, chữ tình, còn mọi thứ ở đời đều phù vân cả. Giấy vắn tình dài. Ký tên: Đặng Xuân Bường

Quy bảo: “Bác Bường viết thư hay nhỉ”. Anh Bường cười khà: “Cũng là trò mị dân thôi, cô em ơi. Tráng sĩ xa nhà, cốt nhất cái hậu phương phải ổn định”. Chúng tôi giữ Quy lại ăn cơm nhưng Quy không nghe. Anh Bường bảo: “Phiền cô em vất vả quá. Em ngồi đây, anh bảo chúng nó vật nhau mua vui cho mà xem”.

Anh Bường bảo chúng tôi cởi quần áo ra rồi làm bốn cái thăm bằng giấy, người nào bốc phải thăm có dấu cộng thì phải vào xới vật nhau. Tôi và Biên bốc phải thăm có dấu cộng. Anh Bường cười khà: “Hay quá, tao chỉ sợ thằng Biên, thằng Biên bốc phải thăm, hai anh em sinh đôi vật nhau thì chẳng khác “Củ đậu đun hạt đậu, hạt đậu khóc hu hu, cùng sinh ra một gốc, thui nhau nở thế ru? (Thơ Tào Thực). Bây giờ bắt đầu vào cuộc, thằng nào thắng chiều nay được nghỉ”.

Tôi với Biên vào xới. Biên ít tuổi nhưng to con hơn tôi, hần nặng những 62 cân. Tôi và Biên đều học thầy Hai Dung nên các ngón nghề đều chẳng lạ gì nhau. Biên tính rất cục, hần đã cáu lên thì bất chấp, anh em họ hàng hần cũng chẳng nề. Tôi biết vậy nên bước vào xới tôi phải tươi cười như hoa như nụ, đi những miếng nhẹ nhàng để đẩy hần vào thế không chơi ác được. Hai chúng tôi vờn nhau độ ba phút tôi đã dụ Biên theo nhịp những miếng trò hào hoa vô thưởng vô phạt của tôi. Tôi giơ chân, Biên cũng giơ chân. Tôi giơ tay, Biên cũng giơ tay. Anh Bường, Quy, Biên và cu Dĩnh vỗ tay hò hét rầm lên. Tôi bốc miếng thượng, Biên cũng bốc

miếng thượng. Tôi bổ miếng hạ, Biên cũng bổ miếng hạ. Tôi nghĩ thầm: “Số thằng này, trời bắt ăn đất, không phải lỗi ở mình”. Tôi phục xuống, vận nội công bắt thần hai tay tóm lấy cổ chân Biên ngay chỗ mắt cá, vừa bóp vừa tuốt thẳng lên quá đỉnh đầu. Biên bị đau, lại mất thế, ngã oạch một cái. Tôi sấn vào, giân đầu gối vào chỗ bong da, lấy cùi tay chặn ngay cổ Biên khiến hắn không thở được nữa. Mọi người vỗ tay rầm lên. Biên ngồi dậy, lắc đầu: “Ông trẻ đều thật, tưởng chơi đùa hóa ra chơi thật”. Tôi cười, vỗ vai Biên: “Mình xin lỗi, miếng này ông cụ dạy thêm nên Biên không biết đẩy thôi”.

Quy có vẻ thích, hai má đỏ ửng. Anh Bường bảo: “Bây giờ đến lượt anh”. Anh Bường nhảy ra bãi cỏ, đi bài Xà quyền là một bài võ nổi tiếng trong môn phái võ Vịnh Xuân, vừa đẹp mắt, lại biến hóa khôn lường. Chúng tôi nhìn, ai nấy đều nín thở, thót tim lại vì căng thẳng. Tôi đã thấy nhiều người múa quyền nhưng ít thấy ai chuyên tâm vào bài quyền như vậy. Chúng tôi như bị hút hồn. Chỉ đến khi anh Bường dừng tay bái tổ, cả mấy anh em chúng tôi rơi thở phào nhẹ nhõm. Chiều hôm ấy trời nắng chang chang. Tôi hỏi anh Bường: “Em tự do chứ?” Anh Bường dứt khoát: “Không”. Tôi bảo: “Thằng nào được vật thì nghỉ cơ mà?” Anh Bường kéo tôi ra góc để Biên và Biên khỏi nghe thấy. Anh Bường bảo: “Tao nói cho mày biết, mày bỏ cái trò lưu manh ấy đi. Mày dụ thằng Biên chơi giả để hạ nó thật. Lối vật của mày là lối vật của quân trí thức, mày bịp con Quy thì được chứ không bịp được tao đâu”. Tôi cười: “Anh biết không: người cách mạng chỉ chú tâm vào mục đích cuối cùng mà thôi”. Anh Bường bảo: “Đừng có bầy tao vào chính trị tư tưởng, mày đều lắm”. Tôi bảo: “Anh còn lạ gì thằng Biên nó khỏe thế, nó bẻ gãy tay tôi anh có thương không?” Anh Bường bảo: “Bản chất của mày là một thằng trí thức lưu manh chính trị. Tởm lắm! Cút mẹ mày đi”. Tôi bảo: “Anh là một thằng tù hình sự, một tên lưu manh “gìn”, tại sao anh không chịu nổi tôi?” Anh Bường nhổ nước bọt vào mặt tôi. Anh bảo: “Mày tự do. Nếu cần, sáng sớm mai tao đi vay tiền cho mày về xuôi”.

Tôi nằm úp mặt xuống bãi cỏ. Gió thổi một lúc làm khô bãi nước bọt trên mặt tôi. Bàn tay tôi sạn chai và rớm máu, bàn chân tôi nứt nẻ. Suốt một tuần nay tôi không tắm giặt, da thịt tôi bẩn thỉu, ngứa ngáy. Tôi bỗng thấy thương xót mình ghê gớm. Một nỗi thương xót khủng khiếp bóp nghẹt tim tôi. Tôi học lên như chó. Tôi



lăn lộn trong đám cỏ gianh, đá nhọn và gai góc. Tôi nhắm mắt lại để cố hình dung khuôn mặt cô gái tôi đã từng yêu.

Nàng bé nhỏ, mặt tròn, lông mày rậm, có một nốt ruồi sau cổ cách tai phải chừng bốn phân. Tất cả đường nét trên khuôn mặt nàng đều khá rõ ràng: đôi môi, cánh mũi, cả những đường viền... Nàng không hiểu tôi có thể mang lại cho nàng điều gì đó hơn cả tình yêu (làm gì có tình yêu?) Nàng đã đánh mất đi sự kính trọng và thương xót trong tôi. Mãi mãi. Vĩnh viễn. Không gì cứu chuộc được. Tôi chỉ căm giận, căm giận những phù vân trong toàn bộ hoàn cảnh sống của thời đại tôi. Những giáo điều đạo đức bao giờ cũng giản dị, ngây ngô, buồn cười, sơ lược, thậm chí còn đếu giả nữa. ác nhất là những giáo điều ấy đúng. Bởi nó cần. Nó là sợi xích tròng cổ để giữ hình ảnh tương đối về mỗi chúng ta. Nếu không sẽ là hủy diệt...

Tôi đi vào rừng tìm nước tắm. Suối cạn khô. Những cánh bướm trắng lả tả, chập chờn trong hộc đá. Ngược suối mãi, tôi mới tìm được một mó nước khả dĩ tắm được.

Tôi cởi trần truồng, đắm mình trong vũng nước giống như trâu đầm. Nước xanh lè, hơi nhờn nhớt vì đáy nước nhiều lá mục quá. Tôi không dám tắm lâu vì sợ ốm, sợ ngã nước. Hai mươi một tuổi đầu mà chết thì thật phí đời. Cần phải sống, cho dù cuộc sống ngàn lần khốn nạn, đầy rẫy xấu xa cũng như cực nhọc.

Tôi quay trở về lán xẻ. Anh Bường kê chéo khúc gỗ đang cùng cu Dĩnh kéo cưa. Anh Bường đứng trên cao, còn cu Dĩnh ngồi phệt xuống đất. Thằng bé rán sức, mồ hôi mồ kê đầy trên lưng trông rất tội nghiệp. Tôi đến gần cu Dĩnh, lẳng lặng cầm lấy tay cưa. Tôi và anh Bường không nói năng gì, cứ thế lằm lụi xẻ hết khúc gỗ này đến khúc gỗ kia đến tận tối mịt.

Sắp sửa nghỉ, lúc ấy tôi đứng dưới đất, dế chân chèo, tôi chuẩn bị dừng cưa thì “xoẹt” một cái, tay cưa chạm sát ngực tôi. Tôi kêu một tiếng thảm thiết rồi ngã lăn ra. Không biết vô tình hay hữu ý, anh Bường đã để lưỡi cưa bật thia lia qua mạch gỗ, bập vào đầu ngón chân tôi. Chỗ khớp ở đầu ngón chân trái của tôi trồi ra một đoạn đầu xương trắng nhón. Máu xối ra ướt đầm. Tôi đau đến nỗi cơ hàm của tôi riu lại, giật liên hồi như thể động kinh, mồ hôi rịn ra đầy mặt, trong khi đó toàn thân tôi lạnh toát. Tôi lăn lộn trên đất. Biên và Biên phải nằm đè lên, áp người tôi xuống đất. Anh Bường tái mặt đi, dùng một sợi dây cao su buộc ga-rô giữa



bàn chân tôi để cầm máu. Anh Bường rồi rít gọi cu Dĩnh lấy nước nóng hòa muối để rửa vết thương cho tôi. Tôi tê dại vì đau đớn. Hai hàm răng lập cập, mặc dầu tôi đã gắng sức nhưng không thể khép hàm lại được. Mãi đến nửa đêm tôi mới thiếp đi có lẽ vì tôi hoàn toàn kiệt sức. Tôi sốt miên man ba ngày liền, chân sưng tấy lên. Vết thương thật kinh khủng: lưỡi cưa phật mất hai phần ba ngón chân, lũng là lũng lảng. Phần thịt ở đầu ngón chân đen lại, chắc bị thối. Anh Bường đập nhỏ những viên tétraxyclin rắc lên vết thương, mặc dù tôi rửa nước muối nhưng chỗ khe nứt vẫn có mủ trắng.

Buổi chiều, anh công nhân nông trường tên là Trần Quang Hạnh dẫn vào một xe “Zin” bốn tấn. Anh Bường bán phát mười hai cái cột nhà với cả mấy hộp gỗ to dài 2m20, dày 8 phân, rộng 60 phân. Lái xe trả tiền sòng phẳng. Anh Bường chia cho người dẫn mỗi hai chục nghìn. Anh Bường bảo: “Bác Hạnh ạ, bác phải đổi tên là Trần Đức Hạnh”.

Anh Chỉnh và chị Thục đi lấy củi qua chỗ chúng tôi. Thấy chân tôi sưng to, chị Thục rất thương xót. Chị Thục chỉ tay vào mặt anh Bường mắng: “Bác thật dã man, chân nó thế này mà không chạy chữa gì à?” Anh Bường cúi mặt, thút thít khóc: “Bà chị bảo em làm gì được?”

Anh Chỉnh xem xét vết thương của tôi. Anh Chỉnh bảo: “Phải cắt phần đầu ngón chân bị thối. Để lâu sẽ hoại thư, chết người! Khổ quá, tôi không mang dụng cụ y tế đi theo”.

Anh Bường lau nước mắt hỏi: “Chặt bằng dao rửa được không?”. Anh Chỉnh bảo: “Được. Nhưng còn thuốc men thì sao?” Chị Thục bảo: “Để tôi về lấy” Nói rồi xăng xái ra đi. Anh Chỉnh bảo: “Em lấy cái túi treo ở trên tường. Mang cả bộ kim tiêm nhé”. Anh Bường bảo: “Dĩnh! Đi với cô Thục”.

Anh Chỉnh sai Biên đun nước nóng luộc dao rồi rửa vết thương cho tôi. Anh Chỉnh bảo: “Các bố thợ xẻ liều thật. Coi mạng người như mạng muỗi”.

Khoảng một tiếng sau chị Thục với cu Dĩnh về. Chị Thục xách theo một con gà mái ở nhà, bắt Biên và Biên đi làm thịt nấu cháo cho tôi ăn. Anh Bường bảo tôi ngồi kê chân lên một súc gỗ. Anh Bường bảo: “Bình tĩnh nhé, bây giờ chặt chân đấy”. Lại bảo: “Bác Chỉnh cầm hộ em con dao, đặt vào đây. Em lấy chày tâng cho một phát, dứt ngay”. Chị Thục ôm mặt: “Khiếp! Tôi sợ quá”. Anh

Chỉnh cười: “Trong đời bác sỹ của tôi, hành nghề thế này thì đây là lần thứ nhất”.

Anh Chỉnh đặt dao vào chỗ dầu ngón chân tôi. “Uych” một phát, chưa chi anh Bường đã lấy chày nện xuống sống dao. Tôi bật người lên vì đau quá. Anh Chỉnh bảo: “Chưa chi đã chặt, lưỡi dao đã khớp đầu nào?” Tôi bảo: “Thôi thôi, đau lắm, chặt nữa thì chết chân tôi”. Chị Thục giằng lấy chày trong tay anh Bường: “Cút đi! Định giết người ta hay sao?” Chị Thục bảo anh Chỉnh: “Bao giờ được, anh bảo em”. Anh Chỉnh bảo: “Được rồi đấy! Chặt đi” Chị Thục vung chày: “khự” một cái, chỗ thịt thối ở đầu ngón chân tôi văng ra. Tôi cắn chặt răng vào bàn tay, hoa mắt đi...

Anh Chỉnh tiêm thuốc, băng chân lại cho tôi Anh Chỉnh bảo: “Tốt rồi, khoảng vài ngày là ổn”. Anh Bường cầm mẫu thịt thối ở đầu ngón chân tôi ném vào đồng lửa. Anh Bường bảo: “Tôi chỉ ước toàn bộ chất lưu manh trong con người nó cũng cháy như cục thịt này”.

Chị Thục bón cháo cho tôi, sau lại lấy cả một con sâm Triều Tiên trong túi thuốc của anh Chỉnh đưa cho tôi ngâm. Anh Bường bảo: “Thằng Ngọc sướng nhé. Đời tao chưa bao giờ được ai hầu hạ săn sóc tận tụy thế này”. Chị Thục bảo: “Đưa chân đây, tôi chêm cho một nhát rồi tôi săn sóc cho”. Anh Chỉnh cười: “Vợ tôi ở nhà thì kèn kẹt, nhưng ra thiên hạ thì xởi lởi hào phóng lắm anh ạ”. Anh Bường bảo: “Đàn bà lạ lắm. Cái gì thuộc về họ thì họ hành hạ đến nơi đến chốn, họ chỉ quý thứ tình gió đưa thôi. Bởi vậy, sống ở đời, khốn nạn nhất là thằng đàn ông nào trở thành vật sở hữu của đàn bà”. Anh Chỉnh bảo: “Ừ, có thể thật”. Chị Thục bảo: “Thế thì anh sống với tôi làm gì? Hay là ly dị?” Anh Chỉnh cười: “Lại tự ái rồi”.

Anh Chỉnh với chị Thục định về. Anh Bường bảo Biên và Biên xếp lên xe ba gác của anh Chỉnh hai hộp gỗ. Anh Bường bảo: “Chúng em biểu hai bác bộ phận mang về nằm. Của thiên hạ, mình là người tốt không được hưởng, để bọn người xấu nó hưởng thì xót xa lắm. Chị Thục nhất định không nhận. Chị Thục bảo: “Không được đâu! Gỗ này thuộc quyền sở hữu của ông Thuyết rồi”. Anh Bường bảo: “Hôm qua chúng em đã bán cho cánh lái xe một nửa. Sợ gì đời!” Anh Chỉnh cười: “Các bố thợ xẻ liều thật, bán giò không văn tự. Tay Thuyết nó hạch thì sao?” Anh Bường bảo: “Các bác yên tâm. Chúng em có cách. Tay Thuyết nó trả công rẻ như thế, chúng em không lừa xẻ mà chỉ kéo cưa thì sống làm sao? Chị Thục bảo: “Gì thì gì, tôi không nhận đâu”. Anh Bường gọi Biên,

Biên và cu Dĩnh đến: “Tất cả chúng mày quỳ xuống lạy hai bác đây bốn lạy. Hai bác không nhận thì tất cả đập đầu vào đá tự tử cho tao. Người ta không coi chúng mình là người nữa đâu”. Cả mấy anh em thợ xẻ quỳ xuống chấp tay. Cả cu Dĩnh cũng quỳ xuống, mặt úp xuống đất. Chị Thục khóc: “Thôi thôi, các bác làm gì lạ thế. Tôi xin nhận một hộp gỗ vậy”. Anh Bường sừng lăm, cầm tay chị Thục lắc lấy lắc để: “Thế là bà chị thông cảm cho chúng em rồi. Bà chị không coi chúng em là súc vật! Chúng em phận hèn, của cải chẳng có, chúng em mắc nợ nghĩa tình thì khôn nạn lắm!”.

Biên, Biên đẩy xe đưa tiền anh Chỉnh với chị Thục đến tận cửa rừng.

Mấy hôm sau, chân tôi đỡ hẳn, lại xẻ được gỗ, anh Bường mừng lắm. Anh Bường bảo: “Hôm nay tay Thuyết vào đây, hứa sẽ khao quân. Đời lại tươi rồi”.

Chiều hôm ấy ông Thuyết và Quy vào. Tưởng khao quân có gì hóa ra chỉ có hai bao thuốc lá với cân mắm tôm. Ông Thuyết bảo: “Đây là mắm xuất khẩu, ông bạn tôi ở ngoại thương Hải phòng mang lên”. Anh Bường bảo: “Em biết rồi. Mắm tôm này xuất sang Nhật Bản chứ gì?” ông Thuyết bảo: “Không biết, nhưng dân châu âu nghiện mắm tôm nước ta lắm”.

Ông Thuyết xem xét cây gỗ, phàn nàn: “Tôi tưởng cây chò chỉ này xẻ ra phải được vài khối, hóa ra cũng ít nhỉ?” Anh Bường bảo: “Bác tính, một nửa cây gỗ rồng ruột, được thế là khá đấy. Bác làm nhà, bác phải hạ thêm ít nhất hai cây nữa”. Ông Thuyết bảo: “Tôi tính rồi, cây gỗ này chỉ làm cột với quá giang thôi, vì kèo với cầu phong, li-tô phải hạ thêm cây dậu nữa. Tôi cũng muốn xẻ ít ván, nhưng cạn tiền quá”. Anh Bường bảo: “Bác gắng lên là được”. Ông Thuyết bảo: “Xẻ xong cây gỗ này thì xẻ tiếp cho tôi cây dậu. Cây dậu này mọc hơi cheo leo. Lại ở xa nữa. Anh Bường bảo: “Tiền làm được hết”. Ông Thuyết bảo: “Cây dậu này có hai chủ, tôi chỉ ké vào thôi. Chủ chính là ông Sông, người Thái ở bản Vược. Sáng mai ông ấy vào đấy”. Ông Thuyết lấy giấy bút ra tính toán rồi bảo:

“Bây giờ tôi thanh toán tiền công. Theo thỏa thuận, xẻ cây gỗ này tôi phải cấp 50 cân gạo, 10 cân thịt với từng này... từng này... tiền. Thế nhưng các bác xẻ không đủ số lượng, tôi trừ từng này... từng này... tiền. Hai cái ruột chần bông, từng này tiền... các bác cần thì tôi bán lại”. Anh Bường bảo: “Như thế là bác chỉ trả một

phần ba số tiền thỏa thuận thôi à?” Ông Thuyết bảo: “Đáng ra tôi còn phải trừ cả một hộp gỗ các bác tự tiện bán cho nhà Thục, nhưng vì cô ấy tự giác mang trả lại cho tôi nên thôi”. Anh Bường bảo: “Hộp gỗ ấy tôi không bán, tôi biếu người ta đấy. Bác làm như thế là nghĩa lý gì?” Ông Thuyết bảo: “Bác làm như gỗ của mình không bằng. Đáng ra tôi còn sai tự vệ nông trường bắt giam nhà Thục vì xâm phạm quyền sở hữu cá nhân của tôi”. Anh Bường bảo: “Thôi. Vợ chồng cô Thục không có lỗi gì ở đây. Bây giờ bác tính tiền đi. Bác không trả tiền như tôi thỏa thuận, tôi mời bác xoi nhát dao này. Đùa ai thì đùa, đừng đùa với Đặng Xuân Bường”. Ông Thuyết cười gằn: “Này, giờ thôi lưu manh ra đấy phải không? Đất có lẽ, quê có thói. Lề thói ở đây không thế đâu nhé. Tôi nói cho biết, tôi chỉ phẩy tay là chú tan xương. Chú muốn yên ổn hành nghề hay muốn thôi nào?” Anh Bường bảo: “Gớm, hung hăng nhỉ”. Giữa lúc ấy, đang nắng chang chang, bỗng ở trên cao trong xanh vang lên một tiếng sấm rền. Tất cả chúng tôi lạnh toát cả người. Ông Thuyết châm điếu thuốc lá, khẽ mỉm cười: “Chịu chưa?” Anh Bường lắc đầu: “Chịu”. Ông Thuyết bảo: “Cầm lấy tiền. Sáng mai tôi cho xe vào chuyển gỗ ra đấy”. Ông Thuyết bảo Quy: “Con về trước đi. Bố còn vào bản Vược, đến nhà bác Sông”. Ông Thuyết với Quy về. Anh Bường mang tiền ra đếm. Anh Bường bảo: “Theo chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đợt xẻ này phải đạt từng này... từng này tiền... Ký với tay Thuyết, hóa ra bọn mình lỗ 70%. Được cái tao đã linh động bán đi mười hai cái cột với bảy hộp gỗ, được từng này, từng này... tiền. Hóa ra so với chỉ tiêu, bọn mình vượt 220%. Đòi xôm thật! Thế mới gọi là hạch toán kinh tế chứ!”

Anh Bường bảo: “Chiều nay nghỉ ngơi, sáng mai tao với cu Dĩnh ra bưu điện gửi tiền về quê. Lão Sông với lão Biển gì mà vào, tao cử thằng Ngọc đứng ra đại diện”. Chúng tôi rủ nhau đi tắm. Anh Bường bảo: “Tao có việc, đi vắng. Cứ ăn cơm trước đi nhé”. Nói rồi mắt trước mắt sau ra đi. Tôi thấy điệu bộ anh Bường đáng ngờ nên quyết định không đi tắm nữa, tìm cách rình xem.

Anh Bường đi rất nhanh về phía nông trường, tôi thấy anh Bường đi tắt chứ không đi đường thẳng nên càng ngờ tợn. Đến cánh đồng bông, tôi thấy anh chui vào, một lát sau chui ra, thấy người khác hẳn, trên người buộc đầy cành lá, mình mặc mỗi chiếc quần đùi. Đến chỗ ngoặt cửa rừng, anh Bường chui vào một bụi cây rậm không thấy ra nữa. Tôi băn khoăn: “Thằng cha này giở trò

gì vậy?” Bất giác bàn tay tôi xiết chặt lại, linh tính báo rằng tôi sẽ chứng kiến một việc chẳng lành.

Quả nhiên, lúc sau, từ trong rừng tôi thấy Quy đi ra. Ánh hoàng hôn buổi chiều hắt lên cảnh vật một thứ ánh sáng mờ mờ buồn không thể tả. Quy cầm một nhánh củi, vừa đi vừa đập đập vào những bụi cây ven đường. Tôi không thích dáng vẻ tự tin vô tư của Quy. Điều ấy ngu xuẩn biết bao. Phải, ngu xuẩn. Cả cô gái tôi đã từng yêu cũng thế. Nàng cứ tưởng tự tin và tự do là điều hay hóm cho mình. Trăm lần không, vạn lần không. Với phụ nữ, tự tin với tự do nghĩa là bất trắc, là hiểm họa, là thiếu thốn, thậm chí còn có khả năng bất hạnh và điểm nhục. Với riêng tôi, nhân cách của người phụ nữ trước hết là sự phụ thuộc của nàng đối với chính tôi. Mãi mãi. Vĩnh viễn là như thế. Bởi tôi là đàn ông, là tôi. Không ai thay thế được. Khi Quy đi qua chỗ anh Bường nấp thì vụt một cái, anh Bường chồm dậy. Tôi nghe thấy tiếng Quy kêu thất thanh. Anh Bường bịt miệng, bế thốc cô gái vào trong bụi rậm.

Tôi hiểu ra được tình thế. Một nỗi căm giận khiến tôi đau đến thót tim. Tôi ngã vật xuống, tắc nghẹn cả cổ. Tôi chồm dậy, vừa chạy vừa ngã, tôi lao đến chỗ bụi cây. Quy bị lật truồng, hai bắp chân trần rồi rít khua lên trời. Tôi kéo anh Bường ra, đâm thẳng vào khuôn mặt méo xệch của anh ta. Anh Bường nhận ra tôi, “a” lên một tiếng ngạc nhiên. Chúng tôi lao vào nhau như hai con thú. Khoảnh đất chúng tôi đánh nhau rất hẹp, xung quanh là những bụi cây gai. Chúng tôi không thể lùi, không thể tiến, cả hai nắm chặt tay nhau thủ thế, ở ngoài trông vào chắc buồn cười lắm. Ghìm nhau một lúc, anh Bường rít lên: “Đồ chó, nếu muốn đánh nhau thì ra ngoài kia, chứ trong bụi gai thế này, thì làm gì được?” Nói rồi, anh Bường buông tay, tìm cách nhảy ra bãi trống. Tôi nhảy theo anh. Anh Bường vừa lùi vừa bảo Quy, buồn hẳn: “Con ranh con, mặc quần vào! Có thích xem đánh nhau thì đứng mà nhìn. Chúng ông đánh nhau vì mày đấy”. Nói rồi, anh Bường thản nhiên đứng ngoáy lỗ mũi, tựa hồ như việc chúng tôi đánh nhau là việc tất nhiên, điều ấy hoàn toàn vô nghĩa và không có giá trị gì.

Thú thực là tôi bối rối. Anh Bường mỉm cười khuyến khích: “Thế nào? Tiến lên đi chứ, công tử bột! Hãy mang chiến thắng về nộp dưới chân nàng Duynxinê ở làng Tôbôđô!”

Tôi điên tiết. Một thoáng tự nhiên tôi nghĩ đến tình yêu đầu tiên trong cuộc đời tôi. Dù cô gái ấy trăm lần phù phiếm, dối trá và



vô luân, dù sao tôi đã yêu nàng. Tôi biết chắc chắn sau nàng, trong tôi không còn tình yêu nào khác. Người phụ nữ mà tôi sẽ gặp sẽ chẳng bao giờ khiến tôi vui sướng hoặc đau đớn nữa. Tôi lao vào người anh Bường với tất cả sự căm giận và xót xa từ đáy lòng tôi. Chắc hẳn anh Bường không thể ngờ rằng bất giác tôi lại trở nên hung hãn, tàn nhẫn đến mức ấy. Cú ra đòn của tôi mạnh và độc đến nỗi nếu như dính đòn, địch thủ sẽ chết hoặc tàn phế suốt đời. Anh Bường hét lên một tiếng để nhảy tránh đòn. Chúng tôi đánh nhau ác liệt. Tôi vốn theo học môn phái Thiếu Lâm Hồng Gia, còn anh Bường theo học môn phái Vịnh Xuân. Hồi ở bộ đội anh Bường cũng có học thêm nhiều môn phái khác, vì vậy cách đánh của anh biến hóa khôn lường. Tôi luôn luôn dính đòn. Có lẽ anh Bường không muốn hạ ngã tôi ngay nên cố tình đi chuyển vòng tròn để tôi dần dần giảm bớt sức lực. Gần tiếng đồng hồ, cả hai chúng tôi mệt lả, phải buông nhau ra.

Đêm buông xuống. ánh trăng rạng rỡ khắp cả núi rừng. Tôi và anh Bường nằm lăn trên cỏ, thở hồng hộc. Được một lúc, anh Bường ngồi dậy bảo tôi: “Mày có thấy thậm ngu không, hai thằng đàn ông tự xưng lại đi đánh nhau vì một con đàn bà. Chẳng ra sao cả”. Anh Bường nói tiếp, giọng lạc hẳn đi: “Ngọc ơi, mày đừng đau khổ đến thế, mày có biết vì sao cái ấy của phụ nữ các cụ gọi là cái bướm không? Nó là một thứ có cánh, pháp pha pháp phối. Nó là lộc của trời. Nó đậu vào chỗ nào thì chỗ ấy được. Có khi người ta phải bắt nó đấy”. Tôi ngồi dậy, hộc ra một bãi máu lớn. Tôi nói mà giọng run lên: “Anh khốn nạn lắm, con bé còn ít tuổi”. Anh Bường bảo: “Mày chẳng hiểu gì. Ai lại đi tính tuổi cho bướm bao giờ. Một bà già hay một cô gái đều hết như nhau”. Tôi bảo: Anh đều cẳng và độc ác lắm”. Anh Bường cười nhạt: “Con ơi, thế Giêsu Crit có đều cẳng và độc ác không? Như Lai có đều cẳng và độc ác không?” Tôi bảo: “Con người - sự cao cả hình như chính ở giới hạn của nó”. Anh Bường bảo: “Đúng thế đấy! Mày có thấy khi con Quy bị lột truồng không? Với cách quặp đùi của nó, nó hoàn toàn cao cả về mặt tinh thần”.

Sương xuống lạnh, chúng tôi lồm lũi đi về lán xét cả hai mặt mày thâm tím. Anh Bường bảo: “Mày đánh ác lắm, đánh võ mặt. Như thế, võ công của mày chưa phải đã cao. Bậc cao thủ đánh nhau kiểu khác. Khi kẻ địch ra đòn, bậc cao thủ tìm cách hòa kết năng lượng của chính kẻ địch với mình. Tất nhiên, điều ấy phải được thực hiện bằng các động tác kỹ thuật. Bậc cao thủ dẫn dắt kẻ



địch theo những vòng tròn. Vòng tròn bao giờ cũng là mô hình tuyệt hảo nhất trong toàn bộ không gian sống. Thay cho việc dùng sức giải tỏa mâu thuẫn, bậc cao thủ buộc kẻ địch hiểu rằng chỉ có nhẹ nhàng, mềm mỏng, lịch thiệp, tình thương, hòa hợp, yên ổn... mới khép kín được quan hệ giữa những con người và quan hệ giữa từng con người với toàn thế giới. Về kỹ thuật có thể tàn bạo nhưng về chiến lược phải dung hòa, đúng hơn là phải ổn định, cân bằng. Đây là toàn bộ lý luận của bậc cao thủ”.

Tôi cười thâm trong bóng tối. Cái tay Bường này, tôi biết, khi hần lý giải về sự sống nói chung, bao giờ hần cũng minh triết, bao giờ hần cũng cố gắng để giữ cất cách thanh cao về mặt nhân cách. Thế nhưng đời thực của hần thì như cứt chó. Không sao ngủ được.

Sáng hôm sau, chúng tôi chuyển chỗ vào nơi xẻ mới. Ông Sông người Thái là một ông già sáu mươi hai tuổi, có khuôn mặt rất thật thà. Ông Sông bảo: “Gian khổ đấy, chịu được không?” Anh Bường bảo: “Đằng nào chẳng đến địa ngục”.

Cây dâu vàng mọc cheo leo ở lưng chừng núi, ngã về phía vực. Điều cốt yếu làm sao phải hạ được để nó khỏi rơi vào giữa khe núi. Chúng tôi mất nửa ngày bàn bạc, cuối cùng tìm ra cách tốt nhất, một mặt phải cưa bớt cành, làm dây níu, một mặt phải đào cả đất, dọn một mặt bằng để hạ cây gỗ xuống an toàn. Mất đến chục ngày chúng tôi mới hạ được cây gỗ xuống. Ông Sông thích lắm, mời chúng tôi về bản thết đãi. Anh Bường bảo: “Tôi ở lại trông đồ đạc. Mọi người cứ đi đi”. Biên, Biền, tôi và cu Dĩnh theo ông Sông về bản Vực. Bản Thái này ở ngay đường cái, có chừng năm chục nóc nhà sàn. Những người trong bản ai cũng hiền lành và đều tỏ ý thân thiện với chúng tôi. Chúng tôi ở lại nhà ông Sông uống rượu đến chiều mới về. Về tới lán xẻ, chúng tôi hoảng hốt thấy chắn màn quần áo lung tung khắp nơi, không thấy anh Bường đâu cả. Chúng tôi bỏ đi tìm. Qua bờ vực, cu Dĩnh tinh mắt phát hiện thấy những bụi cây dạt ra như thể có người lặn xuống. Tôi, Biên, Biền mỗi người cầm một con dao bèn lần mò xuống.

Vực sâu khoảng hơn trăm mét, dưới lòng vực là một con suối cạn khô. Những âm thanh ở dưới lòng suối vọng lên như thể có người đánh nhau, chúng tôi ai cũng đoán chắc anh Bường dưới đó. Quả nhiên, ở một đoạn suối hẹp, chúng tôi trông thấy anh Bường đang quần nhau dữ dội với một con gấu to tướng. Con gấu đứng dựng bằng hai chân sau tìm cách tấn công anh. Bường, miệng học

khủng khiếp. Anh Bường tay cầm một đoạn tre ngắn, cố gắng tránh đòn.

Lưng tựa vào vách đá, anh Bường cố đẩy con gấu ra xa, không để cho nó ép vào thế hiểm nghèo. Đoạn tre tì vào ngực con gấu cong lại, bởi sức con gấu khỏe quá. Anh Bường có vẻ núng thế, một bên bả vai nhòa máu, mồ hôi trên mặt đầm đìa. Biên, Biền và tôi cùng hò hét xông vào. Biền nhanh tay chém được một nhát vào vai con gấu. Con gấu quay lại, chồm người về phía chúng tôi. Bốn chúng tôi đứng thành vòng tròn ở dưới lòng suối. Con gấu đứng giữa, điên cuồng tìm đường thoát thân. Biên, Biền và tôi, trên tay mỗi người chỉ có một con dao găm ngắn lưỡi. Còn anh Bường vũ khí chỉ là một đoạn gậy tre. Con gấu ngựa rất khỏe, nặng chừng hai tạ, vì bị thương nên hung hãn lắm. Những cú vả của nó thật khủng khiếp, cũng may cả bốn chúng tôi không ai dính đòn.

Biền rất khôn, Biền thường chém đứt trước mặt con gấu để tạo thế cho ba chúng tôi đâm từ bên sườn và sau lưng gấu. Một lần, lợi dụng khi gấu phục xuống, tôi đâm một nhát dao vào trũng gáy nó. Nhát dao đâm mạnh đến lút dao. Con gấu bật ngửa ra sau, Biền xô theo đà, cắm thẳng lưỡi dao vào giữa tim nó. Con gấu hộc lên một tiếng khủng khiếp rồi ngã lăn ra, hai bên khõe mép sùi máu. Biền đâm tiếp vài nhát nữa vào hai mạng sườn của nó. Sau mấy lần giãy, con gấu chết hẳn. Cả bốn chúng tôi mệt lả, bủn rủn hết cả chân tay. Anh Bường mặt mũi tái mét, há miệng cười như mếu. Sau này, tôi đã chứng kiến rất nhiều nụ cười chiến thắng ở nhiều trường hợp khác nhau, tất cả những nụ cười ấy cũng đều như mếu, bao giờ điều ấy cũng gây cho tôi một nỗi sợ hãi và cảm động khôn lường...

Anh Bường dùng dao rạch bụng con gấu lấy mật. Chiếc mật lông thông những nước, to bằng bốn đốt ngón tay. Anh Bường thích lắm, lấy một sợi dây buộc mật gấu đeo ngay vào cổ. Ngay hôm ấy, chúng tôi dọn dẹp đồ đạc rồi khênh con gấu quay về nông trường đến nhà chị Thục. Chúng tôi gõ cửa nhà chị Thục lúc hai giờ sáng. Hàng xóm kéo đến, đông như hội. Anh Chỉnh bảo: “Chịu các bố thợ xẻ thật. Hạ được con gấu đáng kể quá”. Anh Bường bảo: “Bây giờ lột da gấu rồi làm bữa chén, mời tất cả xung quanh đến dự, được không chị Thục?” Chị Thục bảo: “Còn gì bằng. Ở xóm này có chực nóc nhà, đến dự tất cả thì vinh cho nhà này quá”.

Mọi người xúm lại làm thịt gấu. Thịt gấu rất nạc và bùi. Chị Thục nấu một nồi cháo, tống vào tất cả xương xẩu với bốn cái

chân. Anh Chinh bảo: “Ăn một bát cháo này giá trị bằng cả một lạng cao hổ cốt đấy nhé!” Ông Thuyết cũng đến dự, mang theo một can mười lít rượu trắng.

Ông Thuyết bảo: “Chiều nay xuống đội T, không hiểu sao tôi lại rước can rượu này về. Đúng số trời thật, ngày thường nếu ai mời rượu, tôi còn mắng cho ấy chứ”. Anh Bường bảo: “Em lạy bác, bác đừng mắng những người hối lộ. Họ lòng thành nhưng lại ngu ngốc, nếu là bậc cao nhân phải tự xót xa mà thương lấy họ”. Mọi người uống rượu rất vui. Anh Bường càng uống rượu càng hăng. Anh Bường bảo: “Tôi đang ngồi trong lán thì con gấu đến. Nó cứ xông xộc đi vào, tôi hoảng quá, tôi vớ được cây gậy cứ vụt lia lịa”. Chị Thục bảo: “Thế bác không sợ à?” Anh Bường bảo: “Sợ chứ, nhưng rồi lại nghĩ: mẹ khi, đời chán lắm, sống cũng vậy mà chết cũng vậy, cứ quyết tâm biết đâu chẳng giết được con thú ác. Đây cũng là kỳ tích trong đời, chẳng phải ai cũng làm được”. Mọi người cười. Em trai ông Thuyết tên là Kháng ở Hà Nội lên chơi cũng ngồi uống rượu, hỏi đùa anh Bường: “Thế là bác làm việc thiện, việc nghĩa hoàn toàn chỉ do chán đời, có phải không?” Anh Bường vặn lại: “Thưa bác, bác hỏi em thế là hỏi thật hay hỏi xỏ?” Ông Kháng cười: “Tôi hỏi thật”. Anh Bường nghiêm nét mặt lại: “Em hỏi khi không phải, thế bác làm nghề nghiệp gì?” Ông Kháng bảo: “Tôi giảng dạy mỹ học ở dưới Hà Nội”. Anh Bường bảo: “Đấy cũng là nghề nghiệp hay sao? Theo tôi, khoa học về cái Đẹp là thứ hết sức vô hình, không có thực. Về thực chất, chuyên môn của bác là thứ bịp bợm. Hồi trước, tôi có đọc quyển sách của một tay Trechnobun nào đó (Anh Bường nhầm, thực ra đấy là N. G. Tsecnusepxki.) hẳn nói: “Cái Đẹp là cuộc sống”, điều ấy ẩn chứa một nụ cười lớn lao trong đó. Bác giảng dạy mỹ học, thế bác có nhận ra nụ cười ấy không?” Ông Kháng bảo: “Xin lỗi, tôi không được trang bị kiến thức giống như của bác”. Anh Bường bảo: “Bác Kháng ạ, mời bác về bú tí mẹ”. Chị Thục bảo: “Thôi thôi, ông Bường ơi, tôi xin ông lấy chữ “dĩ hòa vi quý” làm trọng”. Anh Bường cười: “Em xin nghe lời bà chị”.

Ông Sông đến. Mọi người mời vào uống rượu. Ông Sông cười: “Thế các chú có vào xẻ tiếp nữa không hay hạ được gấu thì thôi?” Anh Bường bảo: “Chúng em giúp bác hạ cây gổ xuống, thế là xong. Còn kéo cửa lều xẻ, bác là dân lao động, chúng em biết bác cũng tự làm được”. Ông Sông bảo: “Phải”.

Chị Thục bảo: “Tôi biết có một nơi xẻ gỗ dựng miếu thờ thần, cứ cơm no rượu say đi đã rồi tôi sẽ bảo”. Anh Bường bảo: “Chúng em lòng thành, tâm thành, được xẻ gỗ cho đáng thần linh, đây là may phúc, lại thêm dày nghĩa tình, lấy gì chuộc được?”

Chị Thục bảo: “Nghĩa tình lại chuộc nghĩa tình. Vô sự với tạo hóa, trung thực đến đáy, dù có sống giữa bùn, chẳng sợ không xứng là người”. Anh Bường bảo: “Ngọc ơi, mày chép lấy câu này. Nó tù mù về hình thức, nhưng hình như chứa ẩn nội dung gì đấy”.

Cơm rượu xong chúng tôi lăn ra ngủ. Giấc ngủ đến ngay với mơ, tôi thấy năm anh em thợ xẻ chúng tôi đi trên một cái cầu vòng bảy sắc. Những thiên sứ chạy ra đón chúng tôi, áo xanh, áo đỏ tung bay phấp phới. Một thiên sứ có khuôn mặt trông rất giống Quy. Những người thân thiết của tôi đứng hai bên đường. Tôi rất ngạc nhiên khi thấy nàng, cô gái tôi đã từng yêu trước kia. Nàng chạy về phía tôi, hai tay giang ra chào đón. Gục đầu vào ngực tôi, nàng khóc: “Anh Ngọc ơi, sau bao đau đớn ê chề em đã hiểu rằng: chỉ có một anh thôi, còn lại là chúng nó”. Tôi mỉm cười, tôi gỡ bàn tay bé nhỏ của nàng ra khỏi tay tôi và bảo: “Em lại cực đoan rồi, hoàn toàn không phải thế. Anh chỉ là hạt cát bé nhỏ và bất lực thôi... Cũng có thể anh chẳng mang lại điều gì hay hóm cho em đâu. Em hãy đi đi, đi theo con đường số phận đã định cho mình”. Tôi đẩy nàng ra, tôi hốt hoảng thực sự vì sự lãnh cảm dừng đứng của trái tim tôi.

Chúng tôi cứ đi trên cái cầu vòng bảy sắc. Bạt ngàn là hoa ban trắng bên đường, màu trắng đến là khắc khoải, nao lòng. Đây hoa ban, một nghìn năm sau thì mày có trắng thế không? Chúng tôi cứ đi, đi mãi... Tôi biết chắc ở trước mặt tôi đây là cổng Trời, là cổng Thiên đường...

Sau lần ấy, số phận đẩy tôi sang bước ngoặt khác, tôi không đi xẻ gỗ nữa, chuyển sang làm việc khác.

## TIỆC XOÈ VUI NHẤT

Hà thị E là con gái trưởng ban Hà Văn Nó. Hiếm có người xinh đẹp như E. Lưng như lưng kiến vàng, mắt long lanh như sao Khun Lú -- Nàng Ủa, tiếng nói của nàng dịu dàng. Khi nàng cười, tiếng cười trong vắt và vô tư lự. E xinh đẹp đã đành nhưng đức hạnh của nàng cũng ít có người bì kịp. Nàng là niềm tự hào của người Hua Tát. Cả bản mong nàng tìm được người chồng xứng đáng, trưởng bản Hà Văn Nó cũng muốn thế, các bô lão trong bản cũng muốn thế. Trao người con gái xinh đẹp như E cho người không xứng đáng là có tội với Then vì nàng là quà tặng của Then với người Hua Tát. Chọn ai bây giờ? Người ta đưa việc chọn chồng của E ra bản. Người muốn xin làm rể trưởng bản Hà Văn Nó có rất nhiều. Trai trong bản Hua Tát cũng có, trai ngoài bản Hua Tát cũng có. Các bô lão trong bản Hua Tát thức trắng một đêm, uống hết năm vò rượu cần rồi quyết định sẽ làm một cuộc thi tài để chọn người nào có đức tính quý nhất mà khó kiếm nhất làm chồng của E. Đức tính quý nhất và khó kiếm nhất là đức tính gì? Ai là người có đức tính ấy? Các chàng trai ngồi tùm bên các bếp lửa bàn bạc, không biết bao nhiêu là rượu và thịt tiêu ma. Lốp trẻ bây giờ không thể suy nghĩ bằng nước lã được, đã đành...

Một bữa kia có chàng trai dáng vẻ hùng dũng đến nói với trưởng bản và các bô lão :

- Dũng cảm là đức tính quý nhất và khó kiếm nhất. Tôi là người có đức tính ấy!

- Cứ chứng minh xem! Trưởng bản trả lời.

Chàng trai đi vào rừng. Đến chiều chàng vác về một con lợn lòi bị chàng bắn chết. Con lợn lòi đến hơn tạ thịt, lông cứng tua tủa như lông nhím, chết rồi mà hai con mắt đỏ lừ của nó vẫn ngầu sẫm máu. Chàng vứt con lợn xuống sàn, mắt chàng long lanh sáng, người chàng như có hào quang. Mọi người đều khen ngợi chàng.

Trưởng bản hỏi con gái :



- Con xem, chàng trai thực sự dũng cảm. Chàng ấy đã chứng minh đức tính dũng cảm của mình...

E mỉm cười, trái tim của nàng rung động khi nhìn thấy đôi mắt dũng cảm của người cầu hôn. Đôi mắt ấy như có ánh lửa. Nhưng vốn thông minh, E biết, những người dũng cảm sẽ mãi mê với sự nghiệp của mình.

E trả lời :

- Đúng thế, thưa cha! Chàng trai đã chứng minh được đức tính dũng cảm của mình... đức tính thật là đáng quý... Nhưng thưa cha, đức tính ấy đáng quý nhưng chắc không khó kiếm vì mới từ sáng đến chiều chàng đã chứng minh được nó...

Các cô lão gật gù. Người ta đồng ý với lời E nói. Con lợn được mổ thịt. Cả bản xòe suốt đêm để mừng đức tính dũng cảm, đức tính đáng quý nhưng không khó kiếm. Nhiều người con trai chân chính ở rừng có đức tính này...

Một lần khác, có một chàng trai trông thông minh sáng sủa đến nói với trưởng bản và các cô lão :

- Khôn ngoan là đức tính đáng quý và khó kiếm! Tôi là người có đức tính ấy!

- Cứ chứng minh xem! Các cô lão nói với chàng trai.

Chàng trai đi vào rừng. Đến chiều chàng mang về một đôi rái cá còn nguyên vẹn. Rái cá là con vật khôn ngoan nhất rừng, nó vô cùng tinh nhạy, bấy nó gần như là việc sức người không thể làm được. Chàng trai mỉm cười, mắt chàng long lanh sáng, người chàng như có hào quang. Mọi người đều khen ngợi chàng.

Trưởng bản nói với con gái :

- Con xem, chàng trai thực sự khôn ngoan. Chàng ấy đã chứng minh đức tính khôn ngoan của mình...

E mỉm cười, lại một lần nữa trái tim của nàng rung động. Đôi mắt người cầu hôn có ánh lửa, có giông bão. Nhưng, những người khôn ngoan bao giờ cũng sẽ đau khổ, thậm chí bất hạnh. Họ biết quá nhiều...

E trả lời :

- Thưa cha, chàng trai cũng đã chứng minh được đức tính đáng quý của mình. Nhưng thưa cha, đức tính ấy đáng quý nhưng



chắc cũng không khó kiếm vì mới từ sáng đến chiều, chàng lại chứng minh được nó...

Các cô lão gật gù. Người ta làm thịt đôi rái cá. Cả bản lại xòe suốt đêm để mừng đức tính đáng quý nhưng không có kiếm. Những người con trai chân chính ở rừng đều cần có đức tính này...

Một lần khác nữa, có một chàng trai béo phì cười ngửa đến bản. Chàng béo nói :

- Giàu có là đức tính đáng quý và khó kiếm nhất. Tôi là người giàu có.

Chàng béo đổ ra sàn không biết bao nhiêu là vàng và bạc trắng. Mọi người hoa mắt. Trưởng bản và các cô lão ngồi nín lặng. Chưa bao giờ họ thấy có người giàu có như thế.

- Giàu có là điều không phải chứng minh!... Chàng béo nói.

Các cô lão gật gù. Trưởng bản cũng gật gù. Chàng béo mỉm cười, mắt chàng có ánh lửa, có giông bão, có cả đêm tối nữa. Người chàng như có hào quang.

Trưởng bản hỏi E :

- Thế nào, con gái ta... Giàu có có phải là đức tính đáng quý và khó kiếm không con?

- Khó kiếm thì đúng - E trả lời - Nhưng giàu có không phải là đức tính. Giả dối thì đúng là một đức tính. Không thể giàu có mà không giả dối...

Các cô lão cười phá lên. Người ta lại xòe suốt đêm để mừng con người giàu có.

Cuối cùng có một chàng trai trong bản Hua Tát tìm đến gặp trưởng bản và các cô lão. Đây là Hắc, chàng trai mồ côi, một thợ săn xuất sắc nhất bản. Hắc nói với mọi người :

- Trung thực là đức tính đáng quý và khó kiếm nhất!

- Cứ chứng minh xem! Mọi người bảo chàng.

Hắc trả lời :

- Trung thực không phải là cái vòng bạc ở cổ đưa ra cho mọi người trông thấy, sờ tay vào nó.

Mọi người xôn xao, các cô lão bàn tán. Trưởng bản tức giận, mặt ông đỏ bừng như lửa :

- Phải chứng minh!

Trưởng bản hét lên, ông đã nhìn thấy đôi mắt triu mến của E nhìn Hặc.

- Ai tin mày? Ai bảo mày có đức tính trung thực? Trưởng bản hỏi.

- Then biết!

Hặc trả lời

- Cả con cũng biết! E nói nghiêm trang.

- Diên rõ!

Trưởng bản gầm lên. Ông nhìn sang các bô lão cầu cứu. Ông biết, người già bao giờ cũng tìm ra lối thoát đơn giản cho mọi rắc rối trên đời.

- Hãy cầu Then đi! Một vị bô lão bảo Hặc. Trời đang hạn hán, tất cả mớ nước đều đã cạn khô. Nếu con trung thực, con hãy cầu Then mưa xuống!

Trưa hôm sau, dân bản Hua Tát lập đàn cầu đảo, không khí oi nồng ngột ngạt. Hặc bước lên đàn, chàng ngược đôi mắt trang nghiêm nhìn trời. Chàng nói :

- Con sống trung thực, dầu biết trung thực bao giờ cũng chịu đau khổ thiệt thòi. Tuy nhiên, nếu lòng trung thực chuộc được tội lỗi và mang tình yêu đến được cho thế gian này, xin trời mưa xuống...

Trời cao tĩnh lặng. Bỗng nhiên từ đâu đó xa xôi có một cơn gió mơ hồ thổi về. Tất cả ngọn cây trên rừng xào xạc. Mặt đất bắt đầu xuất hiện những cơn lốc nhỏ.

Buổi chiều, bầu trời đầy mây vần vũ và khi đêm xuống thì mưa như trút.

Lần ấy, người ta đã xoè suốt một tuần trăng để mừng đám cưới của Hặc với con gái trưởng bản.

Đây là tiệc xoè vui nhất ở bản Hua Tát. Cả bản đều say khướt. Từng cái cột nhà, thậm chí đến từng cái cây trong vườn cũng được mời uống một sừng rượu đại.

## TRÁI TIM HỔ

Ngày ấy, ở Hua Tát có một cô gái tên Pù. Sắc đẹp của nàng khắp các mường không ai bì kịp, da trắng như trứng gà bóc tóc mượt và dài, môi như son đỏ. Chỉ khổ một nỗi là Pù bị liệt hai chân, suốt năm suốt tháng nằm một chỗ.

Hồi xảy ra chuyện này Pù mười sáu tuổi. Tuổi mười sáu là tuổi của mùa xuân, của tình yêu. Tình yêu có thể có nhiều nhưng mà mùa xuân thiếu nữ lại chỉ có một. Năm mười sáu tuổi là tháng đầu của mùa xuân, đến mười chín tuổi thì có khi đã sang mùa thu rồi.

Mùa xuân ở Hua Tát đầy ắp tiếng khèn bè. Tiếng khèn quần quýt chân sàn, chân quắn (sàn ở rể) nhà các cô gái. Cỏ dưới chân các cầu thang không mọc được. Ở đấy phẳng lì một lớp đất bạc.

Sàn nhà Pù không có những tiếng khèn bè. Không ai đi lấy cô gái liệt cả hai chân làm vợ. Đàn ông thương xót, đến cả trẻ con cũng thương xót Pù. Người ta cúng ma, tìm thuốc cho Pù. Vô hiệu, đôi chân của nàng vẫn không nhúc nhích.

Năm ấy, Hua Tát sống trong mùa đông khủng khiếp. Trời trở chứng, cây cối khô héo vì sương muối, nước đóng thành băng. Mùa đông ấy, trong rừng Hua Tát xuất hiện một con hổ dữ. Hổ rình rập suốt ngày đêm quanh bản. Bản hoang vắng hẳn, không ai dám ra nương ra rẫy. Buổi tối, chân các cầu thang được rập rào gai kỹ lưỡng, các cửa nhà đóng chặt. Sáng sáng, thấy vết chân hổ vòng quanh từng ngôi nhà một. Cả bản sống trong nơm nớp lo âu.

Người ta đồn con hổ có trái tim khác thường, trái tim nó chỉ bằng hòn sỏi và trong suốt. Trái tim ấy là bùa hộ mệnh, cũng là vị thuốc thần. Ai có trái tim ấy sẽ được may mắn, giàu sang suốt cả cuộc đời. Trái tim ấy nếu đem ngâm rượu sẽ chữa được mọi thứ bệnh hiểm nghèo. Liệt chân như Pù, uống thứ thuốc ấy cũng sẽ khỏi được.

Tin đồn như con chim cất truyền khắp thung lũng. Ở bếp lửa, sân quán, dưới suối, trên nương, đâu đâu người ta cũng nói về

trái tim hổ. Tin đồn bay xuống cả vùng đồng bằng của người Kinh, bay lên cả đỉnh núi cao của người H'mông. Tin đồn bao giờ cũng thế, qua miệng của những kẻ ngu dốt thì quái lạ thay, thường thú vị hơn qua những con người từng trải.

Có rất nhiều người đi săn con hổ. Có người Thái, người Kinh, người H'mông... Người thì muốn săn hổ để lấy trái tim làm bùa hộ mệnh, người thì muốn lấy trái tim hổ làm thuốc. Trách họ thế nào? Đời người ta, ai đã chẳng từng săn đuổi bao nhiêu phù du?

Trong đám thợ săn, đông nhất là đám con trai bản Hua Tát. Họ muốn lấy được trái tim hổ để về chữa bệnh cho Pùa.

Việc săn hổ kéo dài gần hết mùa đông. Nhưng, như có phép lạ, con hổ tinh khôn biết tránh những nơi người ta phục nó. Những người đi săn bị nó săn lại. Hơn mười người chết vì con hổ dữ. Tiếng khóc than lẫn với tiếng gió hú dài âm âm trong bản. Người ta nản chí dần, số người đi săn rụng nhanh như búa chín cây, cuối cùng chỉ còn một người. Người ấy là Khó.

Khó là trai bản Hua Tát. Chàng mồ côi cha mẹ, sống như con don con dim. Con don, con dim sống lủi thủi, đi con đường riêng, ăn uống thế nào không ai biết được. Khó chẳng bao giờ tham dự những cuộc tụ tập, hội hè ở bản. Phần vì Khó nghèo, phần vì thấy xấu trai. Chàng bị đậu mùa, mặt rỗ chằng chịt. Người Khó dị dạng : hai tay dài chấm đầu gối, đôi chân khẳng khiu lúc nào đi cũng như chạy. Con don, con dim có đi bao giờ?

Thấy Khó đi săn nhiều người ngạc nhiên. Người ta lại càng ngạc nhiên thấy Khó săn hổ không phải để lấy bùa phép may mắn cho chàng mà để lấy thuốc về chữa cho Pùa. Đêm đêm, họ thấy Khó đứng dưới chân sàn nhà Pùa chờ đợi như kẻ si tình, cũng giống như tên ăn trộm.

Người bản Hua Tát không biết Khó đi con đường nào tìm vết hổ. Đường của con don, con dim hổ cũng không biết. Con hổ thấy sự nguy hiểm. Nó thay đổi chỗ ở, thay đổi đường đi. Khó và con hổ săn nhau từng giờ...

Một đêm, người ta đang ngồi kể chuyện ở sàn nhà Pùa thì nghe thấy tiếng súng nổ. Tiếng súng kíp âm như tiếng sấm. Có tiếng hổ gầm dữ dội vang trong khe núi.

Hổ chết rồi! Đúng Khó bắn chết hổ rồi! Cả bản kinh hoàng xôn xao như rừng gặp bão. Người ta reo hò. Nhiều người vừa reo vừa trào nước mắt. Trai bản đốt đuốc lên rừng tìm Khó.

Gần sáng người ta mới tìm thấy Khó và xác con hổ đã chết. Cả hai lẫn xuống vực sâu dưới suối. Khó bị gãy lưng, mặt chàng đầy vết cào cào của hổ. Con hổ bị bắn toác đầu. Viên đạn bắn gần xé rách trán hổ xuyên vào tận óc.

Nhưng, điều kỳ lạ nhất là ngực con hổ đã bị rách đi, trái tim của nó không còn đấy nữa. Vết rách bằng dao còn mới, máu bết hai bên vết rách chảy ròng ròng, sủi thành bọt như bong bóng. Đã có kẻ nào đánh cắp trái tim con hổ!

Tất cả trai bản Hua Tát lặng im, cuối gằm mặt xuống. Họ hổ thẹn, căm giận, chua xót.

Hơn mười người chết trong mùa đông ấy vì con hổ dữ. Thêm hai người nữa chết dần sau câu chuyện đó. Hai người ấy là Pùa và Khó...

Người bản Hua Tát đã chôn con hổ ngay chỗ nó chết. Không ai nhắc lại huyền thoại về sự mâu nhiệm của trái tim hổ. Người ta đã quên nó đi như quên bao điều cay đắng xảy ra trên thế gian này. Điều ấy cũng cần.

Còn nhớ chuyện ấy, bây giờ có lẽ chỉ rất ít người.

## CHƯƠNG CHI

*Ngày xưa có anh Trương Chi  
người thì thậm xấu hát thì thậm hay  
(Truyện cổ)*

Trương Chi đứng ở đầu mũi thuyền. Chàng trật quần đái vọt xuống dòng sông. Phía xa kia là chân trời rực hồng rắng đỏ. Nhà nàng ở phía ấy. Sương xuống lạnh. Một nỗi buồn da diết choán ngợp lòng chàng. Chàng gác chèo và mặc kệ dòng sông cuốn con thuyền đi.

Chàng hát:

*Nỗi buồn của ta ơi*

*Như cục đá đè nặng tim ta*

*Nào ai thấu*

*Phía xa kia là quê nhà*

*Tuổi trẻ mờ sương*

*Những kỷ ức mờ sương*

*Những ước mơ đâu cả rồi?*

*Những mơ ước của ta*

*Ta đã mơ rất say đắm*

*Mơ hoa lá, những bài ca,*

*Những tiếng đàn,*

*Những nụ cười, những đồng lúa chín,*

*Những lâu đài rực rỡ,*

*Ta đã mơ thấy nàng*

*Trong suốt và đỏ chói*

*Những mơ ước đâu cả rồi?*



*Những mơ ước của ta  
Có ai về đó không?  
Về quê nhà ta  
Chào giúp một câu  
Cho bớt nỗi đau  
Chào giúp một câu  
Cho bớt nỗi sầu  
Những mơ ước đâu cả rồi?  
Những ước mơ say đắm khôn nguôi  
Nỗi buồn của ta ơi  
Như cục đá đè trĩu tim ta  
Ai thấu chăng tình ta?"*

Tiếng hát vút cao. Đêm xuống. Bóng tối mù mịt Trương Chi rùng mình vì sự vắng lặng xung quanh. Không ai đáp lại chàng. Sự vắng lặng kinh hoàng. Chỉ có tiếng giun dế, tiếng ếch ương, tiếng chó sủa. Trương Chi úp mặt vào hai lòng bàn tay chai sạn. Chàng khóc. Không có nước mắt. Chàng cắn vào ngón tay. Một đốt ngón tay đứt trong miệng chàng. Chàng nhả máu ngón tay xuống Bông. Trời tối, không thấy máu. Chàng thò ngón tay xuống dòng nước xiết. Dòng nước mơn man khiến chàng dễ chịu. Chàng duỗi thân, ngả người vào lòng thuyền. Chàng nói:

- Cút!

Nói xong chàng nhắm mắt lại. Bốn nghìn năm trước chàng đã mất ngủ thế này. Bốn nghìn năm trước chàng đã đau đớn thế này, chàng đã căm giận thế này.

Việc gặp My Nương xốc lại toàn bộ suy nghĩ của chàng. Trước kia, Trương Chi chỉ hình dung mơ hồ có những cuộc sống khác, lối sống khác. Chàng chỉ ngỡ ngợ rằng cuộc đời chàng tẻ nhạt, nhàm chán. Rằng thân phận chàng chẳng ra gì. Rằng con thuyền này, những vật dụng này chẳng ra gì. Rằng thân xác chàng xấu xí, chẳng ra gì. Cả ngay tiếng hát của chàng cũng thế, vô nghĩa, chẳng ra gì. Tuy nhiên, việc tự khép kín, thói lười nhác an phận, thêm một chút kinh bạc nữa và những cố gắng không mỗi để kiếm miếng ăn khiến chàng giữ được bên ngoài vẻ thường.

Không ai ngờ vực chàng. Không ai sợ hãi chàng. Chàng sống giữa bầy. Chàng cười nói. Chàng chịu đựng. Chàng mua bán. Chàng chấp nhận. Mọi ước lệ của thói đời lướt qua chàng không dấu vết. Chàng cũng lướt qua nó, những ước lệ của thói đời ấy không dấu vết. Giờ đây, gặp Mỹ Nương rồi, chàng hiểu chắc chắn rằng cuộc sống của chàng thật là dứt, là dứt chó, không sao nghĩ được. Không chỉ riêng chàng, mà cả bầy. Tất cả đều thói hoặc.

- Cút!

Trương Chi găm lên khe khẽ. Những bức bối còn cào lòng chàng.

Chàng hát:

*Đêm nay là đêm nao  
Này người tình ơi  
Rồi nàng cũng thành một bà lão  
lụ khụ, đáng kính và có đơn thôi!  
Bây giờ nàng cứ cười đi  
Ta đâu mêch lòng  
Nàng còn trẻ tuổi.  
Nàng hiểu làm sao  
Những khao khát nức cười của ta  
Ta vốc một nắm gió  
Ném vào khoảng không kia  
Nheo một bên mắt  
Tay đút túi  
Ta không khiến nàng bận tâm  
Gió đi đâu  
Đạt đến chân trời nào  
Nàng biết quái gì?  
Gió đi đâu?  
Đến bao giờ thành bão?  
Trên con thuyền này*

*Ta bắt quyết  
Luyện phép một mình  
Ai thấu lòng ta?  
Nàng cứ cười đi  
Và chớ có tin  
Nàng có tin ai đâu  
Thói của nàng là thế  
Nàng được giáo dục như thế từ bé tí  
Nàng chỉ tin ở bạo lực  
Ta biết thừa  
Ai thấu lòng ta  
Những khát khao của ta  
Những cuồng vọng của ta  
Những tín ngưỡng của ta  
Với con thuyền này  
Ta chèo qua số phận  
Ta chèo qua thời gian  
Ta chèo một mình...”*

Trương Chi không hát nữa. Chàng lại nói:

- Cút!

Nói xong chàng nhóm dậy. Chàng thấy đói.

Chàng phải kiếm ăn đã. Chàng lái thuyền vào bờ. Ở hai ven bờ, suốt từ thượng nguồn đến tận hạ nguồn, chàng đã đặt mỗi bên một nghìn cái dõ. Nhắc dõ lên là có cái ăn. Đây là cá, là cua, là ếch nhái. Trương Chi bắt cá ném vào lòng thuyền. Chàng dùng hai hòn đá nhen lửa nướng cá. Chàng ăn cá nhưng được vài miếng chàng lại nhớ đi.

Chàng lại nói:

- Cút!

Hình ảnh My Nương hiện ra. Trương Chi thở dài. Nàng ngả người trên nệm. Nàng lấy những ngón tay thon thả gỡ tóc. Nàng bảo chàng:

- Hát đi!

Viên quan trưởng bảo chàng:

- Hát ca ngợi công danh đi!

Trương Chi tức nghẹn họng. Chàng biết, hát về điều ấy thật là trò cứt. My Nương mỉm cười khuyến khích chàng. Chàng đã mềm lòng trước nụ cười ấy. Chàng khò khè trong cổ. Chưa bao giờ chàng hát một bài hát thô bỉ thế này. Bài hát chỉ oàn “ấy a” với lại “huầy dô”. Bài hát đông người.

My Nương bảo:

- Hay lắm!

Bọn hoạn quan đứng quanh cười ré lên:

- Hát như cứt!

My Nương tỏ vẻ thương xót:

- Hát về tình yêu đi!

Viên quan trưởng ngăn lại:

- Đừng! Nên hát về sự nhẫn nhục!

My Nương làm một cử chỉ khuyến khích. Trong cuộc đời bạc bẽo của chàng, Trương Chi chưa được ai khuyến khích bao giờ.

Chàng hát, mắt hướng về viên quan trưởng:

*“Sự nhẫn nhục bắt đầu từ đâu?”*

*Ngày xưa, ta tưởng nó bắt đầu từ bản tính ta*

*Từ đầu ngón chân, ngón tay ta,*

*Hóa ra không phải*

*Sự nhẫn nhục bắt đầu từ mày!”*

Viên quan trưởng ngăn lại:

- Đừng hát!

Trương Chi luống cuống. Chàng thấy khổ quá. Giữa sông nước có ai chỉ bảo chàng đâu? Sự nhẫn nhục, thói hãnh tiến, lòng tham, tính thiện...Tất cả như nhau hết, vụn vặt và vô nghĩa lý.

Chàng chỉ có một mình. Ngày cũng một mình. Đêm cũng một mình. Mưa nắng như nhau hết.

Bọn hoạn quan cười ré lên:

- Hát như cút!

My Nương cười, Trương Chi rất thích giọng nàng cười. Tiếng cười rung trong ngực chàng.

Viên quan trưởng bảo:

- Hát ca ngợi tiền bạc đi!

Bọn hoạn quan reo lên.

My Nương làm một cử chỉ mơn trớn. Chẳng có ai nhận ra cử chỉ ấy. Chỉ có riêng chàng biết. Trương Chi luống cuống, lại một bài hát toàn “áy a” với lại “huầy dô”. Có chỗ chàng lại bắt chước tiếng chó sủa, tiếng gà cục tác và tiếng dê kêu nữa. Bài hát đông người...

Bọn hoạn quan cười ré lên:

- Hát như cút!

Mị Nương cười rữ rươi. Chàng biết, sau tiếng cười độ lượng kia nàng sẽ mím môi lại. Nàng có tật thế.

Trương Chi rùng mình. Chàng thấy lo sợ cho chàng. Chàng biết rõ mình. Chàng có thể chịu được đói khổ, nhọc nhằn, thói nhẩn tâm, sự đểu cáng. Thậm chí cả sự hạ nhục của bọn người nông nổi và thiển cận nữa, không sao. Chàng chỉ sợ khi chính bản thân chàng lâm vào tình thế phải tự hạ nhục bản tính mình, thế là mất hết, không còn tiếng hát, không còn Trương Chi. Trương Chi ngó quanh. Bọn hoạn quan, những gã đồng cô, những tên hề lùn, bọn bói toán, tướng số, lang băm...xúm xít, ép chặt lấy chàng. Trương Chi sợ hãi. Chàng mong nhìn thấy một người đánh cá, chỉ đánh cá mơng thôi cũng được, chẳng cần đến loại người đánh cá kình. Chàng sẽ vững tâm.

My Nương giúp chàng. Nàng bảo:

- Hát về tình yêu đi!

Trương Chi nhắm mắt lại. Chàng thấy bỗng bênh như đứng trên thuyền. Đến lúc này, chàng biết chàng phải cất giọng tự hát cho mình, bởi không chàng sẽ mất hết, mất cả cuộc đời. Chỉ bằng tình yêu của chàng, tình yêu chân thực và nồng cháy của chàng

mới hòng cứu vớt được. Không phải My Nương, không chỉ là My Nương. Dù cho My Nương có là một con phượng hoàng kiêu hãnh hoặc một con nhện xấu xí cũng vậy. Với chàng lúc này tất cả đều như nhau. Tình yêu của chàng hướng về tuyệt đối Nàng là cái bấy của số phận chàng.

Chàng hát:

*“Tình yêu, bài ca mà Trương Chi hát  
Cất lên từ trái tim bị thương tổn  
Ngọn cờ nàng phất trên ta là tình yêu  
Và tiếng trống trận là nhịp tim ta  
Kẻ thù của ta  
Chúng sẽ bơi nhọ tên ta  
Còn ta  
Ta sẽ vung ra trước chúng  
Lưỡi mác của tình yêu  
Xuyên qua tim ta  
Và qua tim nàng  
Này người tình ơi  
Thực ra, nàng còn rộng tuếch và tử nhạ  
Tâm hồn nàng có những cơn rấn hoài nghi  
trơn tuột nằm phục  
Nàng gian lận trong bài bạc  
Nàng đánh giá điều thiện như cách nàng  
đánh giá đồ trang sức và tài sản  
Nàng ngờ vực ngọn gió  
Và gieo gặt nhờ kích thích thói xấu  
Môi thánh của nàng  
Là quyền lợi và danh dự hảo huyền  
Ta đâu cần một bữa cơm  
Đâu cần một manh áo*



*Cơm ta thiếu gì?  
áo ta cần chi?  
Ta ở trên đất đai của tổ tiên ta  
Và quãng lười trên dòng sông của tổ tiên ta  
Những khao khát của ta  
Hương về tuyệt đối...  
Ta là Trương Chi  
Ta ca ngợi tình yêu  
Nở từ hạt thiện  
Và bông hoa của tự nhiên  
Là sự chân thực lạnh buốt...”*

Tiếng hát Trương Chi cao vút. Xung quanh im bật. Những giọt nước mắt long lanh trên mắt My Nương. Nàng chưa từng được nghe ai hát thế này. Bọn hoạn quan, những gã đồng cô, những tên hề lùn, bọn bói toán, tướng số, lang băm... đứng dật cả ra. Trương Chi vẫn hát, đôi chân của chàng như bốc khỏi đất, chàng đang bay lên.

Chàng hát:  
*“Hãy ca hát tình yêu  
Hỡi những trái tim lạnh cảm  
Những trái tim sắt đá  
Bạo lực chỉ gây oán thù  
Nòi giống phải trả giá  
Ta là Trương Chi  
Ta hát cho tình yêu  
Vẻ đẹp tự nhiên  
Sự chân thực lạnh buốt...”*

Chàng hát:  
*“Ta là Trương Chi  
Ta hát cho tình yêu  
Đây là thanh danh ta*

*Và thanh danh nàng...”*

Chàng hát:

*“Ta là Trương Chi*

*Ta hát cho tình yêu*

*Tình yêu không xúc phạm được*

*Bởi nó kiêu hãnh và tinh tế...”*

Chàng hát:

*“Ta là Trương Chi*

*Ta hát cho tình yêu*

*Tình yêu cần hy sinh*

*Bởi nó không khoan nhượng...”*

Chàng hát:

*“Sự ngu ngốc hay khôn ngoan với tình yêu đều như nhau*

*Sự ràng buộc hay không ràng buộc cũng thế...”*

Chàng hát:

*Tình yêu không mất đi và không sinh ra*

*Tình yêu tuyệt đối...”*

Chàng hát:

*“Ta là Trương Chi*

*Bài ca ta cất lên từ trái tim bị thương tổn*

*Này người tình ơi*

*Xin đừng vì sự thương tổn trái tim ta mà*

*tổn thương trái tim nàng*

*Chúng ta đi qua cuộc đời bạc bẽo này, giả dối này*

*Nàng cứ sống đi rồi sẽ hiểu*

*Những chân trời nào nàng sẽ qua...*

*Và những gì làm trái tim ta đau*

*Ghi dấu trên thanh danh ta...*

*Và trên cả thanh danh nàng...*

*Có một thứ tình yêu bất tử...”*

Trương Chi im bật. Chàng cũng không biết chàng đã bay tới bến sông từ khi nào nữa. Hình ảnh My Nương biến mất đâu rồi, trước mặt chàng là sông nước trắng xóa một màu, trời mây trắng xóa một màu.

Trương Chi chèo thuyền ra giữa tim sông.

Chàng lại nói:

- Cút!

Chàng từ trên thuyền bước xuống xoáy nước giữa sông. ở trên trời, trên mặt đất, trên biển cả và các dòng sông đều có những hố đen bí mật. Những xoáy nước trên sông là những hố đen như thế.

\*  
\*      \*

Trong truyện cổ, người ta kể rằng khi hát xong câu hát cuối cùng:

*“Kiếp này đã dở dang nhau*

*Thì xin kiếp khác duyên sau lại lành “.*

Trương Chi đã nhảy xuống sông tự trầm. Hồn chàng nhập vào thân cây bạch đàn. Người ta lấy gỗ bạch đàn tiện thành bộ chén tiến vua. My Nương rót nước, nhìn thấy hình ảnh Trương Chi trong chén. Giọt nước mắt nàng lăn xuống, cái chén bạch đàn vỡ tan.

Tôi - người viết truyện ngắn này - căm ghét sâu sắc cái kết thúc truyền thống ấy. Quả thực, cái kết thúc ấy là tuyệt diệu và cảm động, trí tuệ dân gian đã nhọc lòng làm hết sức mình. Còn tôi, tôi có cách kết thúc khác. Đây là bí mật của riêng tôi. Tôi biết giây phút rồi đời Trương Chi cũng sẽ vắng tục. Nhưng đây không phải là lỗi ở chàng.

My Nương sống suốt đời sung sướng và hạnh phúc.

Điều ấy vừa tàn nhẫn, vừa phi lý.

Lẽ đời là thế.

## TRUYỆN TÌNH KỂ TRONG ĐÊM MƯA

Hồi ở Tây Bắc, tôi có quen một người Thái tên là Bạc Kỳ Sinh. Tôi quen Bạc Kỳ Sinh trong dịp tình cờ. Sự việc như sau:

Hôm ấy, tôi đi chợ Mường La. Chợ Mường La họp ngay bên đường phố núi. Chợ khá sầm uất, vàng giả thật lẫn lộn. Các cô gái Thái, gái Xá ngồi bán đào, mận, mắccoọc... hái ra từ trong núi. Những sạp vải hoa, phích nước, xoong nồi... buôn từ Trung Quốc sang bày bán la liệt. Những người đàn ông, đàn bà H'mông dắt ngựa, gửi những gửi sa nhân, đẳng sâm, ba kích... gửi cả những gửi nếp tan là thứ gạo nếp đặc sản có một không hai của họ, màu hồng hồng như nhuộm phẩm, rất thơm và dính.

Chợ Mường La họp từ sáng sớm, khi sương mù đang còn dày đặc, người đi chợ như đi trong mơ, cách một sai tay chẳng nhìn thấy gì. Sương mù ở rừng núi cao khác với sương mù ở vùng đồng bằng: nó dày đặc, nó như màn sữa loãng, mênh mông bí ẩn, không hoang tưởng, không làm hại ai, nó là khí núi tan ra rồi tụ lại; nó không phải hơi nước, hơi bụi và mưa nhỏ mà ta vẫn gọi là sương ở dưới đồng bằng.

Khoảng gần trưa, khi sương tan đây là khi chợ náo nhiệt nhất. Người H'mông xúm xít quanh nồi thắng cố, uống rượu, thổi khèn bè. Người Thái, người Xá cũng uống rượu, thổi khèn bè. Người La Hụ thổi khèn lá. Các cô gái Thái, gái Xá, gái Dao đứng tùm lại hát đối, hát gheo, hát giao duyên với các chàng trai. Có vài người nổi hứng bắn lên trời mấy loạt súng kíp, đám đông xung quanh chạy dạt ra như ong vỡ tổ.

Tôi đi chợ cũng chẳng định mua bán gì. Cũng có nhiều người đi chợ như tôi. Chợ miền núi là nơi gặp gỡ, giao tiếp, là lễ hội nhỏ, là nơi đi chơi, nơi người ta thoát ra khỏi nếp sống thường tẻ nhạt. Tôi đi dọc phố chợ, đi hết chợ rồi ngược trở lại. Ở giữa chợ có một ông già người Hoa đang ngồi xem bói. Trước mặt ông già có một cái đĩa đựng ba viên súc sắc. Người xem bói đặt tiền rồi cho ba viên súc sắc vào một quả bầu khô lắc mạnh, sau đó đổ ra đĩa gọi là "gieo quẻ". Ông già căn cứ vào tổng số điểm trên ba viên súc sắc để nói

về định mệnh của họ. Người ta xuýt xoa, trầm trồ, sợ hãi. Tất cả đều thành thực, tin tưởng. Có cái gì vừa như huyền bí, vừa như đe dọa, lại vừa như lòng gạt trắng trợn lơ lửng đầu đây ở trên đầu đám đông. Tôi thấy vui vui, thấy hồi hộp lạ lùng và cũng định xen vào để thử vận hạn. Ngay khi ấy có người níu lấy tay tôi. Tôi quay lại, thấy một gã người Thái mặc quần áo chàm, đội mũ nồi, khuôn mặt thật thà, nói tiếng Kinh rất sôi lắng đầu:

- Đừng có tin! Lừa dối đấy! Mời ông xem cái này!

Gã giơ ra trước mặt tôi một vật đen đen ám khói bếp, bản và hôi không tưởng tượng được, trông giống như một cái mề gà sấy khô:

- Đây là mật gấu 100%. Tôi bán được con gấu này ở trong Xốp Cộp. Nặng 137 cân. Tôi để cho ông giá rẻ...

Tôi cười lắc đầu. Tôi đã biết người ta làm giả mật gấu bằng mật lợn như thế nào. Tôi còn biết người ta đã dùng xilanh để rút mật gấu thật ra rồi bơm vào đây nước lã ra sao. Gã người Thái nài nỉ vài câu, cuối cùng tỏ ra thất vọng. Gã giơ hai tay lên trời, phàn nàn vài câu bằng tiếng Thái rồi bỏ đi. Tôi quay lại chỗ cũ, nhận ra chiếc đồng hồ đeo tay đã biến mất từ lúc nào. Tôi vừa tức giận vừa bực mình. Đấy là vì khi ấy tôi còn trẻ tuổi! Cảm giác bị kẻ khác lường gạt, bị lừa, bị hố, bị xỏ mũi chỉ vì mình cả tin thật thà khiến tôi mất cả bình tĩnh. Với một giáo viên quen, chiếc đồng hồ đeo tay khi ấy với tôi là một gia tài, một cửa quý, một sĩ diện, dù chiếc đồng hồ ấy luôn chạy sai giờ.

Tôi đi xuyên qua chợ, tìm gã bán mật gấu, tôi định sẽ cho hắn bài học đích đáng. Bỗng tôi thấy một cô gái Thái dắt một con ngựa tiến lại phía tôi.

Cô gái Thái trẻ trung, xinh đẹp, đôi mắt nông, hoang vắng và tinh khôn có phần dạn dĩ. Đi sau cô gái có hai ông già tay ôm hai con gà chọi.

Cô gái chào tôi:

- Hầy à...Thưa ông, em muốn nhờ ông giữ hộ con ngựa một lát được không?

Tôi lúng túng, không biết trả lời ra sao thì cô gái đã giúi cương ngựa vào trong tay tôi. Cô gái nói: ông đứng ở vệ đường này. Chỉ một lát thôi là em quay lại...

Cô gái cười, nụ cười rất nhiều hứa hẹn rồi chạy bỏ đi. Hai ông già đi theo cô gái ngồi thụp ngay xuống lòng đường rồi thả gà ra. Lập tức, hai con gà xông vào đánh nhau túi bụi. Đám đông bu lại thành một vòng tròn, lộn xộn, điên cuồng, phấn khích không tưởng tượng được.

Có tiếng la hét dẹp đường rồi một chiếc xe "com măng ca" đi tới. Trên xe có mấy cảnh sát chở một người tù bị khóa tay bằng còng số 8. Chiếc xe phải dừng lại vì bị đám chọi gà cản đường. Mấy cảnh sát vừa bước xuống xe thì đám đông ồn cả lên, bao vây quanh họ, bụi cát mù mịt tung trời. Một tổ ong vàng không biết ở đâu xuất hiện, vỡ tung ngay trên đầu đám đông. Người ta hò nhau chạy, ngã dúi ngã dụi vào nhau. Tôi chưa kịp định thần thì thấy cô gái Thái lúc này xuất hiện giằng lấy tay cương. Người tù trên xe nhảy ào lên lưng con ngựa. Tôi chỉ thoáng thấy anh ta để tóc dài, mặc bộ quần áo chàm xanh. Cô gái Thái nhảy lên theo và họ lập tức phi ngựa băng qua các mẹt hàng, sạp hàng chạy về phía đường rừng Tạ Bú, tả ngạn sông Đà.

Tôi bị bắt giam vào đồn canh sát. Người ta coi tôi là can phạm trong vụ cướp tù, cuối cùng không đủ chứng cứ quy tội nên chuyển tôi làm nhân chứng. Tôi phải ký tên vào một tờ khai chữ nghĩa hết sức rắc rối mập mờ. Tôi được biết người tù kia là một tên thổ phi, một kẻ sống ngoài vòng cương tỏa xã hội. Hắn tên là Bạc Kỳ Sinh.



Trường học miền núi nơi tôi ở nằm trên một quả đồi trọc gọi là đồi Thông mặc dầu trên ấy chẳng có một ngọn thông nào. Trên một vạt đất bằng phẳng người ta dựng lên ba dãy lớp học làm bằng gianh tre nửa lá có phần nào giống một trại nuôi bò. Khu nhà giáo viên gần kề ngay đó lợp ngói, vách trát "toocsi" nhưng khi mưa xuống dột còn nhiều hơn cả mái nhà lợp gianh. Vốn thích độc lập, tôi tự mình dựng một ngôi nhà nhỏ cách biệt hẳn ra, có hàng rào bao quanh cẩn thận. Ở riêng một chỗ, tôi có cái thú của kẻ tự do, nghĩa là tha hồ buông xuôi ở trong cảm giác cô đơn mà không để người khác nhòm thấy, không làm lụy ai cả. Ở ta, tự cô đơn là cách rẻ rúng nhất, vô hại nhất để tạo ra ảo giác về tự do,



một điều xét cho cùng cũng chẳng ra gì nhưng thiết yếu để rèn luyện nhân cách cho tuổi trẻ vốn lắm mê say và dễ sa ngã.

Mùa hè năm ấy, tôi phải ở lại trông nom, bảo vệ trường học. Mưa lũ kéo dài từ đầu tháng 7 đến giữa tháng 9 khiến nơi tôi ở không khác gì một ốc đảo. Số gạo dự trữ sắp hết. Tôi rất buồn rầu và thương thân mình. Tôi có thể ốm rồi chết ở nơi khỉ ho cò gáy này vô ích. Tôi đã thấy mộ những giáo viên vô danh chết như thế ở Mường Hum và Chiềng Cọ, cả ở trong bản Chi cuối đường 19 nữa. Suy đi tính lại, tôi quyết định vượt qua thung lũng Chiềng Sạ vào bản Pò Mật tìm người giúp đỡ. Tôi mặc áo mưa, mang theo khẩu súng săn đã han rỉ và bị hóc đạn bên mình, mang đi theo để cho oai chứ thực ra chẳng có tác dụng gì cả. Tôi tìm đường đi xuống thung lũng.

Loay hoay hết buổi, tôi không làm sao vượt qua được thung lũng ngập đầy nước. Tôi không dám liều mạng bởi tôi không thuộc địa hình địa vật ở đây, nếu bị nước cuốn vào một khe hẻm coi như toi mạng. Tuyệt vọng, tới gần tối tôi quay về nhà, ngạc nhiên thấy ở trong nhà mình có sáng ánh đèn.

Trong nhà tôi, ở giữa nhà có một đồng lửa mới được nhen lên. Một người đàn ông Thái đang ngồi thản nhiên nướng thịt gà rừng. Thấy tôi, y chẳng buồn nhìn mặt mà chỉ liếc xéo trông chừng khẩu súng săn của tôi với vẻ đề phòng.

- Ông là chủ nhà à? - Y hỏi tôi sau khi tôi đã treo súng lên tường.

Tôi chán nản gật đầu. Người đàn ông Thái nói:

- Chúng tôi sẽ ở đây ba ngày đợi lũ rút đi.

Tôi hơi ngạc nhiên vì y dùng chữ "chúng tôi".

Như vậy, chắc y không phải chỉ có một mình.

- Tôi không còn gì ăn cả. - Tôi thông báo trước với khách như vậy, không tỏ ý thiện cảm chút nào.

- Tôi biết rồi, - người đàn ông Thái gật đầu với tôi - trước khi ông về tôi đã lục lọi khắp trong nhà này. Cô Muôn đang đi lấy gạo.

Tôi hơi phật ý vì thái độ tự nhiên của khách.

Chừng như nhận ra, y mỉm cười giới thiệu:

- Tên tôi là Bạc Kỳ Sinh.

Tôi hơi giật mình. Bạc Kỳ Sinh nói:

- Tôi đi với cô gái. Cô ấy là Muôn.

Đúng lúc ấy, cô gái Thái mà tôi đã gặp trước đây ở chợ Mường La bước vào, vai đeo gùi, người ướt như chuột lột. Bạc Kỳ Sinh đứng dậy đỡ lấy gùi gạo. Tôi không hiểu họ moi đâu ra gùi gạo trắng tinh ở giữa trời mưa, ở giữa nơi mênh mông đầy nước ngập này.

Bạc Kỳ Sinh và cô gái nói chuyện với nhau bằng tiếng Thái. Cô gái nhìn tôi mỉm cười:

- Em nhận ra ông rồi! Ông đã giúp em giữ ngựa ở chợ Mường La.

Bạc Kỳ Sinh lấy gạo thổi cơm, còn cô gái lui vào buồng trong thay áo. Tôi nghe thấy tiếng lục lọi đồ đạc rồi cô gái thò đầu ra cửa hỏi tôi:

- Ông giáo! Ông cho em mượn cái áo của ông được không?

Tôi nhìn Bạc Kỳ Sinh và thấy y có vẻ tán thành nên nói:

- Được!

Tôi ở miền núi đã lâu, tôi biết đàn ông Thái nhiều người có máu ghen tuông ghê gớm! Anh có thể chết như bốn vì một nhát dao nếu như vô tình ghẹo cô gái có chồng đã "tăng cầu" tức là đã buộc ngược tóc lên đỉnh đầu. Ở Yên Châu vài năm trước đây đã có một vụ như thế: có một tay giáo viên người Kinh quê ở Hưng yên đã bị xẻo mất "của quý" bằng con dao quắm to bản dùng để chẻ lạt, gã "pháo thủ" không bao giờ còn ra trận được nữa, gã phải "hồi hưu" khi gã mới hai mươi tuổi. Tôi không muốn như thế, năm ấy tôi mới hai mươi một tuổi đầu, chưa biết tí ti gì về chuyện "phong hoa tuyết nguyệt".

Một lúc sau, cô gái ở trong buồng trong bước ra, mặc chiếc áo "phông" sắc sỡ của tôi và chiếc váy mới. Trông cô rất đẹp, vẻ đẹp vừa hoang vắng, vừa mê đắm lại vừa man rợ.

Chúng tôi ngồi ăn cơm và cùng trò chuyện với nhau. Bạc Kỳ Sinh ít nói, đôi mắt của y lạnh lẽo, căng thẳng như mắt điều hâu, thỉnh thoảng lại sáng rực lên như có tia chớp, tia lửa. Chỉ khi nào ánh mắt của y gặp ánh mắt của Muôn nó mới dịu đi đôi chút, nó mới có vẻ như ánh mắt người. Bạc Kỳ Sinh có nụ cười dè dặt, lúc nào cũng có vẻ như giấu cợt bản thân mình hay giấu cợt ai. Chúng

tôi ngồi nói chuyện về các sản vật ở vùng Tây Bắc, về phong tục người Thái, về việc người Kinh lên đây làm ăn sinh sống. Bạc Kỳ Sinh có vẻ không thích thú lắm với việc ngày càng có nhiều người Kinh lên Tây Bắc "đi xa hơn nữa", "khai hóa văn minh", "thấp lên ánh sáng văn hóa". Muôn thì khác, cô tỏ ý chê bai lối sống khép kín, quá gần tự nhiên, thậm chí có phần tăm tối của dân miền núi. Qua câu chuyện, tôi thấy hai người hiểu biết nhiều thứ, không hề ngờ ngẩn hoặc quá hẹp hòi như cách thức mà dân thành thị chúng ta vẫn hình dung về "người dân tộc".

Cơm nước xong, Bạc Kỳ Sinh dựa lưng vào vách, mắt đắm đắm nhìn vào đồng lửa bập bùng. Ngoài trời đêm mưa vẫn không ngớt. Bạc Kỳ Sinh hát ê a một bài hát bằng tiếng Thái, lời lẽ rất ấn tượng. Có nhiều đoạn, cô Muôn cùng hát với y. Tôi nghe loáng thoáng, cố gắng tìm cách sắp xếp lại lời của bài hát này:

*Pò mệ ơi! Bố mẹ ơi...*  
*Pò mệ sinh con từ hang núi.*  
*Nơi ấy có nhiều gió, lạnh lắm*  
*Đêm mưa, nhiều gió lạnh lắm*  
*Tiếng hổ gầm, tiếng chó sói hú*  
*Những con rắn con trăn tìm mồi*  
*Bọn cáo chồn hôi háms rình mò*  
*Con don, con dím nấp trong hang*  
*Con mình trần thân trụi run rẩy*  
*Gió lạnh lùa vào ngực con*  
*Con nhen lửa, gió làm tắt lửa*  
*Con sờ soạng trong bóng đêm*  
*Và nhặt được một vật mềm, ướt át*  
*Con sợ hãi, không biết vật gì*  
*Nó phập phồng trong tay con*  
*Ôi đau quá, đau nhói ở đây*  
*Cái vật mềm, ướt át ấy*  
*Là trái tim con rơi trên đất*  
*Mặt đất ấy nhiều gió, lạnh lắm*

*Pò mẹ ơi, ai thương con*

*Pò mẹ ơi, ai thương pò mẹ...*

Tiếng hát của Bạc Kỳ Sinh rất lạ, đơn giản như lời người nói. Tôi chưa thấy ai hát như thế bao giờ: người hát không lấy hơi, không rần sức, khi nhấn lời hoặc ngân nga thì điệu dàng không sao kể xiết; ngậm ngùi, tê tái mà không mủi lòng; tâm trạng cô đơn lạnh buốt lẫn lộn với những khao khát nồng nàn. Tiếng hát sóng sánh, đặc như những giọt mật ong. Mỗi từ là một giọt mật. Tôi nghe hát mà nước mắt cứ thế chảy ra ràn rụa, tự nhiên không kìm lại được.

Bài hát chấm dứt. Tất cả lặng đi. Tiếng mưa rơi và tiếng côn trùng bỗng nhiên ùa vào trong nhà riết róng nghe rõ mồn một. Không ai nói năng gì cả. Tiếng hát vẫn còn như lơ lửng bay trong không gian, vương vào mái nhà, kéo nhà, vương vào mái tóc, vương vào đôi môi, cháy xèo xèo trên ngọn lửa đỏ rực.

Bạc Kỳ Sinh hát xong, y cười một nụ cười nhột nhột thất thần, hình như bao nhiêu sinh lực của y đã trút hết vào cho bài hát. Một lúc sau như không chịu đựng nổi sự yên lặng, Muôn cũng ê a hát. Bài hát này cũng xót xa tê tái chẳng kém gì bài hát của Bạc Kỳ Sinh:

*Ing noọng ơi, ing noọng ơi*

*Nếu em xây nhà*

*Thì đó là ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng*

*Trong nhà có bếp lửa hồng*

*Trên bàn có cắm bông hoa đỏ và bông hoa trắng*

*Chăn đệm mới thơm tho*

*Bên cạnh em có anh*

*En muốn anh ở bên cạnh em*

*Đấy là ước mơ của em*

*Anh yêu ơi, bây giờ đi đâu rồi*

*Ma rừng bắt anh hay ngọn lửa nào gọi anh*

*Anh đi về hướng nào*

*Không có ai đợi anh ở đấy*

*Anh yêu ơi, về đây với em*

*Ta xây ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng*

*Anh yêu ơi, bây giờ đi đâu rồi*

*Người thương ơi, bây giờ đi đâu rồi*

Tôi lặng nghe Muôn hát, thấy giọt nước mắt lăn trên gò má của cô. Bạc Kỳ Sinh có vẻ xúc động. Y đưa tay ôm lấy bả vai cô gái kéo về phía mình. Khi Muôn hát xong, y nói một câu tiếng Thái rất nhanh, tôi không nghe rõ nhưng đoán là một lời chửi rủa hay một lời thề độc. Muôn trừng mắt nhìn y rồi ngồi xích ra có vẻ bất bình. Họ nói về một người nào đó có tên là Ngân.

Đêm về khuya, mưa càng ngày càng nặng hạt. Mưa thấm vào đất, vào vách nhà, vào lòng người... Chúng tôi ngồi yên như thế rất lâu. Lát sau Bạc Kỳ Sinh lên tiếng trước. Y phàn nàn về những điều kiện sinh sống khốn khổ ở nơi nào đó, chắc là ở quê hương y. Vùng Tây Bắc tôi đã đi nhiều, điều kiện sống của con người ở đây thật khắc nghiệt. Dân nhiều nơi chỉ đủ gạo ăn có ba tháng, còn chín tháng trong năm phải vào rừng đào củ mài. Săn bắt và hái lượm vẫn là những hình thức kiếm sống phổ biến của nhiều tộc người ở đây hết như một ngàn năm trước. Nạn du canh du cư và triệt phá rừng làm cho quang cảnh rừng núi ngày càng thêm tiêu điều. Tôi cố tình dò hỏi tông tích, gốc gác của Bạc Kỳ Sinh. Y trả lời dè dặt, y nói chung chung:

- Tôi là đứa con hoang của rừng.

Y nói câu đó thì thầm như lời thú tội, có phần nào chán chường nhưng vẫn ngấm ngấm một niềm kiêu hãnh đặc biệt. Tôi gọi lại chuyện xảy ra bữa trước ở chợ Mường La thì y mỉm cười:

- Rắc rối cho ông ghê lắm phải không?

Y ngượng ngịu xoa tay vào nhau rồi nói tiếp:

- Tôi đã mang ơn ông.

Sau đó y chỉ vào Muôn:

- Nhờ có con nhím này!

Mãi về sau, do nhiều người kể lại tôi mới biết rõ về câu chuyện xảy ra hôm ấy.

Đêm về khuya, tôi ngủ ở bên bếp lửa, nằm thao thức nghe tiếng mưa rơi. Trong giấc mơ, tôi cứ chấp. chờn về hình ảnh trái

tim mềm mại, ướt át, phập phồng rơi trên đất lạnh và ngôi nhà nhỏ có cửa sổ rộng. Những hình ảnh ấy phải chăng là nỗi ám ảnh thân phận tình yêu đôi lứa của hai người?



Bạc Kỳ Sinh là hậu duệ của dòng họ Bạc đất Mường Vài. Đây là một dòng họ quý tộc xa xưa, đồn rằng ông tổ là người Kinh đã từng làm chức thượng thư, bỏ lên Tây Bắc vì chán thời thế. Đây là vào khoảng thế kỷ XVIII, thời vua Lê, chúa Trịnh, một thời nhiều nhường trong lịch sử. ông tổ của Bạc Kỳ Sinh lấy vợ người Thái, lập trang trại, sống nhờ vào việc buôn bán thuốc phiện với người Lào và người Hoa. Đến đời Bạc Kỳ Sinh, thời thế thay đổi, chính quyền mới đang tồn tại cùng chúng ta đây thành lập. Một đồn biên phòng đóng ngay ở đất Mường Vài. Việc buôn bán thuốc phiện bị cấm. Những người lính biên phòng thường xuyên xuống bản, giúp dân làm ăn, dạy học cho trẻ và giữ gìn trật tự an ninh trong vùng. Đồn trưởng biên phòng là Lò Văn Ngân, người Thái ở Yên Châu, một thiếu úy mẫn cán và sắt đá. Số phận éo le, giữa Lò Văn Ngân và Bạc Kỳ Sinh có những mối quan hệ thật trớ trêu.

Một lần, vào dịp Tết cổ truyền, người ta tổ chức một cuộc đua ngựa cho thanh niên trong vùng. Chặng đua khá nguy hiểm, phải vượt qua nhiều suối và núi đá tai mèo. Có nhiều giải thưởng, giải nhất là một con ngựa tuyệt đẹp. Muôn là cô gái xinh đẹp nhất đất Mường Vài sẽ trao dây cương cho người thắng trận.

Mười bảy kỵ sĩ tham gia cuộc đua, trong đó có Lò Văn Ngân và Bạc Kỳ Sinh. Hai người ganh đua từng phân một và họ bỏ xa các kỵ sĩ khác. ở chặng cuối cùng, nguy hiểm nhất là phải băng qua vực đất sụt. Nghe nói dưới đó có mạch nước ngầm từ xa xưa, mạch nước ngầm này còn lớn hơn cả con sông Đà, nhiều chỗ mạch nước ngầm phun lên làm nơi đó biến thành bùn lầy vô cùng nguy hiểm. Lò Văn Ngân là kỵ sĩ giỏi. Con ngựa anh cưỡi là con ngựa giống sông Đông ở Nga. Hồi ấy loại ngựa này chỉ nhập vào Việt Nam có sáu con để phối giống, được nuôi ở trại ngựa Bá Vân, Thái Nguyên theo tiêu chuẩn đặc biệt, người ta tìm cách nhân nó lên để cung cấp cho lính biên phòng. Con ngựa này phi rất nhanh, nếu đường sá tốt có thể phi tới 300 cây số một giờ, bước nhảy của nó xa tới 4 mét. Nó cao gấp rưỡi con ngựa bình thường. Bạc Kỳ Sinh cưỡi



con ngựa của người miền núi Tây Bắc, chân thấp, tướng mạo xấu xí, trông giống một con la già, chạy không nhanh nhưng dai sức, khi leo núi thì không khác gì sơn dương. Loại ngựa này đặc biệt nhạy cảm với địa hình miền núi, nó ăn rất ít và chịu được khát.

Khi qua đèo, con ngựa sông Đông của Ngân chạy song song với con ngựa của Bạc Kỳ Sinh. Đường rất hẹp, hai con ngựa chen nhau khi vượt khúc quanh ở hẻm núi. Gió thổi mạnh, con ngựa sông Đông khỏe hơn nên hất con ngựa của Bạc Kỳ Sinh xuống khe núi. Bạc Kỳ Sinh thoát chết nhờ vào sự nhạy cảm thần kỳ của con tuấn mã. Con ngựa chụm bốn vó lăn tròn ở vạt dốc nghiêng, không hiểu làm sao móc được một chân vào thân cây dâu da. Sau này Bạc Kỳ Sinh kể lại: "Lúc đó mạng sống thật là "ngàn cân treo sợi tóc". Con ngựa hình như cũng biết điều đó, nó chỉ doãi cẳng chân ra là cả hai sẽ lao xuống vực sâu 300 mét. Gió thổi, đá cào làm nó lột xước hết cả da. Nó rên bần lên, mồ hôi túa ra đầm đìa. Mắt nó như muốn dò hỏi: "Tại sao? Tại sao lại chết vô lý thế này?" Thế là nó vùng vẫy sức lực của nó như được nhân lên gấp bội...

Loay hoay mãi, Bạc Kỳ Sinh mới gỡ được mình ra và dìu được con ngựa từ trên cây xuống. Bạc Kỳ Sinh bị thương khá nặng: xương đùi gãy, một chân bị treo khớp. Nhưng một kỵ sĩ miền núi thì chẳng bao giờ bỏ cuộc. Y vẫn tiếp tục cuộc đua. Để đến đích, nếu theo con đường cũ dễ dàng thì thất bại là chắc chắn: với hơn 20 cây số đường rừng như vậy thì người và ngựa sẽ kiệt sức vì mất máu. Bạc Kỳ Sinh quyết định vượt qua núi đá tai mèo để về thung lũng: đường ngắn hơn, chỉ có hơn hai cây số nhưng làm như thế nghĩa là "leo núi" chứ không phải còn là "đua ngựa" nữa. Được cái cuộc đua không hề quy định lộ trình bắt buộc. Từ xưa, dân miền núi đã quen chỉ xác định hướng đi chứ không xác định sẽ đi như thế nào, con người phải tự mò mẫm một mình và chỉ có linh cảm, trực giác mới giúp họ vượt qua tất cả.

Bạc Kỳ Sinh vượt qua vách núi tai mèo, nghĩa là cầm chắc cái chết trong tay, hy vọng sống trong một phần nghìn. Không hiểu làm thế nào mà Bạc Kỳ Sinh vượt qua được. Máu loang lổ bết đầy người và ngựa. Y đến đích không khác gì một con ma rừng.

Cuộc đua kết thúc. Không ai trao giải thưởng cho con ma rừng. Giải thưởng thuộc về Lò Văn Ngân và con ngựa giống sông Đông. Bạc Kỳ Sinh chỉ được sự tán thưởng ngầm của ít người dân miền núi lắm lì nhất, họ có cách đánh giá riêng của họ về các giá trị con người.

Bạc Kỳ Sinh dưỡng bệnh ở nhà ông Sùng là bố của Muôn. ông là thầy thuốc biết chữa bệnh bằng nhiều thứ lá cây rừng. Tình yêu của y với Muôn bắt đầu nảy nở trong những ngày đó. Nhưng Lò Văn Ngân, viên thiếu úy đồn trưởng biên phòng cũng rất yêu Muôn.

Bạc Kỳ Sinh khỏi bệnh vào cuối mùa thu. Lúc ấy rừng đang thay lá. Rặng cây sau nhà Muôn từ màu xanh chuyển sang màu đỏ như mận và màu đỏ của máu. Hoa đinh lăng là thứ hoa đơn ở rừng có màu vàng như là hoa tai vàng nở rất nhiều ở hàng rào đầy những dây tơ hồng cũng màu vàng như màu nhãn vàng. Bạc Kỳ Sinh ngồi bên cửa sổ. Muôn ngồi xe sợi ở ngoài chái nhà, cô ê a hát bài hát mà cô ưa thích:

*"Ing noọng ời, ing noọng ời*

*Nếu em xây nhà*

*Thì đó là ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng*

*Trong nhà có bếp lửa hồng"*

Ông Sùng hỏi Bạc Kỳ Sinh:

- Này Sinh, mày có nghĩ rằng dân miền núi sẽ có hạnh phúc hay không?

Bạc Kỳ Sinh cười:

- Khi còn mê muội...

Muôn hỏi:

- Vậy văn minh?

- Không tốt gì! - Một người đàn ông Thái vừa bước lên cầu thang vừa nói. Đây là Lò Văn Cường, em trai ông Sùng, chú ruột của Muôn. Ông ta gửi một gửi hàng nặng. Ông ta vẫn buôn thuốc phiện từ Tam giác vàng qua đường Thượng Lào sang Tây Bắc.

Đêm hôm đó, Lò Văn Cường ngủ ở nhà anh trai mình. ông bảo Bạc Kỳ Sinh:

- Cháu Sinh ạ, tao đã thấy mày đua ngựa với người của chính phủ. Theo tao đi! Mày là ma rừng phải đi đường hẻm. Mày muốn con Muôn thì hãy nghe tao! Mày hãy đi gửi hàng lên Hoàng Su Phì! Hãy nghĩ đến tự do và tiền bạc rồi sau hãy nghĩ đến đàn bà. Con Mnôn nó sẽ giết mày! Nửa tháng sau, Lò Văn Cường bị bắn chết.

Những người lính biên phòng do Lò Văn Ngân chỉ huy phục kích đã bắn chết ông ta khi mang thuốc phiện vượt qua biên giới. Lò Văn Ngân được thăng chức trmg úy. Ngân cưới con ngựa sông Đông đến chơi nhà Muôn. Anh tặng Muôn đôi vòng tay bạc. Muôn hỏi:

- Nếu giết được một người thì được tặng một chức à?

Ngân bảo:

- Điều ấy tùy vào người bị giết là ai.

Muôn nói:

- Ông ta là chú tôi.

Ngân bảo:

- Tôi không biết.

Khi Ngân đi xuống cầu thang thì con ngựa sông Đông của anh đã bị cắt mất gân chân đang nằm gục bên hàng rào. Ngân chạy lên cầu thang rút súng chĩa vào Bạc Kỳ Sinh:

- Mày giết ngựa! Mày có biết con ngựa ấy đáng giá bằng mấy mày không?

Bạc Kỳ Sinh nói:

- Cần thì tao cắt gân mày chứ không cắt gân con ngựa!

Bạc Kỳ Sinh bị bắt. Muôn than thở:

- Anh ta đang ốm.

Ngân nói:

- Con ngựa này mỗi ngày ăn hết 20 cân thóc, 6 lít sữa với hai cân đường. Cả nước bây giờ chỉ còn hai con như thế!

Bạc Kỳ Sinh bị giam chín tháng trong tù. ở trong tù, những người bạn của Lò Văn Cường chỉ cho y các mối hàng, cách đi rừng, cách chơi gái sao cho không bị mang bệnh, cách trốn lính biên phòng, cách phân biệt tiền giả thật, tiền bạc Thái Lan và tiền kíp Lào, rất nhiều thứ mà người ta không biết phân biệt đấy là những kiến thức về tự do hay sự từng trải phóng đảng.

Một tay ăn trộm người Dao tên là Triệu Phú Đại rủ Bạc Kỳ Sinh vượt ngục. Đêm hôm ấy trời mưa to, hai người rẽ mái tôn chuồn được ra ngoài luồn rừng chạy về phía rừng Thuận Châu trốn tránh.

Ít ngày sau Bạc Kỳ Sinh tìm đường về đến nhà Muôn. Triệu Phú Đại cần nắn:

- Chúng ta phải chuồn sang Thượng Lào ngay lập tức. Loanh quanh ở đây rồi chết có ngày.

Bạc Kỳ Sinh nói:

- Mà biết gì về tình yêu?

Triệu Phú Đại thở dài:

- Đây là thứ tình cảm không lương thiện.

Muôn chạy ra đón Bạc Kỳ Sinh, trên tay đeo đôi vòng bạc của Ngân tặng cô.

Bạc Kỳ Sinh hỏi:

- Cô yêu nó à?

Muôn nói:

- Không biết! Em chỉ thích bộ quân phục.

Bạc Kỳ Sinh và Triệu Phú Đại ở nhà Muôn ba ngày. Triệu Phú Đại bảo Bạc Kỳ Sinh:

- Mà lựa chọn đi. Hoặc đi Thượng Lào. Hoặc ở đây rúc váy con Muôn để đợi thằng Ngân đến bắt.

Năm giờ sáng, lính biên phòng bao vây nhà Muôn. Triệu Phú Đại và Bạc Kỳ Sinh nấp trong buồng kín. Triệu Phú Đại nói:

- Phen này chết là chắc. Tao không tiếc gì. Chỉ tiếc mà mới hai mươi lăm tuổi.

Bạc Kỳ Sinh nói:

- Khi thằng Ngân bước lên cầu thang tao sẽ dí dao vào cổ nó... Khi người ta đưa ngựa tới, mỗi thằng chạy về một phía...

Bạc Kỳ Sinh treo người ở trên chái nhà giống như con dơi. May cho y là 5 giờ sáng thì trời vùng núi còn tối như mực. Lúc ấy trời lại đổ mưa to. Hai người chạy thoát sang đất Thượng Lào.

Bạc Kỳ Sinh nói:

- Chắc cha con ông Sùng bị bắt mất.

Triệu Phú Đại cười:

- Có con Muôn thì chẳng sợ. Biết "mèo nào cắn mỉu nào"!

Bạc Kỳ Sinh buôn bán dọc ngang ở vùng Thượng Lào, nhiều khi sang cả Thái Lan. Y có tiền, có nhiều thứ nhưng trong lòng khôn nguôi nhớ Muôn và nhớ quê hương. Thỉnh thoảng y tìm đường liều lĩnh về thăm đất Mường Vài. Một lần về y bị bắt và xảy ra vụ trốn chạy ở chợ Mường La mà tôi chứng kiến.



Bạc Kỳ Sinh và Muôn trú ở nhà tôi sang ngày thứ hai thì họ cãi lộn với nhau. Cả hai đều mất bình tĩnh. Tôi không hiểu lắm vì họ nói bằng tiếng Thái rất nhanh, tôi chỉ lồm bồm biết một số từ. Tôi đoán hai người đã không đồng ý về cách giải thoát tình trạng hiện thời. Muôn nài nỉ điều gì đó nhưng Bạc Kỳ Sinh dứt khoát chối từ. Một lúc sau, Bạc Kỳ Sinh cũng nài nỉ điều gì đó nhưng Muôn không chịu. Cuối cùng Bạc Kỳ Sinh đứng lên tru một tiếng khủng khiếp như chó sói hú. Trông y rất đau đớn. Muôn ôm mặt chạy ra ngoài trời mưa. Lúc ấy trời đã khuya lắm. Bạc Kỳ Sinh chạy theo. Họ giằng co nhau một lúc lâu rồi Muôn chạy về phía rừng. Bạc Kỳ Sinh quay vào nhà, y nằm vật ra ở bên đông lửa.

Tôi ngồi lặng lẽ chứng kiến hai vị khách trọ. Tôi mơ hồ thấy một nỗi thương cảm xót xa. Tại sao lại phải dày vò mình, phải dày vò nhau như thế? Hồi ấy tôi còn trẻ tuổi, tôi chưa nếm trải vị ngọt cũng như vị đắng tình yêu. ôi tình yêu! Sau này tôi mới biết đây là thế nào! Bạn trẻ, bạn hãy yêu đi! Nó sẽ làm cho bạn hóa rõ hóa đại, nó sẽ làm cho bạn tốt lên hoặc xấu đi thì tôi cũng chẳng biết nữa nhưng tôi biết chắc chắn đó là một điều tuyệt vời nhất trên đời, đó là thứ giá trị nhất trong mọi thứ giá trị mà Thượng đế ban cho con người. Bạn trẻ! Bạn đừng tin những kẻ nói với bạn rằng tình yêu là sai lầm! Không có tình yêu sai lầm...Đấy là những kẻ ghen tị với tình yêu, những kẻ không có cơ hội để có tình yêu, vu khống, xúc xiểm tình yêu...

Suốt đêm hôm ấy chúng tôi không thấy Muôn trở lại. Bạc Kỳ Sinh ngồi bên bếp lửa như hóa đá. Tôi cố gọi chuyện y. Y thở dài:

- Cô ấy sẽ không trở lại... Đàn bà rất thích những ngôi nhà có cửa sổ rộng để chuồn ra ngoài...

Trầm ngâm một lúc, y nói tiếp:

- Về bản chất, đàn bà đứng về phía trật tự... Không có trật tự nào dung được tình yêu to lớn...

Tôi lấy củi chất thêm vào đống lửa. Mưa rất to. Hai chúng tôi ngồi bên đống lửa đến tận sáng bạch. Bạc Kỳ Sinh đã kể cho tôi nghe về tình yêu nồng cháy của y. Y nói về phụ nữ, về cuộc đời, về nhiều thứ khác. Y nói:

- Không ai mang lại cho tôi nhiều hạnh phúc và đau khổ như Muôn. Ông đã yêu bao giờ chưa? Tình yêu dạy cho ta bước đi của hổ, của báo, cho ta sức mạnh của mãnh thú. Nó dạy cho ta sự giáo hoạt của cáo, của rắn độc... Nó khiến ta nhân đạo hơn hoặc độc ác hơn... Những kẻ hèn hạ không có tình yêu.

Tôi dò hỏi Bạc Kỳ Sinh về Muôn. Y nói:

- Cô ta cũng giống như mọi người đàn bà khác. Tôi quá điên rồ, quá nguy hiểm đối với cô ta. Trước sau gì cô ta cũng sẽ trèo qua cửa sổ để về với một môi trường tầm thường hơn nhưng an toàn hơn. Cô ta chết chậm hơn tôi. Nhưng thôi, tất cả những điều tôi nói không có ích gì, sau này rồi ông sẽ hiểu...

Bạc Kỳ Sinh ở với tôi đến trưa hôm sau. Y dứt khoát trả tôi tiền trọ. Món tiền khá lớn, bằng tổng số tiền lương giáo viên của tôi trong nhiều tháng. Tôi và Bạc Kỳ Sinh chia tay nhau. Y nói rằng y sẽ đi Thái Lan ngay hôm ấy. Cả hai không nghĩ rằng rồi sẽ gặp nhau. Tôi cũng không ngờ hai mươi lăm năm sau, tôi đã gặp Bạc Kỳ Sinh trong một hoàn cảnh lạ lùng kỳ dị.

Ít năm sau, tôi có dịp quay lại Mường La. Tôi gặp Lò Văn Ngân, bấy giờ đã lên chức thiếu tá. Ngôi nhà của Ngân ở ngay cổng chợ Mường La, ngôi nhà thiết kế giống như những ngôi nhà khác ở thành phố, tầng dưới để bán hàng hay để cho thuê văn phòng, tầng trên để ở. Ngân và Muôn lấy nhau, họ có hai đứa con, cả hai đang học Đại học. Tôi gặp Ngân nhưng anh tiếp chuyện tôi dè dặt, thậm chí có phần lạnh lùng. Chúng tôi không nói gì về chuyện cũ.

Lựa dịp thuận tiện, tôi tìm cơ hội để gặp riêng Muôn. Muôn còn rất đẹp. Cô mặc quần áo sang trọng theo lối dân thành phố. Tôi gợi lại chuyện về Bạc Kỳ Sinh thì Muôn thất kinh, hốt hoảng nói:

- Bò hụ...! Ai nhá nhắc lại chuyện cầu nưa...

(Không biết! Anh chớ nhắc lại chuyện cũ nữa).



Tôi quay lại chợ Mường La. Cũng không khác xưa nhiều lắm: các cô gái Thái, gái Xá...ngồi bán đào, mận, mắccoọc...hái ra từ trong núi, những người đàn ông, đàn bà người H'mông gửi những gửi sa nhân, đấng sâm, ba kích, nếp tan...ở góc chợ vẫn có ông già người Hoa ngồi xem bói. Không có đám đông nào vây quanh ông già. Tôi đến gần ông già đặt tiền, gieo quẻ và hỏi về số phận của Bạc Kỳ Sinh. Ông già đọc cho tôi nghe một bài thơ chữ Hán:

*- Ngộ bất ngộ*

*Phùng bất phùng*

*Nguyệt trần hải để*

*Nhân tại mộng trung...*

Tôi thở dài quay đi ngẫm nghĩ. Tôi tự hỏi mình:

- Nay số phận! Những gì tạo nên số phận? Điều gì giá trị? Điều gì vô giá trị? Điều gì trên đời này có ý nghĩa nhất cho một con người?

\*  
\*      \*

Tôi đã gặp Bạc Kỳ Sinh tình cờ khi tôi đến Mỹ mấy năm trước đây. Hôm ấy ở New York, tôi đến một quán cà phê nơi vẫn tụ tập khá nhiều nhà thơ và nghệ sĩ. ở đây có một người Việt Nam chơi đàn ghita rất điệu nghệ. Người này hát những bài hát bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Khi nghe một bài hát tôi đã lặng đi không thể tin được. Đó chính là một phần bài hát tôi từng được nghe ngày nào:

*Pò mẹ ơi! Bố mẹ ơi...*

*Pò mẹ sinh con từ hang núi.*

*Nơi ấy có nhiều gió, lạnh lắm*

*Đêm mưa, nhiều gió lạnh lắm*

*Ôi tự do, tình yêu, quê hương*

*Những con đường chông gai, nhọc nhằn*

*Con mình trần thân trụi run rẩy*

*Và sờ soạng trong bóng đêm*

*Con nhặt được một vật mềm, ướt át*

*Con sợ hãi, không biết vật gì  
Nó phập phồng trong tay con  
Đau quá, đau nhói ở đây  
Con ngửa mặt lên trời và hỏi:  
Đâu tình yêu? Đâu tự do? Đâu quê hương..  
Pò mẹ ơi..  
Pò mẹ sinh con từ hang núi...*

Người đánh đàn ghita và hát là Bạc Kỳ Sinh. Tối hôm ấy, Bạc Kỳ Sinh đưa tôi về nhà. Đó là một ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng trên gác của một chung cư. Ngôi nhà khá đầy đủ tiện nghi. Bạc Kỳ Sinh thuê ngôi nhà này ở đây và sống độc thân. Sau lần gặp tôi, y sang Thượng Lào, sang Thái Lan rồi tới định cư ở Mỹ. Chúng tôi uống rượu suốt đêm. Bạc Kỳ Sinh hỏi tôi rất nhiều về vùng Tây Bắc Việt Nam. Tôi hỏi Bạc Kỳ Sinh xem có cơ hội trở về Việt Nam hay không. Y buồn bã lắc đầu, chỉ vào ngực mình:

- Tôi không biết. Tôi vẫn thường đau ở trong ngực này...

Y cười, vẫn nụ cười như điệu cợt ai hay giấu cợt mình.

Trên tường nhà Bạc Kỳ Sinh có treo ảnh Muôn. Nước ảnh đã cũ, đã ố vàng nhưng Muôn trông rất đẹp. Tôi không nỡ nói với Bạc Kỳ Sinh là ở Việt Nam, Muôn đang sống hạnh phúc. Bạc Kỳ Sinh ép tôi uống rượu mạnh. Cả tôi và y đều say khướt. Tôi hỏi y thế nào là tình yêu. Bạc Kỳ Sinh bảo:

- Tin tôi đi! Đây là một hung thần...

Đêm hôm ấy ở New York trời mưa rất to, mưa như ở vùng Tây Bắc Việt Nam, một thứ mưa nhiệt đới dai dẳng, tưởng như không dứt, tưởng như không thôi, tưởng như không bao giờ hết được...